



ĐOÀN VĂN TOẠI

Trại cải tạo của
Việt cộng
Le goulag vietnamien



phần 2

Trại cải tạo của Việt cộng

Đoàn Văn Toại



Paris * 04.2025

Bìa : *M. C. P*
Nguồn : *Thư viện Tiểu Lùn*

**Trại cải tạo của
Việt cộng**
(phần 2)

ĐOÀN VĂN TOẠI



**ÉDITIONS ROBERT LAFFONT
PARIS**

MỤC LỤC

11. Trại cải tạo Việt cộng	11
12. Không có con đường nào khác ngoài đảng	59
13. Những nhà tù của cách mạng	97
14. Anh có muốn gặp lại gia đình không ?	145
15. Món canh Lê Văn Duyệt	195
16. Cáo trạng	267

17. Phục hồi thông qua túi xách	329
18. Chiếu khán 60 lượng vàng	375
19. Cáo trạng của tù nhân yêu nước Việt Nam	437
20. Tuyên bố của người Việt Nam bị tước bỏ quyền về nhân quyền	461

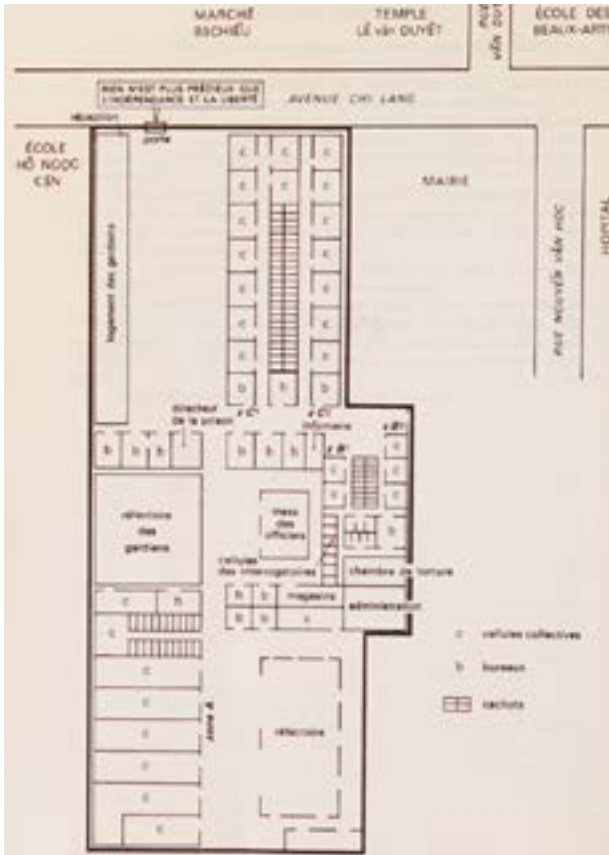
11

TRẠI CẢI TẠO VIỆT CỘNG

Phía trên cánh cửa mở vào bức tường trống, có một tấm biển màu đỏ trên đó có dòng chữ màu vàng : “Không gì quý hơn độc lập và tự do” (Câu nói của Hồ Chí Minh được nhắc đi nhắc lại không ngừng bằng mọi phương tiện tuyên truyền của chế độ mới : báo chí, đài phát thanh, loa phóng thanh, băng rôn, áp phích, v.v...). Tất cả các nhà

tù, tất cả các trại cải tạo của chế độ mới đều được đánh dấu bằng cùng một dấu hiệu đạo đức giả này, gợi nhớ đến khẩu hiệu ghê tởm được treo ở lối vào trại tập trung Auschwitz của Đức Quốc xã : Arbeit macht Frei (Lao động là tự do).

Cho đến năm 1975, hầu hết người dân Sài Gòn đều không biết đến nhà tù Lê Văn Duyệt, mặc dù nó đã được người Pháp xây dựng trước đó ba mươi năm. Điều này là do ngay cả ở đỉnh điểm của cuộc đàn áp dưới thời Thiệu, nơi này chỉ “giam giữ” 200 tù nhân, trong khi có tới 8.000 tù nhân tại Nhà tù Trung tâm Chí Hòa. Khi tôi vào tù ngày 6 tháng 9 năm 1975, bốn tháng sau chiến thắng của cộng sản, đã có gần 2.000 tù nhân ở Lê Văn Duyệt và 40.000 tù nhân ở Chí Hòa...



Sơ đồ trại tù Lê Văn Duyệt

Rất nhiều người thường lui tới quận Gia Định sôi động này (giống như Neuilly ở Sài Gòn) chưa bao giờ thắc mắc có gì đằng sau cánh cửa này, chỉ được canh gác

bởi hai người lính gác, giống như nhiều tòa nhà khác. Các mặt còn lại của khu vực bao quanh được gắn vào các tòa nhà lân cận. Nhà tù có chung một bức tường với Trường trung học phổ thông nam Hồ Ngọc Cẩn và một bức tường khác với Tòa thị chính Gia Định. Đối diện lối vào, trên đại lộ Chi Lăng, chợ được họp hàng ngày, bên cạnh một trường nữ sinh và lăng Lê Văn Duyệt.

Lăng này được dựng lên để vinh danh một vị tướng nổi tiếng đã lập công chống lại người Thái vào đầu thế kỷ 19. Lòng dũng cảm của ông đã trở thành huyền thoại ; Người ta nói rằng hổ đã bỏ chạy khi nhìn thấy ông... Ngôi đền tưởng nhớ ông ở Gia Định, trong những năm cuối của chế độ cũ, vẫn là nơi thờ cúng thực sự. Vợ của các sĩ quan đến đó để quỳ lạy nhằm cầu xin sự bảo vệ... và sự

thăng tiến cho chồng mình; đôi tân hôn đã đến thể trung thành với nhau dưới sự bảo trợ của người anh hùng (“Nếu em phản bội anh, Duyệt sẽ giết em”).

Phòng giam số 2, nơi tôi bước vào sau người bạn Hiền, người đàn ông có hàm răng vàng, nằm ở nơi hiện được gọi là “Khu A”, trước đây là toàn bộ nhà tù. Nơi đây bao gồm tám phòng giam tập thể, mỗi phòng giam có khoảng sáu mươi tù nhân và mười ngục tối riêng biệt. Khu “B” và “C”, do chế độ mới tạo ra, bao gồm một khu có 5 phòng giam tập thể và 20 ngục tối, khu còn lại có 16 phòng giam tập thể và 50 ngục tối. Những tòa nhà mới này được xây dựng trên sân nhà tù cũ. Kết quả là không còn tòa án nào nữa. Vậy là các tù nhân không còn phải đi bộ nữa. Trong suốt hai mươi hai tháng ở

trại giam Lê Văn Duyệt, tôi chỉ được hít thở không khí bên ngoài khi làm một vài công việc, trong khi nhiều tù nhân khác sẽ không bao giờ có được cơ hội như vậy.

Một tỷ lệ lớn những người bị giam giữ tại Lê Văn Duyệt là những cựu đảng viên cộng sản hoặc thành viên của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam đã tập hợp ủng hộ chính quyền Thiệu trong chiến dịch Chiêu Hồi (“mở rộng vòng tay”) được tổ chức sau thất bại của cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân năm 1968.

Đây là trường hợp của tù nhân trại giam tập thể số 2, Nguyễn Dịch Nhã. Mười năm trước, ông đã bị bắt trong một cuộc tấn công bất thành vào một tòa nhà của Mỹ ở Sài Gòn do một biệt kích Mặt trận thực hiện. Bị kết án tử hình, ông được ân xá và bị đưa đến trại

giam Côn Sơn, nơi cũng chẳng khá hơn là bao. Ông đã thoát khỏi nó bằng cách tham gia chế độ Sài Gòn. Sau khi được thả, ông kết hôn và mở một cửa hàng ở thủ đô. Sự phản bội này khiến ông trở thành một trong những người đầu tiên bị bắt sau ngày 30 tháng 4.

Nhã là một người đàn ông rất nhỏ bé, khoảng năm mươi tuổi, cau có với những người bạn tù, run rẩy trước mặt những người lính canh mà ông kể mọi chuyện.

Các viên chức nhà tù dễ dàng sử dụng những người như vậy để kiểm soát các phòng giam chung. Vì mang trong mình mặc cảm tội lỗi, những người “ủng hộ” chế độ cũ thường cố gắng chuộc lỗi bằng cách mách lẻo, điều này cuối cùng khiến họ bị các tù nhân sợ hãi và những tên lính canh sử dụng họ khinh thường.

Các tù nhân trong phòng giam tập thể được chia thành bốn đến sáu nhóm (tổ) gồm mười đến mười lăm người đàn ông, những người sẽ tự chọn “người đại diện” cho mình. Mỗi đại diện chịu trách nhiệm về hành vi và lời nói của các thành viên trong nhóm của mình, về việc chia sẻ thức ăn và đóng vai trò trung gian giữa họ và trưởng nhóm, người duy nhất về nguyên tắc có thể nói chuyện với lính canh.

Hệ thống này có mục đích và thường có tác dụng chia rẽ tù nhân bằng cách tạo ra sự đố kỵ, ganh đua và cãi vã giữa họ, qua đó củng cố quyền lực phân xử của tên chỉ điểm và thẩm quyền của lính canh. Người La Mã gọi đây là *divide et impera* (chia để trị). Nói một cách đơn giản hơn, chúng tôi gọi chính sách này là chính sách của «con chó được huấn

luyện để cắn những con chó khác».

Những ông chủ mới hoàn toàn có thể tránh được việc tạo ra một «mặt trận thống nhất» của các tù nhân trong các phòng giam tập thể, như thường thấy trong các nhà tù của Thiệu.

Tôi đã được kể về hàng chục trường hợp, dưới chế độ cũ, các tù nhân bị tập trung đằng sau những chiến binh cộng sản, gây khó khăn cho những người canh gác, khiến họ không còn dám một mình đi vào phòng giam nữa.

Một cựu tù nhân của trại giam Phú Quốc (một hòn đảo gần bờ biển Campuchia) đã kể với tôi rằng, trong phòng giam chung của anh, một điệp viên đã bị phân xác và treo lên trần nhà. Các lính canh phải xông vào tòa nhà, sử dụng khí gas để lấy thi thể. Cuộc điều tra

được tiến hành để tìm ra thủ phạm thực hiện vụ tấn công đã không mang lại kết quả gì sau sáu tháng, không một ai lên tiếng. Sự nổi loạn như vậy, sự đoàn kết như vậy chỉ đơn giản là không thể tưởng tượng được trong nhà tù của chế độ mới. Và không chỉ có nghệ thuật phân chia tù nhân. Đôi khi chúng tôi nói chuyện với nhau về điều đó. Tôi nói :

– Với tôi, dường như trước đây, ngay cả những lý do hèn nhất nhất cũng được tìm thấy để tự hào vì bị cầm tù. Bởi vì chế độ bù nhìn bị khinh miệt và Mặt trận Giải phóng miền Nam, Bắc Việt Nam, được lý tưởng hóa. Bây giờ chúng ta không còn gì để lý tưởng hóa nữa. Tuy nhiên, đồng thời, chúng ta cảm thấy hơi xấu hổ, chúng ta cố tìm kiếm xem mình có thể phạm tội gì, vì huyền thoại về cuộc cách mạng «trong sạch và gian khổ» đã

ăn sâu vào tâm trí chúng ta...

– Không chỉ vậy, ông già ở Phú Quốc nói. Có sự cô lập. Dưới thời Thiệu, tù nhân có thể giao tiếp với thế giới bên ngoài tốt nhất có thể. Họ biết rằng gia đình đang chăm sóc họ, rằng luật sư đang thực hiện các biện pháp. Họ biết rằng các dân biểu và báo chí đang chỉ trích chính phủ. Họ cảm thấy được Mặt trận và miền Bắc ủng hộ. Có hàng trăm nhà báo nước ngoài ở Sài Gòn đã đăng tải các bài viết về cuộc đàn áp. Thỉnh thoảng, các phái đoàn sẽ đến thăm các trại tị nạn và nhà tù. Ở Phú Quốc, tôi thấy đại diện của Hội Chữ thập đỏ quốc tế đi qua nhiều lần. Tất nhiên, chúng tôi đã cho họ thấy những gì chúng tôi muốn, chúng tôi đã ném bụi vào mắt họ, nhưng dù sao thì đó cũng là một sự bảo vệ và nó giúp nâng cao tinh thần của chúng tôi. Nên nhớ rằng chuồng cọp ở

Côn Sơn đã được phát hiện trong chuyến viếng thăm của một phái đoàn Hoa Kỳ, và điều này đã gây ra một vụ bê bối trên toàn thế giới. Thiệu và đồng bọn buộc phải hết sức thận trọng. Ngày nay, không còn các phái bộ quốc tế, không còn phóng viên nước ngoài ở Sài Gòn, không còn luật sư, không còn đại biểu đối lập, không còn các tờ báo độc lập nữa. Dư luận quần chúng hoàn toàn bị bịt miệng. Gia đình chúng tôi thậm chí còn không biết chúng tôi đang ở đâu, thậm chí là chúng tôi còn sống hay đã chết. Chúng ta có thể bị làm cho biến mất mà không ai biết... Vì vậy, ngay cả những người dũng cảm nhất cũng phải suy nghĩ kỹ trước khi mở miệng. Mỗi người phải tự lo cho mình, không thể đoàn kết được, vì chúng ta không thể trông chờ vào bất kỳ sự hỗ trợ bên ngoài nào.

Độ chính xác của phân tích này được minh họa một cách nghịch lý qua thái độ của một nhân vật đặc biệt có biệt danh là «Đại đôla». Anh ta là một tên gangster tệ hại nhất, một sát thủ đến từ Chợ Lớn. Ở tuổi hai mươi lăm, anh đã bị bắt mười lăm lần, và mười lăm lần anh đều thoát tội nhờ vào sự bảo vệ mạnh mẽ. Dưới chế độ cũ, hắn đã hối lộ lính canh và đối xử với họ một cách khinh thường, áp đặt luật pháp trong phòng giam của mình. Có lần, hắn còn bóp cổ một người bạn tù của mình ở trại giam Chí Hòa.

Ở Lê Văn Duyệt, dưới chế độ mới, tên tội phạm đáng gờm, chẳng quan tâm gì đến chính trị, đã trở nên hiền lành như một chú cừu. Tôi đã chiếm được lòng tin của hắn.

– Anh thấy đấy, một ngày nọ, anh ấy giải thích với tôi rằng, trước đây, tôi

chắc chắn mình sẽ không phải ngồi tù lâu. Có một số nhân vật quan trọng, tôi biết quá nhiều về những trò gian trá của họ... họ đã làm việc bên ngoài để cứu tôi ra, trả tiền cho luật sư, hối lộ bất cứ ai cần. Chúng tôi đã làm cho cuộc điều tra trở nên khó hiểu, không ai có thể hiểu được nữa. Tôi có sáu thẻ căn cước, mỗi thẻ đều thật hơn thẻ trước. Tệ nhất thì tôi cũng phải mua lính canh. Bây giờ không còn cuộc điều tra nào nữa, không còn phiên tòa nào nữa, không còn luật sư nào nữa, không còn ai có thể giúp tôi nữa. Thế là tôi sụp đổ. Họ sẽ không ngần ngại giết tôi nếu tôi mang nó trở lại như trước đây. Tháng trước, trước khi anh đến, tôi có một người bạn ở phòng giam khác, chúng tôi gọi hắn là Năm Heo. Một ngày nọ, hắn đánh tù chính trị, người đã tỏ ra khinh thường hắn. Một người cộng sản mà viên chỉ huy nhà tù đã quen biết

từ lâu. Vậy nên họ đã nhốt Năm Heo vào phòng giam biệt lập. Trong hai ngày, Năm Heo đã la hét phản đối cộng sản, chúng tôi có thể nghe thấy anh ấy từ đây. Ngày thứ ba, im lặng. Họ đã giết hẳn một cách lặng lẽ. Những người này không sợ rằng có người sẽ đến hỏi thăm tin tức, rằng một luật sư sẽ đến và nói về «luật pháp». Họ tạo ra luật theo cách mà họ thấy phù hợp. Vậy là tôi đã hiểu : Tôi im lặng.

Theo tôi hiểu, «Năm Heo» là một tên vô lại cùng thế giới với «Đại đô la», và sự biến mất của hẳn chắc chắn không phải là tổn thất đối với Việt Nam. Nhưng việc hành quyết lên một tên tội phạm, dựa trên một quyết định hành chính đơn giản, khiến chúng ta phải suy nghĩ về những gì sẽ xảy ra khi quyền lực không còn do bất kỳ ai kiểm soát ngoại trừ chính nó.

Ngoài những cựu Việt Cộng như Nhã và một số «tội phạm thường» như Đại, còn có một chút của mọi thứ trong phòng giam số này. 2 : cựu quan chức chính phủ, chính trị gia hạng ba, giai cấp tư sản giàu có đã cố gắng rời khỏi đất nước, và đặc biệt là một số lượng lớn «nghị phạm», trong đó, tôi nghĩ, tôi hẳn là một trong số đó.

Ở hạng mục cuối cùng này, có một chàng trai trẻ mà chúng ta sẽ gọi là Tín, và cậu ấy... mười bốn tuổi. Tên tội phạm sớm phát triển này đã tự mua vui bằng cách bán cung ngay trên phố vào bức chân dung của bác Hồ. Mặc dù cậu giải thích trong nước mắt rằng cậu có thể dễ dàng sử dụng ảnh của Thiệu làm mục tiêu, nhưng nếu cậu có một bức ảnh trong tay, thì bọn bộ đội đã bắt cậu đi. (Bà Nguyễn Thị Hải, 62 tuổi, bị bắt vì

dán ngược con tem có hình Chủ tịch Hồ Chí Minh lên một bức thư...) Ngoài ra còn có một diễn viên hài tên là Thanh Việt, rất nổi tiếng với người dân miền Nam Việt Nam. Trong một cảnh phim hài, anh ta đã nói với người bạn đời của mình, người được cho là bị một kẻ quyền rũ dê tiện lừa gạt :

– Đừng tin vào những gì anh ta nói, nhưng hãy nhìn vào những gì anh ta làm !

Đây gần như là khẩu hiệu duy nhất mà Nguyễn Văn Thiệu để lại cho hậu thế. Nói về những người cộng sản, cựu tổng thống Nam Việt Nam đã từng nói : «Đừng nghe những gì họ nói, hãy nhìn những gì họ làm» (N'écoutez pas ce qu'ils disent, regardez ce qu'ils font.).

Khán giả cười, nhưng một người đã lên án diễn viên hài và anh này đã bị bắt. Lý do : « Tuyên truyền những khẩu hiệu phản cách mạng lấy cảm hứng từ bù nhìn của Mỹ. »

Dưới sự giám sát của trại trưởng Nhã, bầu không khí trong phòng giam 2 trở nên căng thẳng và đau đớn. Nhã đứng ở một góc, dành thời gian quan sát hoạt động của mọi người. Các hoạt động có phạm vi hạn chế hơn. Từ lúc thức dậy lúc 6 giờ sáng đến giờ giới nghiêm lúc 10 giờ tối, chúng ta không thể đọc, viết, ngủ, nằm xuống hoặc trò chuyện theo nhóm. Khoảnh khắc «thư giãn» duy nhất là bữa ăn, khi đó mọi người có thể trò chuyện thoải mái hơn một chút. Vì vậy, mặc dù cơm đói không bao giờ dứt, chúng tôi vẫn cố nuốt thật chậm bát «cơm đỏ» khổn

khổ được phục vụ hai lần một ngày, vào lúc 11 giờ và 4 giờ chiều.

Tôi luôn ở bên cạnh Hiến, người đàn ông có hàm răng vàng, người mà tôi thường tâm sự rất lâu. Quyền lực tự nhiên của Hiến, áp đặt lên các tù nhân và thậm chí lên cả lính canh, làm Nhã bực mình. Nhưng Nhã không dám trực tiếp tấn công một cựu quan chức cộng sản, người mà Nhã không bao giờ biết được có thể được bảo vệ hay không. Vì vậy, Nhã sẵn sàng trút cơn giận dữ vào tôi. Tuy nhiên, theo lời khuyên của Hiến, tôi cố gắng hết sức để bỏ qua tiếng kêu của anh ta.

Sáng nay chúng tôi được phát quần áo tù nhân. Đây là lần đầu tiên sau bốn tháng tôi được thay quần áo. Từ khi bị bắt, tôi vẫn mặc cùng một chiếc áo sơ mi và đồ lót, chúng được giặt thường xuyên

nhất có thể và đều thành vãi vụn. Tôi cảm thấy một niềm vui thể xác khi mặc bộ đồng phục tù nhân mới này...

Những tên lính canh hồi hả đi lại và gọi nhau ở hành lang, mở và đóng cửa phòng giam để kiểm tra độ sạch sẽ của phòng giam và nhắc nhở mọi người về các quy tắc kỷ luật :

- Mọi người phải ngồi đúng chỗ và giữ im lặng. Không thể nhấm lẫn được.

Hiền nói với một nụ cười hài hước :

- Có vẻ như đang có sự kiểm tra trong không khí.

Một cơn sốt bao trùm các tù nhân, những hy vọng tiềm ẩn được đánh thức :

- Còn nếu đó là Hội Chữ thập đỏ quốc tế thì sao ?

– Khi họ đến, chúng ta sẽ phải nói với họ rằng chúng ta sắp chết đói !

– ... và chúng tôi không được phép viết thư cho gia đình.

– Chúng tôi không có luật sư !

– Chúng ta thậm chí còn không biết liệu mình có bị phán xét hay không.

– Nếu là Hội Chữ thập đỏ, tôi sẽ kể cho bạn mọi chuyện và thậm chí là tệ hơn nữa. Tôi không có gì để mất.

– Im lặng ! Nhã hét lên, hấn đang háo hức chờ đợi đoàn đại biểu tiến đến. Mọi người đứng lên!

Cánh cửa mở ra. Các thanh tra viên xuất hiện. Tất cả đều là người Việt Nam, than ôi! Không có gì để hy vọng.

Đứng đầu nhà tù là Từ Tuấn, người

mà chúng tôi chưa từng gặp trước đây, trên quân phục có bốn ngôi sao gạch chân hai lần, trong quân đội Bắc Việt Nam có hàm đại tá. Phía sau anh ta, một chỉ huy và bốn người đàn ông mặc thường phục.

– Chú ý !

Chúng tôi đứng im, tay ôm chặt lấy cơ thể. Nhã, với tư cách là một trại trưởng được đào tạo bài bản, tuyên bố :

– Phòng giam số 2, có mặt : 63 người.

Có điều gì đó kỳ quái và ghê tởm về trò nhại quân sự này. Tôi nhớ mình đã nghĩ như vậy vào đúng khoảnh khắc đó : đàn ông còn nhục nhã hơn cả những con khỉ bị nhốt trong lồng, không thể bị ép phải tỏ lòng tôn trọng với du khách. Họ thậm chí có thể cho mọi người thấy mông của mình.

Một trong những người mặc thường phục nhanh nhẹn bước tới. Hấn nhận ra Hiền :

- Anh đang ở trong tù à ?
- Trong ba tháng, Hiền trả lời một cách bình tĩnh.

Thanh tra viên của đảng tỏ ra rất buồn bã. Sau này tôi mới biết rằng hai người đàn ông này đã từng là đồng chí chiến đấu nhiều năm trước ở Hà Nội. Nhìn thấy Hiền một lần nữa bị giam cầm, người đàn ông không khỏi bộc lộ cảm xúc. Nhưng anh ấy đã lấy lại bình tĩnh. Anh ta cẩn thận không hỏi Hiền tại sao anh ta lại bị nhốt. Đảng biết mình đang làm gì. Tuy nhiên, cần phải có lòng nhân đạo tối thiểu :

- Anh có biết rằng cha anh đã chết không ?

– Tôi biết điều đó, Hiền nói, vẻ mặt vô cảm.

– Anh có muốn tôi viết thư cho mẹ anh không ?

Hiền nuốt nước bọt rồi nói rất khẽ :

– Bà ấy chắc chắn biết, nếu không thì tốt nhất là anh đừng nói gì với bà ấy cả.

Người điều hành – ủy viên thanh tra không muốn nán lại đây lâu.

– Tốt ! Anh ta nói, giả vờ hồ hững, nếu anh cần gì thì cứ cho tôi biết, được chứ !

Cánh cửa đóng lại. Mọi người trong phòng giam đều ngồi xuống trong im lặng. Có một vài tiếng thở dài thất vọng. Hiền nhìn vào bàn tay của mình.

– Hiền...

Anh ta ngẩng đầu lên, khuôn mặt nhẵn lại, lộ ra vẻ thỏa mãn cay đắng :

– Xem đây ! Hiền nói với tôi. Anh đã thấy một anh chàng can đảm thực sự muốn thành công và gặp một người bạn bị đảng từ bỏ. Không có sự tò mò không đáng có ! Không có sự can thiệp thỏa đáng nào ! Và đây là một trong những người dũng cảm nhất. Có một số người thậm chí còn không nhận ra cha ruột của mình, đặc biệt là cha ruột của họ ! – nếu họ tìm thấy ông ta trong tù.

Hiền im lặng hồi lâu. Một lát sau, anh ấy nói với tôi, tiếp tục suy ngẫm bằng lời tự phê bình :

– Nhưng tôi phải biết đó là gì chứ. Bản thân tôi trước đây đã thực hiện nhiệm vụ kiểm tra tại Nhà tù Hỏa Lò ở Hà Nội. Đúng là chỉ là vấn đề hành chính,

tôi không nhìn thấy tù nhân. Nhưng tôi không hề nghi ngờ về tội lỗi của những người bị nhốt ở đó. Một người cách mạng chân chính phải có niềm tin tuyệt đối vào tính đúng đắn của các quyết định của đảng, những quyết định đó là không thể sai lầm, phải không ?

Và tôi thấy hàm răng vàng sáng bóng. Hiền đã lấy lại được bình tĩnh, bằng sự mỉa mai của mình.

Từ sau cuộc thanh tra, Hiền càng có uy tín hơn với các tù nhân trong phòng giam... và Nhã càng ghét tôi hơn vì điều đó.

Mỗi buổi sáng, một vài tù nhân (mỗi giờ một người) có thể rời khỏi phòng giam để phơi quần áo đã giặt vào lúc bình

minh. Đây là một công việc thường ngày, vì đây là cơ hội duy nhất để hít thở một chút không khí trong lành sau mỗi mười hoặc mười lăm ngày. Một buổi sáng, đến lượt Hiền :

– Anh còn trẻ, anh cần phải vận động một chút...

Khi tôi trở về, Nhã tức giận gọi tôi :

– Toại, anh đã phạm phải một lỗi lầm nghiêm trọng.

– Lỗi gì ?

– Máy đã rời đi mà không có sự cho phép của trưởng nhóm.

Đột nhiên, tôi bùng nổ. Sự kiên nhẫn mà tôi dành cho con chó đã bắt nạt tôi những ngày qua sắp cạn kiệt rồi.

– Sự cho phép của ai ? Từ “xếp

phòng giam” ? Từ anh à ? Anh chỉ là một tù nhân giống như tôi, giống như những người khác, và anh đang làm phiền mọi người để khiến mình trông có vẻ tốt trước mặt các giám thị. Nhưng các giám thị lại khinh thường anh...

Nhã, bị châm chích dữ dội, đứng thẳng dậy :

– Bạn phản đối xếp phòng giam được cách mạng bổ nhiệm. Vậy là bạn phản đối cuộc cách mạng !

Tôi bật cười và nhiều người khác cũng cười theo. Kiểu ngụy biện này, theo phong cách được đảng ưa chuộng, thật nực cười trong hoàn cảnh mà chúng ta đang gặp phải.

– Cuộc cách mạng! Thật là một lời to tát đến từ một kẻ mách lẻo như ngươi !

Nhận thấy thái độ thù địch chung của các tù nhân hơi muộn, Nhã tránh đi xa hơn và dừng cuộc chiến. Anh ta không coi trọng lời xúc phạm đó, giả vờ mỉm cười trước sự việc :

– Vâng, vâng, đúng là tất cả chúng ta đều là tù nhân, tốt hơn hết là nên tránh những cuộc cãi vã ngớ ngẩn, vì chúng ta sẽ nói ra những điều ngớ ngẩn thôi.

Tôi ngờ rằng vì mất mặt nên Nhã đang lên kế hoạch trả thù. Nhưng điều đó có quan trọng gì ? Trong khi đó, Nhã không còn đủ thẩm quyền để bắt chúng ta im lặng nữa, và chúng tôi đang lợi dụng điều đó. Chúng tôi trò chuyện với nhau bằng giọng thì thầm trong nhiều giờ.

Trong nhóm nhỏ xung quanh Hiền – cựu đảng viên, các thành viên hoặc

người ủng hộ Mặt trận – một trong những chủ đề trò chuyện chính rõ ràng là câu chuyện về những cuộc phiêu lưu bất hạnh của chúng tôi hoặc của những tù nhân khác mà chúng tôi đã gặp.

Là người gốc miền Nam, Đại tá Nguyễn Văn Hiếu là sản phẩm thuần túy của chế độ Bắc Việt. Ông đến Hà Nội cùng gia đình khi mới mười tuổi. Cha ông là ủy viên trung ương Đảng. Bản thân ông đã nhận được nền giáo dục tốt nhất, nền giáo dục mà con cái của các chức sắc trong chế độ được hưởng, khi theo học tại Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, ở Praha, ở Mátxcơva. Sau đó, ông được giao nhiệm vụ quản lý một trong những nhà máy sản xuất vũ khí chính ở Bắc Việt Nam.

Năm 1968, trong cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân nổi tiếng, ông được giao nhiệm vụ chỉ huy một đơn vị tinh nhuệ có nhiệm vụ tấn công Sài Gòn. Sau hai tuần chiến đấu đẫm máu, mười sáu người đàn ông khỏe mạnh vẫn ở lại xung quanh anh, và anh đã suýt nữa thì mất mạng.

Bảy năm sau, vào tháng 4 năm 1975, ông thấy mình đang hành quân về Sài Gòn, dẫn đầu một trung đoàn. Không có một cuộc tấn công trên không nào, không có một cuộc giao tranh nào cả. Nhớ lại sự tàn bạo của người dân miền Nam Việt Nam ở Sài Gòn, Xuân Lộc, Quảng Trị, sự thiếu kháng cự này khiến ông lo lắng. Càng tiến xa, ông càng tin rằng đây là một cái bẫy, rằng cuộc tấn công này sẽ là nắm mồi của quân đội Bắc Việt, và lần này ông thậm chí sẽ không thể giữ được

mạng sống của mình.

Và anh ta quyết định bỏ cuộc.

Có thể bạn sẽ ngạc nhiên, nhưng tại sao khi ở trong tù, Đại tá Hiếu lại nói dối chúng ta ? Ông bỏ trốn và lánh nạn tại làng quê Bình Dương ở đồng bằng sông Cửu Long, nơi ông đã hoài niệm từ thời thơ ấu.

Chính tại đó, Đại tá Hiếu đã vô cùng kinh ngạc khi biết rằng các đồng chí của mình đã vào Sài Gòn, rằng chế độ ở miền Nam sụp đổ, rằng thắng lợi của những người cộng sản là hoàn toàn. Một chiến thắng mà ông đã luôn nỗ lực đạt được, một chiến thắng mà ông đã đánh cược cả mạng sống, và đột nhiên chiến thắng đó không còn là của ông nữa, vì đã nghi ngờ vào phút cuối, vào thời điểm không thích hợp.

Hiếu không có ý định trốn ra nước ngoài và không chờ bị bắt. Ông đầu hàng, sẵn sàng chịu hình phạt không thể tránh khỏi vì tội đào ngũ. Trong vòng một tháng, vì nghĩ đến quá khứ và tính cách của cha mình, anh được tại ngoại. Sau đó họ bắt anh ta.

Đây là cách tôi gặp Đại tá Hiếu trong phòng giam tại Nhà tù Trần Hưng Đạo, và ông đã kể cho tôi nghe câu chuyện của mình. Với những lời giải thích làm sáng tỏ thêm lý do tại sao ông lại quyết định đào ngũ.

Ông nói với tôi rằng :

– Từ lâu tôi đã cảm nhận được sự khinh miệt của những người cộng sản miền Bắc đối với người dân miền Nam Việt Nam, ngay cả khi họ là đảng viên. Từ năm 1963, tôi đã trực tiếp tham gia

vào cuộc chiến chống lại chính quyền bù nhìn ở Sài Gòn. Tôi là thành viên của đơn vị tham mưu đóng quân tại Campuchia, chịu trách nhiệm điều phối các hoạt động. Lúc đó, quân số Bắc Việt trong quân đội Mặt trận rất ít. Nhưng họ thực hiện chức năng của người hướng dẫn với thái độ giả tạo và kiêu ngạo khiến người miền Nam rất khó chịu. Đối với những người đàn ông đã rời bỏ làng mạc của họ để chiến đấu trong khu, các “lãnh chúa”

Người miền Bắc không ngần ngại nói: «Nhờ có đảng mà gia đình ông mới sống được». Người miền Nam, cảm thấy bị sỉ nhục bởi những lời khoác lác đó, đã nổi loạn : «Gia đình tôi sống được là nhờ công sức của họ».

Hiếu, bị giằng xé giữa nguồn gốc miền Nam và địa vị là một nhà quản lý đến từ Hà Nội, đã buồn bã theo dõi cuộc

đấu tranh giai cấp này, điều mà Marx không lường trước được, diễn ra.

«Đôi khi,» ông kể với tôi, « sự thù địch giữa người miền Nam và người miền Bắc đi xa đến mức giết người. Trong các đơn vị chiến đấu của FNL, chỉ huy miền Nam luôn được một cố vấn từ miền Bắc đi kèm, người có ý kiến không thể nghi ngờ, và là người mà các chiến binh kháng chiến thường ghét. Và đôi khi, trong một trận chiến, cố vấn bị đâm thủng da... và không phải do kẻ thù. Hãy đi và chứng minh rằng viên đạn đã được bắn từ phía sau ! Tôi thường được giao nhiệm vụ tiến hành điều tra. Tôi đã thẩm vấn những người đó. Cuối cùng, họ đã nói với tôi khá nhiều điều, bởi vì tôi đến từ miền Nam, bất chấp mọi thứ. Họ sẽ muốn các đơn vị FNL thực sự tự chủ, không có bộ điều khiển phía

bắc. Họ nói rằng họ không chiến đấu vì chủ nghĩa Mác-Lênin, mà vì nhân dân, chống lại sự thối nát của chủ nghĩa thực dân ở Sài Gòn. Họ ngưỡng mộ Hồ Chí Minh, chắc chắn rồi, nhưng họ mệt mỏi vì bị thuyết giáo. Bởi vì, xét cho cùng, họ là những người phải liều mạng, và khi nói đến việc phát triển đất nước, người dân miền Nam cũng giỏi như người dân miền Bắc. Thậm chí còn tốt hơn. »

Hiếu thở dài.

– Tôi có thể trả lời thế nào ? Tôi đã là đảng viên từ năm mười tám tuổi, được đảng đào tạo, bản chất trung thành. Và trong mọi trường hợp, lực lượng kháng chiến miền Nam có thể làm gì nếu không có sự hỗ trợ của miền Bắc chống lại các tướng lĩnh Sài Gòn và đặc biệt là vũ khí của Mỹ ? Cần phải chấp nhận sự giám hộ này để đạt được chiến thắng.

Nhưng qua tiếp xúc với đồng bào ở vùng khu phía Nam, Đại tá Hiếu dần dần tự đặt ra cho mình những câu hỏi mà cho đến lúc đó ông chưa từng nghĩ đến.

– Tôi tự hỏi, ông nói với tôi trong tù, làm sao người ta có thể biện minh vô thời hạn cho những hy sinh đau đớn mà người dân phải chịu để đổi lấy hạnh phúc tương lai. Trong khi đó, năm này qua năm khác, những hy sinh ngày càng tăng, trong khi quyền tự do của người dân ngày càng giảm sút. Sự can thiệp của những người theo chủ nghĩa đế quốc Mỹ giải thích được nhiều điều, nhưng không phải tất cả. Và chắc chắn không phải là sự thật rằng người dân ngày càng bị loại khỏi mọi sự tham gia vào quá trình ra quyết định.

– Ở miền Nam Việt Nam, dân chủ là một bức biếm họa. Nhưng ở miền Bắc, đó là một trò lừa bịp. Tất cả những gì còn lại là những từ ngữ: Nhân dân muốn... Nhân dân tuyên bố... Nhưng nhân dân không muốn gì cả, không tuyên bố gì cả, họ đau khổ. Nhân dân... Một nhóm người, không chịu sự kiểm soát nào, ra lệnh cho ông ta những gì ông ta nên muốn và những gì ông ta nên nói. Bầu cử là tự động. Những người không được chính quyền lựa chọn để trở thành nhà lãnh đạo sẽ bị loại bỏ trước.

– Và rồi... Đại tá Hiếu nói, hơi do dự một chút, bởi vì ông đang mạo hiểm bước vào vùng đất trơn trượt đối với mình, được đào tạo theo trường phái duy vật lịch sử... và rồi, với tôi, có vẻ như lý thuyết Marxist hoàn toàn không tính đến... đời sống tinh thần.

Im lặng. Hiếu lạc vào một chiều không gian khác. Tôi cảm thấy như anh ấy đang nghĩ đến tất cả những người đàn ông mà anh ấy đã thấy chết trong rất nhiều trận chiến, và những người đã không hy sinh mạng sống của họ vì những khái niệm trừu tượng của các nhà tư tưởng, nhưng lại hướng đến những quyền tự do rất cụ thể, trên một vùng đất mà họ đã chạm tay vào, và nhiều điều khác mà cả Marx, Lenin và Hồ Chí Minh đều không giải thích được. Cụm đại tá ra dấu trừ tà :

– Tuy nhiên,» ông nói đùa, «Bản thân Hồ Chí Minh đã thừa nhận rằng có một thế giới khác, một cuộc sống khác. Chẳng phải ông đã viết trong di chúc rằng ông sẽ gia nhập Marx và Lenin sao ?

Và Hiếu cười, tiếng cười the thé khó có thể che giấu được nỗi tuyệt vọng.

Mặc dù chế độ mới đã tăng số lượng phòng giam và ngục tối ở Lê Văn Duyệt, nhưng lại không quan tâm đến việc cải thiện nguồn cung cấp nước. Cùng một hành vi, trước đây đủ để thỏa mãn hai trăm tù nhân, ngày nay có thể thỏa mãn gấp mười lần số tù nhân đó. Hầu hết thời gian, vòi nước duy nhất trong phòng giam chỉ cung cấp một lượng nước nhỏ giọt. Nếu bạn muốn giặt quần áo, tốt nhất là bạn nên dậy lúc 4 giờ sáng. Giặt quần áo thực sự là một việc khó khăn. Việc dọn dẹp nhà vệ sinh duy nhất mà sáu mươi ba tù nhân cùng dùng chung là điều gần như không thể.

Chuyện gì phải xảy ra thì sẽ xảy ra trong nhà vệ sinh bị chặn. Và những nỗ lực nhỏ nhoi của chúng ta để sửa chữa nó chỉ khiến mọi thứ trở nên tồi tệ hơn.

Nước hòa lẫn với rác sẽ lan ra khắp phòng giam. Những người lính canh đã được cảnh báo, chú ý nhưng không làm gì cả. Chúng ta đang lội qua bùn đất như lợn, và bầu không khí trở nên không thể thở được. Chúng tôi quấy rối Nhã để phản đối, để phản kháng. Tình trạng này đã kéo dài sáu ngày rồi và tôi không thể chịu đựng được nữa. Tôi gọi tên thủ lĩnh hèn nhát của nhóm :

– Tại sao anh không dám nói gì cả ? Chúng tôi đã sống trong cảnh tồi tệ này gần một tuần nay rồi. Anh thích điều đó !

– Toại, tôi không có bài học nào để học từ anh cả. Từ khi bước vào phòng giam này, anh đã cố gắng gây rối và gây rắc rối cho tôi.

Bỏ mặc, tôi thốt lên:

– Tôi không quan tâm tới anh. Anh chỉ là một thằng khốn nạn thôi. Nhưng tôi và các bạn đã chán ngấy rồi. Nếu anh không trả lời, tôi sẽ yêu cầu nói chuyện với người quản lý.

Đến chiều, khi lính gác mang gạo đến, Nhã yêu cầu gặp cán bộ phụ trách khu A. Anh ta nhanh chóng được triệu tập. Nửa giờ sau, anh ấy quay lại. Theo sau anh ấy, hai cảnh sát với súng hai bên.

Trung úy Nguyễn Văn Kiều là một người đàn ông khá cao, gầy, ngoài ba mươi tuổi. Không giống như hầu hết các đồng nghiệp của mình, thường thích trang phục thường dân. Anh ta giả vờ không nhận thấy mùi hôi thối, thứ chắc chắn đã khiến anh ngạt thở khi bước qua ngưỡng cửa, và giả vờ không nhìn thấy thứ mình vừa bước vào.

Anh ta thông báo một cách khô khan về buổi phê bình dành cho phòng giam này.

Ngay lập tức, tên Nhã bắt đầu nói, theo một kịch bản đã được định sẵn rõ ràng.

– Là đại diện của phòng giam tập thể số 2, tôi phải thông báo với anh cán bộ Kiều rằng phòng này vốn cho đến gần đây vẫn hoàn toàn ổn định, nhưng mấy ngày nay đã xảy ra tình trạng mất trật tự. Đặc biệt, Đoàn Văn Toại không chấp hành lệnh của trưởng phòng, không tôn trọng nội quy trại giam.

Trung úy Kiều nhìn các tù nhân :

– Toại là ai?

Tôi đứng dậy :

– Là tôi đây.

Kiều ra hiệu bảo tôi ngồi xuống. Nhã tiếp tục lời cáo buộc của mình:

– Hôm nọ, Toai ra ngoài phơi quần áo mà không xin phép tôi. Và anh ta từ chối tuân theo quyền hạn của người đứng đầu nhóm. Sáng nay anh ấy gọi tôi là «đồ khốn nạn».

Một loại niềm hân hoan buồn bã lan tỏa khắp hàng ngũ tù nhân. Tôi giơ tay lên. Kiều nhường lời cho tôi.

– Tôi ra ngoài phơi quần áo thay cho một tù nhân khác, người đã nhường lượt phơi cho tôi. Tôi có vi phạm nội quy nhà tù không ? Nhưng tại sao tôi lại phải vào tù ? Vào thời điểm này, tôi không biết, tôi chưa bị xét xử hoặc kết án. Và đúng là tôi đã gọi anh Nhã là “thằng khốn nạn”.

Tôi nói điều này bởi vì trong một tuần qua, chúng tôi đã phải sống trong những điều kiện không thể chấp nhận được đối với con người, và người trưởng nhóm đã không làm tròn nhiệm vụ của mình. Và tôi xin nói lại lần nữa. Không ai có thể ép buộc tôi phải tôn trọng một người không đáng tôn trọng. Nếu coi thường một kẻ đê tiện là một lỗi lầm, tôi sẵn sàng chịu phạt.

Tôi mong đợi điều tồi tệ nhất. Nhưng Trung úy Kiều không muốn tham gia vào cuộc tranh luận về vấn đề tôi đang nêu lên : vấn đề về tội lỗi của những tù nhân bị giam giữ tại đây. Mặt khác, rõ ràng là anh ta không mấy coi trọng tên mách lẻo Nhã.

Cuối cùng, anh ta hơi vội vã muốn thoát khỏi căn phòng giam hôi thối của chúng tôi.

Sau khi khiển trách tôi, ông ta rút lui, theo sau là đội vệ sĩ.

Ngày hôm sau, tôi được chuyển đến phòng giam tập thể số 5, vẫn ở khu A, cách đó vài mét. Tôi đã thoát tội một cách nhẹ nhàng. Hiền, người bạn răng vàng của tôi, bắt tay tôi rất lâu :

– Anh đã làm đúng khi nổi loạn. Nhưng hãy cẩn thận: họ không thích điều đó. Họ tin rằng họ đúng và họ sẽ không bao giờ thừa nhận rằng còn có những sự thật khác. Hãy cố gắng sống sót để một ngày nào đó có thể lên tiếng. Với tôi, mọi chuyện đã kết thúc. Tôi không còn nhiệt tình nữa, tôi chỉ đang cố gắng giữ gìn phẩm giá của mình.

Tôi sẽ không bao giờ quên ánh mắt và sự lấp lánh của hàm răng vàng khi nói những lời cuối cùng này của người bạn

Hiền, người bạn tù bí ẩn nhất, cũng là người kín tiếng nhất. Một người bị chính đảng của mình lên án, nhưng lại từ chối lên án đảng vì lý tưởng của mình. Ông đã tin – có lẽ ông vẫn tin, trong sâu thẳm nhà tù Việt Nam, nơi ông đã chiến đấu, và nơi những người chiến thắng năm 1975 đã phản bội một cách đáng xấu hổ.

12

KHÔNG CÓ CON ĐƯỜNG NÀO KHÁC NGOÀI ĐẢNG

Những người đã từng đến thăm các nhà tù khác của chế độ mới đều nói rằng Lê Văn Duyệt là một «thiên đường»... Bên trong Lê Văn Duyệt, Khu A là «thoải mái» nhất. Và ở Khu A, phòng giam số 5 được coi là «đặc quyền»: không bao giờ bị khám xét và nhiều tù nhân có thể làm việc trong bếp nằm ngay đối diện.

Sự đối xử ưu đãi này là do tính cách

Không có con đường nào khác ngoài đảng

của tên cầm đầu nhóm, Huỳnh Cư, một người đàn ông cao lớn, giọng nói mạnh mẽ, ngoài năm mươi tuổi, người đối xử với những người lính canh trẻ như thể họ là lính của mình... Đúng là ông ta quen chỉ huy: ông ta là một sĩ quan trong quân đội Bắc Việt. Thất vọng với chế độ miền Bắc, ông gia nhập chính quyền miền Nam vào năm 1967 và đồng ý làm việc tại Bộ Thông tin. Không lâu đâu. Những cấp trên của ông không làm gì khác ngoài việc khiến ông khinh thường – đặc biệt là người đứng đầu bộ, Hoàng Đức Nhã. Người này, mới chỉ ngoài ba mươi tuổi, là cháu trai của Thiệu. Được đào tạo tại Hoa Kỳ, anh cố gắng trở thành người giống người Mỹ. «Nhưng,» Huỳnh Cư nói :

– Anh ta bất tài và không hiểu gì về những gì đang xảy ra trong nước. Những

điều duy nhất anh ta quan tâm là kiếm tiền và ngủ với phụ nữ. Càng nhiều tiền càng tốt và càng nhiều phụ nữ càng tốt.

Chán ghét chính trị, Huỳnh Cư từ chức và mở một quán ăn nhỏ ở Thị Nghè, ngoại ô Sài Gòn, nơi ông bị bắt vào những ngày đầu của chế độ mới.

Cứ tám hoặc mười ngày một lần, lính canh lại xông vào các phòng giam tập thể theo từng nhóm bốn hoặc năm người. Họ đưa tất cả tù nhân ra ngoài, chỉ mặc đồ lót. Sau đó, họ tỉ mỉ kiểm tra mọi ngóc ngách trong phòng giam, quần áo, bất cứ thứ gì có thể là nơi cất giấu một tờ giấy, một cây bút chì, tiền, lưỡi dao cạo. Họ chú ý đến những dòng chữ khắc trên tường và tìm kiếm tác giả...

Huỳnh Cư đã thuyết phục lính canh như thế nào rằng trong phòng chúng

tôi không có gì cả ? Cho đến tận ngày nay, tôi vẫn còn thắc mắc về điều đó. Sự thật vẫn là phòng giam số 5 chưa bao giờ bị khám xét. Tương tự như vậy, chính phòng giam này đã cung cấp gần như toàn bộ số tù nhân (khoảng ba mươi người) được phép làm việc trong bếp, một sự giúp đỡ mà rõ ràng là rất được mong đợi.

Thông thường, một người dân thành thị Việt Nam ăn khoảng 500 gam gạo mỗi ngày, một người nông dân ăn 700 gam. Trong những tháng đầu tiên của chế độ mới, khẩu phần chính thức được ấn định ở mức 21 kg mỗi tháng cho binh lính và công chức, 15 kg cho phần còn lại của dân số và 9 kg cho tù nhân, hoặc 300 gram mỗi ngày. Đến giữa năm 1976, khẩu phần ăn này giảm xuống còn 15, 9 và 6 kg, và tiếp tục giảm thêm trong

những năm tiếp theo.

Huỳnh Cư, người đứng đầu bếp phụ bếp tù nhân, kiêm luôn nhiệm vụ đổ đầy chậu rửa dành cho các phòng giam khác nhau, rõ ràng luôn có phần khắt khe hơn khi nói đến phòng giam số 5. Điều này có nghĩa là ông ấy rất được lòng chúng tôi. Đặc biệt là vì anh ấy không chấp nhận bất kỳ lời mách lẻo nào. Một ngày nọ, ông đã có một bài phát biểu ngắn rất rõ ràng về chủ đề này :

– Nếu có bất kỳ kẻ chỉ điểm nào ẩn náu trong phòng giam này, tôi muốn cảnh báo anh ta. Đầu tiên, anh ta đang lãng phí thời gian, anh ta sẽ không được thả sớm hơn một ngày như một lời cảm ơn. Sau đó nếu tôi phát hiện ra, tôi sẽ giết anh ta. Tôi không còn gì để mất, vì tôi đã «phản bội đảng», tôi biết rằng tôi sẽ bị kết án tù chung thân.

– Toại ! Hãy thức dậy để chúng ta có thể mở cửa !

Tôi ngủ trên sàn nhà, cạnh cửa phòng giam. Huỳnh Cư lắc tôi, chửi thề:

– Chết tiệt ! Họ đang đưa thêm tù nhân vào giữa đêm...

Tôi đứng dậy, choáng váng, nửa tỉnh nửa mê :

– Tù nhân mới... ở đâu ?

– Nghe xem. Tôi nghe thấy họ mở những phòng giam khác. Họ đang bố trí những tù nhân mới.

Một nhóm người đang tiến đến. Chúng tôi nghe thấy tiếng chìa khóa xoay trong ổ khóa ở số 4, phòng bên cạnh. Sau đó là cửa chúng tôi. Một người

bảo vệ tháo miếng vải bịt mắt màu đen của hai thanh niên và đẩy họ vào trong. Người giám sát cầm tờ giấy trên tay, nói với Huỳnh Cư :

– Hai người mới cho phòng của anh. Tổng cộng là bao nhiêu ?

Huỳnh Cư phản đối :

– Sẽ có 72 người đi cùng hai người này và hiện tại vẫn không đủ chỗ để ngủ. Những người làm việc trong bếp rất mệt mỏi và không thể nghỉ ngơi.

– Đừng phàn nàn, các anh được hưởng đặc quyền. Trong phòng giam số 4 có 81 người.

Và nhóm lại tiếp tục rời đi. Chúng tôi có thời gian để xem xét hàng chục tù nhân vẫn còn bị bịt mắt. Tất cả đều rất trẻ, nhiều nhất là hai mươi tuổi, giống

như hai người trợ mới của chúng tôi, chớp mắt với vẻ mặt sợ hãi. Huỳnh Cư hỏi họ bằng giọng chế giễu :

– Các con từ đâu tới vậy ? Tôi cá là có thêm những trò đùa “Phục Quốc” nữa ?

Hai người trẻ cúi đầu không trả lời.

Trong một thời gian, hầu như không có ngày nào trôi qua mà không có sự xuất hiện của những thanh thiếu niên thuộc phong trào “Phục Quốc” (“Phục hồi đất nước”). Phong trào kháng chiến mới này, chủ yếu tuyển dụng thanh thiếu niên, khiến những cựu chiến binh của FNL và đảng phải bật cười. Các thành viên của nó thực ra có... một tấm thẻ, có chữ ký của một người tên là Nguyễn Hoàng, chứng nhận rằng họ là thành viên của “Phục Quốc” ! Cũng giống như bạn có một chứng chỉ phản đối chế độ

mới... Chỉ những người rất trẻ mới có thể biểu lộ sự ngây thơ như vậy.

Huỳnh Cư cũng tin chắc rằng đây là cái bẫy mà những người cộng sản giăng ra để bắt những người trẻ chống đối hệ tư tưởng mới.

Hai người mới này quả thực thuộc về “Phục Quốc”. Người thứ nhất là Châu Văn Hà, mười tám tuổi. Người còn lại, Lê Văn Sang, có mười sáu.

– Nào, Huỳnh Cư nói, đưa cho họ quần áo tù, hãy mặc vào và cố tìm chỗ ngủ đi.

Vào giờ ăn, những người cộng sản cũ hoặc những người ủng hộ thường tụ tập quanh Huỳnh Cư. Đã đến lúc cần có những tâm sự mà chúng ta không thể

chia sẻ với bất kỳ ai.

Nguyễn Thanh Hải là trung úy được phân công vào “Trung tâm R”, mật danh của bộ tham mưu Mặt trận Giải phóng miền Nam Việt Nam, nơi ông phụ trách nhiệm vụ hậu cần. Một ngày nọ, ông bị xe đẩy tông ngã và được điều trị kém, khiến ông liên tục phải chịu đựng cơn đau cột sống không thể chịu đựng được.

Một ngày nọ, một chỉ huy Bắc Việt Nam nghe thấy ông than phiền, kêu tên Đức Phật, tương đương với câu tiếng Anh: “Trời ơi, con đau quá !”

-

Là một người cộng sản, làm sao bạn có thể cầu nguyện với Đức Phật ? Đó là lời trách móc chứ không phải trò đùa (giới quản lý miền Bắc không mấy khi có

khiếu hài hước). Trước sự quan sát ngu ngốc đó, Trung úy Hải nổi giận và trả lời :

– Tôi đã cống hiến cả cuộc đời mình cho Đảng. Cha tôi đã hy sinh khi chiến đấu. Vợ và các con tôi đã chết trong cuộc ném bom của Mỹ. Tôi đau khổ như một kẻ khốn khổ. Bạn biết hết những điều này mà còn dám trách tôi vì một tiếng rên sao ?

Người chỉ huy nhìn xuống anh ta. Cuộc trò chuyện trở nên tồi tệ. Hải, vì quá tức giận, đã lao vào đánh cắp trên của mình. Tất nhiên là chúng tôi phải ngăn chặn anh ta. Quá khú và sức khỏe kém của ông không giúp ông được hưởng bất kỳ sự khoan hồng nào sau chiến thắng. Ông là một trong những phạm nhân mới đầu tiên ở nhà tù Lê Văn Duyệt.

– Khi tôi đến, tôi đọc trên bảng số tù nhân của chính quyền bù nhìn được thả ra vài ngày trước trong các phòng giam tập thể, có khoảng 20 đến 22 người, không hơn... Chúng tôi có 36 người ngay từ đầu. Và chúng tôi đã có gấp đôi số đó...

Khi sức khỏe của ông xấu đi, cuối cùng ông Hải cũng được thả vào năm 1977. Ông qua đời hai tháng sau đó.

Nguyễn Văn Tăng, biệt danh là Hai Tăng ở khu, cũng đã được chuyển thẳng từ nhà tù Mặt trận đến phòng giam tập thể của Lê Văn Duyệt.

Tăng lúc đó sáu mươi ba tuổi. Ông đã là đảng viên đảng cộng sản trong ba mươi năm và đã trải qua mười năm trong tù dưới thời Pháp thuộc.

Năm 1972, ông đứng đầu chính

quyền vùng du kích Bình Chánh, cách Sài Gòn khoảng hai mươi cây số về phía nam. Ở mỗi quận, FNL đều có chính quyền song song với chính quyền Sài Gòn.

Một trong những cấp phó của Tăng đang chơi trò hai mặt với những người đại diện của Thiệu. Hắn đã bị giết trong một cuộc chiến. Mặt trận đã thu hồi được các tài liệu từ thi thể ông, trong đó một chính ủy đầu tiên nghi ngờ Tăng có quan hệ với “bọn bù nhìn”, sau đó tự mình tổ chức vụ giết người để khiến đồng phạm biến mất.

Điều này là quá đủ đối với Tăng, bất chấp những lời phủ nhận gây sốc của ông, để thấy mình đang ở trong một nhà tù khu.

– Thật kinh khủng, ông nói, đến nỗi

tôi gần như cảm thấy thoải mái khi ở đây, khi so sánh... “Nhà tù” là một chiến hào sâu từ một mét rưỡi đến hai mét, được phủ bằng cành cây. Nó này chưa bao giờ được hoàn thiện hơn thế vì, tùy thuộc vào diễn biến của cuộc chiến hoặc các cuộc ném bom, chúng tôi thường bị di chuyển. Các tù nhân của Mặt trận được trộn lẫn với những người của chính quyền bù nhìn, những người lính bị bắt trong cuộc chiến hoặc các quan chức bị bắt cóc, cũng như những người dân làng bị tình nghi thông tin cho kẻ thù. Chúng tôi bị đối xử như họ. Đối với một chiến binh già như tôi, điều đó đã rất nhọc nhằn rồi.

– Trước mỗi lần di chuyển đều có một vài lần thực hiện để làm nhẹ nhà tù. Những người có vẻ đã nói hết mọi thông tin có thể thu thập được hoặc những

người đã hết cách, đều bị loại. Có những cuộc thẩm vấn, nhưng không bao giờ có phiên tòa. Đơn giản là một số tù nhân đã bị đưa đi. Người bị kết án tử hình được cho một bát cơm để ăn, trong khi những người khác phải đào mộ cho người đó. Người đàn ông bất hạnh đói đến nỗi ăn nhiều cơm hơn, mặc dù ông biết điều gì đang chờ đợi mình. Nó được thực hiện trước mặt nhiều người khác.

– Chúng tôi không bao giờ ăn gạo. Chúng tôi trồng lúa vào ban ngày, dưới sự giám sát của lính canh có vũ trang. Thức ăn của chúng tôi chỉ là một ít sắn với muối. Thịt, rõ ràng là không bao giờ. Điều tốt là thỉnh thoảng bắt những con ếch nhỏ và ăn chúng. Chúng tôi đói đến mức ăn cả rễ cây và vỏ cây.

– Kỷ luật rất nghiêm ngặt. Một cuộc tranh cãi giữa các tù nhân, một cuộc

biểu tình có thể dẫn đến cái chết. Bọn lính canh nổ súng mà không báo trước.

– Ban đêm, trong “phòng giam” nửa chìm nửa nổi, tất cả tù nhân đều bị trói chân vào thanh sắt cho đến sáng. Không có chuyện đứng dậy được. Nếu không thể nhìn được, bạn phải đi vệ sinh ở đó như loài vật vậy. Và trong tù, bên cạnh đàn ông, còn có một số phụ nữ, cũng bị đối xử theo cách tương tự...

Sau khi Sài Gòn sụp đổ, trong các tài liệu của chính quyền Thiệu hoặc cảnh sát, chúng ta tìm thấy bằng chứng cho thấy cựu cấp phó của Tăng đã thông đồng với chế độ cũ. Nhưng điều đó không chứng minh được rằng Tăng không biết gì cả. Điều này đủ để giữ anh ta trong tù: không thể thả một người đã từng bị tình nghi, ngay cả khi mọi thứ có vẻ minh oan cho anh ta.

Tuy nhiên, trong những hầm ngục của khu, như ở Lê Văn Duyệt, Hai Tăng đã cố gắng cư xử với kỷ luật và phẩm giá phù hợp với một chiến binh. Trong một thời gian dài, ông muốn tin rằng đảng sẽ nhận ra sai lầm của mình và công lý sẽ được thực thi. Trong khi đó, ông đã trải qua sự sám hối khủng khiếp của mình bằng sự tự chối.

Mãi cho đến năm 1975, thỉnh thoảng tôi vẫn nghe ông ấy đưa ra lời xin lỗi dành cho đảng:

– Những phương pháp này thực sự quá tàn bạo và mù quáng. Nhưng ngoài đảng, bạn có thể tin tưởng vào bên nào ? Không dành cho ai cả ! Không ai trung thực hơn, không khoan nhượng hơn, ngay cả khi đôi khi không công bằng. Không có con đường nào khác ngoài đảng !

Không có con đường nào khác ngoài đảng

Tôi đang cố gắng tranh luận :

– Từ học thuyết đó, chúng ta có thể tạo nên một cuộc cách mạng mới. Ba mươi năm trước, không có nhiều người ở gần Hồ Chí Minh. Và ngày nay, nhờ sự hy sinh của các nhà hoạt động, một phong trào mạnh mẽ đã giành chiến thắng trong chiến tranh. Nhưng những phương pháp này không được chấp nhận. Hồ Chí Minh đã chết, và những người thừa kế quyền lực quan tâm đến quyền lực hơn là lý tưởng. Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp đã làm nên cuộc cách mạng lịch sử. Ngày nay, đặc biệt là ở miền Nam, nơi có sự khác biệt, chúng ta cần một phong cách mới, một chủ nghĩa cộng sản mang khuôn mặt con người, như người Tiệp Khắc mong muốn vào năm 1968...

Hai Tăng gật đầu mỉm cười :

– Toại, tôi biết anh có ý định tốt, nhưng anh cũng ngây thơ như “Phục Quốc” vậy. Anh muốn dựa vào học thuyết nào để thực hiện một “cuộc cách mạng mới” ? Chủ nghĩa xã hội theo cách của bạn ? Có chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa thực dân, và đối mặt với chúng là một lực lượng duy nhất, một lực lượng duy nhất, bất chấp những sai lầm của nó : đảng cộng sản. Hãy nêu tên một nhà lãnh đạo, chỉ một người thôi, người đã tạo ra chủ nghĩa xã hội nhân văn ở đâu đó ? Hãy kể cho tôi một quốc gia, chỉ một quốc gia thôi, nơi đảng cộng sản đã mất quyền lực sau khi chinh phục ?

Và Hai Tăng tràn ngập một loại cảm giác tự hào. Đảng đã khai trừ ông, có lẽ là do nhầm lẫn, nhưng đảng rất mạnh!

Những cuộc trò chuyện với ông Hai Tăng càng trở nên chán nản hơn khi tháng này qua tháng khác, ông ngày càng mất hy vọng được phục hồi chức năng mà không mở lòng đón nhận những ý tưởng mới. Ông thừa nhận những sai lầm của đảng, nhưng vẫn tiếp tục bảo vệ đảng trong khi tự hạ thấp mình.

– Tôi già rồi, tôi đã chứng kiến quá nhiều người chết. Nhân dân Việt Nam đã phải chịu nhiều đau khổ. Họ cần một nền hòa bình lâu dài. Chỉ có đảng cộng sản mới có thể trao cho họ điều đó. Tôi không hoàn toàn đồng ý với những gì đảng đang làm, nhưng có thể lúc đầu không còn cách nào khác để thực hiện. Có lẽ tôi không hiểu rõ những điều kiện khách quan buộc đảng phải hành động theo cách này, nhưng điều đó là cần thiết để bảo vệ cuộc cách mạng...

Tăng dần dần chấp nhận sự thật rằng mình chính là nạn nhân của cuộc cách mạng. Một ngày nọ, ông kể cho tôi nghe câu chuyện về Đại úy Nam Thanh, chỉ huy một trung đoàn FNL ở khu vực Sài Gòn. Bị tình nghi giết một sĩ quan khác, Thanh bị giam ba năm trong một nhà tù của Mặt trận, tương tự như nơi mà chính ông từng biết. Một ngày nọ, hóa ra ông đã bị buộc tội oan. Chính ủy khu vực đã triệu tập ông :

– Sau cuộc điều tra của đảng, chúng tôi có bằng chứng chứng minh sự vô tội của anh. Vì vậy đảng tha thứ cho bạn (sic). Thời gian anh ở trong tù (từ năm 1972 đến năm 1975) sẽ được coi như anh đã phục vụ cho đảng. Anh được tự do.

Họ trả lại quân hàm cho đại úy và khẩu súng lục. Ông từ chối và từ chức.

Ông Tăng nói rằng :

– Anh ấy đã làm đúng. Một người bị đảng nghi ngờ, thậm chí là nghi ngờ sai, sẽ không bao giờ lấy lại được lòng tin của đảng.

Khi tôi rời khỏi nhà tù Lê Văn Duyệt, lão Tăng hầu như không nói gì nữa. Ông ấy thậm chí không trả lời bất kỳ câu hỏi nào nữa. Ông chỉ nói rằng ông sẽ chết ở đó. Ông đã mất hết hy vọng. Ông chấp nhận số phận của mình. Ông ấy đã tan vỡ và vẫn trung thành. Ông vẫn tiếp tục phục vụ đảng. Với tư cách là một tù nhân.

Tháng 2 năm 1976. Chúng ta lắng nghe một âm thanh gọi lại ký ức: tiếng pháo nổ lách tách trên đường phố. Đây là thời điểm bắt đầu của Tết, năm mới

theo âm lịch. Pháo nổ đã bị cấm ở miền Nam Việt Nam kể từ năm 1968 : năm đó, những phát súng đầu tiên của cuộc Tổng tấn công Tết Mậu Thân không gây ra sự nghi ngờ, chúng đã được thực hiện vì biểu hiện đầu tiên của lễ hội truyền thống...

Tôi thường mơ về những gì mình sẽ làm trong tuần Tết khi hòa bình trở lại. Tôi tự hứa với lòng mình rằng sẽ thực hiện một chuyến đi dài khắp đất nước, ghé thăm những vùng mà chiến tranh đã ngăn cản tôi đến thăm. Tôi muốn đến Đà Lạt, nơi bạn có thể hít thở không khí trong lành có mùi thơm của cây thông. Tôi sẽ đưa các con đến bãi biển Sa Huỳnh, nơi nước biển trong và nông ở một khoảng cách khá xa bờ, và nơi những chú cá nhỏ nhiều màu sắc, không hề sợ hãi, đùa giỡn giữa hai chân người tắm. Tôi sẽ đến

Huế để cùng vợ đi dạo trong những công viên thơ mộng xung quanh lăng mộ của các hoàng đế. Và rồi tôi sẽ đến thăm Hà Nội, thủ đô này vừa gần vừa xa đến nỗi người ta đã cố dạy chúng ta nhìn nó như một thành phố xa lạ.

Mong muốn cuối cùng là được biết toàn bộ đất nước này, được cảm nhận kích thích của nó, được gặp gỡ người dân nơi đây, được tự do di chuyển, đã rất sâu sắc và mạnh mẽ trong tôi. Một mong muốn chung của tất cả người Việt Nam, những người mệt mỏi với cuộc sống chật hẹp bị ràng buộc bởi đủ thứ hạn chế mà họ đã phải tuân theo trong nhiều thập kỷ. Quyền tự do đi lại, tự do định cư ở bất cứ nơi nào bạn muốn mà không cần giấy phép hay giấy thông hành là một trong những quyền cơ bản của con người. Người phương Tây thích

nó mà không cần thậm chí không nhận ra điều đó, nhưng lại không trân trọng nó, không biết cảm giác bị tước mất nó sẽ như thế nào.

Khi nghe tiếng pháo mừng Tết, cái Tết đầu tiên của hòa bình, những giấc mơ này lại trở về với tôi, và tôi thực sự hiểu được những gì đang diễn ra ở Việt Nam.

Đầu tiên, tôi đo lường bằng cách suy ngẫm về số phận của chính mình. Tôi, người có tham vọng đóng góp vào công cuộc tái thiết và phát triển đất nước, xây dựng một xã hội mới, công bằng, tự do và dân chủ, đã bị giam cầm, và tôi không biết tại sao và không biết trong bao lâu. Gia đình tôi không biết tôi ở đâu, và chẳng bao lâu sau, các con tôi cũng không còn nhớ đến tôi nữa...

Giá như tôi là một ngoại lệ, một nạn nhân đơn độc của một sự hiểu lầm khủng khiếp... Nhưng không. Những gì tôi thấy ở Lê Văn Duyệt, những gì chúng tôi học được từ những tù nhân khác đến từ nơi khác, cho thấy rõ ràng rằng các nhà tù chưa bao giờ đông đúc đến thế – và chứa đầy những người mà phần lớn không nên ở đó. Nhiều người đáng lẽ phải được ân xá. Nhiều nhất cũng chỉ đáng bị phạt tiền hoặc cảnh cáo. Một số chỉ là những người vô tội mắc vào cái bẫy kiểu Kafka (là thuật ngữ của một hiệu ứng tâm lý, chỉ cảm giác bất an khi đối mặt với những sự việc phức tạp trong đời sống hiện tại.), trong cơn choáng váng, họ tự hỏi mình đã phạm phải tội ác gì mà không hề hay biết. Tôi không phải là nạn nhân của một lỗi, mà là của một hệ thống.

Giá như những người dân còn lại giành được tự do... Nhưng những gì tôi thấy đang hình thành trong những tuần đầu tiên của chế độ mới, những gì các tù nhân mới kể với chúng tôi, đã tiết lộ việc thực hiện dần dần các hạn chế mà người dân miền Nam Việt Nam chưa từng biết đến. Cuộc sống của mọi người ngày càng bị kiểm soát chặt chẽ, không chỉ cuộc sống xã hội mà cả cuộc sống gia đình. Ở trường, trẻ em được khuyến khích kể lại những gì đang xảy ra ở nhà, với lý do là để sửa chữa ảnh hưởng có hại của “văn hóa tư sản” và “sự suy đồi của chế độ Mỹ bù nhìn” có thể đã làm ô nhiễm cha mẹ tội nghiệp của chúng... Thanh thiếu niên bị nhồi sọ vào các tổ chức chiếm hết thời gian rảnh rỗi của chúng. Người lớn liên tục phải trải qua thử thách về “sơ yếu lý lịch”, trong đó, nhiều phiên bản khác nhau được so sánh ở đâu đó,

để tìm ra sai sót hoặc mâu thuẫn. Mỗi tuần, các cuộc họp tuyên truyền được tổ chức nhiều lần, trong đó ít nhất một thành viên trong mỗi gia đình phải tham dự. Chế độ khẩu phần thay đổi nghiêm trọng hơn theo từng tháng. Việc xin giấy phép du lịch ngày càng trở nên khó khăn hơn. Ở khắp mọi nơi, bọn cán bộ từ miền Bắc tràn vào, nắm quyền hành chính, giáo dục và cảnh sát. Họ cư xử với sự kiêu ngạo chỉ sánh bằng sự ngu dốt của họ : họ tin rằng họ phải chịu trách nhiệm giáo dục lại những bộ phận dân số kém phát triển đáng thương ở miền Nam, những người bị chế độ thực dân kìm kẹp trong chế độ nô lệ...

Không thể cung cấp gạo và tự do cho người dân, chính quyền đã cho phép họ đốt phá. Thuốc nổ chưa bao giờ thiếu ở Việt Nam. Còn chúng tôi, những người

bị trục xuất, cũng có được món quà của mình.

Khoảng mười ngày trước Tết, chúng tôi đã có thể viết thư cho gia đình lần đầu tiên. Khi thông báo tin tức đáng kinh ngạc này với chúng tôi, anh cán bộ đã nói :

– Các anh có thể viết bất cứ điều gì mình muốn. Nhưng tôi nghĩ tốt nhất là nên cập nhật tình hình sức khỏe của mình và gửi lời chúc tốt đẹp nhất tới gia đình. Cũng có thể yêu cầu gia đình ấy gửi cho mình một gói kẹo, thuốc lá hoặc quần áo không quá một kilo.

Mọi người đều hiểu một cách hời hợt. Bất kỳ ai nói về điều gì khác ngoài những gì đã được “gợi ý” đều không có cơ hội truyền đạt được thông điệp của mình. Quá vui mừng vì ít nhất có thể

báo cho gia đình biết rằng mình vẫn còn sống, mọi người bắt đầu soạn thảo trong đầu, cân nhắc từng từ ngữ, lá thư mà họ đã hy vọng. Không cần phải viết bản thảo. Mỗi người chúng tôi được phát một phần tư tờ giấy, một phần tư trang vở học tập và một cây bút chì cho cả phòng giam. Chúng ta chỉ có thể viết trên một mặt của tờ giấy, tờ giấy quý giá sẽ kết nối chúng ta với thế giới bên ngoài.

Một lúc sau, khi không thấy ai trả lời và nhận được bưu kiện như mong đợi, một tù nhân đã mạo hiểm hỏi xem những lá thư đó đã thực sự được gửi đi chưa. Phản hồi chính thức :

– Các lá thư được gửi qua đường bưu điện. Ban quản lý nhà tù không đủ thẩm quyền để xác định liệu chúng có được phân phát hay tiếp nhận hay không.

Tôi đã nghi ngờ điều đó, nhưng sau đó tôi xác nhận rằng vợ tôi chưa bao giờ nhận được lá thư này.

Và tôi tin chắc rằng không một trong số 2.000 lá thư khốn khổ được viết trong những ngày đó tại Lê Văn Duyệt (và có lẽ cả ở các nhà tù khác) đến được tay người nhận. Chúng chắc chắn đã được phân loại trong các hồ sơ mà chế độ mới đang cẩn thận lưu giữ. Khi nghĩ lại về cảm xúc, niềm hy vọng mà tất cả chúng ta dành cho những lời này dành cho những người thân yêu, tôi vô cùng phần nộ trước sự vi phạm lòng tin, sự lừa dối đê tiện mà chúng ta là nạn nhân.

Duy trì hy vọng, làm giảm dư luận và tư duy phản biện chắc chắn là mối quan tâm của mọi cường quốc. Nhưng không có chế độ nào thực hiện gây mê và nói dối một cách nhất quán và đạo đức giả

hơn chế độ cộng sản.

Khi gửi lời chúc đến người dân miền Nam Việt Nam năm đó, Xuân Thủy, một ủy viên Bộ Chính trị, đã chúc “may mắn cho những người vợ và con của quân nhân và công chức của chế độ cũ vẫn còn xa cách chồng và cha. Trong những dịp Tết sau này, các gia đình sẽ lại được đoàn tụ

Xuân Thủy không giải thích tại sao hàng trăm ngàn người được triệu tập cách đó tám tháng để tham gia khóa cải tạo kéo dài một tháng vẫn còn ở trong trại. Nhưng ông ta còn trơ tráo nói thêm rằng gia đình họ hẳn sẽ được an ủi khi biết rằng họ không còn phải đối mặt với nguy cơ tử vong như thời chiến nữa...

Đối với những ngày Tết trong tương lai, người ta tự hỏi khi nào chúng sẽ đến.

Bất kể chính phủ nói gì, khi tuyên bố chỉ giam giữ 50.000 người trong các trại cải tạo, người Việt Nam biết rằng việc thả người chỉ diễn ra theo từng nhóm nhỏ vào năm 1979, và các trại vẫn còn chật kín, cũng như các nhà tù.

Mặc dù tôi đã thấy và biết tất cả những điều này, tôi vẫn “để mình bị lừa” như những người khác.

Vào sáng ngày đầu tiên của Tết, một đội trưởng, được ba lính gác hộ tống, đã đi thăm các phòng giam tập thể, đọc một bài phát biểu ngắn và lạc quan trong mỗi phòng giam :

– Với tư cách là đại biểu của cách mạng, của đảng và nhà nước, tôi xin chúc đồng chí một năm mới may mắn

và sức khỏe dồi dào. Hãy cố gắng hết sức để được thả ra càng sớm càng tốt. Tôi không muốn nhìn thấy anh ở đây vào dịp Tết năm sau nữa !

Con người cần có niềm hy vọng đến mức tất cả các tù nhân đều cười và vỗ tay. Anh Huỳnh Cư, trưởng phòng giam đã thay mặt chúng tôi gửi lời chúc tốt đẹp nhất tới các cán bộ.

Viên đại úy lại lên tiếng :

– Tôi có tin vui muốn báo cho bạn. Vào dịp Tết, bạn sẽ được tặng thịt. Không nhiều lắm. Tôi biết có nhiều điều như vậy hơn vào thời kỳ còn là bù nhìn, vì bản thân tôi cũng từng là tù nhân. Nhưng sau đó chế độ này sống như một gái điếm hưởng thụ “món quà” của những người theo chủ nghĩa thực dân mới ở Mỹ. Ngày nay chúng ta nghèo, nhưng chúng ta độc

lập, chúng ta không nợ ai cả và chúng ta chia sẻ những gì chúng ta có.

Với lời tuyên bố đầy tự hào này, viên đội trưởng và lính canh đã đi báo tin vui này đến các phòng giam lân cận.

Để làm cho sự phấn khích lên đến đỉnh điểm, viên đại úy đã ra lệnh để cửa phòng giam mở. Tất nhiên, việc ra ngoài bị nghiêm cấm và có lính canh có vũ trang túc trực ở hành lang. Nhưng cánh cửa mở này giống như một biểu tượng, một lời hứa. Và chúng tôi có thể gọi nhau từ phòng này sang phòng khác. Để phòng ngừa, mọi người bắt đầu hát những bài hát được chế độ mới cho phép, vì mọi thứ từng được nghe trước đây, đặc biệt là những bản tình ca được mô tả là “suy đồi”, đều bị cấm. Nhưng bạn luôn có thể sửa lời bài hát. Theo giai điệu một bài hát nổi tiếng của Bắc Việt : Đêm về mơ thấy

Bác Hồ, một người bạn hát vào tai tôi :
Đêm về mơ thấy mình giết Bác Hồ.

Một bầu không khí hân hoan kỳ lạ bao trùm khắp nhà tù. Năm mới, hy vọng mới. Một số người tuyên bố đầy tin tưởng: “Năm nay chắc chắn sẽ có nhiều người được thả !” Ông cán bộ bảo không muốn gặp lại chúng tôi vào dịp Tết năm sau nữa. Ông ấy không thể nói thêm được nữa, nhưng điều đó thật rõ rang ! »

Về phần thịt, các đầu bếp đã nhận được một con lợn nặng 60kg. Cho toàn bộ nhà tù. Tương đương với 30 gam cho mỗi tù nhân.

Với nguồn cung ít ỏi này, các đầu bếp đã làm nên điều kỳ diệu. Ngày mồng một Tết, họ dọn món nước dùng nấu

chín ra, thưởng thức rất vui vẻ. Ngày thứ hai, cùng một thực đơn. Nước dùng đã trở nên khá trong nhưng vẫn có hương vị tinh tế. Đến ngày thứ ba, cuối cùng là ngày lễ phong thánh, mỗi người đều nhận được một ngón tay thịt. Một bữa tiệc được bàn tán nhiều ngày nay.

Tôi tin rằng chưa bao giờ một con lợn bất hạnh lại chiếm giữ tâm trí của nhiều người đàn ông trong thời gian dài như vậy.

13

NHỮNG NHÀ TÙ
CỦA CÁCH MẠNG

Có một chỗ trống trong bếp, và Canh Huỳnh Cư, trưởng nhóm, đã nhường chỗ cho tôi. Một cơ hội không thể bỏ lỡ. Hãy ra ngoài, vận động một chút, xua tan sự buồn chán kéo dài của ngày dài. Tôi làm việc chăm chỉ đến nỗi sau hai tuần, quản giáo đã giao cho tôi một nhiệm vụ đáng tin cậy : phân phát gạo ở các khu vực khác của nhà tù, khu

B, C1 và C2, được xây dựng trong sân tù cũ trong vài tháng qua.

Mỗi ngày, vào lúc 11 giờ sáng và 4 giờ chiều, tôi cùng một tù nhân khác mang những chậu cơm lớn đến cho lính canh gác tòa nhà. Ở Khu C, họ bắt chúng tôi mang họ đến ngưỡng cửa phòng giam, đôi khi cho phép chúng tôi trao đổi vài lời với các tù nhân. Và lưu ý rằng những phòng giam này kém thoải mái hơn đáng kể so với những phòng giam ở Khu A. Với chiều cao trần nhà chỉ bằng một nửa, chúng chỉ được thông gió qua một cửa sổ hẹp trên cửa ra vào và không có vòi nước máy.

Điều này không ngăn cản họ thường giam giữ nhiều tù nhân như các phòng giam «Pháp» cũ : từ bốn mươi đến sáu mươi người. Mỗi buổi sáng, một người quản lý tử mĩ mang đến cho chúng tôi,

chính xác đến từng gram, số lượng gạo theo quy định : 150 gram cho mỗi bữa ăn và cho mỗi tù nhân (Đầu năm 1976, vẫn là 150 gam gạo. Sau đó, số lượng sẽ được duy trì, nhưng gạo sẽ được trộn với các loại thực phẩm ít dinh dưỡng hơn, chẳng hạn như sắn hoặc khoai lang.)

Chỉ cần phân chia đơn giản là chúng ta có thể biết được tổng số người bị giam giữ tại Lê Văn Duyệt và số người trong mỗi phòng giam. Trên cơ sở này tôi có thể khẳng định rằng vào đầu năm 1976 có khoảng 2.000 tù nhân trong nhà tù này.

Sẽ không mất nhiều thời gian để tôi nhận ra rằng Khu B là một trường hợp đặc biệt. Ở đó, chúng tôi không bao giờ được phép vào các tòa nhà nằm giữa nhà tù cũ, dọc theo nhà bếp của sĩ quan và tòa thị chính Gia Định. Những tòa nhà

này đặc biệt yên tĩnh. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn để vài chục khẩu phần ăn ở đó. Không thể dành cho lính canh, những người có nhà ăn riêng ở Khu A và thực đơn của họ không chỉ bao gồm cơm và muối.

Tôi cũng nhận thấy rằng những người quản lý khi vào nhóm tòa nhà này đều phải xuất trình thẻ cho lính gác ở lối vào.

Người đồng nghiệp của tôi là Nghệ cho rằng đây là khu vực đặc biệt dành cho các tù nhân quan trọng, bị giam giữ biệt lập. Những người khác mà chúng tôi tâm sự thì tin rằng đây chỉ là văn phòng dành cho giám đốc điều hành, nơi lưu trữ các hồ sơ mật. Nhưng trong trường hợp này, tại sao cơm?

Sau nhiều ngày quan sát, tôi đã xây

dựng một kịch bản nhỏ với Nghệ để có thể giúp chúng tôi tìm hiểu thêm. Chúng tôi lưu ý rằng đúng vào buổi trưa, người lính gác ở lối vào Khu B đã rời khỏi vị trí của mình để đến nhà tù, chắc chắn là để báo cáo trước khi đi ăn trưa và để truyền đạt hướng dẫn cho một người lính khác, người này chỉ đến sau đó vài phút.

Một ngày nọ, sau khi giao khẩu phần ăn từ khu B, chúng tôi thông đồng với những người đầu bếp khác để tạo ra một bằng chứng ngoại phạm chắc chắn (hết nhiên liệu ! Thật là một sự giám sát đáng tiếc !) để vận chuyển chậu cơm cuối cùng của chúng tôi đến khu C ngay sau khi lính gác rời đi. Và trong lúc vội vã, đi qua trước khu B, tôi loạng choạng một cách hoàn toàn tự nhiên. Người bạn đồng hành của tôi làm mọi điều cần thiết để đảm bảo rằng toàn bộ lượng cơm đang

bốc hơi đều đổ xuống sàn.

Chúng tôi chỉ cách một cửa sổ trần trông giống như một ngực tối khoảng hai mét. Nghệ hét lớn vào mặt tôi :

– Ngu xuẩn ! Anh làm đổ cơm rồi ! Họ sẽ phạt vì lỗi của anh.

– Ờ ! Chúng ta đã vào tù rồi, anh còn muốn họ làm gì chúng ta nữa ? Và không ai nhìn thấy chúng ta, lính canh đã rời đi...

Nếu có ai đó ở đó, chắc hẳn họ đã nghe thấy chúng tôi. Khi chúng tôi nhặt cơm bằng tay, mỗi lần càng ít càng tốt, nhưng vẫn tỏ ra vội vàng, chúng tôi tiếp tục nói lớn:

– Những tòa nhà này là gì ? Bạn có nghĩ là có bạn bè bị nhốt ở đó không ?

– Tôi không biết. Tôi chưa bao giờ nhìn thấy ai cả.

Một tiếng gọi nghe như tiếng rên rỉ vọng đến chúng tôi. Kiểu như, “Ồ, các bạn ơi...” Tôi và Nghệ nhìn nhau, quên mất cơm trong giây lát. Không ngoảnh đầu lại, tôi hướng giọng nói về phía cửa sổ trời :

– Anh là ai ? Anh có phải là tù nhân không ?

– Nguyễn Văn Tài, tôi ở Gò Vấp. Họ đã tra tấn tôi. Tôi đã không ăn và uống trong ba ngày. Tôi khát quá ! Tôi khát quá...

Giọng nói đó là của một người đàn ông đang hấp hối.

– Anh ở đây lâu chưa ? Tại sao anh bị bắt ?

– Trong mười ngày. Tôi khát nước. Tôi đau quá. Tôi sắp chết rồi...

Chúng tôi sẽ không biết tại sao Tài bị bắt.

– Chú ý ! Nghệ nói nhỏ.

Người lính trực tiến đến với những bước dài, vẻ mặt giận dữ:

– Chúng mày đang làm gì ở đây?

Với vẻ mặt vô cùng đau buồn, tôi chỉ vào những dấu vết của thảm họa trên mặt đất :

– Một bước đi sai lầm... Cơm...

– Hãy rời khỏi đây ngay và thật nhanh ! Tên lính hét lên.

Phát hiện của chúng tôi đã gây chấn

động ở phòng giam số 5, sau đó là các phòng giam khác. Tin tức quan trọng được truyền đi nhanh chóng, ngay cả trong những nhà tù được canh gác nghiêm ngặt nhất. Chúng tôi tra tấn ở Khu B ! Tất cả các tù nhân đều cảnh giác và tận dụng mọi cơ hội nhỏ nhất để tìm hiểu thêm.

Trước tiên chúng ta sẽ biết rằng Nguyễn Văn Tài đã bị giam giữ vài ngày trong một phòng giam khác và bị bắt vì tội “phản động”. Ông ấy là ai ? Một thương gia có lẽ, chúng tôi tự nhủ. Trong mọi trường hợp, ông không phải là nhân vật chính trị hay quân sự của chế độ cũ. Không ai biết ông ta.

Thực ra, Nguyễn Văn Tài chỉ là một thợ cắt tóc bình thường ở vùng ngoại ô Sài Gòn. Vào những ngày cuối cùng của chế độ cũ, ông đã kiếm được (không gì

có thể dễ hơn) một khẩu súng lục để tự vệ trước những băng cướp đang lùng sục khắp khu vực. Và ông đã sai khi giữ nó lại sau khi chính quyền mới đã ra lệnh cho người dân giao nộp toàn bộ vũ khí. Cậu con trai mười lăm tuổi của ông đã khoe khoang rằng biết cha mình giấu khẩu súng lục ở đâu... Người ta đã tiến hành tìm kiếm. Phát hiện vũ khí. Bắt giữ ngay lập tức. Bị buộc tội “âm mưu có vũ trang” hoặc điều gì đó to lớn tương tự, người thợ cắt tóc tội nghiệp đã tự làm mình bối rối trong lời giải thích của mình. Bằng cách cố gắng chứng minh mình hoàn toàn vô tội, anh ta đã khiến mình bị nghi ngờ.

Người tù mà anh kể về tai nạn của mình trong thời gian ngắn ngủi ở chung phòng giam phải mất vài ngày mới hiểu rằng anh chính là “người đàn ông bị tra

tấn ở khu B”. Thật tình cờ, sáu ngày sau khi chúng tôi phát hiện ra, một tù nhân khác đã nhìn thấy thi thể của Nguyễn Văn Tài được đưa lên xe jeep và nhận ra anh ta. Và tất cả các mảnh ghép đã khớp với nhau.

Cái chết của Tài đã gây ra một sự náo động khắp nhà tù mà chắc chắn lính canh không hề nghi ngờ.

Một tù nhân biết anh ta nói trong bếp, đó là cuộc trao đổi tin tức:

– Ngày tên bảo vệ gọi Tài ra khỏi phòng giam mang theo đồ đạc, chúng tôi tưởng anh ấy được thả, thế thôi. Có lẽ chúng ta thậm chí còn tự nhủ: Thật là may mắn ! Và sau đó chúng tôi không nghĩ về nó nữa. Anh ấy đã ở đó hai hoặc ba ngày, anh ấy không nói gì cả, anh ấy không có vẻ gì là quan trọng cả. Người ta

có thể làm gì với anh ta ngoài việc thả anh ta ? Hơn nữa, ngày hôm đó, không có bất kỳ sự khởi hành nào khác từ nhà chúng tôi hay ở gần đó. Khi bạn bị chuyển đến một nhà tù hay trại giam khác, bạn luôn ở trong một nhóm... Bị tra tấn ! Anh ta ! Anh chàng tội nghiệp, điều đó là không thể...

Từ đó trở đi, những cuộc ra đi đơn lẻ mang một ý nghĩa đáng lo ngại. Nhờ kiểm tra chéo, chúng tôi đã nhận ra rằng một số tù nhân, những người mà chúng tôi tin là đã được thả hoặc chuyển đến nhà tù khác, đã đi qua “phòng thẩm vấn đặc biệt” ở Khu B cách chúng tôi vài chục mét. Những người rời khỏi khu vực này sẽ không bao giờ được trở về phòng giam mà họ đã bị “trích xuất”. Và khi họ thoát ra được, họ thường biến mất vào một trại giam khác, mà không gặp lại bất

kỳ ai đã từng gặp họ trước đó ở Lê Văn Duyệt.

Chỉ bằng cách theo dõi việc chuyển khẩu phần cơm trong bếp, đôi khi chúng ta có thể nói:

– Anh này, ở phòng giam số 3, đã được thả ra ngày hôm qua. Không có đoàn xe nào đến trại. Anh ấy không đi đâu khác nữa. Người đàn ông xấu số... Anh ta chắc hẳn đang ở lǎng Ba Đình.

Lǎng Ba Đình: Đây là tên gọi nơi ở của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Hà Nội. Và cái tên chúng tôi đặt cho khu B của trại giam Lê Văn Duyệt.

Bản thân tôi không hề bị tra tấn, dưới chế độ Thiệu hay dưới chế độ Hồ Chí Minh. Tôi chỉ ghi nhận sự tồn tại của nó ở cả hai chế độ. Dưới chế độ bù nhìn, tôi

vô cùng phần nộ. Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, tôi cảm thấy xấu hổ về điều đó.

Ngoài trường hợp của người thợ cắt tóc Tài mà tôi chứng kiến, tôi đã nghe hàng chục lời kể về việc tra tấn liên quan đến chính quyền mới ở Việt Nam. Tôi muốn đưa ra một ví dụ cho thấy một khía cạnh khác của chế độ mới : sự đạo đức giả.

Trần Văn Ngọc là cựu đại úy lực lượng đặc biệt của chính quyền Sài Gòn. Sau thảm bại, ông bị bắt gần Vũng Tàu (mũi Saint-Jacques của Pháp). Ông được đưa về Sài Gòn, đến một biệt thự trên đường Phan Thanh Giản, nơi ông thấy mình đang ở cùng với bốn người Nam Việt Nam khác trong tình trạng rất yếu. Cả bốn người đều bị tra tấn khủng khiếp. Một trong số họ, đang hấp hối, yêu cầu anh ta hãy cảnh báo gia đình mình

nếu có thể. Người đàn ông này là một ngư dân bốn mươi sáu tuổi, tên là Trần Văn Vinh. Ông bị bắt vì tình nghi cung cấp thông tin cho quân miền Nam đã ẩn náu ở vùng Vũng Tàu.

Ngọc, người mà tôi đã gặp ở Lê Văn Duyệt, mong đợi được chuyển từ ngày này sang ngày khác đến trại cải tạo dành cho các cựu sĩ quan miền Nam. Và anh biết rằng nếu anh có quay lại thì cũng phải rất lâu nữa.

– Toại nói với tôi, anh có thể được trả tự do.

– Tôi cũng vậy. Bạn có thể cảnh báo gia đình Vinh để giữ sự bảo vệ của tôi không ?

Ngay sau khi được thả, tôi đến địa chỉ mà Ngọc đã cho tôi và gặp vợ của Vinh

ở đó. Tôi đã nói với anh ấy những gì tôi biết. Cô ấy lắng nghe tôi với vẻ nghi ngờ và hỏi :

– Câu chuyện này là sao? Chồng tôi chưa bao giờ bị bắt, chú đừng nói đến bị tra tấn bởi cuộc cách mạng. Tôi đã báo cáo anh ấy mất tích, cảnh sát đã điều tra và một tháng sau họ thông báo với tôi rằng anh ấy đã bị giết bởi một nhóm lính bù nhìn đang lang thang trong khu vực. Tôi biết anh ấy được chôn ở đâu. Tại sao anh lại lan truyền tin đồn ?

Tôi thấy khoảnh khắc người phụ nữ đó sắp khuấy động cả khu phố chống lại tôi, và tôi đã chuẩn đi mà không hỏi ý kiến của cô ấy.

Sự tố cáo không phải là phát minh của chủ nghĩa cộng sản. Nhưng tôi không nghĩ có chế độ nào sử dụng vũ khí

này một cách có hệ thống như vậy. Mọi người, mọi lúc, đều cảm thấy bị theo dõi và không ai tin tưởng ai nữa. Các bậc cha mẹ rất cẩn thận khi nói chuyện trước mặt con cái, và ngay cả bạn bè cũng ngại nói chuyện cởi mở. Vì vậy, một người lạ như tôi, đến một ngôi làng... Người phụ nữ này không thể không bối rối trước những điều tôi đến để nói với cô. Nhưng thật quá nguy hiểm để tin vào điều đó. Tôi có thể trở thành một điệp viên của phe phản cách mạng hoặc một cảnh sát kích động. Trong cả hai trường hợp, nghe theo tôi đều là điều không khôn ngoan.

Bầu không khí nghi ngờ ngự trị trong cuộc sống thường ngày của những công dân tự do rõ ràng còn ngột ngạt hơn trong thế giới khép kín của nhà tù. Các giám đốc điều hành liên tục cho các tù

nhân đấu với nhau để moi thông tin hoặc lời thú tội, và bản thân những người chỉ điểm luôn sống trong nỗi sợ bị chỉ điểm.

Ví dụ, đây là sơ đồ điển hình của một cái bẫy mà tôi đã thấy có tác dụng nhiều lần.

Một ngày nọ, một người cung cấp thông tin chi tiết có thể gây tổn hại đến tù nhân «A». Họ để một ít thời gian trôi qua, sau đó tù nhân «B» được triệu tập, người này biết rõ «A», nhưng anh ta bị thẩm vấn về một điều hoàn toàn khác. Ngay sau khi «B» trở về phòng giam, «A» được triệu tập đến và thông tin do kẻ chỉ điểm cung cấp từ nhiều ngày trước đó sẽ được sử dụng. Tất nhiên, «A» tin rằng chính «B» là người đã tố cáo mình, và trả thù (hoặc tin rằng mình đang tự vệ) bằng cách báo cáo lại những gì mình biết về B. Thế là hai người bạn đã trở thành

kẻ cung cấp thông tin...

Một số tù nhân đã nhìn thấu hệ thống này, nhưng phần lớn đều sập bẫy. Tất nhiên, quá trình tương tự cũng được áp dụng đối với công dân tự do và nó gây ra sự tàn phá. Đôi khi, ông «A» và ông «B» phải vào tù, hoặc trại cải tạo, và phát hiện ra rằng họ đã tố cáo nhau, cả hai đều tin rằng mình bị người kia phản bội trước... Sơ yếu lý lịch nổi tiếng mà mọi người phải viết nhiều lần và được kiểm tra cẩn thận thường là cơ sở cho những âm mưu kiểu này. Chỉ cần ông «A» ngây thơ kể rằng ông ấy biết ông «B» trong hoàn cảnh này hay hoàn cảnh khác, và ông «B» đã quên mất chi tiết này trong lời kể của mình là đủ để ông thứ hai được mời giải thích về vấn đề này. Điều này không nhất thiết dẫn đến nhà tù hay trại giam, nhưng nó tạo ra bầu không khí

ngọt nhạt, dè dặt, thậm chí là ngờ vực trong các mối quan hệ cá nhân.

Trong số những người bảo vệ giám sát công việc trong bếp, tôi để ý thấy một thanh niên miền Bắc ngoài ba mươi tuổi, đã sở hữu một chiếc đồng hồ vàng Seiko và không ngừng nói về chiếc xe máy Honda của mình. Tên anh ấy là Nam Lưu. Anh may quần theo mốt mới nhất của Sài Gòn, nghĩa là quần rộng ở phần dưới, làm từ vải Mỹ tốt, chất lượng không được biết đến ở miền Bắc Việt Nam. Đây là những dấu hiệu không thể nhầm lẫn : Nam Lưu, giống như nhiều đồng chí của mình, những người đã sống cả tuổi trẻ trong sự khắc khổ đáng kinh ngạc, đang bị con quỷ tiêu dùng khống chế... Và, vì anh ấy không thông minh lắm, có lẽ tôi có thể sử dụng anh ấy.

Một buổi chiều, khi anh ấy đang quanh quẩn trong bếp sau ca làm việc, kể về những chiến công lái xe mô tô mới nhất của mình, tôi hỏi anh ấy:

– Anh kiếm được bao nhiêu tiền khi làm lính canh ?

– Chỉ có hai mươi lăm đồng (Một đồng của chế độ mới có giá trị bằng 500 đồng cũ).

Con số này tương đương với 12.500 đồng cũ. Dưới chế độ cũ, một chiếc Honda có giá 40.000 piastres, nhưng kể từ đó, khi việc nhập khẩu đã dừng lại, giá xe đã tăng vọt (vào năm 1978, giá xe đã lên tới một triệu đồng cũ). Đồng chí Năm Lưu đã làm rất tốt trong sáu tháng cách mạng. Tôi hỏi anh ấy một cách thoải mái :

– Anh đã có loại kính đặc biệt nào giúp anh nhìn trực tiếp vào mặt trời mà không bị cháy nắng chưa ?

– Cái gì ? Có loại kính như thế không ?

– Tất nhiên là tôi thậm chí còn có tới hai cái. Nếu tôi được thả, tôi sẽ tặng anh một cái.

Nam Lưu háo hức cắn câu.

– Trước đây nó có giá trị bao nhiêu ?

– À, khoảng 10.000 đồng, khoảng đó – 20 đồng.

Con số quá lớn không làm Nam Lưu bận tâm. «Kính đặc biệt cho phép bạn nhìn thẳng vào mặt trời» rõ ràng là rất đắt.

– Và bạn có thể tặng tôi một cái được không?

– Tất nhiên là tôi không cần phải có hai cái. Đặc biệt không có ở đây.

– Vậy những chiếc kính này ở đâu ? Ở chỗ anh à ? Có xa không ?

Lần này thì con cá đã mắc câu.

– Không, rất gần. Nếu muốn, bạn có thể đi lấy chúng. Tôi chỉ cần viết một ghi chú cho vợ tôi để cô ấy có thể đưa chúng cho anh.

Nam Lưu hiểu rồi. Anh ấy phản ứng một cách xảo quyệt mà tôi không ngờ tới. Anh ta công khai đưa cho tôi gói thuốc lá của mình và nói lớn :

– Này Toại, cho anh ít thuốc lá nhé.

Tôi xin chân thành cảm ơn. Thuốc

lá làm bạn tù của tôi vui vẻ, họ bảo cố gắng để có thêm một ít lần nữa, vì tôi rất thân với Nam Lưu. Điều khiến tôi chú ý là bên trong bao thuốc lá, nơi tôi viết vài lời cho vợ tôi, bảo cô ấy gửi cho tôi ít tiền, và đưa cho người mang theo... chiếc kính râm của tôi.

Hai ngày sau, Nam Lưu đưa cho tôi một gói thuốc lá mới. Bên trong có một lá thư của vợ tôi, người nghĩ rằng tôi bị lạc. Tại nhà tù Trần Hưng Đạo, họ được thông báo rằng «Đoàn Văn Toại không có tên trong danh sách tù nhân và không rõ tung tích». Cô ấy đã gõ cửa tất cả các nhà tù trong thành phố, ngoại trừ nhà tù Lê Văn Duyệt mà không hề biết đến sự tồn tại của nó. «Có lẽ,» cô ấy từng được nghe nói, «anh ấy đã bị chuyển đến một trại giam ở miền Bắc.» Ở nhà, đó là sự hoang tàn. Điều này có nghĩa là người

lính canh Nam Lưu đã được chào đón nồng nhiệt. Còn anh ấy thì rất tự hào về chiếc kính râm của mình...

Thật không may, khoảng mười ngày sau, một tù nhân tên là Lê Văn Bảo đã yêu cầu tôi làm trung gian với Nam Lưu để thương lượng về chiếc đồng hồ Thụy Sĩ mà anh ta đã giấu được. Một kẻ chỉ điểm đã biết được giao dịch này. Và tôi thấy mình đang ở trong ngục tối vì «cố ý làm tha hóa người canh gác».

Hai mươi ngày trong ngục tối không phải là một trong những kỷ niệm đẹp nhất trong cuộc đời tôi.

Ngục tối là một căn phòng chật hẹp, ẩm ướt, nơi không thể nhìn thấy ánh sáng ban ngày. Cổ tay trái của tôi bị trói

vào mắt cá chân phải, và ngược lại. Do đó, không thể đứng dậy hoặc nằm xuống. Mỗi ngày, tôi chỉ được cởi trói năm phút để đi vệ sinh và ăn một bát cơm, bằng một nửa khẩu phần của tù nhân bình thường. Mỗi ngày tôi chỉ uống được nửa lít nước và không thể tắm rửa được.

Sau mười mấy ngày áp dụng chế độ ăn kiêng này, tôi cảm thấy sốt tăng cao. Chẳng bao lâu sau, tôi không còn biết mình đang ngủ hay thức nữa, tôi có ảo giác thấy mẹ tôi và bác Hồ điểu hành qua. Tôi đang mê sảng. Một tù nhân đang phục vụ cơm sau đó đã nói với tôi rằng người cai ngục nghĩ tôi là kẻ giả mạo. Tuy nhiên, một ngày nọ ; anh thấy bát cơm từ hôm qua vẫn còn nguyên vẹn để bên cạnh tôi.

Tôi nhớ mang máng là mình đã được cởi trói, được đỡ đứng dậy, và đôi chân

cứng đờ của tôi từ chối mọi sự phục vụ. Tôi run rẩy vì sốt, ánh sáng làm đau mắt tôi, mọi thứ xung quanh tôi quay cuồng.

Tôi cảm thấy như mình đang được ai đó bế ra khỏi tòa nhà. Không khí trong lành làm tôi tỉnh táo hơn một chút. Tôi nghe thấy tiếng chìa khóa. Một mùi hôi thối xộc vào mũi tôi. Tôi ngất đi.

Có vẻ như tôi đã tỉnh lại ngay sau đó, nói một số lời không mạch lạc rồi ngủ thiếp đi.

Trong hai tuần, những người bạn cùng phòng giam mới sẽ chăm sóc tôi với lòng hy sinh cao cả. Nói điều trị thì có vẻ hơi quá : mặc dù đã nhiều lần yêu cầu, họ vẫn không nhận được bất kỳ loại thuốc nào, ngay cả aspirin. Tất nhiên,

không một bác sĩ, thậm chí là y tá nào thềm khám cho tôi, mặc dù tôi có triệu chứng của bệnh tê phù. Nhưng tôi sẽ được bao quanh, họ sẽ giúp tôi giặt giũ, họ sẽ thu thập một ít gạo để cải thiện khẩu phần ăn của tôi.

Tôi không biết làm thế nào mà sau hơn chục ngày, tôi có thể đứng dậy và tắm rửa được. Với tôi, dường như chỉ có ý chí kiên cường sống sót vì con cái mới luôn cảnh giác trong tâm trí và cứu tôi. Và cả «Di chúc» của các tù nhân mà tôi là người giám hộ và nếu tôi rời khỏi đây, tôi phải công bố cho dư luận thế giới biết. Bởi vì cơ thể tôi gần như đã đến giới hạn chịu đựng. Trong ngục tối, tôi đã sụt hơn năm cân và căn bệnh đã làm cạn kiệt sức lực cuối cùng của tôi. Tôi sẽ biết rằng những người giúp việc nhà bếp đã che chở tôi – các bạn tù ở Khu A – đã tin

rằng tôi sẽ ở lại đó, vì tôi đã bị đưa vào một phòng giam tập thể ở Khu C, nơi điều kiện sống khó khăn hơn nhiều. Khi tôi từ từ hồi phục một cách kỳ diệu, tin tức lan truyền khắp Khu A rằng tôi sắp chết, nếu không muốn nói là đã chết.

Khi một tù nhân bị «tổn thương» quá nhiều vì phải ở trong ngục tối, cán bộ không bao giờ đưa anh ta trở lại phòng giam cũ để hạn chế sự lan truyền tin đồn.

Và Khu C, nơi tôi hạ cánh, không thực sự thuận lợi cho việc hồi phục sức khỏe. Cái mùi khiến tôi ngạt thở khi tôi nửa tỉnh nửa mê được đưa vào phòng giam số 7, chính là mùi của khoảng sáu mươi người đàn ông chen chúc trong một căn phòng có kích thước tương đương với những căn phòng ở khu A,

nhưng chỉ cao bằng một nửa (ba mét thay vì sáu mét), và chỉ được thông gió bằng một cửa sổ rộng 15 x 20 cm! Không khí ở đó thực sự không thể thở được và việc ra vào phòng được quản lý chặt chẽ.

Mỗi tù nhân được phép thở trong một phút, người già và người bệnh được thở trong hai phút. Vì chúng ta không có đồng hồ nên những người chờ đến lượt mình sẽ đếm đến 100 (hoặc 200) để tính thời gian, và đó là chủ đề thường xuyên gây tranh cãi: “Anh kia đếm nhanh quá!” Anh chàng kia đang đếm chậm cho bạn mình ! «Đôi khi chúng ta dùng hết chút oxy còn lại trong phòng vào việc tranh cãi, chỉ để rồi lại đến lượt mình sau đó một giờ.

Tệ hại hơn nữa, tại những phòng giam mô hình được chế độ mới xây dựng cách đây vài tháng, không hề có vòi nước

sạch. Những người từng biết đến Khu A đều nhớ về dòng nước nhỏ chảy ở đó 24 giờ một ngày, cho phép mọi người uống bao nhiêu tùy thích và thậm chí, chỉ cần dậy sớm là có thể tắm rửa mỗi ngày.

Tại đây, nước được phân phối trong vòng 15 phút mỗi ngày thông qua một ống cao su luôn qua lỗ thoát nước. Điều này có nghĩa là, ở đây cũng vậy, và đặc biệt là ở đây, cần phải sắp xếp thứ tự cẩn thận cho từng người để không bị mất một giọt nào.

Kỷ luật càng trở nên cần thiết hơn khi một trong hai tù nhân phụ trách phân phối đã say sưa với quyền lực của mình. Ông là cựu đảng viên cộng sản miền Bắc, bị bắt năm 1973 tại vùng du kích vì bị tình nghi đã bí mật gia nhập chế độ ở miền Nam. Người kia cũng là cựu đảng viên cộng sản, nhưng đến từ

miền Nam và là thành viên của FNL, bị bắt năm 1974, cũng ở khu, vì «vi phạm lệnh của đảng»: ông đã cãi nhau với cấp trên. Về mặt này, cả hai đều đại diện đầy đủ cho hàng ngàn cựu chiến binh cộng sản hiện đang bị giam giữ. Sự ủng hộ cho chương trình Chiêu Hồi («mở rộng vòng tay») do chính quyền Sài Gòn tổ chức và sự bất tuân là hai lý do chính khiến các cựu thành viên của đảng và Mặt trận bị bắt giữ. Có thể phải mất nhiều năm trong trại cải tạo.

Hai người đàn ông này cũng minh họa một cách hoàn hảo sự khác biệt về mặt tâm lý giữa người miền Nam và người miền Bắc. Khi người miền Nam phân phối nước, vòi nước vẫn gắn vào cửa sổ phòng giam trong hơn một phần tư giờ, đôi khi gần nửa giờ. Khi đến lượt người phương Bắc, đôi khi nước biến

mất sau năm phút.

Sau đó là một loạt tiếng phản đối, và tên bạo dân đã đáp trả bằng một loạt lời lăng mạ :

– Các người chỉ là những kẻ phản động, và những người như các người không cần nước !

– Còn anh, anh không phải là tù nhân giống chúng tôi sao ? Họ ném trả tù quấy xuống.

– Có tù nhân và tù nhân. Tôi không phải là loại người như anh.

Linh hồn của đảng cấp làm tổ ở đâu ? Đối với người đàn ông bất hạnh này, một cựu đảng viên cộng sản trong tù vẫn tốt hơn một người không theo đảng cộng sản.

Tuy nhiên, «thuần túy» này cũng có điểm yếu. Một số thương gia Trung Quốc – ngay cả khi ở trong tù, vẫn giữ được kỹ năng buôn bán của mình – đã cố gắng thuyết phục ông, một số bằng áo sơ mi, một số bằng một vài đồng bạc. Từ đó, đường ống chạy rất lâu trong phòng giam, và mọi người đều cố gắng mỉm cười với người miền Bắc, người đang tỏ ra rất quan trọng. Anh ấy tên Giang, sinh tại Sơn Tây, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân, mang quân hàm thiếu úy và là đảng viên. Tôi tin rằng anh ta nghĩ rằng mình sẽ gây ấn tượng với chúng tôi bằng dòng dõi quý tộc này, trong khi chúng tôi cố gắng bắt ông ta nói chuyện để kéo dài thời gian tưới nước cho phòng giam. Trong vòng một phần tư giờ, chúng tôi đã nhận được khoảng năm mươi lít nước, tức là mỗi người chỉ được một lít – một lít dùng cho mọi mục đích : tắm rửa, giặt

quần áo và giải khát ! Nhưng giá nước lại tăng lên mỗi ngày vì các phòng khác cũng bắt đầu trả tiền.

Không khí. Nước. Hệ thống nhà tù nào dám hạn chế hai yếu tố quan trọng và dư thừa này ở một đất nước như Việt Nam ?

Trong nhà tù Lê Văn Duyệt, trong những phòng giam mới tinh của cách mạng, thiếu thốn trầm trọng không khí và nước, chưa kể đến mọi thứ khác.

Tất cả đàn ông ở độ tuổi nhất định, từ năm mươi tuổi trở lên, đều bị bệnh. Khi trường hợp của họ có vẻ vô vọng, họ được chuyển đi nơi khác hoặc đôi khi được thả ra ngay trước khi họ qua đời tại nhà và người ta không nói rằng họ

đã chết trong tù. Thông thường, những biện pháp «khoan hồng» này được đưa ra quá muộn.

Trong những ngục tối như nơi tôi đã bị giam cầm suốt hai mươi ngày, một số tù nhân lớn tuổi đã chết sau ba ngày. Những loại khác khỏe hơn có thể kéo dài được hơn hai tháng.

Ở phòng giam số 7 khu C, tôi ngủ giữa một thanh niên ba mươi tuổi và một ông già sáu mươi tuổi, Cao Văn Điền.

Điền là một trong những người nông dân như người ta thường thấy ở mọi đất nước, ẩn chứa bên dưới vẻ ngoài thô lỗ và cục mịch là sự khôn ngoan thực sự và rất nhiều tâm lý. Ông đã kể với tôi vụ bắt giữ của mình với một triết lý hài hước :

– Khi hòa bình đến, tôi nghĩ rằng

người ta có thể lên đường gặp bạn bè mà không sợ hãi. Khi tôi đến nhà người bạn X cách nhà bảy mươi km... người mà tôi đã không gặp trong nhiều năm, thì quân lính đang lục soát nhà anh ấy. Tôi hỏi họ đang làm gì ở đó. Thế là họ bắt tôi. Tôi không biết họ muốn gì ở bạn tôi. Tôi biết tôi vô tội. Nhưng vô tội về điều gì ?

Cao Văn Điền biết cách xem chỉ tay, và các tù nhân chen chúc xung quanh ông để biết số phận của mình. Ông chỉ dùng “món quà” của mình để gieo rắc hy vọng:

– À ! Tôi thấy anh có cơ hội trước Tết năm sau !

– Vâng, vâng, có lời chép rằng anh sẽ được thả...

Tôi không biết có phải trên lòng

bàn tay ông đã ghi dòng chữ này không, nhưng Cao Văn Diển đã chết tại phòng giam số 7, khu C, trại giam Lê Văn Duyệt, vào tháng thứ chín bị giam giữ, mà không hề biết lý do mình bị bắt. Ông ấy chết bên cạnh tôi. Tôi nghe thấy hơi thở cuối cùng của ông ấy.

Về phần mình, ông Đỗ Đức Vũ biết lý do tại sao ông bị bắt vào tháng 8 năm 1975. Ông bị «nghỉ ngơi» là muốn trốn khỏi đất nước bằng thuyền cùng gia đình.

Theo Hiến chương Quốc tế Nhân quyền (Mọi người đều có quyền rời khỏi bất kỳ quốc gia nào, kể cả quốc gia của mình, và có quyền trở về quốc gia của mình. (Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền, điều 13.), việc rời bỏ đất nước không

những không phải là tội ác mà còn là quyền được tất cả các bên ký kết công nhận, bao gồm cả Liên Xô, quốc gia đã đưa nước Việt Nam mới vào Liên Hợp Quốc. Tuy nhiên, ở Liên Xô, việc muốn rời khỏi đất nước bị coi là hành vi phản quốc. Ở Việt Nam, họ còn đi xa hơn nữa: chỉ cần bị nghi ngờ muốn rời khỏi đất nước là có thể bị bỏ tù (Điều này đúng trong ba năm đầu của chế độ mới. Ngay từ lúc quyết định loại bỏ người Việt gốc Hoa, chính quyền cộng sản gần như công khai buôn tha những người có khả năng trả bằng vàng...).

Đây chính là hoàn cảnh của Đỗ Đức Vũ. Ông là một nhà công nghiệp nhỏ, khoảng sáu mươi tuổi, trung thực, lịch sự, kín đáo. Ông không can thiệp vào chính trị và không làm giàu cho bản thân mình trong vấn đề chiến tranh. Ông khô-

ng hài lòng với chế độ cũ và cũng không hài lòng với chế độ mới. Nhưng ông sẵn sàng thích nghi, tin tưởng rằng, như ông vẫn luôn tin, những người có năng lực, nghiêm túc và chăm chỉ như ông vẫn cần thiết cho đất nước. Anh ấy đã sai. Có lẽ một «người bạn tốt» đã viết thư cho công an rằng anh ta có ý định rời đi, và toàn bộ gia đình họ Đỗ đã bị bắt giữ. Người vợ và các con gái được thả sau một năm. Người chủ gia đình vẫn bị nhốt, cũng như con trai ông, Đỗ Đức Hùng.

Hãy tưởng tượng đến một ông già tư sản khiêm tốn ở Vũ trong phòng giam số 7 khu C, giống hệt như tôi. Đối với những người như tôi, những người còn trẻ và đã từng trải qua cảnh tù đầy, đối với những cựu đảng viên, những người đã sống gian khổ, thì thật đau đớn, nhưng chúng tôi có thể sống sót. Với anh ta,

đó chính là đáy địa ngục. Bị rơi vào bầu không khí ngột ngạt và hôi thối của nhà tù, anh đã ngã gục ngay ngày đầu tiên, chỉ tỉnh dậy sau giấc ngủ và rên rĩ bằng giọng thảm thiết: «Tôi sắp chết rồi.»

Và sự thật là ông Vũ già đang hấp hối. Người đứng đầu nhóm can thiệp vô ích với lính canh, họ trả lời :

– Chúng tôi có thể làm gì ? Chúng tôi cũng không có thuốc men.

– Vậy hãy thả anh ta ra, thay vì để anh ta chết ở đây !

– Việc có nên thả ai đó hay không không phải do chúng tôi quyết định.

– Nhưng ít nhất các anh có thể nói với cấp trên của mình rằng có những người đang chết. Thà xử tử họ còn hơn để họ chết trong nhiều ngày !

– Có nhiều vấn đề cần được giải quyết, không chỉ của các anh.

Một câu trả lời kinh điển của lính canh, mà chúng tôi đã nghe nhiều lần, và gần như trở thành phản ứng tự động mỗi khi có câu hỏi nghiêm túc được nêu ra. Chúng tôi hẳn đã trao đổi những câu tương tự khi chính tôi, gần như bất tỉnh, trượt xuống dốc và rồi một cách kỳ diệu, tôi đã trèo lên được.

Sự đau đớn của Đỗ Đức Vũ, giữa những người bạn tù của mình, kéo dài suốt một tuần, và mặc dù đã được lính canh can thiệp, anh vẫn không được chăm sóc y tế. «Sự ưu ái» đặc biệt duy nhất chỉ là một ít nước nóng để giải cơn khát cho người đàn ông bất hạnh. Tuy nhiên, ban quản lý nhà tù đã biết về tình hình này. Bằng chứng: Vũ đã được thả... vào ngày anh ta chết. Tôi cùng với một

bạn tù được lệnh khiêng thân thể trên cáng đến cổng trại giam, nơi bà Vũ và hai cô con gái đang chờ đợi trong nước mắt. Người quản lý trao cho góa phụ lệnh thả chồng bà...

Sự đạo đức giả của những người có trách nhiệm không dừng lại ở đó. Con trai của Vũ là Đỗ Đức Hùng cũng bị giam tại Lê Văn Duyệt nhưng ở một phòng giam khác và không được thông báo về cái chết của cha mình. Chính tôi là người đã báo tin cho anh ấy thông qua một người bạn trong bếp. Một thời gian sau, Đỗ Đức Hùng được triệu tập để thẩm vấn, nghe cán bộ Ba Châu tuyên bố mở đầu :

– Cha của bạn, người đang bị bệnh, sẽ được thả ra. Chắc chắn một ngày nào đó, anh cũng sẽ được tự do nếu anh nói cho tôi toàn bộ sự thật. Chính phủ đang

theo đuổi chính sách khoan hồng và hòa giải.

Hung không thể trả lời rằng anh biết cha mình đã chết, điều này sẽ dẫn đến một cuộc điều tra và có thể dẫn đến hình phạt nghiêm khắc cho những người cung cấp thông tin cho anh. Anh ta đã dùng một thủ đoạn :

– Tôi rất lo lắng. Vài ngày trước, tôi mơ thấy cha tôi mất. Làm ơn cho tôi gặp cha tôi trong phòng giam !

– Theo quy định thì điều này bị cấm. Nhưng tôi rất vui lòng chuyển tiếp yêu cầu của anh tới giám đốc nhà tù.

Không cần phải nói, Đỗ Đức Hùng không bao giờ nhận được phản hồi cho yêu cầu của mình.

Tôi biết rằng có những nhà tù ở Argentina và Uganda thậm chí còn tệ hơn nhà tù ở Lê Văn Duyệt, mặc dù thực tế là nhà tù này không phải là nhà tù tệ nhất ở Việt Nam. Nhưng tôi không tự hào rằng về mặt này, một đất nước tự nhận mình là xã hội chủ nghĩa và văn minh, và đó là đất nước tôi, lại gần với chế độ độc tài tàn bạo nhất hơn là các nền dân chủ nhân dân đáng buồn ở Đông Âu.

Chúng ta thậm chí còn không nói đến các nước phương Tây, nơi mà tội phạm thường ăn thịt trong mọi bữa ăn, có thể nghe radio, viết, đọc, học, được thăm viếng và nhận bưu kiện, thậm chí còn được cấp giấy phép. Không có tù nhân nào cảm thấy hạnh phúc chỉ vì anh ta không được tự do để quyết định lịch trình của mình. Nhưng tôi biết hàng triệu người Việt Nam không ở trong tù và

họ sẵn sàng đánh đổi số phận của mình để trở thành tù nhân trong các nhà tù của Pháp, Anh hoặc Mỹ. Họ không chỉ có nhiều thức ăn hơn ở đó, không chỉ có nhiều tự do hơn mà còn biết chính xác họ phải đợi bao lâu trước khi lấy lại được tự do.

14

ANH CÓ MUỐN GẶP LẠI GIA ĐÌNH KHÔNG ?

Bằng mọi giá, hãy thoát khỏi căn phòng giam này, nơi đàn ông đang chết dần chết mòn vì thiếu không khí và ánh sáng. Đang cố gắng tìm việc gì đó để làm ở bên ngoài.

Tôi biết rằng bác sĩ trong tù là bác sĩ Quang, người mà tôi từng quen khi còn là một nhà hoạt động sinh viên. Nhờ sự

Anh có muốn gặp lại gia đình không ?

giúp đỡ của Giang, tù nhân miền Bắc phụ trách việc phân phối nước, tôi đã gửi được tín hiệu SOS cho Quang. Ngay sau đó, tôi được Trung úy Ban, giám sát viên phụ trách khu vực của chúng tôi, triệu tập.

– Bác sĩ Quang đang cần trợ lý có năng lực, và tôi nghe nói anh từng là sinh viên ngành dược. Tôi đã xem xét hồ sơ của anh. Tôi thấy anh đã hợp tác với cách mạng và trường hợp của anh không quá nghiêm trọng. Vì vậy, tôi muốn tin tưởng và trao cho anh cơ hội để trở nên hữu ích. Bắt đầu từ ngày mai, từ 8:00 sáng đến 5:00 chiều, anh sẽ hỗ trợ bác sĩ. Nếu anh làm việc tốt, điều đó sẽ được ghi nhận và bạn sẽ được trả tự do nhanh hơn.

Tôi biết câu cuối cùng là một công thức nghi lễ. Trong mọi trường hợp, các

nhà điều hành đều kêu gọi sự hợp tác tự nguyện của các tù nhân và hứa rằng thời gian giam giữ sẽ tương xứng với sự ngoan ngoãn của họ, nhưng điều này là sai. Tôi không quan tâm, điều quan trọng nhất là tôi sẽ thoát khỏi bầu không khí ngột ngạt của phòng giam tập thể trong chín tiếng mỗi ngày. Thở ! Về mặt vật lý, tôi không mong muốn điều gì hơn hít thở. Để hiểu điều này có nghĩa là gì, chúng ta cần phải chờ mười hai hoặc mười lăm lần một ngày, rất lâu mới đến lượt mình hít đầy phổi trong một phút, chỉ một phút thôi, bằng không khí bên ngoài.

Mỗi sáng lúc 8 giờ tôi được đưa đến bệnh xá của nhà tù. Bác sĩ Quang, người đã mang đến cho tôi vinh dự này, đã cẩn thận tránh tỏ ra mình biết tôi và chỉ nói chuyện với tôi bằng giọng điệu «phục

Anh có muốn gặp lại gia đình không ?

vụ». Ban đầu tôi được giao những công việc dọn dẹp và sắp xếp đơn giản. Sau đó, tôi dán nhãn thuốc và khử trùng ống tiêm cùng các dụng cụ phẫu thuật nhỏ. Cuối cùng, do thiếu y tá có trình độ, tôi ngày càng được yêu cầu tiêm thuốc cho các viên chức cấp dưới, binh lính và lính canh. Các sĩ quan, viên chức được chính các bác sĩ tận tình chữa trị. Đối với các tù nhân, như chúng ta đã thấy, họ không bao giờ được hưởng những dịch vụ chăm sóc xa xỉ này.

Nếu tôi không tự mình kiểm chứng, tôi sẽ không bao giờ tin rằng sự phân biệt sắc tộc có thể đạt đến mức độ như vậy trong lĩnh vực y tế. Trong xã hội tư bản mà chúng ta xuất hiện, có hai loại thuốc : loại dành cho người giàu, những người có thể trả tiền, và loại dành cho người nghèo, những người phải đợi. Nhưng

trong những trường hợp khẩn cấp, một số đạo đức y khoa nhất định thường cho phép người nghèo được hưởng lợi ngay từ phương pháp điều trị tốt nhất mà không cần cân nhắc đến vấn đề tài chính. Cứu sống con người là nhiệm vụ hàng ngày, đó là điều mà các bác sĩ được dạy, và họ luôn giữ phản xạ này: điều trị cho những người bị đe dọa nhất trước.

Trong xã hội không giai cấp đang được xây dựng ở Việt Nam, bác sĩ trước hết, nếu không muốn nói là hoàn toàn, phải dành sự quan tâm của mình cho các nhà lãnh đạo, cán bộ, đảng viên.

Ở miền Nam Việt Nam, những bệnh viện tốt nhất, chẳng hạn như Bệnh viện Vĩ Dân, được người Mỹ trang bị trong thời kỳ Thiệu (và không có bệnh viện tương đương nào ở miền Bắc Việt Nam) được dành riêng cho các quan chức

chính trị hoặc quân sự cấp cao (từ cấp chỉ huy trở lên). Đây là hạng A. Sau đó là các phương pháp điều trị và bệnh viện dành cho hạng B và C. Những người lính và công chức cấp thấp thuộc loại D. Phần còn lại của dân số thuộc loại E. Còn những kẻ bị ruồng bỏ của chế độ mới, những người lính hoặc công chức của chính quyền Thiệu, hoặc những tù nhân như chúng tôi, họ không thuộc về bất kỳ hạng nào, họ không tồn tại, họ chỉ có thể được đối xử vì lòng bác ái...

Không, tôi không nói quá đâu.

Bác sĩ Quang đã học tại các trường y khoa ở Huế và Sài Gòn. Ông là thành viên của FNL, nhưng không phải là đảng viên. Rõ ràng là ông đã quyết định lấp đầy khoảng trống đáng tiếc này, và chúng ta không bao giờ nghe ông bày tỏ dù chỉ một lời chỉ trích nhỏ nhất về điều kiện

làm việc của mình.

Một ngày nọ, khi tôi nói với ông rằng có những tù nhân trong phòng giam của Lê Văn Duyệt đang rất cần được bác sĩ khám bệnh và họ có nguy cơ tử vong vì thiếu sự chăm sóc, Quang đã trả lời tôi một cách đáng sợ như thế này :

– Những người này đã bị bệnh từ trước. Nếu họ không bị bắt, họ cũng sẽ chết theo cách tương tự.

Liệu Quang có tin được những gì anh ta nói không ? Có lẽ ông ấy đang cố gắng làm như vậy, tự nhủ rằng mình đang hành động theo đúng trật tự xã hội và chính trị mới. Tuy nhiên, tôi nghi ngờ rằng ông ấy cảm thấy thanh thản với lương tâm của mình và cảm thấy thoải mái với chính mình ngày hôm nay. Những người đã từng tuyên thệ Hippo-

Anh có muốn gặp lại gia đình không ?

crates đều mang trong mình dấu ấn không thể phai mờ của nó.

Ông Quang không phải là trưởng khoa y của bác sĩ Lê Văn Duyệt. Phía trên ông là bác sĩ Tâm, một phụ nữ, từng học ở Hà Nội và là đảng viên. Trong lĩnh vực y khoa, năng lực của bà Tâm rất hạn chế, kiến thức chung của bà thậm chí còn hạn chế hơn. Giống như tất cả các giám đốc điều hành được đào tạo ở Bắc Việt Nam, hoặc thậm chí ở Đông Âu, bà không nhận ra rằng khoa học đã tiến bộ đáng kể ở các nước phương Tây kể từ những năm 1930 và xã hội đã phát triển.

Đối với bà, các nước phương Tây là những xã hội nơi hàng triệu người thất nghiệp, đói khát phải đối mặt với hàng đàn lính đánh thuê phát xít được trang bị dùi cui và súng máy mỗi ngày.

Nhưng tiến sĩ Tâm là một nhà hoạt động cộng sản chân chính và hoàn hảo. Nếu một nửa số cán bộ của chế độ mới trung thực và liêm khiết như bà, người ta có thể tin vào cách mạng. Bất chấp sự thiếu hiểu biết, bất chấp sự vô ý thức, bất chấp sự tuân thủ mà người phụ nữ này thể hiện.

– Tại sao tù nhân không được hưởng quyền chăm sóc y tế, ngay cả khi họ sắp chết ?

Trước câu hỏi này, một ngày nọ tôi đã mạnh dạn hỏi, bác sĩ Tâm trả lời: «Than ôi !» :

– Tôi là người phụ trách quản lý, tôi không biết phải làm gì cho các tù nhân, đó không phải là việc của tôi.

Khi tôi kể cho bác sĩ nghe về trường

hợp của một tù nhân bị bệnh nặng, đôi khi bác sĩ Tâm sẽ đưa cho tôi vài viên thuốc. Thuốc giảm đau vô hại. Thuốc kháng sinh và vitamin chỉ dành cho các giám đốc điều hành. Bản thân những người lính được điều trị bằng cách nhét tỏi nghiền nát vào mũi. Thuốc tiêm, thuốc thừa hưởng từ «đế quốc Mỹ» chỉ được sử dụng trong những trường hợp nghiêm trọng.

Tôi thường lấy trộm vài viên thuốc để an ủi bạn bè. Mỗi ngày, vào cuối buổi chiều, tôi trở lại phòng giam số 7 và luôn thấy một hoặc một số tù nhân đang gặp khó khăn. Thuốc của tôi có tác dụng về mặt tâm lý nhiều hơn là điều trị. Với thức ăn tồi tệ mà chúng tôi nhận được, trong bầu không khí tù túng của các phòng giam, những tù nhân lớn tuổi bị bệnh

gần như bị kết án tử hình. Mỗi ngày, có một số xác chết được đưa ra khỏi khu vực C đáng sợ.

Một ngày nọ, khi lục soát quần áo của một tù nhân vừa mới chết, lính canh phát hiện ra một viên thuốc aspirin. Tất nhiên là tôi bị nghi ngờ ngay lập tức. Trung úy Ban gọi tôi:

– Để cân nhắc đến quá khứ của anh, tôi muốn tin tưởng anh. Hôm nay tôi thấy rằng anh không xứng đáng với điều đó. Anh đã cố gắng hối lộ lính canh. Bây giờ anh đang ăn cắp thuốc dành riêng cho giám đốc điều hành... Anh là kẻ xấu, anh đang làm việc lén lút chống lại cuộc đấu tranh giai cấp !

Có những quốc gia mà mọi người bị kết án vì không hỗ trợ người đang gặp nguy hiểm. Ở Việt Nam ngày nay thì

Anh có muốn gặp lại gia đình không ?

ngược lại, miễn là người được giải cứu không ở phe chính nghĩa của cách mạng.

Tôi đã may mắn thoát khỏi cảnh phải ở lại ngục tối thêm một lần nữa. Nhưng rõ ràng là không thể để tôi tiếp tục hành vi phạm tội của mình ở bệnh xá. Theo như tôi biết, cả bác sĩ Tâm và bác sĩ Quang đều không can thiệp thay tôi.

Tôi lại phải làm quen với việc sống sót 24 giờ một ngày trong phòng giam hôi thối này. Tuy nhiên, vài tháng được ra ngoài đã giúp tôi lấy lại sức lực, có lẽ là để thoát khỏi một căn bệnh hiểm nghèo.

– Suyt ! Suyt !

Người bạn tù đang thở hổn hển ở cửa vừa quay lại để báo động. Một lính

canh đang tới gần. Ngay lập tức, những nhóm nhỏ đang nói chuyện tách ra, mỗi nhóm vẫn bất động và im lặng tại chỗ của mình.

Tên lính canh xuất hiện ở cửa.

– Đoàn Văn Toại?

– Là tôi đây.

– Hãy mặc quần áo vào và đi làm thôi!

«Công việc»: tiếp tục cuộc thẩm vấn của tôi. Một số người bạn đồng hành nhìn tôi với vẻ lo lắng. Ngược lại, những người khác thì thì thầm: “Tự do ! Anh sẽ được thả ra !” Tôi găm gù, “Tự do hay bị kết án, bất cứ điều gì cũng tốt hơn là thối rữa ở đây”. Người lính canh mở cửa. “Mặc quần áo từ từ”, một giọng nói thì thầm.

Trong phòng giam, chúng tôi sống trong tình trạng chỉ mặc đồ lót, ngực trần. Khi một tù nhân phải ra ngoài, anh ta sẽ mặc quần áo thật chậm để cửa có thể mở được một lúc. Bất kỳ mẹo nào cũng tốt để hít thở không khí trong lành. Khi thức ăn được phân phát, hoặc một tù nhân được đưa vào, luôn có một tù nhân hỏi lính canh những câu hỏi và có được hai hoặc ba phút hít thở không khí trong lành.

– Nhanh lên ! Tên lính hét lên, hấn bắt đầu mất kiên nhẫn khi thấy tôi vụng về cài cúc áo.

Hấn là một thanh niên rất trẻ, chỉ mới mười sáu tuổi, mặc bộ đồng phục màu vàng mới mà cảnh sát mới bắt đầu mặc. Hấn cố gắng làm mọi người quên đi tuổi tác của mình bằng phong thái quân đội, súng máy bên hông và giọng

nói giòn giã.

– Tiến lên nào ! Bước ! Sang bên trái ! Phải ! Đứng yên tại đây và đừng di chuyển !

Hắn mở cửa văn phòng, thông báo tôi đã đến và gọi tôi vào.

Đó là một căn phòng rất nhỏ. Ngồi phía sau chiếc bàn kim loại được sản xuất tại Hoa Kỳ là một người quản lý ngoài năm mươi tuổi. Ở một bên, có một chàng trai trẻ hơn nhiều, khoảng hai mươi lăm tuổi, nhưng không mở miệng. Chắc hẳn là một điều tra viên tập sự đang tham gia khóa đào tạo thực hành... Viên sĩ quan chào tôi, hỏi thăm sức khỏe, gọi tôi là «anh».

– Anh có được đối xử tốt không ? Hay ngược lại bị ngược đãi ? Anh có điều

Anh có muốn gặp lại gia đình không ?

gì muốn phàn nàn không? Anh có muốn gặp lại gia đình mình không?

Tôi không còn quen với sự chu đáo như thế nữa. Đúng là người đàn ông này là người miền Nam, điều này có thể giải thích cho sự thân thiện này, rất hiếm thấy ở những người miền Bắc. Nhưng nó cũng có thể là sự đạo đức giả thuần túy. Than phiền cũng chẳng có gì là điên rồ! Nhưng không phàn nàn thì cũng vụng về không kém. Tôi cố gắng dung hòa hai yêu cầu trái ngược này và cân nhắc lời nói của mình một cách cẩn thận.

– Người ta không thể nói rằng mình đang ổn khi là tù nhân, và tôi rất nhớ gia đình mình. Nhưng tôi đặc biệt muốn biết lý do tại sao tôi bị bắt. Hãy cho tôi biết lỗi lầm của mình để tôi có thể suy ngẫm và sửa chữa.

– Đây chính xác là điều chúng tôi sẽ cố gắng làm rõ. Cán bộ cho biết.

Sau đó là một bài phát biểu dài, trong đó nêu rõ rằng cách mạng rất hối tiếc vì đã phải hạn chế quyền tự do của hàng trăm ngàn người Việt Nam. Nhưng họ phải làm vậy để bảo vệ họ khỏi cơn thịnh nộ của người dân, những người không tha thứ cho tội ác của bè lũ bù nhìn.

– Đối với anh, viên cảnh sát kết luận, vẫn còn một số điểm chưa rõ ràng. Anh phải trình bày chi tiết tất cả các mối liên hệ của anh với Mặt trận Giải phóng Dân tộc và giải thích các chuyến đi nước ngoài của anh.

Tôi được đưa cho một vài tờ giấy và một cây bút chì, rồi ngồi vào một chiếc bàn ở phòng bên cạnh.

Anh có muốn gặp lại gia đình không ?

Tôi đã mong đợi mình sẽ phải lặp lại công việc mà tôi đã từng làm ở Nhà tù Trần Hưng Đạo. Những người cộng sản thực sự đam mê lý lịch. Từ năm 1975, tất cả người Việt Nam đều phải viết lại câu chuyện về cuộc đời mình nhiều lần, một lần là để tổ chức khu phố hay làng xã, một lần cho công ty nơi bạn làm việc, một lần cho tổ chức thanh niên, hoặc tổ chức phụ nữ, hoặc công đoàn... Tất nhiên, tất cả những tài liệu này đều được chuyển đến cảnh sát, nơi hàng ngàn viên chức sẽ xem xét kỹ lưỡng, so sánh, đối chiếu chúng với các lời khai của cha mẹ, bạn bè, họ hàng, cấp trên hoặc cấp dưới của bạn.

Tất nhiên, những người đóng vai trò nhất định trong đời sống chính trị hoặc kinh tế dưới chế độ cũ, công chức, quân

nhân, là đối tượng được chú ý đặc biệt. Khốn thay cho kẻ nào tự mâu thuẫn từ lý lịch này sang lý lịch khác ! Khốn khổ thay cho bất kỳ ai «quên» báo cáo về một sự việc trong cuộc đời mình mà cảnh sát phát hiện ra trong báo cáo của bên thứ ba ! Tòa án dị giáo đang truy lùng ông và ông sẽ phải đối mặt với lệnh bắt giữ.

Cũng không cần phải nói rằng những câu chuyện của những người đã bị giam giữ được xem xét kỹ lưỡng từng dòng, và họ lấy làm thích thú ác ý khi yêu cầu tù nhân, dưới nhiều lý do khác nhau, bắt đầu lại.

Do đó, tôi đang lần lại «lịch sử» mối quan hệ của tôi với các thành viên của Mặt trận hoặc đảng cộng sản dưới chế độ cũ : Huỳnh Tấn Mẫm, Trần Khiêm, Dương Văn Đây, v.v... Và tôi thêm một bản tường thuật chi tiết hơn về những

chuyến đi nước ngoài của mình, mà tôi chưa trình bày nhiều trong lý lịch trước đây của mình.

Vào tháng 12 năm 1970, với tư cách là phó chủ tịch Tổng hội Sinh viên Sài Gòn, phụ trách quan hệ đối ngoại, tôi đã có chuyến đi đến Pháp và Hoa Kỳ để tuyên truyền lập trường và cuộc đấu tranh của chúng tôi.

Ở Paris, tôi đã phát biểu tại một cuộc họp do những sinh viên Việt Nam ủng hộ Mặt trận Dân tộc Giải phóng tổ chức (hầu hết họ đều có mặt tại thời điểm đó...). Nhưng tôi cũng muốn liên lạc trực tiếp với phái đoàn Bắc Việt khi đó đang đàm phán với người Mỹ trên Đại lộ Kléber.

Thông qua một loạt các trung gian, mỗi người lại bí ẩn hơn người trước, tôi đã đạt được mục tiêu của mình. Vợ của một bác sĩ, một đảng viên đảng cộng sản Việt Nam, đã giới thiệu tôi với một người tên là Trần Sơn, người đã chở tôi vào một buổi tối trên chiếc Renault nhỏ, chiếc xe đã bị bỏ lại sau nửa giờ để tôi lên chiếc xe thứ hai... Đúng là một tiểu thuyết gián điệp.

Chiếc xe hướng về vùng ngoại ô, hướng về phía tây, tôi nghĩ vậy, nhưng tôi không biết thành phố này, và trời tối. Chúng tôi dừng lại trước một tòa nhà hiện đại lớn, giống như hàng trăm tòa nhà khác, và đi lên một căn hộ hoàn toàn bình thường. Không có cửa bọc thép hay lính gác nào được nhìn thấy... Người thuê nhà, tự giới thiệu là Nguyễn Phương, là một thanh niên gầy gò, và tôi

thấy vợ anh ta đang dỗ hai đứa con đi ngủ.

Nhưng trong phòng khách, hai thành viên của phái đoàn Bắc Việt Nam tham dự hội nghị Paris đang đợi tôi. Một trong số họ là người phát ngôn, Nguyễn Thanh Lê, một người đàn ông nhỏ con, đeo kính, ngoài bốn mươi tuổi, khá xấu xí và không bao giờ cười.

Bị cuốn hút bởi bầu không khí bí mật, tôi chỉ giới thiệu mình tên là Đoàn, và khi kết thúc cuộc phỏng vấn, tôi để lại địa chỉ là của một người bạn ở Sài Gòn.

Cuộc phỏng vấn này làm tôi vô cùng thất vọng. Nguyễn Thanh Lê nói những câu sáo rỗng được đúc sẵn, giống như trong các cuộc họp báo của ông, mà tôi được biết, khiến các nhà báo phương Tây chán ngắt vì không quen nói chuyện với

robot. Người ta nói đến «sự phát triển của các lực lượng tiến bộ» ở miền Nam Việt Nam, về «những khó khăn ngày càng gia tăng của đế quốc Mỹ và chính quyền bù nhìn»: không có gì mới, không có gì chưa từng có, không có gì bí mật. Tôi chỉ là một sinh viên miền Nam trẻ tuổi, dễ mẫn, và những người của đảng chỉ nói chuyện với những người của đảng. Tôi được chúc mừng về cuộc đấu tranh giành hòa bình của sinh viên, được trao một số tài liệu (bao gồm chương trình của đảng và các văn bản của Hồ Chí Minh mà không thể tìm thấy ở Sài Gòn) và được hộ tống ra ngoài.

Chuyến đi đến Hoa Kỳ, nơi tôi được Ủy ban Sinh viên Phản chiến mời đến phát biểu tại một số trường đại học lớn (Berkeley, Stanford, v.v.), thậm chí còn đáng thất vọng hơn.

Anh có muốn gặp lại gia đình không ?

Lúc đầu, tôi rất ngạc nhiên khi thấy hầu hết sinh viên Mỹ đều phản đối chiến tranh Việt Nam. Nhưng tôi sớm bắt đầu cảm thấy thực sự lo lắng khi phát hiện ra bản chất đơn giản và ích kỷ trong lý luận của họ. Bởi vì họ lên án chính sách của chính phủ mình, họ tin rằng họ phải chấp thuận một cách thiếu phê phán chính sách của chính phủ đối lập. Đó là giấy chứng nhận sự tiến bộ của họ.

Họ đeo phù hiệu có hình ảnh Hồ Chí Minh hoặc Mao Trạch Đông, cùng khẩu hiệu: Chiến thắng cho Mặt trận Giải phóng miền Nam ! Họ bảo vệ nhiều vị trí cấp tiến... hơn cả FNL. Tôi, người thực sự chiến đấu trong phe đối lập ở Sài Gòn, xuất hiện trên các trường đại học ở Mỹ như một người biểu tình nhút nhát. Những chàng trai trẻ cao, tóc dài mặc quần jean xanh, những Jane Fondas

nồng nhiệt đã ôm tôi, gần như muốn nói rằng: «Tất cả đều ở trong khu, và cách mạng vạn tuế!» Tất cả chúng ta, tất nhiên, người Việt Nam, không phải họ.

Họ không hiểu được sự phức tạp của tình hình. Những người hiểu biết nhất, thường là các giáo sư, đã hỏi tôi những câu hỏi ngớ ngẩn sau bài thuyết trình của tôi về những nhân vật tâm thường mà họ tin rằng họ thấy có thể là vị cứu tinh cho miền Nam: Bà Ngô Bá Thành, Tướng Dương Văn Minh...

Nhìn chung, với một kiểu khổ tâm dữ dội, họ dường như chỉ mong muốn một điều duy nhất : sự chiến thắng của Mặt trận. Tôi có thể hiểu điều đó nếu cần thiết. Người Mỹ, những người chỉ đạt được sự giải phóng vào cuối thế kỷ 18, cảm thấy tội lỗi vì đã phạm tội ác chiến tranh thuộc địa. Bằng một kiểu phản xạ

thanh giáo và tự trừng phạt, họ muốn cái thiện chiến thắng cái ác, muốn Mặt trận Giải phóng Việt Nam chiến thắng chủ nghĩa thực dân Mỹ.

Nhưng làm sao tôi, người được cử vũ tại các giảng đường ở Berkeley và Stanford, có thể giải thích với họ rằng mọi thứ không đơn giản như vậy ? Để họ hiểu rằng phản đối chế độ độc tài Thiệu và chủ nghĩa đế quốc Mỹ không có nghĩa là ủng hộ chế độ độc tài của đảng cộng sản ?

Nhiều khi nản lòng, tôi sẽ kết thúc cuộc trò chuyện mà không làm rõ vấn đề. Bực mình vì sự «cuồng tín» của họ, tôi vẫn nghĩ rằng với Mặt trận Giải phóng miền Nam, chúng ta sẽ tạo ra một miền Nam Việt Nam khác biệt, khoan dung và tự do hơn. Và tôi cũng thấy rất rõ ràng rằng, cuối cùng, ngoài phản xạ chống

chủ nghĩa thực dân, trong số nhiều người Mỹ, có một động cơ hoàn toàn ích kỷ : cuộc chiến này phải chấm dứt vì nó gây thiệt hại rất lớn về sinh mạng và tiền bạc cho người Mỹ. Cho dù ủng hộ chiến tranh hay hòa bình, hầu hết người Mỹ chủ yếu quan tâm đến đất nước và bản thân họ, chứ không phải đến Việt Nam hay người Việt Nam.

Khi trở về Sài Gòn, vào những ngày cuối năm 1970, tôi thấy ở nhà người bạn mà tôi đã cho địa chỉ trong cuộc gặp với các đại biểu từ Bắc Việt Nam tại Paris một thư thay mặt Đoàn. Một lá thư hai dòng, được đánh máy, không ký tên và gửi đến Chợ Lớn, Phố Tàu. Một cảnh báo đơn giản :

“Hãy cẩn thận để tránh sự điều tra của mật vụ Sài Gòn.”

Vẫn thích những phương pháp bí mật. Nhưng đó cũng là cách để cho tôi biết rằng «họ» đã ghi nhận kỹ chuyến thăm Paris của tôi, rằng «họ» vẫn luôn theo dõi tôi, rằng «họ» vẫn luôn để mắt đến tôi, vừa bảo vệ vừa quan tâm.

Tiếng chiêng vang lên trong tù : đã trưa rồi. Trong vài phút vừa qua, tôi đã đọc lại những gì mình đã viết. Cán bộ bước vào phòng:

– Bạn đến đâu rồi ?

– Tôi đã hoàn thành những gì anh yêu cầu.

Tất nhiên, câu chuyện của tôi không được viết theo cùng một cách như câu chuyện bạn vừa đọc. Nhưng nó vẫn như vậy, theo một phiên bản tiến bộ hơn...

Tôi đã đến Pháp theo yêu cầu của UNEF và Hội sinh viên Việt Nam, tôi đã phát biểu trước công chúng về cuộc đấu tranh giành độc lập của sinh viên Sài Gòn, tôi đã gặp đại diện của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại hội nghị Paris. Tôi đã phát biểu tại Hoa Kỳ trong các cuộc họp của sinh viên cấp tiến, phản đối chiến tranh đế quốc, v.v. Không có một từ nào sai sự thật trong những gì tôi viết. Đơn giản là chỉ có những từ ngữ được hệ tư tưởng chính thức chấp nhận, không có gì có thể gây ra nghi ngờ. Chế độ này không chấp nhận sự nghi ngờ. Đối với họ chỉ có sự thật và sai lầm. Họ nắm giữ sự thật. Bất kỳ ai do dự đều sai lầm và do đó cần phải được giáo dục lại. Hơn nữa, vì họ nắm giữ sự thật nên người bị bắt phải có tội. Do đó, việc muốn chứng minh rằng mình hoàn toàn vô tội là vô cùng nguy

Anh có muốn gặp lại gia đình không ?

hiểm: nó đặt ra câu hỏi về bản thân cuộc cách mạng.

– Vậy, Toại, mọi việc diễn ra thế nào ?

Bất cứ khi nào có ai đó bị thẩm vấn, một sự kiện hiểm hoi, đồng đội của anh ta sẽ kéo đến vây quanh anh ta. “Họ” muốn biết điều gì ? Bạn đã được kể những gì về tương lai ? Bạn có nghĩ họ sẽ thả bạn ra không?

Tôi biết chính xác vị trí của mình. Tôi đã bị nhốt 477 ngày. Từ khi vào trại giam Trần Hưng Đạo, tôi đã gặp hơn năm trăm tù nhân. Trong số này, chỉ có sáu người được thả. Nhưng bốn người trong số họ đã bị cầm tù trước khi miền Nam được giải phóng vào năm 1975, và

hai người còn lại là phụ nữ. Tôi không có ảo tưởng.

Những người bạn tù thường ăn cùng tôi và chờ tôi về để ăn trưa đều gặt đầu. Đúng vậy. Tốt hơn hết là đừng tự kể chuyện cho mình. Chúng tôi ở đây để đi đường dài.

Trong nhóm nhỏ cùng ăn với tôi, có Đặng Giao, một nhà báo, người mà vụ bắt giữ đáng kinh ngạc sẽ được kể lại sau, và luôn tìm được cách để nói đùa :

– Đi thôi ! Ăn. Thực đơn bữa trưa nay không được ngon lắm, nhưng tối nay tôi sẽ đưa bạn đến Maxim's, được chứ ? Và chúng ta sẽ nhảy !

Trên thực tế, “thực đơn” ngày càng tệ hơn. Bát cơm ăn hai lần mỗi ngày hiện chỉ gồm gần 50 gram gạo «đen», loại gạo

được người dân miền núi miền Trung Việt Nam trồng để chăn nuôi. Phần còn lại được làm từ bột mì nấu chín ít nhiều, có thể là từ nguồn dự trữ của Mỹ. Giá mà nó được phục vụ cho chúng ta dưới dạng bánh mì... Nhưng đó chỉ là một loại cháo loãng trộn với gạo đen. Chúng tôi nuốt trọn phần thức ăn ít ỏi này một cách ngon lành, hai lần một ngày.

Một thành viên khác trong nhóm nhỏ của chúng tôi, Đông, lấy ra một miếng đường nhỏ từ nơi cất giấu của mình và khẳng khẳng bắt tôi ăn nó :

– Họ đang thăm vấn anh, anh cần sức mạnh, hãy nắm lấy ! Anh có thể thoát khỏi đây được rồi. Tôi già rồi, thông tin của tôi vẫn tốt...

Ông Đông là một ngư dân năm mươi bốn tuổi đến từ Vũng Tàu. Ông

sở hữu một chiếc thuyền nặng hai mươi tấn. Ông bị bắt cách đây sáu tháng với cáo buộc cố gắng rời khỏi Việt Nam một cách bất hợp pháp.

– Tôi chưa bao giờ nghĩ đến việc rời khỏi đất nước, và bây giờ tôi hối hận ! Ông ấy tâm sự với chúng tôi. Tôi không phải là công chức cũng không phải là quân nhân, tại sao tôi lại phải ra đi ? Tôi có ba đứa con và vợ tôi đang mong đợi đứa con thứ tư. Tôi không biết làm sao họ có thể cáo buộc tôi muốn «trốn thoát» khỏi đất nước. Đặc biệt là trước đây tôi thường sử dụng thuyền của tôi để tiếp tế cho lực lượng du kích Việt Cộng... Sau đó, thằng Nam – chỉ huy ở khu vực Vũng Tàu, khi gặp tôi, nó ngoảnh lại không nói một lời, không chào hỏi. Để làm gì? Tôi không biết. Tôi nghĩ họ chỉ muốn đánh cắp thuyền của tôi nên tôi phải là nghi

phạm. Tôi đã bị tố cáo, bị buộc tội chuẩn bị vượt ngục bất hợp pháp. Tôi là một kẻ ngốc. Nếu biết trước thì tôi đã rời đi rồi.

Vào đầu giờ chiều, tên lính nhỏ lại đến gọi tôi đi “làm việc”. Người quản lý đọc xong các tờ giấy tôi viết vào buổi sáng, sau đó bảo tôi ngồi xuống. Anh ta cau mày tỏ vẻ không hài lòng.

– Những gì anh viết ở đó và những gì anh viết trước đó không giải thích được tại sao anh không bao giờ đồng ý trở thành thành viên của Mặt trận, mặc dù anh đã được mời ?

– Tôi đã hợp tác với Mặt trận. Và nếu không trở thành thành viên là một tội ác thì hầu như tất cả người dân miền Nam Việt Nam đều là tội phạm. Nhưng vẫn còn điều nữa...

Tôi sắp chơi một ván bài mạo hiểm, và tôi giả vờ do dự. Tay cán bộ chăm chú nhìn tôi :

– Còn gì nữa không?

– Thực ra, thành thật mà nói, tôi không hứng thú với FNL bằng đảng. Tôi biết rõ rằng Mặt trận là một tổ chức lâm thời, còn sức mạnh thực sự và lâu dài chính là đảng. Tôi nghĩ rằng một ngày nào đó tôi sẽ có cơ hội được tiếp xúc trực tiếp với đảng.

Người sĩ quan mỉm cười. Lời giải thích này có vẻ hợp lý với hắn, ít nhất là ở thời điểm hiện tại. Hắn tấn công vào một điểm khác :

– Anh đã giấu một số điều trong lý lịch của mình, những điều quan trọng. Ví dụ, về mối quan hệ của anh với cảnh

sát mật của chính quyền bù nhìn...

– Mỗi quan hệ của tôi với cảnh sát bù nhìn ! Vấn đề đáng nói ở đây là những rắc rối của tôi với họ ! Chưa kể đến việc tôi bị bắt, tôi thường bị theo dõi và do thám. Đã bao nhiêu lần tôi phải ngủ tại nhà bạn bè để tránh sự truy tìm của cảnh sát Cio ! (CiO : Để chế giễu và ám chỉ CIA, người Việt Nam gọi các cơ quan tình báo và đặc biệt của Thiệu bằng từ viết tắt CiO.)

– Không phải lúc nào anh cũng phát hiện ra chúng. Một buổi tối nọ, anh đã dùng bữa tối tại nhà hàng «Đồng Khánh» với một trong những người đại diện của họ...

– Có, họ đã từng cố mua tôi một lần. Và tôi biết trò chơi của họ. Nhưng anh biết đấy, tôi chưa chơi trò đó bao giờ.

Anh có kho lưu trữ của họ mà họ không có thời gian để tiêu hủy. Có thể dễ dàng xác minh rằng tôi chưa bao giờ hợp tác với họ. Tôi là người đã sử dụng người đại diện của họ, người mà tôi đã cùng ăn tối ở nhà hàng «Đồng Khánh»...

– Chúng tôi đang kiểm tra tất cả những điều này. Trong khi đó, anh sẽ nói trường hợp này một cách chi tiết.

Cán bộ đưa cho tôi một cây bút chì và một vài tờ giấy rồi tôi bắt đầu viết lại.

Tôi lo lắng nhiều hơn những gì tôi thể hiện. Đúng là trong vụ việc xảy ra từ năm 1970 này, tôi là con mèo còn điệp viên CiO là con chuột. Nhưng tôi chỉ từng kể chi tiết về điều đó với một người

Anh có muốn gặp lại gia đình không ?

bạn, cô Tô Thị Túy, đồng nghiệp của tôi tại ban thư ký đối ngoại của Hội sinh viên. Tuy, là thành viên của Mặt trận, đã yêu tôi, và FNL đã yêu cầu cô ấy phải chấm dứt mối quan hệ (hoàn toàn trong sáng) với tôi. Sau đó, cô ấy kết hôn với một trong những sinh viên bị giam cầm mà tôi đã giúp giải thoát. Anh ấy ghen tị với tôi. Có phải sự thiếu thận trọng bắt nguồn từ đó không ?

Trong mọi trường hợp, tôi đã phạm sai lầm khi không kể câu chuyện này cho đến lúc đó, điều này rõ ràng đã thu hút sự nghi ngờ của các nhà điều tra của chế độ mới.

Một ngày nọ, trong một cuộc họp tại trường đại học phản đối các nỗ lực quân sự hóa sinh viên, tôi để ý thấy bên cạnh mình một thanh niên đeo kính đã có hành động can thiệp đặc biệt mạnh mẽ

và được hoan nghênh rất nhiều. Anh tự giới thiệu mình là Nguyễn Văn Điệp, và gọi mình là Vân. Tôi chưa từng gặp anh ấy trước đây, nhưng vì quá phấn khích nên tôi không ngạc nhiên, và tôi cũng không tự hỏi anh ấy thuộc khoa nào.

Mười lăm ngày sau cuộc họp này, tôi nhận thấy ngôi nhà của tôi liên tục và công khai bị hai cảnh sát mặc thường phục theo dõi. Hai cảnh sát nhỏ, hơi đáng thương, nhưng lúc nào cũng giống nhau. Trớ trêu thay, một ngày rất nóng nực, tôi đã mời họ vào nhà uống một cốc nước. Điều ngạc nhiên là họ đồng ý. Họ yêu cầu tôi dừng chống lại việc giám sát này, rằng đó là mệnh lệnh, v.v... Sau đó, họ phàn nàn về sự nô lệ trong nghề nghiệp của họ, và tôi đã thông cảm một cách tử tế.

Anh có muốn gặp lại gia đình không ?

Một hoặc hai ngày sau, một trong hai người phục vụ nói với tôi :

- Ông sếp muốn gặp anh.
- Sếp của anh à ? Để làm gì ?
- Ông ấy sẽ tự nói cho anh biết. Ông sẽ gọi cho anh vào tối nay lúc 11 giờ.

Mười một giờ đêm, ngay cả ở Sài Gòn, nơi mọi người tận hưởng không khí mát mẻ của ban đêm muộn nhất có thể, cũng là giờ muộn. Một giờ dành cho những người đến từ thế giới đen tối.

Điện thoại thực sự đã reo vào đúng giờ đã hẹn. Đầu tiên, người đối thoại với tôi – người đã tự giới thiệu mình dưới một cái tên giả – đã nịnh nọt tôi đến mức khiến một người ngây thơ phải nghi ngờ. Rõ ràng là tôi là một nhà lãnh đạo xuất chúng, chắc chắn tôi có tương lai chính

trị tươi sáng, v.v...

Tôi để ông ấy nói, chú ý lắng nghe giọng nói mà tôi đã từng nghe. Một số chi tiết mà người đàn ông đó biết về hoạt động của tôi và tôi đã thúc giục anh ta làm rõ, giúp tôi dần hiểu được nhân vật này. Ông tiếp tục :

– Có người nói với tôi rằng anh chịu ảnh hưởng của những người cộng sản, nhưng tôi không thể tin được.

Tôi cười khẩy và trả lời :

– Ông có thể muốn tôi cung cấp bằng chứng để có thể nhốt tôi lại ?

– Thôi nào, thôi nào ! Giữa chúng ta không hề có chuyện như vậy. Tôi rất muốn được làm quen với anh. Chúng ta không thể cùng nhau ăn tối sao ?

Anh có muốn gặp lại gia đình không ?

Lần này tôi đã chắc chắn về trường hợp của mình, tôi đã nhận ra giọng nói đó. Người cảnh sát vô danh của tôi là Nguyễn Văn Điệp, thường gọi là Vân, một sinh viên đeo kính đã đứng cạnh tôi trong một cuộc biểu tình phản đối chính quyền quân sự... Tôi đưa lá bài của mình ra với vẻ chế giễu:

– Với tôi có vẻ như chúng ta đã biết nhau một chút rồi. Bạn đeo kính và đi xe Vespa, đúng không ?

Anh ta không phải là một cảnh sát cấp cao với sự điềm tĩnh tuyệt đối. Anh ấy đứng đó vài giây rồi quyết định cười. Rốt cuộc, nếu anh ấy muốn gặp tôi thì việc giữ nguyên chiếc mặt nạ có ý nghĩa gì ?

– Được thôi, thừa nhận đi... Vậy thì có ổn không ?

Một cuộc hẹn được ấn định vào ngày kia, tại “Đồng Khánh”, một hộp đêm ở Chợ Lớn, khu phố người Hoa. Khiêu vũ, thoát y và tiệc tối công việc kín đáo. Văn đang đợi tôi ở lối vào, một cái bàn đã được đặt trước, và rõ ràng anh ta là khách quen ở nhà. Với lý do muốn xem chương trình rõ hơn nhưng thực chất lại sợ micro ẩn, tôi đã yêu cầu đổi bàn. Văn ngạc nhiên, do dự, nhưng anh không còn lựa chọn nào khác. Cũng vì lý do đó mà việc chụp ảnh rất dễ sử dụng, tôi đã gạt sang một bên hai phục vụ nữ đang cố ngồi xuống gần chúng tôi, những người mà Văn đã chào đón với thái độ vui vẻ của một người có ý định vui vẻ.

Bữa tối vì thế mà trở nên buồn tẻ. Văn xấu hổ và lảng tránh vấn đề. Tuy nhiên, vào cuối bữa ăn, anh ấy quyết định đưa ra lời đề nghị công việc mà tôi

đã háo hức chờ đợi :

– Tại sao chúng ta không trao đổi thông tin thường xuyên nhỉ ? Bạn là một sinh viên hoạt động, bạn ở phe đối lập, vậy thì không cần phải thay đổi bất cứ điều gì trong quan điểm hay cuộc sống của bạn. Đơn giản là bạn sẽ cho tôi biết đôi chút về những gì đang diễn ra và tôi có thể cho bạn một số lời khuyên. Trao đổi những thông lệ tốt...

Tôi không hề nao núng. Văn phải tự nhủ rằng mình chưa thả đủ mối.

Như thế đó là một chi tiết nhỏ, hần tiếp tục :

– Tất nhiên, để bù đắp, anh sẽ nhận được một khoản trợ cấp. Lên đến 20.000 đồng mỗi tháng. Và nếu bạn có chi phí...

Hai mươi ngàn đồng là mức lương của một thư ký song ngữ giỏi, của một đại úy trong quân đội. Tôi vẫn giữ thái độ bình thản. Văn đốt hết những viên đạn cuối cùng, với những điệu bộ thể hiện sự nhiệt tình :

– ... và tất nhiên, bạn sẽ được bảo vệ ! Với anh, không có chuyện phải động viên vào quân đội, chúng tôi sẽ lo liệu chuyện đó. Và nếu bạn muốn theo đuổi sự nghiệp chính trị, như tôi tin là bạn muốn, vì bạn có đủ năng khiếu cho việc này, chúng tôi có thể giúp mọi việc trở nên dễ dàng hơn nhiều cho bạn...

Đã đến lúc phải tắm nước lạnh cho Văn. Tôi ngồi thẳng dậy trên chiếc ghế mà tôi đã ngồi gục xuống khi nghe anh ấy nói, chống khuỷu tay lên bàn và sắp xếp câu trả lời của mình như một thông cáo chính trị. Tôi bắt đầu hiểu được rồi.

Anh có muốn gặp lại gia đình không ?

Đầu tiên, tôi nói với anh ấy rằng tôi không quan tâm đến nghĩa vụ quân sự vì tôi đã được miễn trừ theo luật định.

Thứ hai, tôi có thể kiếm được 20.000 đồng dễ dàng bằng cách dạy kèm cho con em của tầng lớp tư sản giàu có ở Sài Gòn. Mức giá trung bình cho một gia sư vào thời điểm đó là 200 đồng một giờ. Nhưng tôi có một phương pháp chắc chắn để kiếm được 500. Khi những người mới vào nghề (và có rất nhiều người) tiếp cận tôi, tôi luôn trả lời rằng mức giá của tôi khá cao, nhưng tôi có thể gửi cho họ một sinh viên năm nhất ít đòi hỏi hơn... Lần nào cũng vậy, cách này đều hiệu quả. Họ không chỉ đồng ý trả 500 đồng cho những bài học chất lượng cao mà tôi phải dạy cho con em họ mà còn khoe khoang với bạn bè và gia đình,

điều này càng làm tăng thêm sự nổi tiếng của tôi.

Trong mọi trường hợp, tôi không quan tâm đến tiền của CiO. Nếu tôi chấp nhận cuộc gặp gỡ này ở «Đồng Khánh» thì đó là vì tò mò, và cũng là một thử thách. Tôi không thể không đưa ra lời thách thức cho Văn, người có lẽ đã bắt đầu hiểu rằng anh ta đã đến nhầm cửa :

– Anh nên suy nghĩ một chút về lịch sử Việt Nam trong vài năm qua. Sau khi Diệm sụp đổ, tất cả những người làm việc cho cảnh sát mật đều bị bắt. Sau khi Thiệu sụp đổ, điều đó sẽ xảy ra một ngày nào đó, chúng tôi sẽ bắt giữ tất cả những người như anh. Tôi nghĩ về tương lai của đất nước, và anh biết rõ rằng anh không phải là tương lai.

Văn đã co lại rõ rệt. Anh không còn

Anh có muốn gặp lại gia đình không ?

đóng vai James Bond nữa; anh ta không có đủ tố chất. Anh ta chẳng qua chỉ là một cảnh sát hạng ba, nhỏ bé, đã bỏ lỡ cơ hội và sắp bị cấp trên khiển trách vì hóa đơn 6.000 đồng. Anh ta thú nhận với tôi rằng anh ta chỉ làm công việc này như một kẻ chỉ điểm để trốn tránh nghĩa vụ quân sự, và điều đó khiến anh ta khá ghê tởm...

Quan trọng hơn hết, để phân định rõ ràng, chính tôi là người trả tiền. Tôi không đủ khả năng chi trả, nhưng nó rất đáng giá... Tay nhân viên CiO nhỏ bé vô cùng biết ơn. Sau đó, anh ấy thường chỉ ra cho tôi những rủi ro mà một hoặc một số đồng chí của tôi đang phải đối mặt, hoặc thời điểm tốt nhất để tổ chức một cuộc biểu tình. Anh ấy không bao giờ yêu cầu tôi cung cấp bất kỳ thông tin nào.

Tôi không biết chuyện gì đã xảy ra với anh ta sau ngày 30 tháng 4 năm 1975. Có lẽ chính anh đã bị “nấu chín” ở đâu đó trong nhà tù của chế độ mới, một ngày nọ đã nói về những công lao anh ta đã đóng góp cho cách mạng, nhắc đến tên tôi và cuộc gặp gỡ của chúng tôi tại «Đồng Khánh»...

Vào cuối buổi chiều, tôi được đưa trở lại phòng thẩm vấn. Cán bộ lấy tờ giấy rồi đuổi tôi đi mà không hỏi một câu.

Anh có muốn gặp lại gia đình không ?

15

MÓN CANH LÊ VĂN DUYỆT

Thật khó để ngủ sau khi bị thẩm vấn. Tôi suy nghĩ đi suy nghĩ lại trong đầu những câu hỏi đã được hỏi và những câu trả lời tôi đã đưa ra. Tôi ôn lại trong đầu một trăm hay một trăm hai mươi trang đã viết kể từ khi tôi vào tù để thỏa mãn trí tò mò không ngừng của cơ quan điều tra cộng sản. Tôi đã không cung cấp thông tin chi tiết, đánh giá có thể được sử dụng để chống lại tôi sao ? Liệu họ có tìm thấy trong “tiểu sử” của

một người nào đó biết tôi một tình tiết mà tôi đã cố tình không kể lại không ?

Bên cạnh tôi, ông Đông, một ngư dân già, nhận ra rằng tôi không ngủ. Các tù nhân nằm nghiêng và bị nhồi chặt đến mức đầu họ chạm vào nhau. Anh ấy thì thâm với tôi :

– Thông thường, anh sẽ ngủ ngay khi vừa nằm xuống. Và tôi lắng nghe tiếng ngáy của anh. Đó là may mắn của tuổi trẻ. Khi chúng ta già đi, việc ngủ sẽ khó khăn hơn, đặc biệt là ở đây. Khi màn đêm buông xuống, đó là lúc phải lo lắng. Cố gắng làm cho tâm trí mình thanh thản ; không có ích gì khi suy nghĩ lại, ngoại trừ việc làm tăng sự nản lòng và làm suy yếu sức đề kháng. Anh còn trẻ, anh phải chống cự, anh sẽ thoát khỏi đây...

– Thật khó để không bao giờ nghĩ

đến những người nghĩ đến chúng ta. Mẹ tôi, người có lẽ khóc cả ngày lẫn đêm, tôi hiểu bà. Vợ tôi chắc hẳn đang vô cùng lo lắng. Và các con tôi, chúng sẽ sớm không còn nhận ra tôi nữa...

Ông Đồng dũng cảm, người mà tôi gọi là “chú”, theo kiểu Việt Nam, nói với tôi như một người cha, với tình cảm và sự giản dị. Người hàng xóm khác của tôi, nhà báo Đặng Giao, cũng đang thức, tham gia vào cuộc thì thầm của chúng tôi. Với khiếu hài hước đen tối mà anh thích sử dụng, và đó cũng là cách anh bảo vệ mình khỏi sự tuyệt vọng, anh thì thầm :

– Tôi vừa tìm thấy một chủ đề tuyệt vời cho một bộ phim, tôi sẽ thực hiện khi hoàn cảnh của tôi thực sự được cải thiện... Ở đây, sau mười năm sống trong trại lao động, trong rừng rậm, một người

đàn ông trở về nhà. Ông có mái tóc trắng, chòm râu dê dài và đang dựa vào một cây gậy. Vợ ông, người đã kết hôn với một bộ đội, nhìn thấy ông già này đang do dự trước nhà, bà nói với người chồng mới của mình: “Nhìn kìa, một người ăn xin !” Bà sai người con trai cả đi bố thí cho người đàn ông nghèo khổ đó, tất nhiên đó là cha của anh ta...

Chúng tôi cùng cười, cảm giác thật dễ chịu. Trong một thời gian dài, chúng tôi vẫn thì thầm. Chúng tôi đang nói về cách đảng cộng sản không chỉ sử dụng FNL mà còn sử dụng hàng ngàn người ủng hộ hòa bình, như tôi, để đạt được chiến thắng.

– Anh còn nhớ tác phẩm Tam Quốc Chí trong lịch sử Trung Quốc không ? Tôi nói. Một quốc gia sẽ liên minh với quốc gia yếu hơn để đánh bại quốc gia

thứ ba. Sau đó, vị vua chiến thắng mạnh nhất sẽ loại bỏ đồng minh của mình. Câu chuyện vẫn vậy...

– Đúng vậy, Đông nói với giọng trách móc thân thiện, và những người như anh mở mắt ra rất muộn.

– Tôi thật ngu ngốc, tôi nói.

– Anh không phải là người duy nhất. Tôi cũng vậy, và hàng triệu người khác nữa, Đông trả lời. Thôi nào Toại, cố ngủ đi. Anh có thể lại được gọi đi «làm việc» vào ngày mai.

Quả nhiên, sáng hôm sau, tôi lại bị triệu tập đến trước mặt thanh tra cảnh sát. Không ngờ anh lại tặng tôi một tách trà. Nhưng những câu hỏi tiếp theo mà ông đặt ra chứng tỏ sự thiếu hiểu biết về

giáo phái hoặc sự thiếu thiện chí khiêu khích.

– Có người nói với tôi rằng anh đã tham gia các hội nghị của sinh viên châu Á chống cộng sản ở Hồng Kông và Manila.

– Chống cộng sản ? Đây là lời nói dối trắng trợn ! Với tư cách là đại biểu quan hệ đối ngoại của Hội sinh viên, tôi đã tham gia các cuộc họp của Hiệp hội Sinh viên Châu Á (ASA), một tổ chức trực thuộc Phong trào Sinh viên Quốc tế, đại diện cho UNESCO. Ở Hồng Kông, bản thân tôi đã đề xuất mời các đoàn đại biểu từ Bắc Việt Nam và Trung Quốc, và hội nghị đã hoan nghênh. Năm 1975, sau khi giải phóng, ASA đã ra tuyên bố ủng hộ cách mạng Việt Nam. Tôi không liên quan gì đến Tổ chức Sinh viên Chống Cộng Việt Nam, một tổ chức chẳng đại

diện cho điều gì cả, và do Ngô Vương Toại lãnh đạo ! Thực ra khi tôi bị bắt, người ta đã hỏi tôi có phải là Toại không. Tôi đã nghĩ rằng điều đó đã rõ ràng từ lâu rồi.

Viên sĩ quan cẩn thận ghi nhận câu trả lời của tôi, câu trả lời có vẻ khiến anh ta quan tâm nhưng không thuyết phục được anh ta :

Ông ta quyết định rằng UNESCO là sản phẩm của chủ nghĩa tư bản. Và các nước châu Á tham gia vào... ASA cũng là các nước tư bản, do CIA kiểm soát. Nhưng (ông ấy xem một ghi chú) ông cũng có thể giải thích cho tôi rằng tại các trường đại học Mỹ, ở Berkeley, ở Redland, ở Stanford, ông cũng có thể tấn công chủ nghĩa đế quốc Mỹ và tố cáo chính quyền bù nhìn Sài Gòn ?

– Hoàn hảo, tôi nói. Thậm chí nhiều sinh viên và giáo sư đôi khi còn nghĩ rằng tôi chưa đi đủ xa, nhưng tôi vẫn chỉ trích gay gắt các chính sách tàn thực dân của chính phủ họ.

Tên cán bộ nhìn tôi với vẻ nghi ngờ. Chắc hẳn hẳn đã đọc trên các tờ báo của đảng trong thời chiến rằng “nhân dân Mỹ ngày càng nổi dậy chống lại cuộc chiến tranh đế quốc”, nhưng hẳn biết khoảng cách giữa lời nói và thực tế trong ngôn ngữ của đảng. Và từ đó tin rằng một sinh viên Việt Nam có thể lên án Hoa Kỳ trước hàng trăm sinh viên khác, tại các trường đại học Hoa Kỳ, mà không gặp bất kỳ vấn đề gì... Làm sao người ta có thể giải thích được tự do ngôn luận là gì cho một người đã nhiều năm sống trong một thế giới mà thông tin hoàn toàn bị kiểm soát ? Ngay cả khi hẳn nhận ra những “sự sắp

xếp” (tất nhiên là vì mục đích tốt đẹp) mà tuyên truyền của đảng đưa ra đối với sự thật, hẳn cũng không thể tưởng tượng ra bất cứ điều gì khác, ở phe đối lập, ngoài một tuyên truyền tiêu cực khác.

– Ai có thể xác minh những gì anh nói ? Anh có thể muốn những yêu cầu của chúng tôi từ chính phủ Hoa Kỳ ? Cán bộ trở nên mĩa mai.

Tôi cảm thấy chán nản dần dần vì sự vô lý của cuộc đối thoại. Nếu bây giờ tôi phải chứng minh rằng tôi vẫn là người phản đối chế độ cũ trong suốt chuyến đi ra nước ngoài, ở thế giới tư bản, và thậm chí chứng minh rằng điều đó dễ dàng hơn ở Sài Gòn, thì tôi sẽ mất bao nhiêu năm ?

– Những nhà hoạt động sinh viên có trách nhiệm, những người hiện là cán bộ

của cách mạng, như Huỳnh Tấn Mẫm và Dương Văn Bảy, vào thời điểm đó đã được thông báo chính xác về nội dung các bài phát biểu của tôi tại Hồng Kông, Paris và Hoa Kỳ. Nếu anh có thể tìm thấy bất kỳ bằng chứng nào cho thấy tôi đã tham gia vào bất kỳ hoạt động chống cộng nào ở nước ngoài, tôi sẽ chấp nhận án tù chung thân !

Tôi không thể nói thêm được gì nữa. Tôi đã đưa ra hết mọi lý lẽ của mình. Bây giờ tôi đã hiểu quá rõ cách thức hoạt động của tòa án dị giáo cộng sản. Họ không những không có thẩm quyền chứng minh một người có tội, không những không cung cấp cho bạn phương tiện để chứng minh rằng bạn vô tội, mà điều đó còn không đủ để chứng minh sự vô tội của một người. Nếu một người bị bỏ tù, đó là vì người đó có tội, vì cách

mạng không thể giam giữ những người vô tội. Do đó, tù nhân cần phải thú nhận, tự kiểm điểm và sửa đổi bản thân.

Ngày hôm đó, tên cán bộ kết thúc cuộc thẩm vấn bằng một bài thuyết giáo ngắn, cuối cùng đã cho tôi biết về những tội ác mà tôi đã phạm phải :

– Hoạt động yêu nước phải do đảng lãnh đạo, nếu không sẽ không có hiệu quả và không có giá trị. Bạn luôn hành động theo chủ nghĩa cá nhân, không chấp nhận kỷ luật tập thể. Không có thứ gọi là lòng yêu nước đơn độc. Những người yêu nước phải đoàn kết dưới sự lãnh đạo của đảng, biết đường lối đúng đắn và phương pháp hiệu quả. Thông qua Mặt trận, đảng đã liên lạc với anh, nhưng anh không muốn chấp nhận thẩm quyền của đảng. Nếu hiểu được điều kiện khách quan của cuộc đấu tranh chống chủ ng-

hĩa đế quốc và chính quyền bù nhìn, anh cũng thừa nhận rằng cần phải đấu tranh theo chỉ thị của đảng. Sau khi giải phóng, chúng tôi lại mời anh hợp tác với cách mạng, nhưng anh vẫn còn do dự. Để làm gì ? Bởi vì bạn phủ nhận quyền lực của đảng ! Bởi vì bạn không tin vào đường lối mà đảng đã vạch ra ! Nó là không thể hiểu nổi ! Bởi vì nếu không có đảng, Mỹ và tay sai của chúng vẫn còn đó !

Dần dần, viên cảnh sát điều tra to tiếng. Anh ta dừng lại, tay đặt trên bàn, như thể đang chờ đợi sự chấp thuận. Tôi không nói gì cả. Anh ta bắt đầu lật giở tập hồ sơ của mình :

– Hơn nữa, bạn biết rất rõ điều đó. Bạn đã viết một bài báo có tựa đề “Cải cách hay cách mạng giáo dục” trong đó chúng tôi đọc được nội dung sau :

“...với những nhà lãnh đạo (bù nhìn) của Sài Gòn, một cuộc cách mạng giáo dục là không thể. Những nhà lãnh đạo này, những người phục vụ cho lợi ích nước ngoài, phải bị lật đổ và thay thế bằng những nhà lãnh đạo cách mạng thực sự. “ Và anh cũng đã viết...

(Anh ta lại lục lọi trong đồng giấy tờ, lấy ra một bài báo của tôi, vẩy trước mặt tôi trước khi đọc):

“Chúng ta phải ưu tiên đấu tranh chống lại sự xâm lược của Mỹ, vì đó là hành động xâm lược từ nước ngoài, trong khi những người cộng sản là một phần của nhân dân chúng ta, chúng ta có thể nói chuyện với họ.” Thật không may, hẳn nói tiếp, anh đã nói thêm:

“Nếu sau khi trải nghiệm, những người cộng sản tệ hơn (so với những

người lãnh đạo hiện tại), chúng tôi sẽ quay lại phe đối lập.

Ông mỉm cười, với vẻ mặt nhăn nhó :

– Vậy thì bây giờ, những người cộng sản tệ hơn hay tốt hơn những con rối phục vụ cho Hoa Kỳ ?

Hãy đi và trả lời một câu hỏi như thế, khi câu trả lời có thể khiến bạn phải ngồi tù nhiều năm, khi bạn không có khả năng tự vệ, và khi bạn không còn biết nhiều về thế giới bên ngoài... Mong các ứng cử viên anh hùng trả lời “có mặt!” “Tôi không phải là anh hùng. Tôi cũng không phải là kẻ nịnh hót. Tôi trả lời :

– Tôi không biết. Tôi bị bắt chưa đầy hai tháng sau khi giải phóng và sống trong tù kể từ đó.

Không hài lòng, người quản lý đuổi tôi bằng vài câu nói hỗn tạp :

– Nếu ông nhận ra được sự cần thiết phải đoàn kết sau lưng đảng thì ông đã không có mặt ở đây. Khẩu hiệu của đảng là: “Chuyên chế với kẻ thù, khoan dung với bạn bè”. “Anh không phải là kẻ thù, nhưng cũng không phải là bạn. Trong hoàn cảnh hiện tại, chúng ta vẫn còn nhiều kẻ thù. Do đó, những người không phải là bạn của chúng tôi đều nguy hiểm, vì chúng tôi không thể tin tưởng họ. Thật đáng tiếc khi anh không nhận ra điều đó kịp thời. Nhưng có lẽ vẫn chưa quá muộn.

Tôi ghi nhớ câu cuối cùng mà không trả lời. Vì vậy, họ không từ bỏ việc “phục hồi” tôi... Nhưng sáng nay khi tôi vượt qua, tôi cảm thấy mình đang vượt qua

một rào cản vô hình và không thể xóa nhòa.

Khi tôi bước đi, đầu cúi xuống, hướng về phòng giam số 7 ở khu C, đi qua cậu bé bộ đội mười sáu tuổi, rất tự hào về khẩu súng trường tấn công và bộ đồng phục màu vàng của mình, tôi tiếp tục suy nghĩ trong đầu về chuỗi phép suy luận mà viên cảnh sát điều tra đã bắt đầu :

– Tôi là người Việt Nam yêu nước. Đảng cộng sản hiện thân cho lòng yêu nước của người Việt Nam. Tôi có quan niệm cá nhân về lòng yêu nước, và, như một tình tiết tăng nặng, tôi tin rằng tôi có một ý niệm nhất định về việc nên dân chủ nên như thế nào. Vì vậy, tôi độc lập với đảng cộng sản. Nếu tôi độc lập, đó là vì tôi từ chối vai trò lãnh đạo của đảng,

và do đó tôi trốn tránh kỷ luật tập thể của đảng. Trong những điều kiện này, tôi đã đi chệch khỏi chủ nghĩa yêu nước, do đó tôi không phải là người yêu nước. Vì vậy, tôi là kẻ thù của nhân dân và tôi phải được đưa ra khỏi nơi nguy hiểm...

Lý luận vô lý này lại phù hợp với logic được sử dụng trong trại lao động khổ sai Việt Nam đến nỗi tôi không thể không bật cười. Và tối hôm đó, tôi bước vào phòng giam số 7 với nụ cười trên môi.

– Toại... Đông nói. Mọi việc diễn ra thế nào ? Bạn có sắp được thả ra không ?

– Tôi đã giải thoát được mình. Họ có tôi rồi. Trong bao lâu thì tôi không biết. Nhưng họ sẽ không còn muốn tôi nữa.

Trong khi tôi đang kể với bạn bè về

buổi thẩm vấn cuối cùng của mình, một tù nhân, như thường lệ, đã sắp xếp để cửa phòng giam mở càng lâu càng tốt. Nghi lễ này không thể thay đổi. Đầu tiên, bạn phải xin phép lính canh để được nói chuyện với hắn :

– Thưa ông, cán bộ, tôi muốn...

Đây là giọng điệu và từ vựng thường được một chàng trai trẻ sử dụng để chào hỏi một người đàn ông lớn tuổi và có kinh nghiệm. Với sự khác biệt này ở đây thường là những ông già sử dụng nó để chống lại những người lính trẻ mà toàn bộ nền văn hóa của họ chỉ gói gọn trong một vài khẩu hiệu và toàn bộ kinh nghiệm sử dụng Kalashnikov. Đây chính là trường hợp tối nay, một tù nhân hơn sáu mươi tuổi đang giữ chặt người lính canh mười sáu tuổi đã áp giải tôi đến cửa.

Khi lính canh gật đầu cho phép nói, tù nhân sẽ đặt câu hỏi, bất kể chủ đề là gì, điều quan trọng nhất là “cuộc phỏng vấn” phải kéo dài càng lâu càng tốt. Một số lính canh, cảm thấy vui mừng vì sự chú ý tôn trọng mà khán giả dành cho lời nói của họ, đã phát biểu trong khoảng mười phút. Thật không may, hầu hết tình trạng này chỉ kéo dài không quá hai hoặc ba phút. Câu trả lời đã được biết trước. Hoặc yêu cầu không được chấp nhận, vì trái với quy định, vì “Cách mạng có việc quan trọng hơn cấp bách”; hoặc người bảo vệ sẽ chuyển cho người quản lý, điều này đưa chúng ta trở lại trường hợp trước.

Sau đó, tù nhân đứng nghiêm, cảm ơn bằng mọi dấu hiệu biết ơn và tuyên bố rằng mình đã hoàn thành.

Các tù nhân không ngại diễn vở hài

kịch có vẻ nhục nhã này, miễn là nó được “thánh hóa” vì lợi ích chung. Thậm chí còn có một cuộc thi giữa những người khéo léo nhất: ai có thể giữ cho cánh cửa mở lâu nhất...

Các bạn tù của tôi lại đợi tôi để cùng ăn.

– Ô ! Hôm nay là ngày ăn súp ! Tôi nói với vẻ vui mừng.

Món súp này của Lê Văn Duyệt, tôi sẽ không sớm quên nó. Đó là một loại nước dùng loãng trong đó nổi, tôi sẽ không nói là rau, mà là một vài lá xanh. Ít lá hơn nhiều so với số tù nhân. Người ta cũng đã thống nhất rằng những loại cây quý này sẽ chỉ dành riêng cho người bệnh và người già. Ngày nay có mười hai lá xanh,

và có 46 người trong phòng giam. Những gì còn lại, và đối với một người ăn uống đầy đủ thì có vẻ không khác gì nước ấm, tuy nhiên lại khiến chúng tôi chảy nước miếng trong nhiều ngày trước chỉ cần nghĩ đến nó. “Ah! Ngày kia là ngày ăn súp!... Này ! Ngày mai chúng ta sẽ có súp...” Với chế độ ăn liên tục gồm cơm và bột với muối, cơ thể sẽ thiếu hụt đến mức nó tham lam chiếm đoạt với một loại thú vui của động vật, một ít vitamin và protein pha loãng trong món súp khốn khổ. Và khi, như thường lệ, không có súp vào ngày phát súp, tinh thần của tù nhân sẽ giảm xuống mức không. Sau đó chúng ta hy vọng: tuần tới chúng ta có thể có thêm hai tuần nữa... Khi điều đó xảy ra, đó gần như là hạnh phúc...

Người có khả năng phân phát thức ăn cho những người đang chết đói và bị

giam cầm nắm giữ vũ khí tối thượng. Đối với một số người, cơn đói cũng hấp dẫn như cảm giác “cai nghiện” đối với người nghiện ma túy. Những người đàn ông được cho là có trình độ học vấn cao có thể trở nên dễ tiệp nhất chỉ vì một nắm cơm. Tôi nhớ một cựu bộ trưởng trong chính phủ Diệm, cựu trưởng khoa ở Sài Gòn, tốt nghiệp một trường lớn ở Paris, người mà tôi sẽ không nêu tên để không làm mất mặt ký ức của ông, và người đã tự làm mất mặt mình trước mắt toàn bộ phòng giam vì đã lấy trộm một thìa nước mắt của một tù nhân khác. Ông ấy đã bị đánh đập. Tôi cũng nhớ một kỹ sư, Lâm Trường Thi, người đã ăn cắp một khẩu phần gạo. Bị các bạn tù đánh đập và cách ly, nhận thức được sự sỉ nhục của mình, ông đã tự tử – tôi nhớ chính xác ngày – vào đêm 14 tháng 7 năm 1976, bằng cách cắt cổ tay.

Một ngày nọ, khi phần súp được phân phát, mỗi người nửa bát, Linh, một giáo viên toán bốn mươi lăm tuổi, nhắc Tài, một sinh viên hai mươi lăm tuổi, rằng lần trước ông đã chia cho anh phần của mình, và hôm nay đến lượt anh nhận cả hai phần. Tài giả vờ điếc và đưa bát lên miệng. Linh cố giật lấy, Tài chống cự, chiếc bát vỡ và cửa vào môi Tài. Tức giận, anh ta ném mạnh cái bát vào đầu Linh khiến chảy máu.

Mọi chuyện xảy ra chỉ trong vài giây và không ai trong chúng tôi có thể can thiệp được. Nghe thấy tiếng cãi vã, một lính canh đi ngang qua đã gọi đồng nghiệp và bốn người đàn ông xông vào phòng giam, súng trường chĩa vào.

– Ai là người bắt đầu cuộc chiến ?

Hai người đàn ông đổ lỗi cho nhau.

Họ bị còng tay và đưa đi.

Sáng hôm sau, khoảng 9 giờ, một viên quản lý ra lệnh cho chúng tôi mặc quần áo, báo hiệu một giám đốc sắp đến thăm. Ngay sau đó, người đứng đầu Khu C bước vào, được hai vệ sĩ hộ tống. Ông tuyên bố phán quyết :

– Tù nhân Nguyễn Văn Linh, một tên tội phạm phản động, và Trần Tiến Tài, những người muốn rời khỏi đất nước một cách bất hợp pháp, đã vi phạm kỷ luật nhà tù và phá hoại trật tự cách mạng. Theo quy định, ban quản lý trại giam đã tuyên phạt họ hai tháng tù giam biệt lập. Khẩu phần ăn của họ sẽ giảm đi một nửa. Ngoài ra, Tài, người gây ra vụ ẩu đả đầu tiên, sẽ phải chịu ba mươi roi.

Nửa bát súp tẻ nhạt này thì giá thành khá đắt. Hai tháng bị giam giữ biệt lập là

một thử thách khủng khiếp. Nhưng ba mươi nhát roi khiến tất cả tù nhân đều rùng mình. Đối với hình phạt hiểm hoai này – được thực hiện bởi một chuyên gia tên là Tư Cao.

Tư Cao là một người đàn ông rất khỏe mạnh, khoảng năm mươi lăm tuổi, dường như đã từng làm việc trong các nhà tù Pháp từ ba mươi năm trước. Ông tiếp tục phát huy tài năng của mình dưới chế độ Diệm và Thiệu. Bị bắt ngay khi quân cộng sản tiến vào Sài Gòn, ông nhanh chóng quay trở lại làm đao phủ. Một người thoát khỏi tay hắn thì tốt nhất cũng chỉ là nửa sống nửa chết. Bản thân ông ta tự hào rằng trong suốt sự nghiệp của mình, ông ta đã “đánh đòn hơn 2.000 tù nhân, trong đó ít nhất 500 người đã chết”.

Dưới sự canh gác của lính canh, năm

mười tù nhân trong phòng giam xếp hàng ở sân trong. Trần Tiến Tài bị đưa ra khỏi ngục tối, bị lột trần. Anh ta được lệnh nằm xuống đất, úp mặt xuống.

Tư Cao, với vẻ mặt thỏa mãn đáng xấu hổ, kiểm tra độ linh hoạt của khí cụ, một thanh mây dài khoảng một mét rưỡi và đường kính một centimet. Anh ta sờ vào lưng dưới và đùi của nạn nhân, chắc chắn là để đánh giá sức đề kháng và đo lường những cú đánh của mình. Người quản lý đã chỉ rõ rằng anh ta không được đánh chết anh ta. Gương mặt của Tài lộ rõ vẻ đau khổ khủng khiếp. Nỗi sợ bị tra tấn thậm chí còn tệ hơn nỗi đau khi bị tra tấn. Tất cả các tù nhân đều mang trong mình nỗi buồn, nhưng không được phép ngoảnh đầu đi. Mọi người đều phải học bài học này.

Cán bộ ra hiệu : “Bắt đầu !”

Tư Cao ra đòn. Một lần. Hai lần. Ba lần. Giữa hai nhát chèo, hấn dừng gần nửa phút để quan sát, dài khùng khiếp và cố ý.

Sau nhát đánh thứ năm, Tài không chịu được nữa và hét lên :

– Trời ơi ! Chúa ơi !

Người quản lý đưa tay về phía Tư Cao : “Dừng lại !”

Tôi cảm thấy các cơ căng thẳng của mình được thư giãn. Tôi nghe thấy tiếng thở hỗn hển của bạn tù. Có lẽ cán bộ sẽ hài lòng với năm cú đánh này. Hai tháng trong ngục tối đã đủ kinh khủng rồi.

Trưởng khu C lạnh lùng nói :

– Quy định kỷ luật nêu rõ rằng tù nhân không được la hét khi bị trừng phạt

về mặt thể xác. Năm phát đầu tiên không được tính. Chúng ta hãy bắt đầu lại.

Tôi cảm thấy như máu đang đông lại trong huyết quản của mình. Ba mươi lăm phát ! Người ta hẳn phải nghe thấy tiếng roi quất của Tư Cao mới có thể cảm nhận được hết sự kinh hoàng của hình phạt. Tên đao phủ nhắc lại với nạn nhân của mình :

– Đừng hét lên, người có nghe thấy không?

Và hẳn lại bắt đầu “Một! » Ba mươi giây. “Hai !” Ba mươi giây. “Ba !”...

Tài nhắm mắt, nghiêng rặng. Anh ấy không hề rên lên một tiếng nào. Nửa phút sau, những cú đánh lại giáng xuống, chậm đến mức không thể chịu nổi, vào hông và đùi của người đàn ông xấu số.

Chúng tôi muốn hét lên : “Nhanh lên!”
Hãy chấm dứt chuyện này! “Nhưng tên khốn đó biết việc của mình. Một cú đánh được chuẩn bị từ lâu, chờ đợi từ lâu còn đau hơn một trận đòn nhanh. Cán bộ thì vô cảm. Tài có vẻ bất tỉnh. Không nghi ngờ gì nữa, hắn đã đi rồi, càng tốt hơn.

– Hai mươi chín !... Ba mươi !

– Dứng dậy ! Tên cán bộ ra lệnh.

Tài vẫn bất động. Một dòng máu chảy ra từ miệng anh ta. Người điều hành lên tiếng :

– Mày không tuân lệnh sao ?

Từ Cao đột nhiên khom người xuống, nắm lấy cổ tay Tài đang nằm bất động. Bây giờ, khuôn mặt của tên đao phủ đang biểu lộ sự hoảng loạn.

– Thật không thể tin được, anh ta lấp bắp, không thể tin được...

– Chuyện gì thế ? Tay cán bộ hỏi.

Tư Cao do dự, vuốt ve cổ tay nạn nhân một cách vô ích.

– Tôi nghĩ... anh ấy... Tôi nghĩ anh ấy đã chết.

Cuối cùng anh ấy nói, nhìn lên cán bộ với đôi mắt sợ hãi.

Tôi cảm thấy nhẹ nhõm đôi chút. Với Tài, nỗi đau đã qua, anh bắt đầu một cuộc sống mới. Nếu anh ta sống sót, có lẽ anh ta sẽ chết trong ngục tối sau nhiều ngày đau khổ.

Người đang sợ hãi lúc này chính là Tư Cao. Anh ấy quay về xác chết, cẩn thận kiểm tra miệng của Tài và thốt lên :

– Ông cán bộ ! Anh ấy đã tự tử ! Anh ta cắt lưỡi mình và nuốt nó cho đến khi chết ngạt ! Đó là lý do tại sao miệng anh ấy có máu...

Người quản lý tiến đến và kiểm tra miệng của người đàn ông bị tra tấn mà Tư Cao đang giữ mở. Họ kiểm tra xem có bị suy tim không. Đứng thẳng. Hắn đã chuẩn bị sẵn bài phát biểu trước năm mươi tù nhân đang đứng nghiêm :

– Anh ấy đã tự nguyện chết, không phải cách mạng mong muốn điều đó. Cuộc cách mạng không muốn giết người mà muốn cải tạo họ. Cuộc cách mạng không tra tấn con người như chế độ bù nhìn. Nếu cô ấy trừng phạt thì cũng giống như một người cha trừng phạt con trai mình để giáo dục con. Chúng tôi thực hiện việc này một cách công khai, như bạn có thể thấy. Nếu Trần Tiến Tài

chết thì là do chính ông tự quyết định như vậy, các vị là người chứng kiến...

Ông ta vẫn chưa thực sự thoải mái, cán bộ, sau sự thất bại của cuộc biểu tình về “cải tạo cách mạng theo kiểu cha truyền con nối”. Nhưng khuôn khổ của cách diễn đạt chính thức vẫn giữ nguyên. Trong nhà tù của Thiệu, đòn roi của Tư Cao chính là sự tra tấn. Trong các nhà tù của chế độ mới, đó là sự cải tạo.

Tuy nhiên, sự thận trọng đã thúc đẩy cán bộ lập tức soạn thảo một báo cáo kèm theo bản tuyên bố mà anh ta sẽ có chữ ký của đại biểu của tù nhân tập thể :

Nguyễn Hậu Nghi, đại diện cho năm mươi phạm nhân ở phòng giam số 7, khai rằng phạm nhân Trần Tiến Tài đã tự tử bằng cách nuốt lưỡi.

Tôi có thể kể ra nhiều ví dụ khác về những cuộc tranh cãi dữ dội chỉ vì một thìa cơm hay một ngum nước. Trong hầu hết mọi trường hợp, những người đàn ông không thể kiểm soát được lòng ích kỷ của mình thường được hưởng đặc quyền về tiền bạc hoặc giáo dục, không có khả năng hiểu được quy luật cơ bản của sự khốn khổ : những người không có gì chỉ có thể sống sót bằng cách chia sẻ những gì ít ỏi họ có.

Hầu hết những người tôi thấy trong tù thể hiện lòng hào hiệp và phẩm giá thực sự đều là những người đã trải qua thời thơ ấu khắc nghiệt của đói nghèo. Thường là nông dân, đôi khi là trí thức thuộc tầng lớp lao động. Trong số những người đã hy sinh một phần khẩu phần ăn nghèo nàn của mình

Khi tôi bước vào, nửa sống nửa chết, phòng giam số 7 khu C1, có ngư dân Đồng, nhưng cũng là cựu nghị sĩ.

Nói chung, ít người có khả năng lạnh lùng đối mặt với việc bị tước đoạt ngay cả một miếng thức ăn nhỏ nhất trong nhà tù, nơi khẩu phần ăn chỉ ở mức tối thiểu để sinh tồn. Tôi còn ngưỡng mộ Nguyễn Văn Tiến hơn nữa, Như Phong nói.

Kiến thức hạn chế của tôi về yoga đã giúp ích cho tôi rất nhiều kể từ khi bị giam cầm: Tôi thường có thể ngủ ngon, tiết kiệm tối đa năng lượng còn lại và duy trì được tâm trí minh mẫn và bình tĩnh. Tôi tình cờ dạy học cho những người bạn tù. Nhưng bậc thầy thực sự của yoga ở Lê Văn Duyệt lại là Nguyễn Văn Tiến. So với anh ấy, tôi chỉ là một kẻ học việc mà thôi.

Dưới bút danh Như Phong, ông được biết đến rộng rãi là một nhà văn ở miền Nam Việt Nam. Ở tuổi năm mươi lăm, ông đã trải qua hai mươi năm trong tù. Là một người theo chủ nghĩa dân tộc, ông đã bị người Pháp bắt giữ ba mươi năm trước, và một lần nữa dưới chế độ Diệm. Ngày 26 tháng 4 năm 1976, ông lại bị chính quyền cách mạng giam giữ. Cùng ngày hôm đó, để phản đối, ông đã bắt đầu tuyệt thực.

Như Phong là một người đàn ông nhỏ bé, có lẽ nặng không quá bốn mươi lăm kg. Khi nhìn thấy ông ấy, điều đầu tiên bạn chú ý là cặp kính to đùng của ông, và đằng sau cặp kính là đôi mắt sáng ngời toát lên vẻ quyết tâm phi thường. Đặt vào ngục tối, cán bộ thách đấu anh ta :

– Anh tù chối ăn, anh muốn làm theo ý mình ! Hãy thử xem! Với chúng tôi, sắt trở nên dễ uốn nắn. Anh tự nhận mình được làm tù gì? Bạn sẽ bỏ cuộc như mọi người khác thôi !

Các ngục tối nằm ngay đối diện với các phòng giam tập thể ở khu C1, cách đó bốn mét và các tù nhân đã chứng kiến cảnh tượng đó. Như Phong đáp lại lời thách thức bằng một tràng cười. Vài ngày sau, đích thân Đại tá Từ Tuấn, chỉ huy trại giam, đã đến để thuyết phục Như Phong qua cổng phòng giam của mình. Rõ ràng, tính cách của tù nhân và hình thức phản kháng mà anh ta chọn đang khiến chính quyền bối rối. Một lần nữa, tù nhân đáp lại bằng một tràng cười lớn mà anh cố tình tăng âm lượng lên để mọi người có thể nghe thấy.

Mỗi sáng, khi thức dậy, Như Phong

ghé mũi vào cửa ngục tối và chào những tù nhân bên cạnh. Tin tức lan truyền nhanh chóng từ ngục tối này sang ngục tối khác, từ phòng giam này sang phòng giam khác: “Như Phong chào hỏi!” “Giữa chúng ta, số phận của Như Phong trở thành chủ đề chính của cuộc trò chuyện. Liệu anh ấy có chống cự không? Và trong bao lâu?”

Một tháng sau, chúng tôi được biết từ tù nhân ở ngục tối bên cạnh rằng Đại tá Tư Tuấn cùng bốn tên lính đã xông vào phòng giam của ông vào ban đêm và ép ông ăn cháo. Như Phong nôn hết ra ngoài. Ngày hôm sau, chúng ta không nghe thấy tiếng “xin chào” của anh ấy nữa. Mọi người đều kinh ngạc khi nghĩ rằng Như Phong đã chết. Nhưng ngày kia, “Xin chào!” Như Phong vẫn ở đó. Ông thậm chí còn cố gắng để cho mọi

người biết, giữa hai vòng, rằng tên chỉ huy nhà tù đã cố gắng thuyết phục ông rằng ông không có quyền tự tử bằng cách chết đói, rằng ông phải sống vì gia đình mình... Từ nhà tù này sang nhà tù khác, Như Phong chưa bao giờ có thời gian để lập gia đình, và cha mẹ ông đã chết từ lâu. Và ông phản đối chế độ mới với một sức mạnh mà không một nhà lý thuyết Marxist nào có thể lường trước được.

Mặc dù sự thật có vẻ đáng ngạc nhiên, nhưng tôi phải chứng kiến cuộc tuyệt thực của Như Phong kéo dài đúng một trăm ngày, trong thời gian đó, ông không ăn bất kỳ thức ăn rắn nào, chỉ uống nước. Đến ngày thứ 101, Như Phong đồng ý ăn một chút. Giờ đây ông chỉ còn da bọc xương, nhưng đôi mắt vẫn sáng ngời, phản ánh ý chí kiên cường như vậy. Và ông đã vượt qua được thử thách của

viên chỉ huy nhà tù một cách ngoạn mục. Anh ấy đã thắng. Ông nói :

– Đại tá Tuấn tin chắc rằng một ngày nào đó tôi sẽ quỳ xuống xin bát cơm. Tôi không bao giờ xin bất cứ điều gì.

Đại tá Tuấn thừa nhận điều này trong bài phát biểu nhân dịp Tết vào tháng 2 năm 1977, trong đó ông nói :

– Trong số 130 nhà văn, nghệ sĩ phản động của chế độ bù nhìn, chỉ có một người dám đối đầu trực tiếp với chúng tôi, nói rằng ông ta không đồng tình với chúng tôi.

Hiện tượng này rõ ràng là của Như Phong. Không hề là một “kẻ phản động”, nhưng là người phản kháng theo bản năng đối với mọi chế độ độc tài. Dù anh ấy ở đâu, có lẽ đã chết, tôi muốn chào

mừng tên của ông, tên này sẽ tồn tại lâu hơn tên của những nô lệ trong gia đình của chế độ hợp pháp mới, cũng như tên của những người hầu của chế độ cũ.

Người ta thường nói rằng một tù nhân có thể lấy sức mạnh kháng cự từ những sinh vật mà anh ta phải tiếp tục sống vì họ. Và ở một mức độ nào đó, điều đó đúng. Nhưng dưới chế độ toàn trị, những người thân yêu sẽ trở thành trở ngại khủng khiếp cho người bị giam cầm. Nếu Như Phong có thể thách thức ban quản lý trại giam và thắng cược thì tất nhiên là nhờ vào một ý chí phi thường. Nhưng cũng vì ông đơn độc, giống như nhà sư Thích Thiện Huệ mà chúng ta sẽ nói đến sau. Người ta không thể dễ dàng bẻ cong ý chí của một người đàn ông liều mạng sống của mình mà không lo sợ cho con cái, vợ, cha và mẹ mình.

Dưới chế độ Thiệu, cảnh sát, mặc dù thối nát, cũng không tấn công gia đình tù nhân. Ngày nay, các tù nhân hiểu rõ rằng thái độ “tiêu cực” của họ (phản kháng, nổi loạn) có nguy cơ gây ra hậu quả nghiêm trọng đến tính mạng của những người thân yêu của họ (không có việc làm, bị thu hồi thẻ thực phẩm, bị trục xuất đến các vùng kinh tế mới, v.v.). Trong trường hợp tốt nhất, gia đình thân thiết của tù nhân sẽ bị nghi ngờ và bị chính quyền đối xử như vậy.

Sự bí mật, thiếu phương tiện thông tin và trung gian độc lập (luật sư, đại biểu, thẩm phán, báo chí) làm tăng cảm giác bất lực và lo lắng cho tất cả mọi người. Việc lên án rộng rãi, được khuyến khích như một “nghĩa vụ công dân”, cuối cùng lại bịt miệng những người muốn kêu cứu. Đây là lý do và cách thức chúng ta

có thể giam giữ 20 triệu người Bắc Việt trong một khu ổ chuột thực sự trong ba mươi năm, cắt đứt với thế giới bên ngoài, và đây chính là điều chúng đang cố gắng thực hiện lại ở Nam Việt Nam. Ngoại trừ việc hàng trăm ngàn người từ miền Nam đang di cư. Nhưng phần lớn không nói. Bởi vì tất cả họ đều có người thân và bạn bè ở lại đó và có thể bị ảnh hưởng bởi sự trả thù.

Chừng nào một người còn chịu sự chi phối của quyền lực không được kiểm soát, thì không thể lên tiếng mà không gây nguy hiểm nghiêm trọng cho bản thân và gia đình. Nếu tôi ở đất nước tôi ngày hôm nay, và bạn, người đọc, gặp tôi, tôi sẽ không nói gì với bạn về chế độ mới.

Công dân của các nền dân chủ phương Tây không thể hiểu làm sao bạn

có thể khiến 50 triệu người Việt Nam sống mà không có tự do, không có thức ăn, và họ không nổi loạn, khi họ đứng lên chống lại quân đội Pháp và quân đội Mỹ. Họ tự hỏi bí mật của những người cộng sản là gì. Bí mật này là để bắt con tin. Mục đích là để giam giữ một bộ phận đáng kể dân số, trong khi vẫn duy trì sự ngăn cách chặt chẽ giữa tù nhân và gia đình họ. Cả hai đều im lặng và im lặng vì sợ làm hại những người mình yêu thương. Và phần dân số còn lại đang sống an toàn vì sợ rơi vào tình huống tương tự. Chỉ cần vài trăm ngàn con tin cũng đủ để làm im lặng vài chục triệu người.

Trong nhiều ngày qua, không khí thoải mái hơn đã bao trùm khu C1 Lê Văn Duyệt. Người quản lý mới của khu

này là một người miền Nam tên là Sáu Cầu, một đảng viên của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam và đảng cộng sản Việt Nam, người đã trải qua bảy năm trong nhà tù Thiệu trước khi được trao đổi để lấy tù nhân từ miền Bắc sau Hiệp định Paris.

– Tôi đã từng ở trong tù, tôi hiểu các bạn, Sáu Cầu nói với các tù nhân. Và ông ta ra lệnh phải để cửa phòng giam mở vào ban ngày. Tất nhiên là không được phép ra ngoài, nhưng ít nhất bạn có thể hít thở tốt hơn.

Sau đó, viên giám thị trưởng mới sẽ lập một danh sách gồm tất cả những người đó – phần lớn trong số họ chưa bao giờ bị thẩm vấn kể từ khi bị bắt. “Chính phủ”, ông nói, “chưa có thời gian để xem xét trường hợp của từng người trong số các bạn. Nhưng điều đó sẽ được

thực hiện trước khi kết thúc năm nay.

Chúng ta hẳn đã biết bài hát này, nhưng một lần nữa, hy vọng lại được tái sinh. Đặc biệt hơn nữa khi Đại hội đảng cộng sản lần thứ IV sắp diễn ra vào tháng 12 năm 1976 đang khơi dậy nhiệt huyết của đội ngũ cán bộ.

Thỉnh thoảng, một ngày lịch sử nào đó lại tạo nên sự phấn khích lớn trên khắp cả nước. Đó có thể là ngày kỷ niệm thành lập nước Cộng hòa Nhân dân, ngày sinh của Bác Hồ hoặc một hội nghị quan trọng của Đảng. Vì vậy, trong những tuần trước khi sự kiện diễn ra, mọi người đều làm việc chăm chỉ; Các nhà máy, cơ quan, làng xã đang quyết tâm “đạt và vượt mục tiêu” trên mọi lĩnh vực. Vấn đề là ai sẽ “tự nguyện” làm việc nhiều giờ nhất thêm vào đó, sẽ hy sinh ngày nghỉ của mình để phá vỡ kỷ lục sản

xuất. Ngày vinh quang của thời hạn chót sẽ bắt đầu với những thông cáo chiến thắng và khẩu hiệu chiến thắng : các tiêu chuẩn đã đạt được ở mức 105, 125, 150% ! Sau đó, mọi thứ lại trở về như trước. Mọi người thấy rằng cuộc sống của họ vẫn tệ như vậy. Lợi nhuận từ những nỗ lực của họ đã bị Nhà nước tịch thu hoàn toàn. Vài tháng sau, một chiến dịch mới được phát động để chinh phục những kỷ lục mới... Phương pháp này rõ ràng là giải pháp thay thế tồi tệ duy nhất mà chủ nghĩa cộng sản kiểu Stalin (chủ nghĩa đang thống trị ở Việt Nam) từng tìm thấy để thoát khỏi sự trì trệ của một hệ thống quan liêu, nơi mà sáng kiến và trách nhiệm cá nhân bị lên án.

Nhà tù Lê Văn Duyệt tất nhiên đã bị cuốn vào phong trào “tuyên truyền” lớn nhân dịp Đại hội Đảng lần thứ IV.

Chúng tôi được nghe những lời diễn thuyết về hòa giải dân tộc, được mời tôn trọng các quy tắc một cách nghiêm ngặt hơn, hợp tác với các đồng chí, lính canh và điều tra viên của chúng tôi, nhằm mục đích cải tạo chúng tôi. Chúng tôi được yêu cầu nêu ra những gợi ý, đề xuất và mong muốn của mình bằng văn bản. Tôi muốn nhân cơ hội này một lần nữa yêu cầu được phán xét, hoặc ít nhất là được gặp gia đình mình.

Hai ngày sau, Sáu Cầu triệu tập tôi.

– Tôi đã xem hồ sơ của bạn. Có thể bạn không phạm phải sai lầm nghiêm trọng nào đối với cuộc cách mạng, có thể bạn đã mắc phải sai lầm. Có rất nhiều thứ cần giải quyết trong vài tháng đầu tiên và các nhà quản lý không phải lúc nào cũng có thể hoàn thành nhiệm vụ. Theo chính sách hòa giải của đảng, một

ngày nào đó anh phải được thả. Nhưng trường hợp của bạn vẫn cần phải được xem xét cẩn thận.

Trong phòng giam, các tù nhân khác lần đầu tiên bị thẩm vấn. Một số người, giống như tôi, đã nhận được “lời hứa nửa vời” về việc được thả. Những hy vọng không kiểm chế nhất cũng được thỏa sức tung hoành.

Ông cho biết năm nay, một nửa số tù nhân sẽ được thả.

– Một nửa ? Còn nhiều hơn thế nữa, người kia nói. Viên sĩ quan nói với tôi rằng chỉ những người phạm tội ác chiến tranh dưới chế độ cũ mới bị giam giữ trong tù, những người khác sẽ phải vào trại cải tạo, nhưng hầu hết sẽ được thả.

Các nhóm được thành lập nơi mọi

người nhiệt tình thực hiện các dự án trong tương lai. Thật ngạc nhiên, những người đàn ông ngày hôm qua không tin vào điều gì thì ngày hôm nay lại tin vào bất cứ điều gì, thậm chí còn tin nhiều hơn những gì họ được hứa. Bạn có thể tìm thấy trong lời bài hát của Sáu Cầu những ẩn ý biện minh cho sự lạc quan. Và nhiều người từng than phiền cay đắng về sự bất công dường như đã quên hết mọi nỗi bất bình của mình.

Tuy nhiên, một số ít vẫn giữ được bình tĩnh. Trong số đó có Hải, cựu trung úy FNL, người đã nói với tôi với vẻ mặt buồn bã :

– Họ thật ngây thơ. Tôi biết rõ những người cộng sản. Họ có thể hôn bạn năm phút trước khi giết bạn.

Một hôm, Sáu Cầu vào phòng giam

và gọi tôi. Anh ấy đưa cho tôi một tờ giấy và một cây bút chì :

– Viết địa chỉ gia đình bạn và vẽ phác thảo đường phố để mọi người có thể dễ dàng tìm thấy.

Tôi tuân thủ và Sáu Cầu rời đi mà không giải thích thêm. Điều này có nghĩa là gì ? Dấu hiệu tốt ? Dấu hiệu xấu ? Có lẽ là không có gì cả.

Từ đầu chiến dịch vận động cho Đại hội Đảng lần thứ IV, các cán bộ giám sát và cán bộ liên tục bận rộn. Chúng ta thấy một số người đột nhiên bước vào phòng giam, trên tay cầm một tờ giấy và hỏi :

– Anh này, anh ấy có ở đây không?

– Có, người tù trả lời.

– Tốt, anh chàng cán bộ nói rồi quay gót đi.

Trong nhiều ngày và nhiều tuần, người này sẽ tự hỏi chuyến thăm này có ý nghĩa gì, nhưng vẫn không có bất kỳ sự theo dõi và giải thích nào.

Tuy nhiên, trong trường hợp của tôi, tôi đã rất ngạc nhiên.

Được triệu tập đến văn phòng của Sáu Cầu, tôi không thể tin vào mắt mình.

Vợ và ba đứa con của tôi cũng có mặt ở đó. Vợ tôi, nước mắt chảy dài trên má, ôm đứa con út trong tay, hai đứa con trai khác bám chặt vào chân cô ấy và nhìn chăm chăm trong kinh hoàng vào người đàn ông gầy gò, không nói nên lời, chính là cha của chúng, người đã mất tích hơn một năm. Chúng năm và bốn tuổi. Đứa nhỏ nhất mới hai tuổi. Khi nhìn thấy cô ấy, nước mắt tôi cũng trào ra, và tôi nhận ra rằng tôi đã nghĩ rằng mình sẽ không

bao giờ gặp lại cô ấy nữa.

Gia đình tôi ngồi ở phía bên kia bàn làm việc, cuối bàn là Sáu Cầu, người thông báo một cách quan trọng :

– Anh có thể nói chuyện trong vài phút.

Vợ tôi nuốt nước mắt và vội vã báo tin cho tôi :

– Cha và mẹ anh đều khỏe mạnh, nhưng mẹ thì có rất nhiều lo lắng. Năm ngoái cha mẹ em đã về quê.

Cô ấy đã thêm một chút nhấn mạnh vào ba từ cuối của câu, không thể nhận ra trong khung câu, nhưng lại rất có ý nghĩa với tôi. Và đó là tin tốt. Bố mẹ vợ tôi và chính cô ấy nằm trong số hàng ngàn người Việt Nam (chủ yếu là người Công giáo) có quốc tịch Pháp. Và tôi không

thể nhầm lẫn được. Vợ tôi nói họ đã “đi về vùng nông thôn” có nghĩa là bây giờ họ đang ở Pháp.

Tôi trả lời :

– Chúng ta phải cố gắng tham gia cùng họ. Bởi vì các khu kinh tế mới sẽ tốt hơn cho tương lai của trẻ em.

Vợ tôi đương nhiên hiểu rằng tôi đang khuyên cô ấy nên sang Pháp nếu có thể. Về phần mình, ban điều hành rất vui mừng vì không có nhiều tình nguyện viên đến các khu kinh tế mới – những vùng đất nghèo nàn mà chính phủ đang đẩy những người dân thất nghiệp ở Sài Gòn đến. Sáu Cầu ủng hộ mạnh mẽ “lời khuyên” của tôi :

– Chồng cô là người biết lý lẽ, cô phải lắng nghe anh ấy.

Vợ tôi nhìn tôi lo lắng :

– Nhưng em muốn đợi anh !

Tôi nhấn mạnh một cách kiên quyết :

– Em cần phải rời Sài Gòn để đoàn tụ với bố mẹ càng sớm càng tốt. Anh phải nghĩ đến bọn trẻ trước chứ không phải đến anh. Không có cách nào biết khi nào anh sẽ được thả.

Vợ tôi lại khóc. Cán bộ can thiệp :

– Đi thôi ! Đã đến lúc phải chia tay.

Tôi xin phép được hôn các con tôi. Sáu Cầu hài lòng với cách cư xử của tôi nên chấp nhận. Nghiêng người về phía đứa con út đang trong vòng tay mẹ, tôi cố thì thầm : “Con hãy sang Pháp ngay đi !”

Sau khi gia đình tôi rời đi, tôi được nghe một câu thơ tuyên truyền nhỏ :

– Anh Toại thấy đấy, Đảng và Nhà nước đối xử với anh rất tốt. Anh đã có thể gặp gia đình của mình, điều đó không phải là chỉ được cấp cho một số rất ít tù nhân. Bây giờ anh phải kiếm được đặc quyền này bằng cách hợp tác nhiều hơn với chúng tôi...

Tôi thấy anh ta đến, Sáu Cầu, với những “quyền lợi” mà anh ta mong đợi được đền bù. “Sự hợp tác” mà anh ta mong đợi là việc mách lẻo.

Khi bạn tù của tôi biết rằng tôi đã được gặp vợ con, họ đã thốt lên :

– Toại ơi, lần này chắc chắn anh sẽ được tự do !

– Tôi không tin điều đó. Họ sẽ không

mang gia đình tôi theo nếu họ định thả tôi ra.

Ngày hôm sau, Sáu Cầu lại triệu tập tôi, và sự nghi ngờ của tôi hoàn toàn có cơ sở. Nó bắt đầu bằng những lời khen đáng lo ngại :

– Anh là người hợp lý nhất, thông minh nhất trong số các tù nhân ở phòng giam số 7. Và anh có quá khứ lẫy lừng với tư cách là một nhà hoạt động sinh viên, một người ủng hộ cách mạng. Tôi biết rằng ý tưởng của anh về cơ bản vẫn không thay đổi. Anh có thể giúp chúng tôi và đồng thời hướng tới việc thả tự do cho anh. Tôi muốn thỉnh thoảng anh cho tôi biết tình hình tinh thần trong phòng giam của anh, các tù nhân nghĩ gì về cuộc cách mạng, nếu có ai còn giữ tư tưởng phản động. Như Hòa thượng Thiên Huệ chẳng hạn !

Vậy đây là cái giá phải trả để được gặp gia đình tôi. Tôi trốn tránh nhiệm vụ của mình hết mức có thể : Tôi không thân thiết với những tù nhân khác, và trong số họ có những người cộng sản thực sự chỉ vui vẻ phục vụ đảng... Nhưng Sáu Cầu rất khôn ngoan :

– Toại, tôi đã ở tù lâu hơn anh, và tôi biết anh đang nghĩ gì. Anh không muốn trở thành kẻ mách lẻo, và anh đúng. Tôi cũng ghét phần tử gián điệp như anh vậy, và tôi không bao giờ sử dụng nó. Điều tôi yêu cầu anh không phải là tố cáo bạn tù của anh, mà là giúp tôi hiểu rõ hơn về các tù nhân để tôi có thể áp dụng chính sách hòa giải tốt hơn...

Tôi nhận ra ở đây “lối nói nước đôi” đặc trưng của chế độ cộng sản, khi người ta không bao giờ gọi đúng tên một việc. Vì vậy, đội ngũ nhân viên nhà tù được

chia thành hai bộ phận. Người phụ trách giám sát tù nhân được gọi là Quản Giáo, có nghĩa là “Quản lý và Giáo dục”. Quản lý khẩu phần ăn chống đói và giáo dục những người cung cấp thông tin, không còn nghi ngờ gì nữa... Còn phần kia, nơi điều tra “tội ác” của tù nhân, được gọi là Chấp pháp, có nghĩa là “Bảo vệ pháp luật”. Khi chúng ta xem xét rằng nhiều người trong chúng ta đã bị bắt mà không có lệnh, rằng các quyền bào chữa cơ bản nhất hoàn toàn bị bỏ qua, và theo hiểu biết của tôi, chưa có tù nhân nào bị xét xử, thì có lý do để suy ngẫm về quan niệm luật pháp này.

Sử dụng cùng phương pháp nguy trang này, các trại lao động cưỡng bức được gọi là “trung tâm cải tạo”, và hàng trăm ngàn người bị buộc phải rời đi đến cái gọi là “khu kinh tế mới” được gọi là

“người tình nguyện”. Để “quyết định” ai đó rời đi đến những khu vực này, không thể trực tiếp sử dụng vũ lực. Chúng tôi chỉ đơn giản là xóa bỏ thẻ cung cấp... Tương tự như vậy, những người có thể rời khỏi đất nước một cách hợp pháp kể từ năm 1975 đều phải ký vào bản tuyên bố chứng thực rằng họ “tự nguyện trao” tài sản của mình cho Nhà nước.

Chúng ta có thể nhân lên nhiều ví dụ về ngôn ngữ đánh lừa thị giác này, một minh họa đương đại tuyệt đẹp về câu châm ngôn của La Rochefoucauld: «Đạo đức giả là sự tôn vinh mà tẻ nạn dành cho đức hạnh.» Người ta cũng nghĩ đến ba khẩu hiệu của đảng trong tác phẩm 1984 của George Orwell: “Chiến tranh là hòa bình, tự do là nô lệ, ngu dốt là sức mạnh...”

Đối với Sáu Cầu, trong mọi trường hợp, mách lẻo chính là tình anh em...

Hòa thượng Thích Thiện Huệ, người mà viên quản giáo trưởng có vẻ quan tâm, đã đặt ra một vấn đề khó khăn cho ban quản lý trại giam: ông không sợ bất cứ điều gì.

Ông là một nhà sư khoảng năm mươi tuổi, thường đứng một bên trong nhóm, im lặng và thiền định. Ông ăn «cháo» mà không nói một lời, không bao giờ phàn nàn, và không bao giờ tâm sự với bất kỳ ai. Tuy nhiên, người ta biết ông bị bắt trong điều kiện nào, vì ông không đến Trần Hưng Đạo một mình.

Vào tháng 4 năm 1976, tại khu vực Sông Vinh, trên đường đến Mũi Saint-Jacques, cách Sài Gòn bảy mươi cây số, quân lính của chế độ cũ vẫn tiếp tục giữ

vững chiến trường. Thỉnh thoảng họ chặn xe ô tô, xe buýt và xử tử các viên chức cộng sản.

Vào ngày 18 tháng 4, lực lượng cộng sản đã phát động một “chiến dịch truy quét” trong khu vực. Những chiến binh kháng chiến mới cũng được thông tin và đào tạo tốt như những người Việt Cộng khi vai trò bị đảo ngược, dễ dàng lọt lưới. “Lực lượng trật tự”, chắc chắn là để tuân thủ chuẩn mực, đã bắt giữ mọi thứ di chuyển ra khỏi khu vực phong tỏa.

Đây là cách họ bắt được Võ Văn Hải, một cựu cộng sự của Diệm, người đang hướng đến bờ biển để trốn khỏi đất nước, và Từ Lưu Đan, được gọi là «Grenade», một cựu nhà hoạt động của FNL, người có lẽ có cùng ý định. Hơn một nửa trong số 280 người bị bắt là phụ nữ và thanh thiếu niên dưới 18 tuổi - bao gồm cả

một cậu bé 14 tuổi đang sửa xe máy bên lề đường. Ngoài ra còn có nhà sư Thích Thiên Huệ, người đã đi đến chùa của mình bằng xe buýt.

Tất cả những tên tội phạm nguy hiểm này đều bị tập trung tại chùa Sông Vinh, bị khám xét, thẩm vấn sơ bộ và bị đưa vào hồ sơ. Sau đó, họ bị bịt mắt và bị đưa lên bốn chiếc xe GMC của Mỹ hướng đến Sài Gòn. Phải có thủ phạm, và họ đang ở đây.

Ở lối vào thủ đô, một thanh niên tháo bỏ khăn bịt mắt, nhảy ra khỏi xe tải và bỏ chạy nhanh nhất có thể. Những người lính bắn. Kẻ chạy trốn ngã xuống và bị thương ở chân. Một cán bộ lệnh :

– Kết liễu hắn đi. Đây sẽ là bài học cho những người khác.

Trong hơn hai ngày, không được ăn uống, 280 tù nhân xấu số của trại Sông Vinh bị chuyển từ nhà tù này sang nhà tù khác. Không còn chỗ trống ở đâu nữa. Một năm sau khi giải phóng, các nhà tù đã quá tải. Cuối cùng, họ đã có thể đưa họ thành những nhóm nhỏ vào các phòng giam đã quá tải ở đường Trần Hưng Đạo vào lúc 4 giờ sáng ngày 20 tháng 4. Khoảng mười tháng sau, 170 người trong số họ, chủ yếu là phụ nữ và trẻ em dưới mười lăm tuổi, đã được thả. Những thanh niên trong độ tuổi từ mười lăm đến hai mươi sẽ trở thành “thanh niên xung phong” trong Lực lượng Thanh niên Yêu nước. Tốt hơn là làm “thanh niên xung phong” còn hơn làm tù nhân.

Trong số những người còn lại sau cuộc vây bắt Sông Vinh có Thích Thiện Huệ. Ông chịu đựng số phận của mình

với thái độ bình thản và nghiêm trang khiến những người cai ngục khó chịu.

Một buổi tối, khi lệnh giới nghiêm vừa vang lên và tất cả chúng tôi đều phải đi ngủ, anh ấy bị bỏ lại một mình, tập thể dục hai lần mỗi ngày. Một lính canh xông vào phòng giam và hét lớn :

– Tại sao mày không nằm xuống ? Tên mày là gì ? À ! Một nhà sư, một kẻ phản động với cái đầu cạo trọc !

Thiên Huệ dừng lại, bình thản nhìn anh :

– Anh đang nói chuyện với tôi à ? Tôi không làm phiền ai cả, tôi không gây ra tiếng ồn. Anh hét lên và đánh thức những người đang ngủ. Hãy tôn trọng giấc ngủ của mọi người, anh đang vi phạm quy tắc đấy!

Người đáng kính nói với chàng thanh niên bằng giọng nói bình thản của một vị thánh đang nói chuyện với học trò của mình. Tức giận và nhục nhã, người lính canh lại hét lên :

– Tên của mày !

– Thích Thiện Huệ, sinh năm 1924 tại Gò Công, bị bắt ngày 25 tháng 4 năm 1976. Nhưng tất cả những điều này đều nằm trong giấy tờ của các anh.

Nhà sư trả lời một cách bình thản, rồi tiếp tục tập thể dục.

Cảm thấy bối rối trước cuộc nổi loạn lạng lẽ này, tên lính gác quay lưng bỏ đi. Trong phòng giam vang lên tiếng cười và lời chúc mừng:

– Hoan hô, thầy, thầy đã làm cho hân câm mỗ rồi !

Năm phút sau, cửa phòng giam lại mở ra. Trung úy Ban đang ở cửa, xung quanh có bốn người lính có vũ trang.

– Thích Thiện Huệ ? Ra khỏi !

Nhà sư rời đi, vẫn thanh thản. Đoạn hội thoại sau đây diễn ra trước phòng giam và chúng ta không bỏ lỡ một từ nào của nó.

Ban. – Anh không đi ngủ vào giờ giới nghiêm. Anh xúc phạm người bảo vệ. Anh từ chối kỷ luật nhà tù, anh phản đối cách mạng ?

Thiện Huệ. – Tôi muốn làm vậy, nhưng ở trong tù tôi không thể làm gì được. Tôi chỉ tập thể dục một chút để giữ gìn sức khỏe. Không ai bận tâm cả. Nhưng cậu bé này đã đến và gây ra tiếng động khiến cả phòng giam thức giấc...

Ban. – Anh không có quyền nói bằng giọng điệu hỗn láo như vậy! Anh là tù nhân và bạn đã mất quyền công dân ! Chúng tôi là đại diện của chính phủ, của đảng, của cách mạng ! Anh đến đây để suy ngẫm về quá khứ, để cải tạo tư tưởng chứ không phải để xúc phạm cuộc cách mạng !

Thiện Huệ. – Tôi chưa bao giờ làm bất cứ điều gì chống lại đất nước, chống lại nhân dân, thậm chí chống lại chính phủ của các anh. Tôi là một nhà sư sống trong im lặng và cầu nguyện trong chùa. Tôi bị bắt mà không có lý do gì tôi có thể hiểu được. Tôi đang bị giam giữ trong hai trăm ngày ở nhà tù này mà không được xét xử. Nhưng người phán xét duy nhất của tôi là Đức Phật. Ở đây hay trong chùa, cuộc sống và lời cầu nguyện của tôi vẫn như vậy. Tôi không có tài sản,

không có con cái, không có ràng buộc với đời. Tôi đã thực hiện cuộc cách mạng của mình. Nếu muốn, hãy mang cho tôi bốn lít xăng và tôi sẽ tự thiêu ngay tại đó, ngay bây giờ. Chết hôm nay hay chết sau hai mươi năm nữa đều như nhau. Hoặc để lính của anh giết tôi, để tôi chết đói, cũng như nhau thôi. Điều đó tùy thuộc vào anh. Tôi không sợ lời đe dọa của anh. Một ngày nào đó, khi anh đã trưởng thành và biết suy nghĩ, anh sẽ hiểu ý tôi. Hiện tại...

Ban. – Im lặng ! Im lặng ! Đây không phải là chùa và bài giảng đã kết thúc ! Đi ngủ đi và đừng để ai bắt gặp ông lần nữa, nếu không ông sẽ phải vào tù đấy !

Ngục tối... Liệu Trung úy Ban có nhận ra rằng anh ta không hề đe dọa vị sư điếm tỉnh kia không ? Nhưng ông ta còn có thể làm gì khác ngoài việc viện

dẫn lời đe dọa kinh điển và trong trường hợp này là lời đe dọa mang tính chế giễu này? Đối mặt với những người như Thích Thiện Huệ, người mà cái chết chỉ là một sự chuyển tiếp, và đã thoát khỏi thế giới này, thì vũ khí, vũ lực và sự ầm dật đều trở nên vô dụng.

Tối hôm đó, chúng tôi ngủ muộn ở phòng giam số 7, nhưng trong lòng vẫn có chút hân hoan.

Tôi nhớ đó là đêm thứ 479 của tôi trong tù. Giáng sinh đang đến, Tết đang đến. Một cái Tết nữa không có tự do. Vợ tôi bây giờ phải lo đưa các con tôi sang Pháp. Có thể cô ấy đã ở đó rồi. Trẻ em, trẻ em trước. Vì chẳng có gì trên đời có thể giúp chúng lớn lên ở thế giới đó, ở đất nước tôi, than ôi !

Thích Thiện Huệ được trả tự do vào tháng 12 năm 1977, cùng với một số nhà sư khác, để xoa dịu dư luận sau vụ bắt giữ các nhà lãnh đạo chính của Giáo hội Phật giáo.

Ngày 17 tháng 3 năm 1977, Hội đồng điều hành Giáo hội Phật giáo Thống nhất đã công bố một danh sách dài các hành vi vi phạm trắng trợn quyền tự do tín ngưỡng: bắt giữ các nhà sư, phá hủy hoặc tịch thu chùa chiền, v.v.

Ngày 6 tháng 4 năm 1977, cảnh sát đã đột kích chùa Ấn Quang và bắt giữ sáu chức sắc của Giáo hội Phật giáo, trong đó có Thượng tọa Quảng Độ, tổng thư ký và Thượng tọa Huyền Quang, phó chủ tịch.

16

CÁO TRẠNG

Trong năm cuối cùng bị giam giữ, từ tháng 11 năm 1976 đến tháng 10 năm 1977, tôi đã bị chuyển năm lần từ phòng giam tập thể này sang phòng giam tập thể khác, luôn luôn ở khu C Lê Văn Duyệt. Tôi cũng cố gắng giả vờ làm thợ làm tóc để được giao nhiệm vụ cắt tóc cho tù nhân.

Những hoàn cảnh này cho phép tôi làm quen với hàng trăm tù nhân và học được nhiều điều mà không thể báo cáo

hết vì những lý do hiển nhiên : hầu hết những người đàn ông này vẫn còn ở trong tù. Cũng vì lý do đó, không thể tiết lộ chi tiết về cách thức “Di chúc” có văn bản ở cuối sách này được hình thành, viết ra và trình cho các tù nhân để “ký”. Chỉ cần nói rằng, là một trong số ít tù nhân có cơ hội nhỏ nhoi không chỉ được thả mà còn được ra nước ngoài, tôi được chỉ định là một trong những người quản lý tài liệu này, tất nhiên là nó chưa bao giờ được “viết” và “ký” theo đúng nghĩa đen của từ này. Tôi đã học thuộc lòng và nhiều chuyến đi trong Khu C đã giúp tôi truyền bá nó. Những cái tên ở cuối “Di chúc” là tên của 48 tù nhân đã đồng ý tiết lộ danh tính của mình. Những người đàn ông cảm thấy mình có trách nhiệm phải chấp nhận rủi ro này hoặc những người không còn gì để mất. Nếu không sợ bản án của mình nặng hơn, rõ ràng là hàng

trăm tù nhân khác sẽ tham gia kháng cáo này. Rõ ràng là cũng như chúng tôi không tìm kiếm sự chấp thuận của những người từng cộng tác với chính quyền Thiệu và thậm chí ít hơn là của những tội phạm thông luật. Hầu hết những người ký tên đều là cựu chiến binh kháng chiến, đảng viên cộng sản, thành viên của FNL hoặc những trí thức tự do phản đối chế độ cũ.

Ý tưởng và phiên bản đầu tiên của «Cáo trạng» xuất phát từ Đinh Huy Bình, một tù nhân rất lớn tuổi bị giam ở nhà tù Trần Hưng Đạo. Văn bản này đã được các tù nhân khác hiệu đính và chấp thuận, sau đó được lưu hành bí mật ở các nhà tù khác, đáng chú ý nhất là nhà tù Lê Văn Duyệt và nhà tù Chí Hòa. Chúng tôi đã thiết lập nguyên tắc chỉ trao tài liệu cho những người không cộng tác với chế

độ cũ và cư xử đảng hoàng trong tù. Một số người tù chối “ký” vì lo sợ chính đáng - rằng không chỉ họ mà cả gia đình họ cũng có thể bị trả thù. Những người khác, vì lý do tương tự, đã rút lại “chữ ký” sau khi đã ký. Những cái tên xuất hiện ở cuối văn bản được công bố ở cuối cuốn sách này là những cái tên mà tôi biết vào thời điểm tôi được thả. Có thể còn có những điều khác mà tôi không biết, và rằng vẫn còn những điều khác nữa kể từ đó.

Một số người ký vào văn bản này đã phải trả giá bằng mạng sống của mình. Kể từ khi tài liệu được công bố vào tháng 6 năm 1978, cảnh sát của chế độ đã sử dụng mọi biện pháp có thể để gây sức ép buộc một số bên ký kết quan trọng nhất phải rút lại văn bản. Trong số đó có ông Trần Văn Tuyền, cựu lãnh đạo đối lập dưới chế độ Thiệu; Nguyễn Văn Thắng,

tám mươi tuổi, cựu lãnh đạo đảng cộng sản những năm 1930; và Linh mục Trần Hữu Thanh, Chủ tịch Ủy ban Phòng chống tham nhũng thời chế độ cũ.

Hai người đầu tiên chết trong tù. Từ đó, Cha Trần Hữu Thanh đã rút lại chữ ký của mình, chấp nhận “ban phước lành” cho chế độ mới. Ông ta không được thả vì tất cả những điều đó. Hai người khác là Hoàng Vĩnh Lộc và Nguyễn Thanh Hải được thả trong tình trạng đã tử vong ngay sau khi được thả. (Việc “thả” những tù nhân hấp hối hoặc bị bệnh nặng, khi họ là những người rất nổi tiếng, đã trở thành thói quen của chế độ mới. Vì vậy, họ có thể nói rằng tù nhân không chết trong tù...)

Ngoài tôi ra, chỉ có một người ký “cáo trạng” có thể ra nước ngoài. Đó là nhà sư Nguyễn Hữu Hiếu, giáo sư tại Học

viện Phật giáo Vạn Hạnh, một nhà văn và dịch giả nổi tiếng, người đã trốn khỏi Việt Nam bằng thuyền ngay khi tôi đến Pháp. Hiếu, với pháp danh Thích Chơn Pháp, là một người theo chủ nghĩa hòa bình nhiệt thành dưới chế độ cũ. Ngày nay, tại Washington, ông đã từ bỏ chiếc áo tu sĩ để tham gia kháng chiến. Ông nói :

– Chúng ta phải lật đổ chế độ man rợ đã chiếm lấy đất nước chúng ta.

Những người cộng sản đã thành công trong sự chuyển đổi kỳ lạ này: biến một người đàn ông tôn giáo có học thức và bất bạo động thành một chiến binh sẵn sàng rút kiếm.

Trong số những người cộng sản ký vào “cáo trạng”, người khiến tôi ngạc nhiên nhất có lẽ là Trần Đoàn, “trưởng”

phòng giam tập thể số 4, nơi tôi bị chuyển đến ngay sau khi kết thúc cuộc thẩm vấn và phỏng vấn với Sáu Cầu.

Tôi ngay lập tức có cảm giác rằng mình đang bị Trần Đoàn giám sát đặc biệt. Và sau đó anh ấy đã xác nhận điều đó với tôi. “Họ” đã dùng tinh thần kỷ luật của ông đối với đảng để tiếp tục tra tấn tôi một cách nhẹ nhàng. Với chủ đề này : “Hãy cẩn thận với Toại này, nó nguy hiểm lắm”.

Đối với Trần Đoàn, cống hiến cho đảng là bản chất thứ hai. Đến mức, chính ông, trong phòng giam của mình, cùng tham gia vào công tác chuẩn bị cho đại hội IV, đã lập ra một phiên họp hằng ngày để đọc có bình luận tờ Nhân Dân nhật báo của đảng. Các tù nhân sẽ vui vẻ không phải làm công việc này, mặc dù đôi khi nó chỉ cung cấp cho họ ít thông

tin. Trần Đoàn giải thích rằng không có nghĩa vụ phải tham gia các buổi họp này, nhưng phải làm sao cho mọi người đều hiểu rằng tốt hơn hết là nên chú ý, hoặc ít nhất là tỏ ra chú ý.

Về phần tôi, tôi có quyền được đối xử rất đặc biệt. Lính canh đã chỉ định chỗ ngồi của tôi một cách khác thường khi anh ta đưa tôi vào phòng giam. Bên cạnh Trần Đoàn... Và anh ấy đã hỏi tôi rất nhiều câu hỏi về cuộc sống trước đây của tôi đến nỗi một người ít nghi ngờ hơn tôi cũng có thể biết được.

Không, Trần Đoàn không phải là “kẻ mách lẻo”. Kẻ mách lẻo hành động vì mục đích đen tối là lợi ích cá nhân. Trần Đoàn đã hành động vì lợi ích của đảng. Họ bảo anh ta, “Cẩn thận ! tên Toại này nguy hiểm lắm...” Vì vậy, khi đang làm nhiệm vụ, anh ta cố gắng tìm hiểu xem

tôi đại diện cho mối đe dọa nào đối với chế độ, những gì tôi có trong đầu mà các cuộc thẩm vấn vẫn chưa moi ra được.

Tôi đã cẩn thận không kể với ông ấy về sự phát triển trong tư tưởng chính trị của tôi kể từ năm 1975, nhưng tôi có thể kể cho ông ấy nghe tiểu sử của mình mà không nói dối và không bỏ sót bất cứ điều gì.

Dần dần, ông ấy tin tưởng vào sự chân thành của tôi đến nỗi cuối cùng đã “thú nhận” với tôi về nhiệm vụ được giao phó, đồng thời nói thêm rằng ông ấy sẽ không chấp nhận hoạt động gián điệp như vậy nếu tôi không bị phát hiện là một người “nguy hiểm”.

– Tôi chắc chắn rằng bây giờ anh không phải là kẻ thù của cách mạng, và tôi có thể nói như vậy.

Tôi có mọi lý do để tin rằng bản báo cáo mà chắc chắn được yêu cầu từ Trần Đoàn đã có ảnh hưởng tích cực đến diễn biến sự việc, bắt đầu với công việc “thợ cắt tóc» được giao cho tôi ngay sau đó.

Trong mọi trường hợp, một khi đã tạo dựng được lòng tin, tôi nhanh chóng hiểu biết về Trần Đoàn nhiều như anh ấy hiểu về tôi. Ông là người miền Nam đã gia nhập miền Bắc sau Hiệp định Genève. Ông học ngành hóa học tại Đại học Hà Nội trước khi sang Trung Quốc và Tiệp Khắc để tiếp tục học tập. Trở về Việt Nam, ông trở thành kỹ sư trưởng khoa hóa học của Bộ Kinh tế. Được cử vào Sài Gòn sau chiến thắng ở miền Nam, ông bị cấp trên cáo buộc đã đánh cắp bốn trăm lít xăng. Ngày quyết định thú nhận điều này, giọng nói của Trần Đoàn nghẹn ngào và nước mắt lưng tròng.

– Tôi ! Tôi đã ăn cấp bốn trăm lít xăng ! Tôi không thể cống hiến ba mươi năm cuộc đời mình cho đảng và cách mạng để rồi sa ngã đến thế ! Ở vị trí của tôi, người ta không ăn cấp bốn trăm lít xăng mà là mười nghìn lít xăng. Nhưng tôi không hề ăn cấp bất cứ thứ gì cả. Tôi đã bị sếp của mình, một người miền Bắc, tố cáo và muốn đưa một người của ông ta vào vị trí của tôi. Đây là sự thật...

Trần Đoàn vẫn trung thành với đảng, giống như nhiều người khác. Nhưng sự bất công và nỗi nhục mà ông là nạn nhân đã đè nặng lên trái tim ông. Vì vậy, sau khi do dự và chắc chắn rằng không có điều gì sai trái trong văn bản, ông đã đồng ý là một trong những người ký vào Cáo trạng.

Trong số những trí thức ký vào bản cáo trạng, nhà báo Đặng Giao, người đã

được nhắc đến ở chương trước, đã kể cho tôi nghe chi tiết về vụ bắt giữ ông, trong đó sự kỳ dị xen lẫn sự ghê tởm.

– Nếu tôi tìm lại được sự tự do để viết, ông nói với tôi, tôi sẽ kể câu chuyện này. Và nếu anh có ra khỏi đây thì hãy thay tôi mà nhé.

Đây là câu chuyện của Giao, tôi đã ghi lại gần như từng chữ một.

– Họ đến thành một nhóm khoảng bốn mươi người trên một chiếc xe buýt cũ của quân đội Hoa Kỳ. Người cán bộ dẫn đầu họ đứng trước mặt tôi và trình trọng đọc một tờ giấy lấy từ trong túi :

– Trước yêu cầu về an ninh đất nước,

Sau khi bị người dân tố cáo,

Cơ quan An ninh Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh ra lệnh:

1. Khám xét nhà và tịch thu toàn bộ tài sản của Trần Duy Cát, tức Đặng Giao, và vợ là Chu Vi Thụy, con gái tên phản tặc Chu Tử ;

2. Bắt giữ hai người này vì có hoạt động văn hóa chống lại nhân dân và có lợi cho chính quyền bù nhìn Mỹ trên báo Sóng Thần và Sóng;

3. Họ sẽ bị xét xử theo luật số 3/76.

– Đúng vậy ! Tôi là một trong những người đầu tiên được hưởng lợi từ Luật 3/76. Cho đến lúc đó, mọi việc đều diễn ra tùy tiện mà không có sự chỉ thị. Bây

giờ, nó mang tính tùy ý và có sự ủy quyền.
Một bước tiến lớn.

“Người điều hành ra hiệu và cả bảy tràn vào nhà. Một số chỉ mới mười sáu tuổi. Thật hăng hái ! Chúng lật đổ mọi thứ, xé nát mọi thứ. Chúng xé toạc đệm ghế bành, giật tung đồ gỗ trong phòng khách, dò xét trần nhà và lục tung đồ gia truyền. Vợ tôi, người đã trang hoàng ngôi nhà nhỏ của chúng tôi rất cẩn thận, nhắm mắt lại để tránh nhìn thấy thảm họa. Một bảy, tôi nói cho bạn biết ! Khi những người rất trẻ có thể tham gia vào việc cướp bóc nhân danh luật pháp, bạn có thể tưởng tượng chúng vui mừng như thế nào về điều đó !

Lần lần, lũ bộ đội mang «phát hiện» của mình đến cho viên sĩ quan, người đã kiểm tra chúng với vẻ quan trọng. Vai trò anh hùng của nhà lãnh đạo cách mạng

vạch mặt kẻ thù của nhân dân... Chúng tôi đứng ở một góc phòng, trong khi anh ấy lật giở những album ảnh gia đình, những tờ báo cũ và đọc, vâng, những bức thư tình của chúng tôi, đã mười năm tuổi. Và anh ấy đang đọc cuốn nhật ký mà vợ tôi đã viết trong nhiều năm, dừng lại ở một đoạn và đọc lại :

– Đây là cái gì vậy ?

– Những đoạn văn này, mà anh ta chỉ vào bằng ngón trỏ đầy phần nộ, là hai đoạn trích từ nhật ký cá nhân này :

“Một giờ!” Đã muộn rồi và tôi lo lắng. Gió đang thổi dữ dội. Từng chiếc máy bay lần lượt hạ cánh xuống sân bay, anh nghĩ đến em. Anh ước gì em ở gần anh để...

Bốn giờ ba mươi ! Tôi ngủ thiếp đi

một lúc. Chiếc điện thoại làm tôi giật mình tỉnh giấc, thật vui quá... Nhưng đó chỉ là số nhầm. Tôi không thể ngủ lại được...

– Đây là cái gì vậy ? Cán bộ lập lại một cách hung hăng.

– Bạn chỉ cần đọc thôi là sẽ hiểu.

– Trả lời một cách lịch sự. Tôi là đại diện chính phủ và anh đang bị bắt giữ. Anh có nghĩ tôi là người mù chữ không ? Tôi tốt nghiệp Đại học Hà Nội chứ không phải từ các trường phản động ở Sài Gòn !

Lúc đầu, tôi nghĩ anh ấy đang chế giễu mình nên trả lời một cách mỉa mai :

– Được thôi ! Vì ông là thành viên

của chế độ xã hội chủ nghĩa và dân chủ, tôi nghĩ ông có thể hiểu rằng đây là nhật ký của vợ tôi. Và những đoạn văn này (tôi quay sang vợ tôi, cô gật đầu và khóc thầm) có từ nhiều năm trước. Rốt cuộc thì đó là vấn đề riêng tư của chúng tôi !

– Cuộc sống riêng tư của bạn ? Đây là ngôn ngữ mã hóa giữa anh và những kẻ phản bội ! Nếu không thì tại sao thời gian lại được chỉ ra một cách chính xác như vậy ? Tại sao bạn lại chú ý đến tiếng ồn của máy bay ? Và cuộc gọi này thì sao ? Có vẻ như là lỗi số phải không ? Đúng thế! Đúng thế ! Người Mỹ, những người nghĩ rằng họ thông minh và mạnh mẽ, không thể đánh lừa chúng ta. Họ không phải là những con rối phản bội sẽ khiến chúng ta tin vào câu chuyện của họ !

Tôi không thể tin vào tai mình. Tôi kinh hoàng trước sự ngu dốt giả tạo của

gã này, điều mà tôi đã nhận thấy ở những cán bộ khác từ miền Bắc. Họ được nuôi dưỡng trong một lò ấp, bên ngoài thế giới, họ nhìn thấy những âm mưu ở khắp mọi nơi, họ lý luận theo kiểu trắng đen, nếu bạn không phải là một trong số họ, bạn chỉ có thể là một điệp viên được trả lương của chủ nghĩa đế quốc... Nói chuyện với những kẻ này, khi họ nghĩ rằng họ đã nhận ra mùi đặc trưng của kẻ thù của nhân dân mà họ đã được dạy để ngửi, là vô ích. Vì vậy, tôi nói :

– Nghe này, anh muốn làm gì tôi thì làm, anh có lệnh, nhưng vợ tôi vừa rời khỏi khoa sản, nơi cô ấy sinh con cách đây hai tuần. Bạn không thể bắt cô ấy ngay bây giờ được, ít nhất hãy đợi cho đến khi đứa trẻ có thể sống sót mà không cần mẹ !

– Không thể nào. Anh có thói quen của giai cấp tư sản. Phụ nữ miền Bắc đã bắn vào máy bay Mỹ một hoặc hai ngày sau khi sinh con, và họ không chết.

– Còn đứa trẻ thì sao ? Tôi nói.

– Đứa trẻ sẽ đi cùng mẹ. Cả hai đều sẽ được đối xử rất tốt. Tên nó là gì?

Tôi không biết chuyện gì đã xảy ra với tôi, Giao nói. Một cảm giận lạnh lùng và tuyệt vọng. Chúng tôi vẫn chưa làm lễ rửa tội cho đứa trẻ. Tôi trả lời :

– Nó được gọi là Giải Phóng.

Vợ tôi, người chưa nói gì cho đến lúc đó, cảm thấy nguy cơ khiêu khích đã đi quá xa. Bà vội nói :

– Tôi vẫn chưa biết. Vì cháu mới sinh nên chúng tôi vẫn chưa tìm được tên.

Tên cán bộ mở túi, lấy ra một tờ giấy in và bắt đầu viết. Trong khi đó, những người lính trẻ tiếp tục chất đồng bằng chúng trên bàn. Một người trong số họ vừa thả ba tập lớn xuống và tò mò hỏi vợ tôi :

– Đây là cái gì ?

– Từ điển, vợ tôi trả lời một cách lơ đãng. Cậu bé quay lại và vợ tôi ngạc nhiên nhắc lại : Từ điển.

Một tên khác đến giúp bạn mình :

– Anh ấy muốn biết những cuốn sách này có gì ?

– Vâng, vợ tôi nói, họ dịch các từ tiếng Việt sang tiếng Pháp, sang tiếng Anh và ngược lại...

Hai tên nhìn nhau, sửng sốt. Họ khô-

ng bao giờ tưởng tượng được sự tồn tại của những cuốn sách như vậy.

Viên sĩ quan viết xong liền ngắt lời : «Mọi người im lặng!» Và, chắc chắn là theo Luật 3/76, ông ta đọc phần phụ lục của lệnh bắt giữ mà ông ta vừa lập ra, mà không nhắc đến bất kỳ ai, để tính đến sự tồn tại của đứa trẻ sơ sinh này, đứa trẻ không được lên kế hoạch trong chương trình và vẫn chưa thể tách khỏi mẹ:

Xét đến yêu cầu về an ninh quốc gia,
v.v.;

Văn phòng An ninh Trung ương
Thành phố Hồ Chí Minh ra lệnh, v.v.;

2° Vụ bắt giữ một em bé vô danh, con trai của cặp đôi nghệ sĩ phản bội Đặng Giao.

Dành cho Giám đốc... »

«Và thế là,» Đặng Giao nói, «đứa con trai mười lăm ngày tuổi của tôi đã vinh dự trở thành tù nhân trẻ nhất của Trần Hưng Đạo, nơi nó vào tù ngày 26 tháng 4 năm 1976, trong vòng tay của mẹ nó, người, bằng một cử chỉ nhân đạo tuyệt đẹp, đã không bị còng tay. Ngược lại, tôi có quyền làm như vậy. Chúng tôi để lại hai đứa con lớn nhất, sáu và tám tuổi, đang đau khổ, và tôi chỉ có thể nói với chúng: «Các con của ba, đừng sợ. Đừng ra khỏi nhà. Ngày mai bà sẽ đến chăm sóc các con. Nếu có ai hỏi câu hỏi nào, hãy nói với họ rằng cha các con đang ở trong tù, mẹ cũng vậy, và em trai các con vừa mới chào đời, và đây là một sự bất công lớn. Đừng bao giờ quên điều đó.

«Tôi đóng cửa nhà và đi về phía xe buýt, giữa hai hàng lính cầm vũ khí trên tay. Cảnh tượng thật hoành tráng ! Tôi

phải đỡ người vợ đang ngất xỉu của mình. Lúc đó là rạng sáng. Cuộc tìm kiếm kéo dài suốt đêm. Khi họ lái xe về phía Nhà tù Trần Hưng Đạo, loa phóng thanh ở các góc phố bắt đầu ca ngợi chế độ, «dân chủ hơn bất kỳ chế độ nào khác gấp ngàn lần», như họ nói. Xung quanh chúng tôi, bốn mươi bộ đội đang ngủ gật, hài lòng với nhiệm vụ đã hoàn thành.

Như ông đã nói, Đặng Giao, bị bắt vào đầu tháng 4 năm 1976, là một trong những «người hưởng lợi» đầu tiên của Luật 3/76, luật này quy định cụ thể các điều kiện mà một người có thể bị bắt giữ.

Luật này cho phép mọi công dân dẫn đến đồn cảnh sát bất kỳ người nào bị tình nghi phạm tội hoặc hoạt động bất hợp pháp, đặc biệt là bất kỳ ai bị bắt quả tang.

Người bị tình nghi vi phạm pháp luật có thể bị tạm giam trong hai tháng theo quyết định của cảnh sát trưởng, hoặc bốn tháng nếu nghi ngờ là nghiêm trọng. “Thời gian giam giữ” này có thể được gia hạn gấp đôi thời gian ban đầu cho mục đích điều tra. Nói cách khác, một cảnh sát trưởng bình thường có thể giam giữ một người nào đó trong vòng sáu tháng hoặc mười hai tháng nếu người đó chỉ bị tình nghi.

Ngoài ra, quyết định của cấp có thẩm quyền cao hơn là cần thiết. Cảnh sát địa phương phải báo cáo lên quận, và quận báo cáo lên tỉnh. Nhưng ở cấp độ này, Luật 3/76 không còn quy định giới hạn thời gian giam giữ nữa ! Nói cách khác, cuộc điều tra có thể tiếp tục vô thời hạn, cho đến khi nghi phạm chết, nếu cảnh sát thấy phù hợp. Mọi việc này đều do

cảnh sát quyết định. Không có lúc nào thẩm phán can thiệp vào quá trình điều tra. Tòa án sẽ không được thông báo cho đến ngày cảnh sát coi như họ đã hoàn tất. Và sẽ rất tuyệt nếu tòa án phản đối kết luận của mình. Cảnh sát nhân dân được thành lập từ những con người yêu nước đích thực. Nó là, như Hồ Chí Minh đã nói, «một thanh kiếm quý của đảng», và vì đảng là bất khả xâm phạm...

Điều đáng chú ý là trong khi có Bộ trưởng Bộ Công An (Trần Quốc Hoàn, đồng thời là Ủy viên Bộ Chính trị đảng cộng sản), thì lại không có Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Mặc dù có những thẩm phán không phải là đảng viên (như chủ tịch «Tòa án nhân dân» Hà Nội Nguyễn Thành Vinh), nhưng không ai có đủ sự độc lập và thẩm quyền cần thiết để từ chối một viên chức công an cấp cao. Sự

hỗn loạn về quyền lực - sự phụ thuộc của mọi quyền lực vào đảng - là hoàn toàn. Giám đốc Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Mai Chí Thọ, cũng là đại biểu quốc hội, phó chủ tịch thành phố và tất nhiên là ủy viên Ban Chấp hành Trung ương đảng. (Một ví dụ khác về sự lẫn lộn quyền lực, giống như một bức biếm họa về cuộc bầu cử tháng 4 năm 1976, ông Trường Chinh, chủ tịch Ủy ban tổ chức bầu cử, người lựa chọn các ứng cử viên, cũng chịu trách nhiệm... xét xử các khiếu nại. Trên hết, bản thân ông cũng là một ứng cử viên,)

Có cần thiết phải thêm vào đó là tư cách của luật sư độc lập, thể chế tư sản suy đồi không còn tồn tại ở miền Nam Việt Nam ? Các luật sư «quốc doanh» vẫn đồng ý với tòa án về vấn đề này. Họ là công chức được bổ nhiệm để «biện hộ»

những tình tiết giảm nhẹ, không bao giờ tha bổng. Về phần mình, tòa án không thể tuyên bố trắng án vì theo định nghĩa, cảnh sát chỉ giao nộp những người có tội cho tòa. Ông chỉ giới hạn bản thân vào việc đánh giá số năm sáu hồi. Những tù nhân được thả, như tôi sau này, được thả theo quyết định của cảnh sát chứ không phải của tòa án.

Đây chính là cách thức hoạt động của bộ máy «hợp pháp» của trại cải tạo Việt cộng hiện nay. Mặc dù Luật 3/76 đại diện cho sự tiến bộ so với năm đầu tiên của chế độ mới, nhưng giờ đây chúng ta biết ai đã ra lệnh bắt giữ bạn và thực sự bạn là người bị bắt... Vào năm 1975, chỉ cần tên bạn xuất hiện trong sổ địa chỉ của nghi phạm, hoặc bạn bị nhầm với người khác là đủ để thấy mình bị cuốn vào vòng xoáy đó. Liên quan đến điều

này, tôi phải kể câu chuyện về «tư Ban».

Ngày 30 tháng 7 năm 1975. Đã quá nửa đêm. Một chiếc xe jeep dừng lại trước đồn cảnh sát kiểm soát khu vực Võ Di Nguy, gần sân bay Sài Gòn. Một đại úy Bắc Việt, được năm đội cận vệ hộ tống, bước vào văn phòng:

– Chúng tôi là người của An ninh Trung ương và chúng tôi có lệnh bắt giữ một người tên là Đặng Cơ Ban. Cậu bé khoảng mười sáu hoặc mười bảy tuổi và đang là học sinh tại một trường trung học ở khu phố này. Đồng chí có thể giúp chúng tôi tìm anh ta được không ?

Trưởng đồn quay sang Tám Thế, một cựu tài xế xe kéo sống ở ngôi nhà bên cạnh và đã trở thành điệp viên tình báo của ông:

– Tôi mới đến đây một thời gian ngắn, nhưng đồng chí Tám Thế có thể biết...

Tám Thế nhướng mày vẻ lo lắng :

– Ít nhất chúng ta cũng phải biết tên cha của anh ta... Hoặc tìm danh sách học sinh tại trường trung học...

Vị đại úy ra vẻ mất kiên nhẫn :

– Tôi không biết tên cha anh ta, và chúng ta không nên lãng phí thời gian, nếu không tên phản động trẻ tuổi này sẽ trốn thoát.

Một chiếc xe buýt vừa dừng lại trước đồn cảnh sát. Có khoảng năm mươi thanh niên đi xuống từ đó, những dân quân mới háo hức, đeo băng tay đỏ bên ngoài quần áo thường dân. Vị đại úy quay sang những người hộ tống của mình :

– Mỗi người hãy dẫn đầu một nhóm mười dân quân và tìm kiếm khu vực này. Để ngăn chặn hản trốn thoát dưới một cái tên giả, hãy bắt giữ tất cả «Ban» từ mười sáu đến mười bảy tuổi. Tại An ninh, họ sẽ tìm ra sự thật.

Cuộc săn bắt đầu ngay lập tức. Có tiếng gõ cửa, tiếng chó sủa, đèn bật sáng và người dân đột nhiên thức giấc và thấy lính biệt kích xâm nhập vào nhà hoặc căn hộ của họ.

– Có cậu bé nào ở đây tên là Ban không ?

Nếu có, họ yêu cầu được nhìn. Nếu anh ta từ mười sáu đến hai mươi tuổi họ sẽ đưa anh ta đi.

Đêm hôm đó, tại khu Võ Di Nguy, những người sau đây đã bị bắt :

1° Trần Đình Bân, được điều động vào quân đội miền Nam ngay trước khi chế độ cũ sụp đổ. Không hề thỏa hiệp, khi mới tuyển dụng, anh chỉ được cải tạo trong ba ngày, sau đó anh quyết định tình nguyện đến các vùng kinh tế mới. Anh thậm chí còn thuyết phục được cha mẹ mình tham gia vào cuộc phiêu lưu cách mạng vĩ đại này, điều sẽ cho phép họ có thể ngẩng cao đầu bước đi trên đất nước Việt Nam mới.

Thứ 2 là Nguyễn Đức Bản, người đã hối lộ một viên chức nhà nước vào năm 1974 để trì hoãn việc điều động vào quân đội bù nhìn trong một năm. Nhờ vậy, một tuần trước, anh được các đồng chí trong Đoàn Thanh niên gọi là «cháu ngoan của Bác Hồ», một danh hiệu khiến mọi người đều phải ghen tị. Mỗi buổi sáng, ông đều tự hào thắt chiếc khăn quàng đỏ

quanh cổ, biểu tượng cho phẩm giá của mình. Cha của anh, một thợ may thân thiện và rất nổi tiếng trong vùng, người biết cách thể hiện sự đồng cảm của mình với Mặt trận, được bổ nhiệm làm tổ trưởng (Trong xã hội mới, tổ (tế bào) là đơn vị hành chính nhỏ nhất của thành phố. Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh được chia thành 21 quận, mỗi quận có từ 20 đến 30 phường, mỗi phường có từ 20 đến 30 khu, mỗi khu có từ 20 đến 30 tô, mỗi khu có vài chục gia đình. Do đó, đây là một mạng lưới cực kỳ chặt chẽ và người đứng đầu tô, tô trưởng, biết rõ mọi cư dân trong khu phố của mình. Sau chiến thắng của cộng sản, tô trưởng là những người đàn ông trong vùng, không nhất thiết là người cộng sản. Ngày nay, những nhiệm vụ này thường được thực hiện bởi những người lính từ miền Bắc, với sự hỗ trợ của hai người dân địa

phương và hai cảnh sát), một vị trí mà ông đảm nhận với sự nhiệt tình và anh ta không có một phút nào để làm công việc của mình.

Thứ 3 là Nguyễn Dân Ban, mười bảy tuổi, là học sinh cuối cấp cùng trường với Ban “thật”, người bị truy nã. Hằng hái nhiệt thành với cuộc cách mạng, gần đây anh đã có những cuộc thảo luận gay gắt với cha mình, một đại úy của chế độ cũ, trước khi cha ông bị đưa đến trại cải tạo. Vị đại úy, người đã chiến đấu với niềm tin trong nhiều năm, hy sinh cuộc sống gia đình cho quân đội, cuối cùng đã nhận ra rằng mình đã bị lừa. Các vị tướng đã sống như những ông hoàng trong khi ông và những người lính của mình phải liều mạng (lực lượng Biệt kích đã phải chịu mọi khó khăn), và ngày nay hầu hết các vị tướng đó đã an toàn ở Mỹ với số

vàng mà họ đã đánh cắp được. Sau mười lăm năm sống vất vả, ông đột nhiên phát hiện ra trước mắt mình một đứa con trai đã gần trưởng thành, đang nói về lịch sử và chính trị. Ông đã nghĩ đến chuyện trốn tránh, thậm chí là sống ẩn dật. Chính con trai ông đã thuyết phục ông trung thành trình diện với chính quyền mới để tham gia khóa cải tạo kéo dài một tháng mà các sĩ quan phải tuân theo. Nuốt nước mắt, đau khổ, Đại úy Nguyễn chấp nhận sự sỉ nhục này. «Để làm Ban vui lòng,» ông đã nói với vợ mình. Và sau đó chúng ta sẽ bắt đầu lại từ đầu. «Tôi không biết chuyện gì đã xảy ra với Đại úy Nguyễn, nhưng hầu hết các sĩ quan cùng cấp bậc với ông, và đặc biệt là những người thuộc các đơn vị tinh nhuệ như biệt kích hoặc lính dù, vẫn còn ở trong trại vào đầu năm 1979. «Chúng ta sẽ gặp lại nhau sau một tháng nữa», con trai ông đã tự tin nói với

ông khi ông sắp rời đi...

4° Cuối cùng, họ cũng bắt được «thủ phạm» thực sự, Đặng Cơ Bản. «Tên tội phạm phản động» trẻ tuổi này đã thành lập một nhóm bí mật tại trường trung học của mình có tên là Tự Nguyên («Những người tình nguyện») chuyên phát tờ rơi chống lại «chế độ bạo ngược mới phản bội lại những lời hứa của Mặt trận».

Không thiếu những cựu thành viên của FNL, dù có bị bắt hay không, đều cảm thấy họ là nạn nhân của thảm kịch vào thời điểm đó. Các phóng viên nước ngoài, vẫn có mặt tại Sài Gòn trong cuộc diễu hành công khai đầu tiên của những người chiến thắng, vào ngày 15 tháng 5 năm 1975, đã không quên ghi nhận rằng những ngôi sao của Mặt trận, như bà Nguyễn Thị Bình, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao của Chính phủ Cách mạng Lâm

thời, người mà báo chí quốc tế đã nói đến rất nhiều trong hội nghị Paris, thấy mình bị đẩy vào phòng họp chính thức ngồi cách các quan chức Hà Nội vài hàng ghế. Trong một chế độ mà mọi chi tiết của nghi thức đều được quản lý chặt chẽ, nơi mà thứ tự ưu tiên được thiết lập theo cách tỉ mỉ hơn so với triều đình Versailles dưới thời Louis XIV, thì nhận xét này là có liên quan. Trên thực tế, bà Nguyễn Thị Bình hiện nay không còn giữ vai trò chính trị nào nữa. Sau khi lợi dụng «sức quyến rũ» nổi tiếng của bà ở mọi thủ đô, Hà Nội không thể làm gì khác hơn là giao cho bà một ghế. Một ghế dành cho Giáo dục. Bà đã mờ nhạt đến mức đôi khi một số người tự hỏi liệu bà có phải là nạn nhân của một cuộc thanh trừng hay không. Tôi có thể trấn an những người lo lắng về số phận của bà Bình rằng : bà ấy vẫn là một bộ trưởng. (Chồng bà

Bình là ông Đinh Khang, đại tá, cán bộ cao cấp của Đảng Cộng sản. Một trong những người anh rể của ông, ông Đinh Trinh Chính, từng là Bộ trưởng Bộ Thông tin trong chính phủ Thiệu và cũng là đại sứ của Nam Việt Nam tại Thái Lan. Một người anh rể khác của ông có hai người con trai là Đình Khang và Đình Vương, đã bị chế độ mới bắt giữ vì «hoạt động phản động». Tôi gặp họ ở nhà tù Lê Văn Duyệt. Sau khi chế độ thay đổi, bà Bình đã can thiệp thay mặt cha mẹ mình, đặc biệt là việc bà Veuve Đình Bưởi, mẹ chồng bà, ra đi sang Pháp, nhưng không có kết quả. Theo họ, bà đã cân nhắc đến việc ra nước ngoài và tố cáo việc đảng cộng sản Việt Nam Dân chủ Cộng hòa bóp nghẹt Mặt trận này.

1. Sự sụp đổ của các nhà lãnh đạo miền Nam không phải là điều mới mẻ đối

với đảng cộng sản Việt Nam. Một người trong cuộc, Đại tá Hiếu, được nhắc đến ở trên, đã kể với tôi trong tù rằng ngay từ năm 1949, một nhà lãnh đạo quan trọng của miền Nam, Dương Bạch Mai, đã bị thanh trừng vì ngôi sao của ông quá sáng so với các nhà lãnh đạo miền Bắc. Một nhà lãnh đạo khác của đảng cộng sản, người miền Nam (Niêm Phổ, gần Huế), Nguyễn Chí Thanh, đã mất tích vào năm 1967 trong những hoàn cảnh đáng ngờ. Vào thời điểm đó, ông là người đứng thứ hai sau Giáp trong hệ thống quân sự và là người đứng thứ 6 trong bộ chính trị, cơ quan cao nhất của đảng. Một số người cộng sản mà ông gặp trong tù đều tin rằng ông đã chịu chung số phận như Mai.) Và ông Nguyễn Hữu Thọ, cựu chủ tịch Mặt trận Giải phóng miền Nam Việt Nam vẫn còn sống. Tôi không thể nói liệu ông có hài lòng với vai trò là nhân

vật thứ ba được giao cho ông trong chế độ mới hay không, sau mười năm đảm nhiệm vai trò ngôi sao là Lãnh tụ Mặt trận không phải là đảng viên đảng cộng sản.

Trong tờ rơi của mình, chàng thanh niên Đặng Cơ Bản chắc chắn không nói gì nhiều hơn những gì mà nhiều cựu thành viên Mặt trận đã nghĩ trước diễn biến của sự việc. Nhưng anh đã đủ thiếu thận trọng để viết nó, và «âm mưu» ngây thơ của anh học sinh trung học đã tung ra tia sét. Để chống lại khẩu súng nút chai, chế độ mới đã sử dụng pháo hạng nặng. Sau một vài “ví dụ” như thế này, toàn thể dân chúng, kể cả những cậu học sinh bối rối nhất, đều có được kỷ luật cách mạng, cùng với lòng nhiệt thành được bắt chước một cách hoàn hảo và sự

thận trọng được thúc đẩy mạnh mẽ.

Bốn anh Ban, tay bị trói ra sau lưng, bị ném úp mặt xuống xe buýt của dân quân trẻ và bị nhốt vào các phòng giam số 8, 10, 13 và 20 của nhà tù Trần Hưng Đạo. Ngay từ lần thẩm vấn đầu tiên, chàng thanh niên Đặng Cơ Bản, “thủ phạm”, đã dễ dàng thừa nhận sự việc, hy vọng ba người đàn ông vô tội sẽ được trả tự do ngay lập tức.

Điều này chưa tính đến sự miễn cưỡng đặc biệt của hệ thống nhà tù cộng sản trong việc trao trả những người mà họ bắt giữ. Một tháng sau khi bị bắt, không chỉ ba người tên Ban kia vẫn ở trong tù mà điều tra viên cán bộ còn tìm ra lý do để giữ họ ở đó :

– Trần Đình Bân từng là một tên lính bù nhìn, và qua thẩm vấn, anh cho thấy

mình không hề hối hận về điều đó “một cách chân thành”;

– Nguyễn Đức Ban đã sử dụng giấy khai sinh giả (chính là giấy mà anh đã «mua» để trốn nghĩa vụ quân sự theo chế độ cũ!) để gia nhập Đoàn Thanh niên Hồ Chí Minh, điều này đã bộc lộ những ý định đáng ngờ;

– Cuối cùng, Nguyễn Văn Ban đã học cùng lớp với Đặng Cơ Ban ở trường phổ thông. Chắc chắn là anh ta không liên quan đến vụ phát tờ rơi. Nhưng có lẽ ông đã biết trước điều đó và nên lên án âm mưu này. Do đó, ông phải được giáo dục lại để nhận thức được sự cần thiết phải cảnh giác trước kẻ thù của nhân dân...

Trường hợp của “bốn Ban” không

phải là một “sai lầm” cá biệt. Ngược lại, nó minh họa, theo cách biếm họa (nhưng biếm họa thường tiết lộ những đặc điểm cốt lõi) một trong những nguyên tắc cơ bản của hệ thống công an Việt Nam : thà bắt giữ một người vô tội còn hơn để một người có tội tự do. Hệ quả của nguyên tắc này, tôi đã nghe những lính canh Lê Văn Duyệt nêu ra nhiều lần : “Giữ ai đó trong tù quá lâu còn ít nguy hiểm hơn là thả họ ra quá sớm”.

Những “điều răn” này là bản dịch thực tế của một chính sách có chủ đích, được định nghĩa bởi ban lãnh đạo đảng, và có thể tìm thấy công thức “khiêm tốn” của nó trong một số văn bản chính thức. Vì vậy, trong tạp chí công sản (Công Sản, báo Đảng Cộng sản Việt Nam, số 5, 1977), một thành viên của bộ chính trị, Trần Quốc Hoàn viết :

“Trước đây, chúng ta đã thành công trong việc bảo đảm an ninh quốc gia, an ninh chính trị và an ninh xã hội bằng cách tiêu diệt tất cả các lực lượng phản động với sự hợp tác của nhân dân. (...) Chúng ta đã bắt giữ nhiều phần tử phản động, một số bị xử tử, một số khác bị cải tạo. (...) Bạo lực chỉ là một phương tiện, nhưng khi cần thiết phải sử dụng nó mà không do dự và mạnh mẽ. Các biện pháp cần áp dụng để khắc phục những kẻ phản động không chỉ là bắt giữ và cải tạo, mà còn phải thanh trừng. (...) Chúng ta không được để bất kỳ ai trốn thoát!”

Sự ngờ vực này không chỉ áp dụng cho những “kẻ phản động” đã được chứng minh, không chỉ cho toàn bộ dân chúng “vô can”, mà còn cho cả những “người đồng chí” của những người cộng sản và cho chính các đảng viên của đảng.

Đây là những gì người ta có thể đọc được trên báo Nhân Dân, cơ quan chính thức của Ban Chấp hành Trung ương đảng, vào ngày 4 tháng 8 năm 1978:

“Trong cuộc đấu tranh của chúng ta, chúng ta phải bỏ lại phía sau hoặc đẩy lùi những phần tử yếu kém. Vô số kẻ phản bội đã xuất hiện vào lúc này hay lúc khác và bán mình cho những kẻ xâm lược...”

Rồi một lần nữa, vào ngày 18 tháng 8 :

“Những phần tử phản bội này thậm chí còn nguy hiểm hơn cả bọn đế quốc... Hàng ngũ cách mạng phải bị cắt giảm.” (Trích báo Le Monde ngày 3-4 tháng 9 năm 1978.)

Những câu nói đe dọa này báo hiệu rằng cuộc thanh trừng vẫn chưa kết thúc.

Họ chưa bao giờ dừng lại kể từ khi đảng được thành lập. Chúng dường như được tạo ra bởi chính quan niệm của đảng, những người lãnh đạo của đảng chỉ có thể duy trì vị thế của mình bằng cách loại bỏ không chỉ kẻ thù mà còn cả những người có thể trở thành đối thủ của họ. Bởi vì những chiến dịch thanh lọc nội bộ của đảng này liên quan nhiều đến cuộc đấu tranh giành quyền lực hơn là đạo đức cách mạng hay sự trong sạch. Bằng chứng là sau những bài viết của Nhân Dân trích dẫn ở trên, chúng ta đã thấy những vụ tai tiếng liên tiếp về những chiếc thuyền chở từ 2 đến 3.000 người tị nạn, những người khốn khổ chỉ được vận chuyển với sự đồng lõa trả bằng giá cao (theo nghĩa đen của từ này) của các quan chức cộng sản cấp cao.

Tôi vô cùng đau lòng khi viết điều

này : chưa bao giờ dưới chế độ cũ, thối nát và phục tùng, nạn tham nhũng và độc đoán lại đạt đến mức độ tương đương với những gì đang tồn tại ở nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Trong số những người được «Việt Nam Dân chủ Cộng hòa» đào tạo trong ba mươi năm, phản xạ thanh lọc, ngờ vực và săn đuổi những người phản động đã tạo ra sự điều kiện hóa sai lệch đến mức đôi khi thà phạm tội còn hơn bị nghi ngờ.

Đây là câu chuyện – có thể là một câu chuyện ngụ ngôn nhưng không may lại là sự thật – về Hồ và Thi.

Lâm Đình Hồ và Trương Thi (không quen biết nhau) có hai điểm chung :

đều là người trực đêm tại các nhà máy dệt, và ở cả hai công ty đều xảy ra tình trạng trộm vải. Tại công ty Vinatexco nơi Hồ làm việc, 76 mét vải đã biến mất và Hồ đã bị bắt giữ. Ông ta kịch liệt phủ nhận mọi trách nhiệm và không có bằng chứng nào chống lại ông ta.

Ở một nhà máy khác mà tôi không nhớ tên, 380 mét vải đã bị đánh cắp và Trương Thi, người gác đêm, đã thừa nhận rằng anh ta là người đã làm điều đó.

Sau sáu tháng, Trương Thi được thả (không cần xét xử) vì vụ án của anh đã rõ ràng và cảnh sát tin rằng anh đã «trả giá». Ngược lại, Lâm Đình Hồ không nhận tội, và có lý do chính đáng: anh ta không những không có tội mà còn quen biết tên trộm. Nhưng anh không dám tố cáo : đó là tên bộ đội bảo vệ nhà máy,

anh đã tận mắt chứng kiến. Và tốt hơn hết là không nên chất vấn những ông chủ mới, đặc biệt là khi bạn là một người gác đêm gốc Hoa, từng làm việc trước khi giải phóng cho một công ty do người Mỹ kiểm soát.

Trong phòng giam tập thể của Lê Văn Duyệt, nơi ông cuối cùng đã hạ cánh, và nơi ông kể cho chúng tôi nghe câu chuyện buồn của mình, chúng tôi thúc giục Hồ lên án bộ đội :

– Nếu bạn không làm điều này, bạn sẽ phải ngồi tù nhiều năm!

Cuối cùng, Hồ quyết định yêu cầu phỏng vấn người điều tra đưa ra những tiết lộ. Phản ứng đầu tiên anh ấy nghe được sẽ là :

– Làm sao ? Một bộ đội là người yêu

nước, họ có đủ thứ để mặc, tại sao họ lại đi ăn cắp ? Và làm sao có thể tin một người từng làm việc cho người Mỹ ?

Tuy nhiên, trước sự chính xác của lời khai, cuối cùng họ đã lắng nghe lời khai của anh Hồ bất hạnh. Không thể không trách anh ta vì đã im lặng cho đến lúc đó. Họ sẽ nhào nặn nó trong một tuần trước khi tung ra. Ông sẽ phải ngồi tù 21 tháng...

Trong số những tù nhân chính trị của Lê Văn Duyệt, ông Trần Danh San là một trường hợp đặc biệt. Vào ngày 18 tháng 4 năm 1977, vị luật sư trẻ này đã cố gắng đọc một tuyên bố trước Nhà thờ Sài Gòn lên án sự lạm dụng của chế độ mới và kêu gọi công nhân và trí thức trên toàn thế giới yêu cầu chính phủ Việt

Nam chịu trách nhiệm về những vi phạm nhân quyền có hệ thống.

Một hành động anh hùng điên rồ, mà San và một nhóm đàn ông xung quanh đã biết trước hậu quả. Hai năm sau chiến thắng của phe cộng sản, tại một thành phố có tới 200.000 cảnh sát cơ động và cảnh sát tuần tra, gồm cả cảnh sát mặc thường phục và cảnh sát mặc đồng phục, chưa kể đến những kẻ chỉ điểm, một cuộc biểu tình của phe đối lập chính trị không thể tiến xa được. Và vì không còn một phóng viên báo chí phi cộng sản nào ở thành phố Hồ Chí Minh nữa nên cơ hội nhận được phản hồi ở nước ngoài gần như bằng không. Tuy nhiên, San hy vọng có thể truyền đạt lời kêu gọi của mình thông qua một người Việt gốc Pháp sắp rời khỏi đất nước, và ông nghĩ rằng ít nhất ông cũng có thể đọc được lời

kêu gọi đó trước mặt vài chục người qua đường.

Trên thực tế, một trong những người bạn đồng hành của ông đã kể với tôi rằng, ông ấy hầu như không có thời gian để đọc những câu đầu tiên, và cảnh sát đã xuất hiện từ khắp mọi nơi, chặn mọi con đường xung quanh nhà thờ. Họ có thông tin tốt hơn nhiều so với cảnh sát Thiệu...

Còn người đàn ông được giao nhiệm vụ mang tài liệu sang Pháp thì không thể rời khỏi đất nước vì thiếu tiền. Đây là cách tôi trở thành, tại Lê Văn Duyệt, trong sự mong đợi về một khả năng được trả tự do, một trong những người bảo vệ lời kêu gọi này, mà tôi đã học thuộc lòng, cũng như «Cáo trạng». Văn bản có thể được tìm thấy ở cuối sách này, dưới tiêu đề: “Tuyên bố của người Việt Nam bị

tước quyền thừa kế về nhân quyền”.

Khi đến Khu C của nhà tù, luật sư San và những người đồng hành của ông đã được đối xử rất chu đáo. Ở phòng giam số 8, các tù nhân được dành cho những chỗ ngủ tốt nhất. Bản thân những người lính canh cũng đối xử với họ với sự tôn trọng nhất định.

Tất cả họ thực sự là những người đàn ông không thể chê trách, hầu hết đều đã trải qua thời kỳ khó khăn dưới chế độ cũ và đã đấu tranh cho sự tôn trọng quyền tự do và nhân quyền dưới thời chính quyền Diệm và Thiệu. Một số người là cựu lãnh đạo sinh viên, chẳng hạn như luật sư Nguyễn Hữu Giao, Triệu Bá Thiệp, Nguyễn Hữu Đoàn, hoặc Giáo sư Nguyễn Văn Thắng. Ông Huỳnh Thanh Vĩ, chủ tịch Hội Báo chí Việt Nam, đang ở trong tù khi quân cộng sản tiến vào Sài

Gòn. Ông Tôn Thất Dương Kỳ, một giáo sư, là phó chủ tịch tổ chức Mặt trận Giải phóng miền Nam thành phố Sài Gòn kể từ ngày giải phóng.

Vào năm 1978, sau khi tôi đến Paris, tôi công khai lời kêu gọi của «Nhóm Nhân quyền» (đó là tên chúng tôi gọi trong tù), phía cộng sản đã nhanh chóng chỉ ra rằng hai trong số mười người ký tên được trích dẫn không bị cầm tù và không chấp thuận tài liệu này, bằng chứng rõ ràng rằng đó là giả mạo, một chiêu trò tuyên truyền được trả tiền bởi một cơ quan chống cộng nào đó.

Sau đó, Hà Nội tuyên bố rằng hai trong số mười người ký «Tuyên bố», Phan Văn Mỹ, cựu lãnh đạo đảng Đại Việt (Quốc dân đảng), và Tôn Thất Dương Kỳ (cựu lãnh đạo Mặt trận), đã rút lại chữ ký của họ sau khi đã trao. Tôi để mọi

người tự tưởng tượng xem những áp lực nào đã khiến người khác phải can đảm chống lại.

Ví dụ, tại sao chế độ cộng sản không cử ông Tôn Thất Dương Kỳ sang Paris để trả lời công khai cuộc họp báo của tôi ? Và tại sao không nói gì về những người ký tên khác, trong số đó có Tạ Nguyên Minh, 85 tuổi, một đồng chí của Hồ Chí Minh, và Phạm Vĩ Kỳ, 82 tuổi, một nhà hoạt động kỳ cựu trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, một tù nhân thường trực của phe đối lập dưới mọi chế độ ?

Trần Danh San là linh hồn của nhóm nhỏ này, sự hiện diện của anh đã làm thay đổi bầu không khí của phòng giam tập thể số 8, ở khu C 2, nơi tôi thỉnh thoảng đến để thực hành kỹ năng cắt tóc của mình. Có một sự lạc quan khá đáng

ngạc nhiên đang ngự trị. San, một người đàn ông có học thức, hùng biện, hay nói, với tính tình vui vẻ và hay chế giễu, đã tạo ra xung quanh mình một bầu không khí nổi loạn đầy phấn chấn, có thể an ủi những người buồn chán nhất.

– À ! San nói đùa, nếu có thời gian chắc chắn chúng ta đã xin được chữ ký của bà Ngô Bá Thành, và hôm nay bà sẽ ở đây với chúng ta, chúng ta sẽ đỡ buồn chán hơn nhiều !

Bà Ngô Bá Thành, một luật sư Sài Gòn thân cận với Mặt trận Giải phóng miền Nam, trong những năm cuối của chế độ cũ là người đối thoại được các nhà báo phương Tây ưa thích tìm kiếm những lời chỉ trích gay gắt đối với Thiệu và đồng bọn.

Bản thân San từ lâu đã là người đi đầu

trong phe đối lập và biết phải làm gì khi nói đến tình trạng lạm dụng quyền lực. Là chủ tịch của «Lực lượng Thanh niên Tiến bộ» năm 1965, ông đã phải trả giá cho hành động của mình bằng ba năm tù. Mười năm sau, ông lại bị bắt giam, và vì lý do tương tự: công khai lên án chế độ độc tài. Ông có năm người con, đứa lớn nhất mới chín tuổi, một người vợ rất xinh đẹp và mọi lý do để hối tiếc về sự tự do của mình. Tuy nhiên, ông chấp nhận số phận của mình với một sự nhiệt tình dễ lây lan.

Mỗi ngày, các thành viên của «Nhóm nhân quyền» bị thẩm vấn trong nhiều giờ và điều này sẽ kéo dài trong ba tháng. Những người bạn tù của họ sẽ không ngừng trong suốt thời gian này để bao quanh họ bằng tình cảm chân thành và sự quan tâm đặc biệt, tương xứng với

phương tiện nghèo nàn của họ.

Sau ba tháng, vào đầu tháng 7 năm 1977, các thành viên của nhóm và hàng chục tù nhân khác đã được triệu tập cùng nhau trước mặt Mai Chí Thọ, tổng giám đốc công an Sài Gòn (Mai Chí Thọ là anh trai của Lê Đức Thọ, một thành viên của bộ chính trị đã đàm phán Hiệp định Paris, chia sẻ giải thưởng Nobel Hòa bình với Henry Kissinger và chỉ huy cuộc tổng tấn công vào miền Nam Việt Nam năm 1975... đã vi phạm chính những hiệp định này. Một người anh khác là Đinh Đức Thiện, là ủy viên trung ương Đảng, tướng quân đội và Bộ trưởng Bộ Dầu khí. Điều này có nghĩa là ba anh em rất thân thiết này tạo nên một thế lực thực sự ở Việt Nam hiện nay. Một người kiểm soát cảnh sát miền Nam, người kia giữ chức vụ chủ chốt trong quân đội và về

kinh tế, vị trí thứ ba rất gần với đỉnh cao của kim tự tháp chính trị, mà ông ta có lẽ sẽ sớm nắm giữ, khi Phạm Văn Đồng và Lê Duẩn đã hết thời), người đã có một bài phát biểu gây ngạc nhiên, vừa thẳng thắn vừa hoài nghi:

– Đối với các anh, cuộc điều tra đã kết thúc. Tôi nhận ra rằng các anh đã hành động vì lý do yêu nước. Tôi thậm chí còn muốn nói : Tôi muốn những người có phẩm chất như các anh trở thành đảng viên của đảng. Thật đáng tiếc nhưng đã quá muộn rồi. Xét về mặt khách quan, các anh đã đứng lên chống lại quyền lực của đảng và chính quyền, các anh đã bị bắt và sẽ vẫn ở trong tù. Chúng tôi sẽ không giết các anh, nhưng chúng tôi sẽ không cho các anh bất kỳ cơ hội nào để đóng vai Solzhenitsyn !

«Trong tương lai, chúng ta sẽ mở cửa đón khách lạ, và trước khi đón khách lạ, chúng ta phải quét nhà. Chúng ta không thể dung thứ cho bất kỳ sự hỗn loạn nào. Có một triệu kẻ phản động và phản bội, và không có vấn đề hòa giải hay khoan hồng đối với họ, tôi nói thẳng với các anh. Nếu không, làm sao chúng ta có thể cai trị ? Có hàng triệu người ở miền Nam đã bị tiêm nhiễm những ý tưởng thối nát của chủ nghĩa tư bản, những người không có giáo dục xã hội chủ nghĩa. Phải mất thời gian để thay đổi điều này. Bác Hồ đã nói, «Chỉ mất mười năm để trồng một cái cây. Phải mất một trăm năm để nuôi dưỡng một con người.» Chúng ta sẽ sử dụng thời gian và phương tiện cần thiết, không chút yếu đuối, cho đến khi mọi người đều chấp nhận chủ nghĩa xã hội.

Không thể nói rõ hơn rằng chính sách «hòa giải và khoan hồng» do chính phủ chính thức công bố chỉ là tuyên truyền, là bức tranh đánh lừa thị giác, là liều thuốc an thần cho những kẻ ngây thơ. Chính sách thực sự là loại bỏ hoàn toàn tất cả cán bộ của chế độ cũ và đàn áp tàn bạo dân chúng bằng các phương pháp đã được Stalin áp dụng vào những năm 1930.

Tại sao Mai Chí Thọ lại thẳng thừng tiết lộ ý định thực sự của các nhà lãnh đạo đảng với một nhóm trí thức đang bị cầm tù ? Có lẽ đó là một hình thức tôn vinh lòng dũng cảm của họ. Có lẽ cũng là một kiểu khoe khoang, có lẽ ông không ngờ rằng lời nói của mình lại có thể vượt qua được bức tường thành của Lê Văn Duyệt.

17

PHỤC HỒI THÔNG QUA TÚI XÁCH

Chưa bao giờ, trong thời kỳ tồi tệ nhất của chế độ độc tài Diệm và Thiệu, lại có nhiều nhà tù và tù nhân đến vậy ở miền Nam Việt Nam.

Không chỉ tất cả các nhà tù của chế độ cũ được tái sử dụng, mà các phòng giam đó còn giam giữ số tù nhân nhiều gấp hai đến năm lần so với trước ngày «giải phóng» 30 tháng 4 năm 1975. Không những không có nhà tù nào bị đóng cửa, mà như chúng ta đã thấy ở Lê Văn

Duyệt, chúng còn được mở rộng và xây dựng thêm nhiều nhà tù mới. Ngay tại Sài Gòn, khách sạn Đại Nam, tòa nhà Đại Lợi, doanh trại Tô Hiến Thành và trại trẻ mồ côi Long Thành đã được cải tạo thành nhà tù.

Dựa trên thông tin thu thập được trong thời gian bị giam giữ, tôi có thể khẳng định rằng vào cuối năm 1977, dân số nhà tù tại thành phố Hồ Chí Minh ít nhất là 70.000 người. Một thành phố trong thành phố. Ngoài các trung tâm giam giữ lớn, mỗi quận trong số 21 quận của thành phố đều có nhà tù riêng, giam giữ từ 500 đến 1.000 tù nhân. Mỗi quận được chia thành 20 đến 30 phường, mỗi phường có một vài phòng giam, nơi giam giữ từ 5 đến 10 người.

Những con số thống kê ở tỉnh này khó biết hơn, nhưng chúng ta có thể biết

rằng các nhà tù ở đó cũng quá tải. Mỗi tỉnh (có 40 tỉnh) có một nhà tù chính, thường giam giữ hàng ngàn tù nhân, và mỗi huyện (có 200 huyện) có một nhà tù riêng. Tổng cộng, thông tin mà tôi có thể thu thập được và các tài liệu tham khảo chéo điều mà tôi có thể làm được cho phép chúng ta đưa ra con số tối thiểu là 400.000 tù nhân cho toàn bộ đất nước.

Những người bị giam giữ này, như chúng ta đã thấy, là đối tượng của một cuộc điều tra cụ thể. Phải kể thêm những người đàn ông bị giam giữ trong «trại cải tạo lao động» – hay nói cách khác là trại lao động cưỡng bức. Khi được các nhà báo hỏi về điều này trong chuyến thăm Paris vào tháng 4 năm 1977, Thủ tướng Phạm Văn Đồng tuyên bố rằng vào thời điểm đó chỉ còn khoảng năm mươi ngàn người. Chúng ta có thể nhân con số này

với tám một cách an toàn. Trên thực tế, những người “được giáo dục lại” thuộc về hai nhóm chính :

1° Quân đội, cảnh sát và công chức của chế độ cũ. Theo tờ báo chính thức của thành phố Hồ Chí Minh, Giải Phóng, 400.000 người đã trình diện vào tháng 6 năm 1975 theo lời kêu gọi của chính quyền mới để tham gia các khóa «cải tạo» (kéo dài không quá một tháng!). Các viên chức nhà nước cấp thấp và một số binh lính bình thường đã được đưa về nhà khá nhanh chóng. Nhưng những người lính thuộc các đơn vị tinh nhuệ («biệt kích», lính dù, lính thủy đánh bộ), cảnh sát và công chức có cấp bậc nhất định và tất nhiên cả các sĩ quan, bốn năm sau khi «giải phóng», vẫn đang trải qua quá trình cải tạo...

2. Những người cộng sản cũ hoặc thành viên của FNL đã gia nhập chế độ cũ. Có khoảng 200.000 người. Cho dù họ mệt mỏi vì chiến tranh, vỡ mộng với chủ nghĩa cộng sản, hay chỉ đơn giản là vì cơ hội, thì vào nhiều thời điểm khác nhau, họ đã phản ứng lại chiến dịch chiêu hồi («mở rộng vòng tay») của chính quyền cũ, chính quyền đã ân xá cho những người đào tẩu. Được những người đồng chí cũ của họ biết rõ, hầu hết những tên đầu trọc này đều không thể trốn thoát khỏi trại. Và theo nguyên tắc của chủ nghĩa cộng sản rằng kẻ phản bội còn tệ hơn kẻ thù, bạn có thể chắc chắn rằng rất ít người trong số họ có thể sống sót.

Hầu hết người Việt Nam ngày nay đều tin rằng «trại cải tạo» là trại giam hình sự nhằm mục đích giết chết dần dần tất cả cán bộ của chế độ cũ, những

người bị coi là không thể cứu vãn hoặc có khả năng nguy hiểm. Để tránh sai lầm của Pol Pot ở Campuchia (mà họ đã đến để «trừng phạt» vì sự tàn bạo của nó !), những người cộng sản Việt Nam thực hiện chiến thuật tiêu diệt chậm rãi, không cần súng Kalashnikov và không cần lò nung, tránh xa những nhà điều tra quá tò mò. Và không chỉ một số ít nhà báo tự mãn được đưa đến trại huấn luyện mô hình, nơi các cựu sĩ quan ăn mặc chỉnh tề thú nhận sự hối tiếc vì đã phục vụ cho một mục đích xấu, những người sẽ có thể xóa bỏ được sự nghi ngờ này.

Những gì tôi biết về «trại cải tạo» thông qua việc gặp gỡ những người đã trải qua chúng, đủ để biến sự nghi ngờ thành cáo buộc.

Nghịch lý thay, có lẽ những tù nhân của Lê Văn Duyệt lại có nhiều ảo tưởng

về trại giam hơn là những công dân được «tự do».

Bị nhồi nhét như cá mòi vào những căn phòng giam không có không khí, ánh sáng hoặc nước, bị cho ăn uống kém, bị buộc phải im lặng và không hoạt động, không thể đọc hoặc viết, nhiều người trong chúng tôi coi việc chuyển đến trại cải tạo là bước đầu tiên hướng tới sự giải thoát.

Những lính canh cũng đang nỗ lực hết mình để làm cho câu chuyện này trở nên có thật. Tôi nhớ ngày hôm đó vào cuối tháng 12 năm 1976, ngay trước Đại hội Đảng lần thứ IV, sự kiện đã gây náo động trong nhà tù, khi hàng chục tù nhân từ Khu C được gọi đến để chuẩn bị rời khỏi phòng giam.

Các cuộc gọi riêng lẻ thường gây lo

lắng: có thể chỉ là việc đổi phòng giam, và ngay cả tù nhân cũng không muốn xa bạn bè và thói quen của mình («có thể còn tệ hơn nữa», người ta tự nhủ). Đó có thể là một biện pháp cô lập (và mọi người đều sợ Khu B đáng sợ, mặc dù nó hiếm khi được nhắc đến, như thể là do mê tín). Mặt khác, việc chuyển đổi tập thể thường khơi dậy những hy vọng xa vời. Mặc dù biết rằng Lê Văn Duyệt không phải là nhà tù tệ nhất, nhưng mọi người đều hy vọng sẽ tìm thấy sự cải thiện trong cuộc sống của mình ở một nhà tù khác. Và các đoàn xe đến trại cải tạo thậm chí còn hứa hẹn hơn. Không còn nghi ngờ gì nữa là ít nhất sẽ có không gian, hoạt động và có thể là đồ ăn ngon hơn. Và thậm chí cả các khóa học, như sinh viên !

Đoàn xe tháng 12 đã gây ra một sự xáo trộn lớn ở Khu C. Những người

bị chuyển giao tập trung ở các phòng giam 1, 2 và 3, còn các tù nhân trong các phòng giam này được phân bổ ở những nơi khác. Tôi đã học được những điều sau đây từ hai tù nhân mà tôi gặp lại vào những tháng sau đó tại Lê Văn Duyệt, bởi vì một người đã cố gắng trốn thoát khỏi trại, và người kia đã xúc phạm một bộ đội.

Sau khi những người chuyển đi đã tập hợp đầy đủ, giám đốc nhà tù bước vào phòng giam :

– Các vụ án của các anh sẽ được giải quyết và các anh sẽ được hưởng sự khoan hồng của chính phủ. Các anh sẽ phải làm việc trong trại cải tạo một thời gian ngắn, sau đó sẽ được thả ra. Khoảng thời gian này tối đa là một năm.

Khuôn mặt các tù nhân bỗng sáng

bùng, họ lắng nghe một cán bộ đọc thời gian cải tạo được phân công cho từng người :

Nguyễn Văn X., 3 tháng.

Trần Văn Y., 6 tháng...

Ba tháng, sáu tháng hay thậm chí là một năm trại cải tạo thì có là gì, miễn là ngày kết thúc cuối cùng đã được ấn định ! Và việc cải tạo trong trại không thể tệ hơn nhà tù.

Trong các phòng giam bên cạnh, nơi giam giữ những tù nhân còn ở lại nhà tù Lê Văn Duyệt, tin tức này nhanh chóng lan truyền, được bình luận với đôi chút cay đắng và ghen tị.

– X., anh có biết không, X. đã có vũ khí ở nhà trong ba tháng ! Và Y., người lính dù và không xuất hiện vào tháng 6

để cải tạo, chỉ trong một năm ! Họ thật may mắn! Nhưng có lẽ sẽ sớm đến lượt chúng ta thôi. Với Đại hội Đảng, có vẻ như họ thực sự bắt đầu thực hiện chính sách khoan hồng và hòa giải.

Xét về chính sách khoan hồng, những người được thả sau ba tháng đã phải chờ đợi trong vô vọng. Khi họ nhắc lại lời hứa với chỉ huy trại, họ được trả lời rằng :

– Tôi không biết anh được hứa hẹn điều gì ở Lê Văn Duyệt, nhưng đây không phải là Lê Văn Duyệt, và tôi không có lệnh nào liên quan đến anh.

Một người lính canh đã giải thích không chính thức với các tù nhân rằng :

– Họ luôn hứa điều này trước khi chuyển tù nhân, để các tù nhân yên lặng...

Nguy cơ nổi loạn, hoặc cố gắng trốn thoát hàng loạt trong những cuộc di chuyển này, thường diễn ra vào ban đêm (người dân không được nhìn thấy bất cứ thứ gì) bằng xe tải hoặc xe buýt, và đi bộ trên một số tuyến đường nhất định, dường như là mối quan tâm chính của những người phụ trách.

Đến 2 giờ sáng, trước khi Lê Văn Duyệt lên đường, các tù nhân bị trói thành từng cặp và được phổ biến chín quy tắc phải tuân thủ nghiêm ngặt trong suốt hành trình:

- cấm nói;
- cấm đứng dậy;
- Bất cứ ai cố gắng chạy trốn đều bị bắn ngay tại chỗ, không cần triệu tập, và vân vân.

Về việc trại cải tạo, một tù nhân nói với tôi rằng «còn tệ hơn cả nhà tù». Với quá ít thức ăn, chúng ta phải làm việc như động vật. Chúng ta đang chết dần vì kiệt sức. Tôi cố tình xúc phạm một bộ đội : để bị đưa trở lại nhà tù... và có cơ hội cứu lấy mạng sống của mình.»

Tất cả các trại - và có tới hàng trăm trại như vậy - đều được chỉ định bằng một mã số khiến việc xác định vị trí trở nên khó khăn.

Theo những lời khai trực tiếp mà tôi thu thập được, Trại số 1248, gần Suối Máu, tỉnh Biên Hòa, cách Sài Gòn khoảng ba mươi cây số về phía bắc, là trại trung chuyển cho các sĩ quan cao cấp của Quân đội miền Nam trước đây, những người dần dần được chuyển đến Bắc Việt Nam để cách ly tốt hơn.

Ở khu vực Bù Gia Mập (Bà Rá), cách Sài Gòn khoảng năm mươi cây số về phía đông, có nhiều trại tù (số 3138 và 3152) nơi giam giữ 38.000 sĩ quan của chế độ cũ. Đây là một khu vực nhiều núi và rừng rậm với tiếng xấu. Bệnh sốt rét và kiết lỵ rất phổ biến ở đó. Đây vốn là khu vực tập trung nhiều trí tuệ lớn vào thời người Pháp. Từ thời điểm này có một câu tục ngữ đã được truyền vào tiếng Việt:

Bà Rá đi dễ, khó về.

Có ít tin tức từ Bà Rá.

Một bí mật thậm chí còn lớn hơn bao quanh Trại số 7790, được thành lập gần Long Giao, cách Sài Gòn khoảng 100 km về phía đông. Các nhà lãnh đạo của chế độ cũ, được coi là nguy hiểm nhất, bị giam giữ ở đó, bao gồm những người tốt

nghiệp các trường đại học Mỹ, sĩ quan chiến tranh tâm lý, an ninh và cảnh sát quân sự. Những người đàn ông này ban đầu bị cô lập trên đảo Phú Quốc, trên biên giới giữa vùng biển Việt Nam và Khmer. Cuộc chiến giữa Campuchia và Việt Nam dẫn đến việc chuyển tù nhân vô đất liền. Tại Long Giao, họ áp dụng kỷ luật rất nghiêm khắc, vi phạm luật lệ sẽ bị xử tử ngay lập tức. «Xung quanh trại, có vô số ngôi mộ», tôi được cho biết. Tất nhiên là không được phép thăm viếng.

Ở thái cực ngược lại, trại số L-19 HT 7590 rất nổi tiếng. Đây là trại mẫu dành cho những người nước ngoài được chính tay họ lựa chọn và được đưa đi tham quan. Trại lính nằm gần Sài Gòn, trong khuôn viên trường võ bị Quang Trung cũ dành cho sĩ quan dự bị của quân đội miền Nam. Những người ở đó là những

người đàn ông đang chờ được thả, theo định nghĩa thì họ không có ý định phản đối, hơn nữa còn giao du với một số lượng lớn người cung cấp thông tin chịu trách nhiệm theo dõi tù nhân... và trả lời các câu hỏi của du khách nước ngoài.

Nguyễn Công Hoan có một đặc điểm hiếm có : ông từng là đại biểu dưới chế độ cũ và lại trở thành đại biểu dưới chế độ mới. Vào thời Thiệu, ông là người đối lập. Ở đất nước Việt Nam mới, ông quyết định chạy trốn. Vào tháng 7 năm 1977, ông lên tàu giữa đêm và đến Nhật Bản. Hiện ông đang ở Hoa Kỳ.

Với tư cách là một viên chức của chế độ mới, đại biểu Quốc hội Nguyễn Công Hoan đã có dịp đến thăm một số trại tù ở tỉnh Phú Yên, cách Sài Gòn 300 km về

phía bắc.

Trại A-30, huyện Hiếu Xương có 3.000 tù nhân. Riêng tại huyện Sơn Hòa, có khoảng 2.000 đến 3.000 tù nhân được chia thành 4 trại, đánh số từ T-51 đến T-54. Hoan cũng nhìn thấy trại A-20. Một trại tị nạn và một vụ án tách biệt.

Trại A-20, nơi giam giữ một ngàn tù nhân, trong đó một phần ba là trẻ em. Đây là những người đã chạy trốn cùng người Mỹ vào những ngày cuối cùng của Cộng hòa Sài Gòn, và khi đến Guam, họ đã yêu cầu được trở về nước. Họ có lo sợ những khó khăn khi định cư ở nước ngoài không ? Họ có tin vào lời hứa “hòa hợp và hòa giải” của cộng sản không ? Có phải họ chỉ đang nhớ nhà không ? Trong mọi trường hợp, họ đã trở về, không hề dễ dàng, trên một chiếc thuyền Việt Nam.

Và ngay khi họ đến nơi, họ đã bị gạt sang một bên. Họ bị đối xử như những nạn nhân bệnh dịch hạch, bị nghi ngờ đã bị lây nhiễm, được CIA khai thác, bất kể tuổi tác của họ. Và họ bị dồn vào một trại bí mật ở một tỉnh xa xôi, không được tiếp xúc với bất kỳ ai. Nếu không có cựu đại biểu Hoan, ngày nay sẽ không ai biết chuyện gì đã xảy ra với hàng ngàn người hoài niệm ngày thơ đã trở về đất nước sau khi quyết định ra đi. Không ai biết rằng tất cả họ, đàn ông, phụ nữ và trẻ em, đều bị đối xử như những bệnh nhân nguy hiểm, được bảo vệ bởi những người đàn ông có vũ trang và rằng họ đang «cải tạo».

Chương trình lý thuyết về “tái giáo dục” được chia thành chín “bài học” :

1. Chủ nghĩa đế quốc Mỹ đã xâm lược Việt Nam, do đó là kẻ thù của Việt Nam;

2. Chính quyền bù nhìn ở Sài Gòn chỉ là công cụ của chủ nghĩa đế quốc Mỹ;

3. Quân lính và viên chức của chính quyền bù nhìn chỉ là lính đánh thuê và đầy tớ của chủ nghĩa đế quốc này;

4. Những lý do cho sự thất bại đáng tiếc của những người hầu của chủ nghĩa đế quốc;

5. Ý nghĩa của thắng lợi vẻ vang của cách mạng;

6. Hậu quả của chiến thắng;

7. Nhiệm vụ cấp bách của nhân dân;

8. Nhiệm vụ thiêng liêng của công việc;

9. Chủ tịch Hồ Chí Minh mãi sống trong lòng chúng ta và trong lịch sử của chúng ta.

Chắc chắn những «học sinh» kém năng khiếu nhất chỉ mất không quá một tháng để tiếp thu chương trình này, và thậm chí còn học thuộc lòng giáo lý mới. Và trong hơn bốn năm qua, hàng trăm ngàn người đàn ông đã theo đuổi con đường học vấn của mình. Có vẻ như họ đặc biệt chậm hiểu. Hoặc là họ không muốn họ có mặt ở Việt Nam mới.

Có nhiều trại rải rác khắp cả nước. Có hàng chục cửa hàng như vậy ở quanh Sài Gòn. Đây là những nơi «đáng sống» nhất, nơi giam giữ những tù nhân «ít

nguy hiểm» nhất. Những người này có thể được thăm viếng và nhận quà trung bình ba tháng một lần.

Tù nhân càng quan trọng hoặc càng đáng ngờ thì càng ở xa thành phố, trong các trại giam sâu trong rừng rậm hoặc gần biên giới. Ở đó, bưu kiện (một hoặc hai kg thực phẩm) hiếm khi được phép mang theo và việc thăm viếng thậm chí còn hiếm hơn.

Lưu ý rằng trong mọi trường hợp, các cuộc viếng thăm đều tuân theo một nghi lễ được cán bộ chuẩn bị cẩn thận. Người tù phải nói rằng mọi thứ đều ổn và anh ta đang được đối xử tốt. Người thăm phải khuyến khích họ ngoan ngoãn và có lương tâm để được thả ra nhanh hơn. Trước khi ra về, những người đến thăm lại bị một cán bộ thuyết phục bằng cách đưa ra cho họ «khuyến nghị» về những gì

họ nên nói khi trở về nhà: rằng tù nhân vẫn khỏe mạnh, quá trình cải tạo đang diễn ra đúng hướng, rằng chính phủ đang áp dụng chính sách hòa giải một cách rộng lượng...

Có những tù nhân không được phép thăm nom, nhận bưu kiện hoặc thư từ. Đôi khi, họ được phép gửi cho gia đình một dấu hiệu của sự sống : một tấm bưu thiếp với một vài từ ngữ khuôn mẫu («Tôi ổn, tôi được đối xử tốt»), nhưng không có địa chỉ để trả lời.

Cuối cùng, những người bị giam giữ khó bảo hoặc «nguy hiểm» nhất (sĩ quan cấp cao, quan chức cấp cao của chính quyền cũ, cảnh sát và trí thức cấp tiến) thường ở trong các trại giam ở Bắc Việt Nam. Ở đó, đó là sự cô lập hoàn toàn. Gia đình họ thậm chí còn không biết họ còn sống hay không.

Có thể thiết lập hệ thống phân cấp sau đây của những người «được cải tạo lại», tùy theo mức độ nghiêm trọng và sự ngờ vực giảm dần mà chế độ mới đối xử với họ:

1. Những người chiêu Hồi, cựu đảng viên cộng sản hoặc mặt trận tham gia chính quyền cũ;

2. Những trí thức tiến bộ hay “lực lượng thứ ba”;

3. Các nhà lãnh đạo chính trị chống cộng sản;

4. Cảnh sát, ngay cả những người có cấp bậc khiêm tốn;

5. Các quan chức cấp cao và quân nhân (kể cả những người không có cấp bậc nếu họ thuộc các đơn vị tinh nhuệ);

6. Người dân Bắc Việt tị nạn vào miền Nam sau khi đất nước chia cắt năm 1954.

Sóng Thần, một trại lính cũ cách Sài Gòn khoảng mười lăm km, là một ví dụ khá điển hình về các trại cải tạo được thành lập xung quanh thủ đô cũ. Những người đàn ông ngủ ngay trên sàn nhà. Họ thức dậy trước bình minh để ra đồng làm việc theo nhóm mười người, dưới sự giám sát của những bộ đội còn rất trẻ. Khẩu phần ăn thông thường (gạo và sắn, không có thịt) là không đủ, nhưng sẽ được cắt giảm thêm nếu đội không đạt tiêu chuẩn để ra. Cơ hội của tù nhân là bắt được một con thằn lằn hoặc một con chuột. Ví dụ, những kẻ trốn thoát sẽ bị trừng phạt bằng cách xử tử ngay lập tức và công khai.

Những thông tin chi tiết này được cung cấp cho tôi bởi Lâm Quang Trường, một kỹ sư và cựu giám đốc dịch vụ điện lực tại thành phố Biên Hòa. Bị tình nghi chuẩn bị trốn thoát, ông bị chuyển đến Lê Văn Duyệt để điều tra. Sau hai hoặc ba ngày ở phòng giam tập thể số 4, nơi tôi biết anh ấy, anh ấy bị nhốt ở phòng giam đối diện, một mình, phòng giam số 18. Ngay trước giờ giới nghiêm, một người trong chúng tôi nhận thấy có một dòng suối chảy trước phòng giam, nhưng nghĩ rằng đó là nước. Trong đêm, một người lính tuần tra đã phát hiện ra thảm kịch: Kỹ sư Trương đã cắt đứt tĩnh mạch ở cổ tay mình, có thể là bằng một mảnh thủy tinh.

Long Thành, cách Sài Gòn khoảng bốn mươi km về phía tây bắc, là trại «cải

tạo» lớn nhất trong khu vực. Trước đây nơi này là một trại trẻ mồ côi, tọa lạc giữa một khu đất rộng mười hecta. Tôi được biết rằng hàng ngàn trẻ mồ côi sống ở đó đã được đưa đến Bắc Việt Nam để nhận được nền giáo dục Marxist mẫu mực. Còn gì hấp dẫn hơn việc biến một đứa trẻ mồ côi, thoát khỏi mọi ảnh hưởng có hại, thành hình mẫu của con người mới, một «người cháu ngoan ngoãn của Bác Hồ» ?

Sau năm 1975, hầu hết các nhà lãnh đạo chính trị quan trọng của chế độ cũ đều đi qua Long Thành, nơi đóng vai trò như một «bãi tập kết». Đây là trường hợp cụ thể của ông Trần Văn Tuyên, người đã được nhắc đến trong cuốn sách này, và số phận của ông, một cách đặc biệt, đã gây ra một số xúc động ở Pháp. Ông Tuyên qua đời trong một trại cải tạo ở

miền Bắc Việt Nam khoảng hai năm sau khi bị bắt.(Xem trang 147).

Trại cải tạo Long Thành là trại «thích hợp» nhất, nơi các nhà báo thỉnh thoảng được đưa đến để xem bộ đội cải trang thành tù nhân, và để nói chuyện với cựu tướng Nguyễn Hữu Cồ, người tận tâm đóng vai trò là một sĩ quan «bù nhìn» được bác Hồ mặc khải, trong khi ông được đảng cộng sản tuyển dụng để thúc đẩy từ bên trong, vào đúng thời điểm, sự sụp đổ của chế độ cũ.

Ở Long Thành, cũng như các trại khác quanh Sài Gòn, tù nhân làm việc trên các cánh đồng lúa, ruộng sản hoặc trong rừng. Có khoảng 4.000 người. Họ được đánh thức lúc 5 giờ sáng. Đến 6 giờ, sau khi tập thể dục và tắm rửa, chào cờ (chú ý) và đọc bình luận (thường là trích đoạn từ báo đảng, Nhân Dân). Đúng 7

giờ, khởi hành ra đồng. Buổi trưa nghỉ ngơi một tiếng, ăn trưa, xem lại công việc đã làm vào buổi sáng, sau đó quay lại đồng ruộng cho đến 6 giờ chiều. Ở một số trại, không có gì để ăn vào buổi trưa, chỉ có thời gian nghỉ 15 phút để uống nước.

Sau bữa tối (luôn là thực đơn giống nhau: 150 gam cơm và sắn, như ở Lê Văn Duyệt), là buổi tự phê bình, phê bình và tuyên truyền hàng ngày. Đây là phần giáo dục và trí tuệ của chương trình phục hồi chức năng, bổ sung cho phần đọc có chú thích vào buổi sáng. Phần lớn thời gian được dành để hỏi ý kiến của từng tù nhân về cách thực hiện công việc, tốt nhất là chỉ ra bất kỳ sai sót nào đã mắc phải, và do đó tố cáo những người chịu trách nhiệm - tức là các bạn tù, bởi vì tất nhiên không thể đổ lỗi cho cán bộ. Mức

độ phục hồi mà tù nhân đạt được được đánh giá bằng khả năng buộc tội bạn tù của anh ta và anh ta được thưởng thêm gạo, điều này kích thích ở một số người nghề chỉ điểm.

Chỉ điểm ? Tố cáo ? Không đời nào !
Thỉnh thoảng, cán bộ lại nhắc lại bài học cơ bản về điểm này, không khác mấy so với bài học mà Sáu Cầu đã dạy tôi ở trại giam Lê Văn Duyệt:

– Dưới chính quyền bù nhìn cũ, những kẻ chỉ điểm được sử dụng để tố cáo những tù nhân khác. Chúng tôi không muốn nhiều hơn những phương pháp vô giá trị này. Nhưng chúng ta muốn đạt được mức độ nhận thức cao hơn về trách nhiệm của mình mỗi ngày, mức độ hiệu quả cao hơn trong công việc. Do đó, mọi người phải học cách nhận ra lỗi lầm của mình và những lỗi lầm xung quanh,

đồng thời phải chia sẻ những quan sát của mình để mọi người cùng tiến bộ. Người nào có thể nhìn thấy những lỗi lầm mà mình mắc phải và những người xung quanh mình đang đi đúng hướng để cải tạo.

Vào các ngày Chủ Nhật, để giải khuây, các tù nhân ở Long Thành thường viết sơ yếu lí lịch - một cuốn tiểu sử chi tiết dài vô tận mà bọn cán bộ không bao giờ thỏa mãn, và không ai, ngay cả những người nông dân bình thường nhất, có thể thoát ra được. Một số người, đặc biệt là các nhà hoạt động chính trị, được cho là đã phải viết hơn 1.000 trang...

Tiến sĩ Vũ Văn Dzi, cựu «cư dân» trại L-19 HT15 ở Long Giao và hiện là người tị nạn tại Hoa Kỳ, đã chứng kiến vụ thảm

sát kinh hoàng đối với 600 người bị giam giữ. Vào giữa đêm, các tù nhân kiệt sức sau một ngày lao động cường bức đã bị đánh thức bởi tiếng loa phóng thanh. Sự xuất hiện của Phục Quốc Quân (chiến sĩ kháng chiến miền Nam mới) được loan báo : «Đứng lên. Chúng tôi là Phục Quốc Quân. Chúng tôi đến để giải thoát cho các người. Chạy đi ! Các người được thả. Các người được tự do !». Nhiều người tin vào sự dàn dựng nham hiểm này. Trong cuộc đua chóng vánh của mình, họ đã bị bắn bằng súng máy. Sự việc này xảy ra vào tháng 6 năm 1976. Bọn cán bộ kể với cha mẹ rằng họ là nạn nhân của một cuộc đột kích của lực lượng kháng chiến Phục Quốc. Đối với những người sống sót trong trại, họ sẽ nói : “Cách mạng là nhân từ. Và các người muốn phản bội cách mạng. Hãy để đây là bài học cho các người !”. Một năm sau ngày miền Nam

Việt Nam được giải phóng, bài học này không phải là duy nhất.

Gần Pleiku, ở Tây Nguyên, có một trại giam do Mặt trận Giải phóng miền Nam Việt Nam xây dựng trong chiến tranh dành cho tù nhân của quân đội Nam Việt Nam. Vào thời điểm đó, «quân bù nhìn» được nhận 300 gam gạo mỗi ngày, không nhiều, nhưng họ không phải làm việc và được trả một khoản tiền nhỏ mỗi tháng (khoảng một phần sáu mức lương tối thiểu) cho phép họ trả tiền căng tin, mua thêm một ít thức ăn và thuốc lá. Ngoài ra, họ còn được cung cấp xà phòng, kem đánh răng và hai bộ quần áo mỗi năm. Theo các tiêu chuẩn hiện đang được áp dụng tại các trại cải tạo của Việt Nam, đây thực sự là một sự lãng phí... Đúng là Mặt trận rất muốn chứng minh với «các tù nhân chiến tranh» của

mình rằng họ đang đối xử nhân đạo với họ, và họ không có gì phải sợ hãi khi chế độ thay đổi.

Sau khi Sài Gòn sụp đổ, mọi thứ thay đổi đột ngột. Phần lớn tù nhân không những vẫn bị giam giữ mà còn nhanh chóng hiểu rằng họ không thể tiếp tục sống nhàn rỗi bằng cách hút thuốc lá do chính phủ tài trợ. Những người lãnh đạo trại mới đến từ miền Bắc và nói một ngôn ngữ mới :

– Cho đến bây giờ, các người đã được hưởng chế độ tù binh chiến tranh do Mặt trận và Chính phủ Cách mạng Lâm thời (PRG) quyết định. Bây giờ toàn bộ đất nước đã được giải phóng, chúng tôi là những người chiến thắng và các người là những kẻ bại trận. Các người nên coi mình là may mắn khi vẫn còn sống ! Sau cuộc Cách mạng năm 1917 ở Nga, tất

cả những kẻ bại trận đều đã bị tiêu diệt. Các người thật may mắn khi chính phủ đã quyết định áp dụng chính sách khoan hồng đối với những lính đánh thuê bù nhìn như các người! Nhưng từ bây giờ, các người sẽ phải kiếm cơm để ăn !

Người đàn ông mà tôi không thể nêu tên đã kể cho tôi nghe về trại tù này gần Pleiku, nơi giam giữ ít nhất 10.000 tù nhân, đã kể cho tôi nghe về nỗi thống khổ khủng khiếp của những người đàn ông bị lãng quên trong rừng sâu, bị thiếu ăn, bị cưỡng bức lao động, bị cắt đứt mọi liên lạc với thế giới bên ngoài, không còn hy vọng.

Khi một đoàn người bất hạnh này thỉnh thoảng đi qua một ngôi làng, những người dân, bản thân họ cũng rất nghèo và được mời quay đi, không thể không lén lút đưa một vài nắm thức ăn cho các

tù nhân, vì họ trông rất đáng thương.

Bệnh kiết lỵ, sốt rét và cúm đang tàn phá những người đàn ông kiệt sức này. Nhiều người trong số họ bị ghẻ, khiến cơ thể họ đầy những vết loét thô. Chất khử trùng duy nhất hiện có là muối, một vật liệu quý giá và được phân phối rất hạn chế. Nhân chứng kể với tôi về nỗi thống khổ của một trung úy tên là Hanh, anh ấy bị bệnh nặng đến mức không thể tự mặc quần áo, và các đồng đội đã phải giúp anh ấy trong nhiều ngày, tắm rửa cho anh ấy và hy sinh khẩu phần muối của họ vì không có bất kỳ sự trợ giúp y tế nào. Trong tình trạng mê sảng, người bê bết máu và nhiều thứ khác, Hanh đã chết khi đang hôn tay một trong những người bạn đồng hành mà anh đã gửi lời cho vợ mình: «Em yêu, em yêu...» Anh đã cố gắng giữ chiếc áo sơ mi trắng an toàn:

«Anh sẽ mặc nó để gặp lại vợ và con trai anh, những người đang chờ anh.» Con trai của ông ấy? Vợ ông đang mang thai năm tháng khi ông bị bắt làm tù binh. Ông thậm chí còn không biết mình có con trai hay con gái.

Các bạn đã mặc chiếc áo sơ-mi trắng của ông để chôn ông trong rừng, gần Pleiku. Hanh không phải là tội phạm chiến tranh hơn những trung úy đối phương. Chỉ có một người bị đánh bại.

«Trong một năm,» người tù tôi gặp ở Lê Văn Duyệt, người đã kể cho tôi nghe về trại Pleiku, nói với tôi, «sáu tù nhân đã chết trong nhóm tôi tham gia. Và lúc đầu chúng tôi có hai mươi người. Trong các nhóm khác cũng vậy. Về lâu dài, chúng tôi bị kết án tử hình. Tôi «may mắn»

được đưa đến đây để làm chứng trong một cuộc điều tra. Nếu họ đưa tôi trở lại đó, tôi sẽ tự tử, tôi sẽ tìm cách. »

Một người sống sót khác đã kể cho tôi nghe về những trải nghiệm của anh ấy trong trại tị nạn ở vùng Tây Ninh. Tại đó, 4.000 tù nhân đang xây dựng một con đường xuyên qua khu rừng hướng về Campuchia (có lẽ là một trong những con đường được sử dụng trong cuộc xâm lược lãnh thổ Khmer vào đầu năm 1979). Ở Việt Nam không thiếu máy móc phục vụ cho công việc này ; Người Mỹ đã để lại một số lượng lớn chúng. Nhưng tất nhiên vật liệu này không được sử dụng trong các trại giam: nó trái ngược với phương pháp sử phạm cải tạo, hàm ý sự chuộc tội. Các tù nhân phải dọn đất bằng dao rựa và đập vỡ những mét khối đá bằng búa nhỏ, mười một giờ mỗi ngày.

Đối với những tù nhân kiệt sức dám phản nản, lính canh đáp lại bằng một nụ cười khinh bỉ :

– Chúng tôi, những người cách mạng, đã xây dựng đường mòn Hồ Chí Minh bằng những công cụ tương tự, trên hàng trăm km, qua Lào, Campuchia và Việt Nam, và dưới sự ném bom của Mỹ. Đây là lý do tại sao chúng tôi chiến thắng. Các bạn, những người phản động, đến lượt mình, phải học được ý chí và công việc là gì...

Thỉnh thoảng, một đoàn tù nhân, được hộ tống bởi bốn hoặc năm đội quân, được đưa đi năm mươi cây số tù trại, đi bộ, để tìm kiếm nhu yếu phẩm. Những người đàn ông trở về bằng cuộc hành quân cưỡng bức, qua những khu rừng và ngọn đồi, mang trên lưng những bao gạo nặng năm mươi kg. « Nhanh

hơn ! Nhanh hơn ! » những người lính hét lên, đánh những kẻ tụt lại phía sau bằng báng súng.

«Nó thực sự giống như những bộ phim về nô lệ thời cổ đại, ngoại trừ việc không dùng roi mà dùng súng», nhân chứng nói với tôi. Những tù nhân loạng choạng dưới những gánh nặng giống như họ, hốc hác, đói khát, lính canh nhà tù la hét... Một cảnh tượng kinh hoàng. Đến một lúc nào đó, một cựu trung sĩ, một người đàn ông năm mươi tuổi, đã ngã gục vì kiệt sức. «Đứng dậy!» một người lính ra lệnh, đánh vào đầu anh ta. Nhưng người đàn ông không còn muốn làm điều đó nữa, hoặc không thể làm được nữa. Sau đó, lính canh bắt đầu chửi rủa ông: “Đồ thối nát phản động ! Ông là tội phạm chiến tranh, kẻ thù của nhân dân, kẻ hầu người hạ của bọn thực dân

mới Mỹ, vậy mà cách mạng lại tha mạng cho ông. Ông nên biết ơn ! Thay vào đó, ông từ chối mang gạo để nuôi đồng chí, đồ trốn tránh !” Lần này, viên trung sĩ già ngẩng đầu lên và nói, “Tôi cũng từng canh tù.” Tôi không bao giờ ngược đãi họ, bởi vì dù sao họ cũng là người Việt Nam, là đàn ông giống như tôi..’ Sau đó, lấy lại sức lực, ông hét lên: ‘Nhưng anh, anh không còn là đàn ông nữa, anh còn tệ hơn cả thú dữ, anh là một con chó bảo vệ được huấn luyện để giết người, vậy hãy giết, giết tôi đi !’ Đối với Hồ Chí Minh, một kẻ không hơn không kém là một kẻ giết người ! »

Một loạt đạn súng máy bắn ra từ cự ly gần đã làm vỡ nát hộp sọ của tù nhân. Ông được chôn cất tại đó bởi các bạn của mình. Và từ đó trở đi, đoàn tiếp tế của bộ đội thường dừng lại ở nơi này. Trở đến

ngôi mộ có dấu dép của người chết, họ nói: «Hãy coi đây là bài học cho các anh!» «Về phần mình, các tù nhân đã đưa ra phán quyết này như một sự tri ân đối với cuộc nổi loạn cuối cùng của một nô lệ.

Trong hai hoặc ba năm đầu của cách mạng, các trại cải tạo được thành lập ở đồng bằng sông Cửu Long, ở phía Nam đất nước, mang tính nhân đạo hơn những trại được mô tả ở trên. Trên thực tế, họ được lãnh đạo bởi những người miền Nam, thành viên của FNL, những người ít cuồng tín hơn những người lính miền Bắc. Ví dụ, ở Mỹ Tho và Cần Thơ, tù nhân nhận được 5 đồng mỗi tháng, thức ăn ngon hơn, công việc bớt vất vả hơn, việc giáo dục ít gánh nặng hơn. Tù nhân có thể được thăm viếng hàng tháng, và đôi khi thậm chí được ngủ qua đêm với vợ mình trong một khu vực

đặc biệt. Nhưng một cựu trung sĩ xuất ngũ ở Cần Thơ, người mà tôi gặp ngay trước khi rời Việt Nam, đã nói với tôi rằng mọi chuyện đã kết thúc. Vào tháng 2 năm 1978, chỉ huy trại được thay thế bằng một sĩ quan tù miền Bắc, người đã thay đổi toàn bộ sĩ quan và thiết lập kỷ luật sắt. Không còn thăm viếng, không còn tiền tiêu vặt, không còn công việc và tuyên truyền. Nói tóm lại, chế độ ăn uống bình thường...

Vì vậy, tù Nam ra Bắc, trong hàng trăm trại tập trung, hàng trăm ngàn người đàn ông làm lao động không công cho những chủ nhân mới của đất nước. Đối với 95% trong số họ, tội duy nhất của họ là đã được huy động vào quân đội Sài Gòn hoặc làm việc trong bộ máy hành chính của quân đội này. Quá trình cải tạo của họ dự kiến sẽ kéo dài tối đa

một tháng. Đó chỉ là một chiêu trò, nếu sự thật được nói ra, hầu hết những người đàn ông này sẽ ăn náu, sẽ chạy vào bụi rậm.

Vào năm 1977, để xoa dịu người dân và đáp lại những lời chỉ trích bắt đầu nổi lên ở nước ngoài (nơi sự thật bắt đầu được phơi bày khi những người tị nạn chạy trốn bằng thuyền đến Pháp và Hoa Kỳ), chính phủ đã đề xuất rằng thời gian cải tạo sẽ kéo dài tối đa là ba năm. Nhưng ba năm sau chiến thắng của phe cộng sản, không có gì thay đổi. Ngày nay, bốn năm sau, vẫn không có dấu hiệu thay đổi nào.

Trên thực tế, mọi việc diễn ra như thể mục đích của chính sách này không phải là cải tạo mà là loại bỏ tất cả những người có khả năng chống đối việc thành lập chế độ mới. Tờ báo Le Monde, trong

chiến tranh đã ủng hộ Mặt trận Giải phóng miền Nam Việt Nam và chính quyền Hà Nội, và trong một thời gian dài đã im lặng về những gì đang xảy ra ở miền Nam Việt Nam sau «giải phóng», cuối cùng đã viết, vào ngày 5 tháng 10 năm 1978, trong bản tin xã luận trang nhất của mình:

« Giữa cuộc diệt chủng của người Khmer và sự đàn áp của người Việt Nam, chắc chắn vẫn còn một sự khác biệt rất lớn về mức độ. Nhưng thật đáng tiếc, nó có cùng bản chất. »

Giữa cái chết chậm rãi và cái chết đột ngột, cái nào ngọt ngào hơn ?

18

CHIẾU KHÁN 60 LƯỢNG VÀNG...

Ông Giám đốc

Sở An ninh TP. HCM

*Nhà tù Lê Văn Duyệt, ngày 12 tháng
10 năm 1977*

(...) Sau hơn hai năm ngồi tù, ở Trần Hưng Đạo rồi ở Lê Văn Duyệt, vẫn chưa có ai giải thích rõ ràng cho tôi biết tôi bị buộc tội gì. Tôi chưa bao giờ phản đối chế độ mới. Nhưng nếu tôi có thể chứng minh được rằng tôi đã phạm bất kỳ lỗi lầm nào, dù là lỗi nhỏ, dù là sự thiếu thận trọng

trong lời nói, thậm chí nếu các thành viên trong gia đình tôi đã hành động có lợi cho chế độ bù nhìn, hoặc ngược lại chống lại đảng, tôi sẽ sẵn sàng chịu một hình phạt nặng nề, thậm chí là án tử hình.

Tôi đã viết thư cho ông nhiều lần kể từ khi tôi bị bắt, nhưng chưa bao giờ nhận được phản hồi, dù trực tiếp hay gián tiếp. Hoặc là ông không nhận được thư của tôi, hoặc là ông không có thời gian để đọc chúng. Tuy nhiên, tôi thấy thật không thể chấp nhận được khi một người có thể bị bắt mà không có bằng chứng và bị giam giữ mà không cần xét xử. Nếu trong vòng một trăm ngày, tôi chưa bị phán xét, tôi sẽ tự phán xét mình...

ĐOÀN VĂN TOẠI.

Lần này đã có phản ứng ở đâu đó, ở cấp độ cao. Một tuần sau khi viết lá thư này và nộp cho người quản lý, tôi được chuyển đến Khu A, nơi tôi đã bị đuổi đi một năm trước đó. Trong phòng giam chung nơi tôi bị giam giữ, thật không thể tin được, chỉ có 25 tù nhân. Lần đầu tiên sau một thời gian dài, tôi thích thú với cảm giác thoải mái khi nằm ngửa, bên cạnh vòi nước đang chảy. Hầu hết các tù nhân khác chỉ ở đó một thời gian ngắn và đang thắc mắc về lý do họ bị chuyển đến nơi xa xỉ này. Người ta nói một cách mỉa mai: «Sự thoải mái như vậy... hẳn đây là tiền sảnh của cái chết.» Nhưng không, một người khác lại nói với giọng hài hước đen tối hơn, đó là nơi người ta chuẩn bị cho một cuộc sống mới (Nhắc đến niềm tin của Phật giáo về sự tái sinh vào một cuộc sống mới sau khi chết.).

Những tù nhân bị giam trong phòng giam này rõ ràng là «những trường hợp đặc biệt», nhưng họ quá khác biệt đến nỗi khó có thể biết được liệu sự khác biệt này là điểm tốt hay điểm xấu. Đối với tôi, lá thư cuối cùng tôi gửi cho Giám đốc công an có thể khiến tình hình của tôi trở nên tồi tệ hơn hoặc tốt hơn. Những tù nhân khác cũng ở trong tình trạng không chắc chắn tương tự. Trong số đó có Ban, cựu chủ tịch một quận của Mặt trận Giải phóng miền Nam ở Châu Đốc... và là cựu tùy viên đại sứ quán tại Washington dưới thời Diệm. Một quá khứ nặng nề. Tại sao anh ấy bị bắt ? Anh ấy không nói điều đó. Một người khác, một thanh niên rất trẻ tên là Nguyên, bị cáo buộc làm việc cho cơ quan mật vụ của chế độ cũ. Anh ấy kể cho tôi nghe câu chuyện của mình. Đó là câu chuyện về một nạn nhân giống như hàng ngàn người khác

đang bị giam giữ trong các nhà tù và trại cải tạo, những người được mô tả là «kẻ thù của nhân dân, phạm tội phản quốc».

Để tránh bị bắt đi lính trong quân đội của chính phủ cũ, Nguyên, khi đó đang là học sinh trung học, đã hối lộ một đại tá, người đã đưa anh vào danh sách điệp viên tình báo của CiO. Ông không phải chịu bất kỳ nghĩa vụ nào, ngoại trừ việc phải hối lộ viên đại tá hàng tháng để được giữ tên trong danh sách nổi tiếng này, giúp ông được miễn nghĩa vụ quân sự. Khi Sài Gòn sụp đổ, Nguyên và cha mẹ sống ở nông thôn đã rất vui mừng: sự sụp đổ của chế độ đã giải thoát họ khỏi kẻ tổng tiền đang khiến họ phải trả giá đắt. Chúng ta có thể đoán được chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo. Tên của Nguyên được phát hiện trong hồ sơ mật của cảnh sát Thiệu, bắt giữ ngay lập tức. Nguyên

đã giải thích trường hợp của mình và thể rằng anh ta chưa bao giờ cung cấp thông tin nhỏ nhất cho CiO ; Mặc dù các nhà lãnh đạo Mặt trận địa phương xác nhận rằng anh là người ủng hộ tích cực, nhưng không có kết quả gì. Dân làng phần nộ được cho biết rằng họ rất ngây thơ, rằng họ không biết gì cả, rằng đó là một trò chơi hai mặt, rằng một thanh niên có tên xuất hiện trên sổ của cảnh sát bù nhìn với tư cách là người cung cấp thông tin không thể vô tội.

Tất nhiên Nguyễn cung cấp danh tính của viên đại tá, yêu cầu được đối chất với ông ta. Nhưng vị đại tá không đợi những người chiến thắng đến: ông đã rời đi Hoa Kỳ. Nguyên, khi bị thẩm vấn rất lâu về các hoạt động của mình trong CiO, không thể nói được điều gì, không biết gì cả, điều này khiến anh bị coi là

một «tù nhân ngoan cố». Liệu thiện chí của anh cuối cùng đã được công nhận ? Hay anh ta sẽ phải chịu một chế độ quản lý nghiêm ngặt hơn?

Có lẽ chúng ta sẽ phải ra tòa ?

Tôi không biết chuyện gì đã xảy ra với những người bạn tù cuối cùng của tôi ở Lê Văn Duyệt. Về phần tôi, tôi được thông báo về số phận của mình một cách nhanh chóng đáng ngạc nhiên.

Trước đó, tôi đã phải nghe một tin rất khủng khiếp : mẹ tôi qua đời. Tin tức này được truyền đến tôi thông qua những người trung gian mà tôi không thể nêu tên vì có thể gây rủi ro cho họ. Vào thời điểm đó, hầu như ở mọi phòng giam tập thể tại Lê Văn Duyệt đều biết đến tôi, và

ở mọi nhà tù, thông tin được truyền đi rộng rãi hơn những gì lính canh tù có thể tưởng tượng.

Tin tức này chạm thẳng vào trái tim tôi, nhưng lại khiến tôi không cầm được nước mắt. Có phải tôi đã chứng kiến quá nhiều cái chết, nghe quá nhiều tiếng rên rỉ không ? Nhà tù có làm tôi chai sạn đến vậy không ? Tôi chỉ nhớ hai điều về phản ứng của mình vào lúc đó. Đầu tiên, tôi gặp lại mẹ khi tôi rời xa bà, vào ngày 22 tháng 6 năm 1975, vào cuối buổi chiều, vài giờ trước khi tôi bị bắt. Giống như mọi bà mẹ ở mọi quốc gia, bà nói với tôi: “Đừng về nhà quá muộn !” «, và giống như tất cả những người trẻ ở khắp mọi nơi, tôi đã trả lời một cách lơ đãng: «Vâng, vâng... Mẹ ạ. «Đối với các bà mẹ, mỗi lần con mình đi lạc, thậm chí đến tận cuối phố, thì cũng giống như

lần trước vậy. Và lần này, khi tôi rời đi để đến buổi hòa nhạc, tôi không hề biết rằng đó thực sự là lần cuối cùng.

Khi biết tin bà mất, tôi đã không khóc; Tôi cảm thấy tràn ngập một quyết tâm lạnh lùng đã trưởng thành trong nhiều tháng. Tôi đã yêu cầu một tờ giấy để viết cho Giám đốc công an (loại thư này được cho phép theo quy định; về việc liệu nó có được chuyển tiếp hay không...) và tôi đã tái khẳng định, rõ ràng hơn, quyết định tự tử của tôi nếu tôi không bị phán xét.

Tôi không biết liệu Giám đốc công an có đọc được những lá thư của tôi hay không. Và tôi không thể tin rằng họ thực sự có liên quan đến việc thả tôi. Trong mọi trường hợp, mọi việc diễn ra rất nhanh sau đó.

Một tuần sau khi tôi đến Khu A, tôi được triệu tập đến gặp một nhân vật quan trọng, Đại tá Tám Nam. Chỉ có thể là tin tức quan trọng. Tốt ? Xấu ? Tôi đã chuẩn bị cho cả hai tình huống. Vị đại tá không hề nhắc đến những lá thư tôi gửi cho trưởng phòng An ninh, cũng như cái chết của mẹ tôi. Bài phát biểu ngắn gọn và có phần trang trọng :

– Cuộc điều tra liên quan về anh đã kết thúc. Cuộc cách mạng đã đi đến kết luận rằng anh là một người yêu nước, được thúc đẩy bởi tinh thần tích cực. Nhưng vì các hoạt động trước đây của ông không được đảng kiểm soát hoàn toàn nên một số người có thể đã nảy sinh nghi ngờ. Hôm nay, nhờ lòng nhân từ của đảng, anh sẽ được trả tự do trong tương lai rất gần. Tất nhiên là với điều kiện là anh phải hợp tác với cách mạng.

Tự do ! Nhưng...

– Ông đang nói đến sự hợp tác nào ? Tôi hỏi.

– Chúng tôi sẽ cho anh biết thêm về điều đó. Bây giờ, hãy giữ im lặng về việc bạn được thả ra, đừng nói một lời nào với bạn tù.

Tôi rời khỏi văn phòng đại tá trong tâm trạng vừa vui mừng vừa nghi ngờ. Nếu đây lại là một trò lừa dối nữa thì sao ? Ba ngày sau, một phút trước bữa tối (lúc 4 giờ chiều), một người lính canh hét lớn qua cửa sổ phòng giam :

– Đoàn Văn Toại ! Hãy mặc quần áo chỉnh tề và mang theo đầy đủ đồ đạc ra ngoài.

Tất cả các bạn tù của tôi, giống như tôi, đều tin vào việc chuyển sang một

phòng giam khác. Nhưng tôi thấy mình đang đứng trước Đại tá Bài Hiếu, trong đảng gọi là Từ Tuấn, chỉ huy nhà tù, người mời tôi ngồi vào ghế bành và phục vụ tôi một tách trà. Tôi nghĩ là tôi đang mơ. Vị đại tá mỉm cười, rất lịch sự :

– Tôi rất vui mừng thông báo với anh rằng từ bây giờ bạn đã được tự do. Với tư cách là đại diện của đảng và chính phủ, tôi tuyên bố rằng anh đã được xóa bỏ mọi nghi ngờ. Cuộc cách mạng đang trông cậy vào anh để giúp xây dựng lại đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tôi còn có hai tin nữa dành cho bạn. Một tốt và một xấu. Tin tốt là vợ anh đã đến Pháp cùng ba đứa con và chúng đang đợi anh. Tin tức thứ hai là cái chết của mẹ anh. Tôi cảm thấy rất tiếc cho bạn. Bà ấy già rồi, phải không ? Nhưng ở đây bạn được tự do, hãy hướng tới tương lai,

không phải quá khứ ! Cuộc cách mạng sẽ cần bạn!

Có chút choáng váng trước lượng thông tin quan trọng bất ngờ này, ở một nơi mà mọi thứ đều bí mật, ban đầu tôi chỉ phản ứng với lời kêu gọi hợp tác. Tôi thực sự không hiểu tại sao ai đó có thể gợi ý cho tôi rằng tôi có thể đoàn tụ với gia đình ở Pháp, và đồng thời yêu cầu tôi làm việc cho cách mạng. Tôi cũng không hiểu tại sao việc gia đình tôi rời đi một nước tư bản lại có thể được coi là tin tốt lành đối với một đại diện của cách mạng xã hội chủ nghĩa...

Cuộc cách mạng sẽ cần tôi như thế nào ? Tôi rất mệt. Trước tiên, tôi muốn gặp lại gia đình mình.

– Anh có thể về nhà. Cuộc cách mạng sẽ cho bạn biết những gì được mong đợi

ở bạn trong thời gian tới.

Vị đại tá trả lại tôi một số vật dụng đã bị tịch thu vào ngày tôi bị giam giữ, hai mươi tám tháng trước. Thật kỳ lạ, chiếc đồng hồ chất lượng của tôi đã biến thành một chiếc đồng hồ rẻ tiền, và giấy phép lái xe của tôi cũng không còn nữa, nhưng điều đó không quan trọng. Tôi được trả lương theo mức tiền đồng cũ vẫn được sử dụng vào tháng 6 năm 1975, tức là 20 đồng. Nhưng trên hết và quan trọng nhất là tôi đã được trả lại chứng minh thư, điều đó có nghĩa là tôi lại trở thành một công dân bình thường. Thông thường, các tù nhân được thả không lấy lại được giấy tờ tùy thân, có thể là do họ đã làm mất chúng. Họ chỉ nhận được giấy phép do nhà tù hoặc trại cải tạo cấp, điều này khiến họ chịu sự chú ý đặc biệt của công an và bị giám sát gần như thường trực.

Người chỉ huy nhà tù đã mất công đi cùng tôi đến trạm gác, điều này đã mang lại cho tôi những cử chỉ gần như là lịch sự khúm núm từ những người cán bộ và lính canh có mặt ở đó, tất cả những người mà tôi biết đều rất kiêu ngạo. Chẳng phải tôi đã từng là học trò bí mật của đảng, là một điều tra viên bí mật sao ? Người nắm giữ quyền lực, rất nhanh chóng lạm dụng nó với những người chịu sự quản lý của họ, cũng nhanh chóng cúi đầu phục tùng khi họ ngửi thấy sự đảo ngược tình thế.

Tôi cho phép mình thoải mái phớt lờ những bàn tay chìa ra, ngoại trừ, một cách thận trọng, bàn tay của vị đại tá... Và tôi thấy mình đang ở đại lộ Chi Lăng. Lúc đó khoảng 5 giờ chiều. Hôm đó là ngày 1 tháng 11 năm 1977 – ngày kỷ niệm ngày sụp đổ của Diệm, mười bốn năm trước. Đã 863 ngày trôi qua kể từ lần cuối tôi

được một mình trên phố, tự do rẽ trái, rẽ phải hay đi thẳng. Một người đi xe đạp đi ngang qua trước nhà tù, tôi vẫy tay chào anh ấy. Đây là hoạt động «xã hội» đầu tiên của tôi, và chàng trai trẻ khoảng hai mươi tuổi đạp xe phía trước tôi, với chiếc mũ thùng, đã làm người hướng dẫn tôi hòa nhập vào xã hội mới.

– Đồng chí muốn đi đâu ? Người đạp xích lô hỏi và hơi nghiêng đầu.

– Tôi sẽ nói cho anh sau. Bây giờ, tôi muốn đi bộ xung quanh một chút, tôi thấy mệt rồi, việc này sẽ giúp tôi hít thở không khí trong lành.

– Được thôi, xích lô nói. Tôi hiểu. Trông anh rất nhợt nhạt. Ngồi cả ngày trong văn phòng không tốt cho sức khỏe

của anh. Tôi ở ngoài cả ngày. Và bây giờ khi số lượng ô-tô và xe máy ít hơn, chúng ta có thể thở được.

Tình huống này làm tôi thấy buồn cười. Sự thay đổi từ «mày» thành «anh», ám chỉ đến các văn phòng, đánh giá lạc quan về công việc của người đạp xích lô (trước đây, người xích lô luôn phàn nàn!) và sự cải thiện về giao thông (trước đây, người xích lô mơ ước trở thành taxi cơ giới!) không còn nghi ngờ gì nữa: chàng trai trẻ đã nhầm tôi với một giám đốc của chế độ mới... Có lẽ đó là cách nói của tôi, vì bộ trang phục của tôi không mấy ấn tượng. Và cả khuôn mặt của tôi nữa... Nhưng vẫn còn những chú cán bộ gầy gò, ăn mặc tồi tàn.

Tờ giấy tôi lấy ra khỏi túi để đọc chỉ có thể chứng minh cho niềm tin của anh ta. Trên thực tế, điều mà tôi háo hức

muốn đọc nhất chính là lệnh thả mà chỉ huy nhà tù đưa cho tôi:

«Cơ quan điều tra trung ương của Tổng cục an ninh ra lệnh thả:

Đoàn Văn Toại, sinh năm 1946 tại Vĩnh Long.

Lý do bị bắt: (Khoảng trống dành cho mục này đã được để trống.)

Lý do thả (Khoảng trống dành cho tuyên bố này đã được để trống.)

.....

Đoàn Văn Toại sẽ phải trình diện với cơ quan an ninh địa phương để ổn định tình hình. Chuyển tiếp thông tin tới:

Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Để thực hiện:

Trưởng trại giam Lê Văn Duyệt

Bài Hiếu

Vì vậy, theo văn bản chính thức thả tôi khỏi nhà tù, văn bản duy nhất được trao cho tôi, tôi đã bị bắt vì một lý do nào đó không rõ, và được thả ra... vì cùng lý do đó. Tôi thật may mắn. Tôi đã được giảm án xuống còn hai mươi tám tháng mà không có lý do. Những người khác, hàng ngàn người khác, hàng trăm ngàn người khác vẫn bị giam giữ với mức án thậm chí còn thấp hơn, nếu tôi dám nói như vậy. Bởi vì tôi có một hoạt động chính trị ít nhất có thể thu hút sự chú ý, một sự độc lập nhất định về tư tưởng có thể khơi dậy sự ngờ vực của những

người cộng sản. Nhưng vô số những con người bất hạnh, những con tốt mù trên bàn cờ vua, có nguy cơ kết thúc cuộc đời mình trong các trại tử thần chậm rãi, chỉ vì họ đã sống sót tốt nhất có thể dưới chế độ cũ, tuân theo luật của kẻ mạnh nhất... Những người ở trong vùng ảnh hưởng của Mặt trận (tức là Hà Nội) tuân theo Mặt trận, những người khác tuân theo chính quyền Sài Gòn, những người ở giữa hai bên thì cong lưng theo hướng gió... Còn những trí thức tự do, những kẻ bị lừa dối vĩnh viễn trong tình huống này, họ đã thành công trong việc trở thành nghi phạm trong mắt các tướng lĩnh Sài Gòn cũng như các ủy viên Hà Nội, và thấy mình nằm dưới cả hai chế độ trong trại của những kẻ bị ruồng bỏ...

Bản thân tôi, với ước mơ về một lực lượng thứ ba, về sự hiểu biết tiến bộ với

FNL, về sự độc lập khỏi Đảng Cộng sản và tất cả các cường quốc, là một ví dụ hoàn hảo về ảo tưởng hào phóng của những người mong muốn tự do tối đa cho tất cả mọi người và công lý tối đa cho mỗi người. Tình hình như ở Việt Nam chỉ còn lại hai phe: phe chiến thắng và phe bại trận.

Tôi vẫn đắm chìm trong sự thiên định này, im lặng, lệnh thả trong tay, trong khi chiếc xích lô đạp một cách lặng lẽ, từ phố này sang phố khác, một cách ngẫu nhiên. Tôi đã ghi âm mà không thực sự nhìn vào bộ mặt mới của Sài Gòn. Hiện tượng động cơ nổ ngược đã kết thúc. Vía hè đông đúc hơn đường sá. Thật hiếm có những chiếc áo dài, chiếc áo dài duyên dáng có đuôi dài mà phụ nữ Việt Nam mặc bên ngoài chiếc quần đen bó sát, và

tung bay khi có làn gió nhẹ thổi qua. Đây đó, những nhóm nhỏ bộ đội tụ tập.

Giờ cơm của Lê Văn Duyệt đã qua lâu rồi, tôi chợt nhận ra mình đã tự do, đã có tiền, đã có thể, ừ, quyết định đi ăn nhà hàng ! Tôi gọi với theo người đi xe đạp :

– Chúng ta sẽ dừng lại đằng kia, trên phố Hai Bà Trưng, để ăn phở. Tôi mời bạn, nếu bạn muốn đi cùng tôi.

Người đạp xích lô ngoảnh đầu lại :

– Phở à ? Tất nhiên rồi ! Đã lâu rồi tôi chưa ăn món này. Lưu ý, bạn không nên ăn quá nhiều thịt, nó không tốt cho dạ dày, nhưng thỉnh thoảng, đó cũng không phải là ý kiến tồi...

Tôi nhận thấy nhiều cửa hàng đã đóng cửa, chỉ có quán phở tôi muốn đến

vẫn mở cửa. Nơi đó nằm ở trung tâm Sài Gòn, là nơi tôi thích, rất sôi động và là nơi có nhiều sinh viên gặp gỡ. Ngày xưa, người ta thường ăn một bát nước dùng với bánh phở, trang trí nhiều lát thịt bò mỏng áp chảo trong nước sôi với giá 300 đồng. Số tiền này chỉ bằng một nửa thu nhập hằng ngày của một người lái xích lô, loại xe khiếm tốn nhất ở Sài Gòn.

Nhà hàng gần như vắng tanh, vài khách hàng nói chuyện khẽ, bầu không khí u ám. Giá một suất phở là 4 đồng (2.000 đồng cũ) và chỉ có một nửa lượng thịt.

– Anh thấy đấy, người đi xe đạp nói trong khi ăn một cách thèm thuồng, tôi khó có thể vào nhà hàng và gọi một suất phở bốn đồng nữa ! Tôi hiểu là giá cả đã tăng ! Chúng tôi được giải thích rất rõ ràng rằng trước đây, chính người Mỹ

đã trả tiền để chúng ta làm người hầu và lính đánh thuê. Bây giờ chúng ta đã đuổi bọn bù nhìn và người Mỹ ra khỏi đất nước và chúng ta đã độc lập, chúng ta có hòa bình, nhưng chúng ta phải tự mình quản lý, xây dựng lại, đưa mọi thứ trở lại bình thường, và điều đó mất vài năm. Trong lúc này, chúng ta phải thắt lưng buộc bụng... Được thôi. Nhưng...

Rõ ràng, chàng trai trẻ, một «tí ti» người Sài Gòn dám nói lên suy nghĩ của mình, đang háo hức muốn nói nhiều hơn. Nhưng vì anh ấy không thực sự biết phải làm gì với tôi nên tôi phải tháo bỏ chiếc mặt nạ đó.

– Tòa nhà mà lúc nãy anh lao vào tôi, anh có biết đó là tòa nhà gì không ?

Người đập xích lô giữ chiếc thìa trong không khí trong vài giây :

– Ô ! Tôi thường đi ngang qua đó. Có lính canh. Đó là một cơ quan hành chính, tôi không biết...

– Đó là nhà tù. Nhà tù Lê Văn Duyệt, tôi vừa ra khỏi đó. Tôi là một tù nhân.

Lần này, người đập xích lô quên mất tô phở của mình :

– Ô! Tôi tưởng anh là một cán bộ chứ ! Để có thể mua cho anh một tô phở và mời tôi đi cùng, anh phải... (Bỗng nhiên nghi ngờ:) ... với một người mới ra tù, bạn có tiền.

Tôi giải thích rằng 20 đồng của tôi, với giá một tô phở, sẽ chẳng giúp tôi đi xa được. Người đập xích lô cười :

– Anh có thể nói điều được ! Có tháng tôi chỉ kiếm được 6 đồng, chỉ đủ mua khẩu phần ăn chính thức theo giá

quy định. Tôi thậm chí không thể nghĩ đến việc vào đây. Trước đây, tôi kiếm được 3.000 đến 5.000 đồng một tháng và một kg thịt có giá 1.000 đồng. Chúng tôi không thể mua được nhiều, nhưng thỉnh thoảng chúng tôi cũng có một ít, đặc biệt là vì có nhiều người trong gia đình có thể kiếm được. Hiện nay, một kg thịt có giá 12.000 đồng. Tất nhiên là trên thị trường chợ đen. À ! Anh không biết đâu, anh vừa mới ra tù. Họ cung cấp nửa ký thịt mỗi người mỗi tháng theo mức giá chính thức, nhưng điều đó chẳng có ý nghĩa gì vì chúng tôi không thể tìm thấy thịt, tem phiếu cũng vô dụng. Nếu muốn mua thịt, bạn phải mua chui, ai cũng làm vậy, nhưng giá cả thì đắt !

Tôi nói đôi chút về bản thân mình, về thời gian tôi ở trong tù. Hoàn toàn yên tâm, người đập xích lô lại bắt đầu nói :

– Nói xem, có thể anh đã gặp cha tôi ?
Trước đây, lúc đó là ban ngày và tôi cũng thực hiện chu trình tương tự vào ban đêm. Tôi bắt đầu đi làm khi mới mười lăm hoặc mười sáu tuổi, và cả hai chúng tôi đều cố gắng hết sức để nuôi sống cả gia đình. Bây giờ tôi phải làm việc cho cả hai nơi, cả ngày lẫn đêm. Ông ấy đã bị bỏ tù, tôi không biết ở đâu, tôi thực sự không biết tại sao. «Phản động», họ nói. Chắc chắn rồi !

Ông đã đập xích lô trong hai mươi năm và không quan tâm đến chính trị. Có lẽ ông đã phải hét vào một bộ đội ở ngã tư đường. Bố tôi đã uống hơi nhiều, và sau đó ông ấy ngừng lời...

Tôi nuốt chậm món phở mà tôi đã mơ ước trong nhiều tháng trời, nhưng

gần như không thấy vui. Việc tôi được thả tự do, điều mà tôi đã mong đợi từ lâu, không phải là một lễ ăn mừng. Tất nhiên, tôi rất sợ phải trở về ngôi nhà gần như trống rỗng : mẹ tôi đã mất, vợ con tôi đã đi mất, chắc chắn cha tôi đang ốm sau tất cả những thử thách này. Nhưng vẫn còn nhiều điều hơn thế nữa. Đối với tôi, bầu không khí của toàn thành phố có vẻ ngọt ngào. Trước khi đi, tôi chào chủ nhà hàng, ông ta nhận ra tôi và bắt đầu phàn nàn, không quan tâm đến mấy anh cán bộ đang ở đó :

– Tôi không biết mình sẽ sống thế nào. Trước đây, tôi phục vụ ít nhất 1.000 bát phở mỗi ngày, bây giờ chỉ còn 70 đến 80 bát. Bác Hồ ơi, bác ở đâu ? Tại sao bác không đến giúp chúng tôi ?

Có lẽ đây không phải là lần đầu tiên người chủ nhà hàng này công khai bày tỏ

sự cay đắng khi chứng kiến một doanh nghiệp từng thịnh vượng lại suy thoái.

Vài tuần sau, trước khi rời Việt Nam, tôi lại đi qua đó một lần nữa. Tiệm phở đã đóng cửa. Một thông báo chính thức được dán trên cửa với nội dung «lên án người dân», và nhà hàng đã bị tịch thu và niêm phong trong khi chờ mở cửa trở lại dưới sự kiểm soát của chính phủ. Trong những năm gần đây, hàng chục nghìn doanh nghiệp được tuyên bố là «tài sản của nhân dân» đã biến mất.

Người đập xích lô, đang tìm cách làm tôi vui lòng, vừa nảy ra một ý tưởng :

– Vì đã lâu rồi anh chưa làm tình nên chắc hẳn anh đang rất muốn làm chuyện đó ! Nếu anh muốn, tôi biết một người phụ nữ rất xinh đẹp, vợ của một sĩ quan đang ở trong trại...

– Ô không ! Ngủ với vợ tù nhân, cảm ơn rất nhiều ! Cô không thể tìm được việc gì khác để làm trong khi chồng cô...

– Anh muốn cô ấy làm gì ? Gia đình của các “sĩ quan bù nhìn” và “cán bộ bù nhìn” đang ở trong trại chỉ được cung cấp một điều duy nhất: rời đi “khu kinh tế mới”. Đối với một số người không biết cách canh tác đất đai, phải khai hoang những vùng đất vô giá trị mà không được gì, đó chính là địa ngục và cái chết. Vì vậy, họ muốn chết chỉ để chết, nên họ chọn ở lại đây. Họ bán cho cán bộ và bộ đội mọi thứ họ có, từng chút một đồ nội thất, tivi, tủ lạnh, mọi thứ, thậm chí cả bàn là và đồng hồ. Và rồi, khi bạn chẳng còn gì cả, bạn xinh đẹp nhưng bạn phải nuôi con, bạn ngủ với cán bộ. Trước đây, khi người Mỹ còn ở đây, nơi đây có nhiều nhà thổ, quán bar, người ta chào

mời khách giữa ban ngày và điều đó thật kinh tởm. Tất cả những điều đó đều bị đóng cửa, và những cô gái điếm đang bị «giáo dục lại». Nhưng bây giờ, chính những người vợ của tù nhân lại phải làm gái mại dâm tại nhà, một cách bí mật, để họ có cái ăn. Theo một cách nào đó, nó thậm chí còn kinh tởm hơn. Nhưng thật dễ để thuyết giảng khi bạn đã no, phải không? Anh phải sống tốt. Vậy anh không muốn à?

– Không. Đưa tôi đến phố Hồng Thập Tự. Tôi sẽ cho anh biết nơi anh dừng lại.

Lần này tôi đã sẵn sàng đối mặt với thử thách «trở về của tù nhân». Tôi dừng xe trước số nhà 149, một chút trước ngõ cụt ở lối vào, một bên là nhà bố mẹ tôi, số 153/1, và bên kia là ngôi nhà tôi từng sống với anh trai, số 153/2.

Người đập xích lô vẫn kiên quyết từ chối lấy tiền :

– Tôi không thể nhận tiền từ tù nhân. Ngoài ra, tôi còn được ăn và được trả tiền.

Chúng tôi dừng lại trước một tiệm sửa xe máy. Người thợ máy bước ra khỏi cửa hàng và chạy đến chỗ tôi, bắt tay tôi :

– Toại ! Bạn được tự do !

Tôi không thể tin vào sự thể hiện lòng cảm thông và cảm xúc này của người đàn ông. Tôi hầu như không biết gì về anh ấy, anh ấy cũng chỉ là một người hàng xóm như bao người hàng xóm khác.

– Tôi nghe nói anh đang ở Lê Văn Duyệt. Con trai tôi cũng ở đó ! Mười bảy tuổi... Họ đã bắt giữ nó ấy tám tháng trước, tôi không biết tại sao, nó đang

đi học... Anh có... Anh có nhìn thấy nó không ?

Không, than ôi, tôi không nhìn thấy chàng trai trẻ đó, nó tên Do, và tôi hầu như không nhớ gì về nó. Vào năm 1975, nó vẫn còn là một đứa trẻ. Người thợ máy tội nghiệp đã rơi nước mắt. Giọng anh ta nghẹn ngào, anh ta nhắc lại, máy móc lau tay vào quần yếm:

– Lúc mười bảy tuổi, và tại sao ? Để làm gì ?

Những người hàng xóm khác nhìn thấy tôi và tụ tập xung quanh tôi :

– Toại, anh có biết mẹ anh mất rồi không ?

– Vợ anh đã có thể sang Pháp cùng các con trai của anh cách đây ba tháng, anh có biết điều đó không?

– Và ngôi nhà của bạn đã bị tịch thu...

Những người lớn tuổi hơn, bạn của mẹ tôi, ôm tôi và khóc. Có điều gì đó trong thái độ của tất cả những người này vượt xa sự cảm thông thông thường dành cho người hàng xóm gặp bất hạnh, một sự thôi thúc tuyệt vọng mà người ta thường thấy trong những thảm họa lớn, khiến những người xa lạ xích lại gần nhau.

Tôi đi về phía ngôi nhà cũ của mình. Tôi không biết tại sao nhưng tôi thấy một biển báo ghi rằng: «Giữ nhà cửa sạch sẽ!» Hãy giữ đường phố sạch sẽ! «Đúng là đường phố chưa bao giờ sạch đến thế. Còn ngôi nhà tôi từng sống... Cửa vào được rào bằng dây thép gai. Vẫn đủ sáng để tôi có thể nhìn vào bên trong. Ngôi nhà trống rỗng. Không còn tủ quần áo,

bàn ghế. Chỉ còn lại bức ảnh mẹ tôi trước bàn thờ tổ tiên.

– Toại !

Được hàng xóm báo tin, cha và chị gái tôi đang ở ngay trước cửa nhà họ, gần như đối diện, cách đó mười mét.

– Toại, cha tôi nói và ôm tôi, và tôi có thể cảm thấy cánh tay ông đang run rẩy. – Toại, người ta thả con ra vì mẹ con mất à ?

– Cuối cùng con cũng được thả, và với tất cả các quyền công dân của mình, tôi đã nói đủ lớn để tất cả hàng xóm đều nghe thấy.

Cha tôi lắp bắp bằng tiếng Pháp : Rất tốt, rất tốt... một câu nói phổ biến trong giới người Việt có học thức thế hệ cũ. Chị tôi chấp tay :

– Ôi ! Mẹ chúng ta hẳn đã bảo vệ em...

– Được rồi, được rồi... bố tôi tiếp tục nhắc lại, xúc động tột độ, lúc này không thể nói thêm điều gì nữa.

Trong vài giờ nữa, trong vài ngày nữa, tôi sẽ học được nhiều điều đau đớn mà tôi không muốn kể lại chi tiết.

Tôi sẽ biết cha mẹ tôi và vợ tôi đã phải dần dần bán đi mọi thứ chúng tôi có để sống sót, và gửi cho tôi một ít tiền ở Trần Hưng Đạo và Lê Văn Duyệt.

Tôi sẽ biết cách một cán bộ mặc đồng phục, khoảng năm mươi tuổi, đã đến đây bốn tháng trước bằng xe có tài xế để nói chuyện với cha mẹ tôi về tôi. Tôi không thể nhận ra anh ta, nhưng anh ta biết rõ

tiểu sử của tôi, và anh ta «thông cảm» với tôi, nhất là vì chúng tôi đến từ tỉnh Vĩnh Long, và vợ anh ta cũng đến từ đó... Anh ta đồng ý nhận một bưu kiện quần áo và thực phẩm để gửi cho tôi. Anh ấy từ chối đưa tiền cho tôi: «Điều đó bị nghiêm cấm, quá nghiêm trọng!» «, và không kém phần đức hạnh khi từ chối bất kỳ ý tưởng nào về phần thưởng cho bản thân. Cha mẹ tôi ngồi dưới chân anh, tràn ngập lòng biết ơn và tin tưởng.

Tôi sẽ học cách làm thế nào mà một tuần sau, anh ta trở về nhà với vẻ mặt bí ẩn và kinh hãi, để nói với người mẹ kinh hoàng của tôi rằng con trai bà đang gặp rắc rối lạ lùng. Theo lời anh ấy, tôi đã tiêm một mũi thuốc gây tử vong cho một người quản lý, và có thể nói là tôi đã bị kết án tử hình, trừ khi... Mẹ tôi, người biết rằng tôi đã làm việc trong bệnh xá

và tiêm thuốc, đã vô cùng hoảng loạn. Để cứu tôi, bố mẹ tôi đã trao cho «ân nhân» của họ khoản dự trữ cuối cùng của gia đình, khoản tiền mà người Việt Nam luôn giữ gìn, khoản tiền đã tài trợ cho hàng ngàn chiếc thuyền rời khỏi đất nước kể từ năm 1975 : vàng. Họ đưa cho anh ấy tất cả những gì họ có, mười lượng vàng (Một lượng vàng = 37,5 gam vàng), và vị giám đốc hứa rằng ông ta sẽ cố gắng cứu tôi. Không cần phải nói, tên trộm không bao giờ được nhìn thấy mặc quân phục nữa, và nỗi đau khổ của mẹ tôi vì thiếu tin tức chỉ làm cho bà chết nhanh hơn.

Tôi cũng biết rằng, với hy vọng bảo đảm việc thả tôi, cha mẹ tôi đã từ bỏ khoản tiền đặt cọc một triệu đồng do anh trai tôi trả để thuê nhà. Ngôi nhà này do một người tên là Tư Rang làm chủ,

người này đến nói rằng : «Bố vợ tôi là đại tá công an (của chế độ mới). Ông ấy có thể can thiệp để Toại được thả, nhưng chúng tôi muốn lấy lại ngôi nhà». Bố mẹ tôi đã ký giấy miễn trừ tại ngoại.

Cuối cùng tôi cũng biết được lý do mẹ tôi bị từ chối nhập viện khi bà lâm bệnh nặng. Không còn nữa các bác sĩ tư nhân, những người có thể quyết định việc nhập viện của bệnh nhân. Bạn phải đến cơ quan y tế quận. Và sau đó họ hỏi những câu hỏi không liên quan gì đến tình trạng của bệnh nhân. Mẹ tôi, người đã phạm sai lầm khi sinh ra hai người con trai, một người đã rời khỏi đất nước và người kia đang ở trong tù, thậm chí còn không được tham gia hội chẩn cấp huyện. Không có bệnh viện cho các bà mẹ của kẻ thù của nhân dân... Cha tôi, nhớ lại tình bạn của tôi với Huỳnh Tấn

Mắm, người đã trở thành đại biểu một quận của Sài Gòn, đã đi tìm ông. Năm ngày sau, mẹ tôi về nhà với tờ giấy cho phép mẹ tôi nhập viện. Năm ngày ! Tôi chắc chắn Mắm đã làm điều đó nhanh nhất có thể. Một quan chức của chế độ mới phải mất năm ngày mới được chấp thuận cho nhập viện cấp cứu...

Ở Việt Nam hiện đại, việc tiếp cận dịch vụ chăm sóc y tế giống như trò chơi rắn và thang đáng sợ trong tác phẩm của Kafka. Điều kiện đầu tiên phải đáp ứng là không được ốm đau, mà phải thuộc về một gia đình có tư tưởng không chê vào đâu được. Nếu một trong những người thân yêu của bạn đang ở trong tù, bạn không có quyền gì cả, bạn là kẻ bị ruồng bỏ. Tổ trưởng là người cấp giấy chứng nhận cho phép bạn liên hệ với cơ quan y tế địa phương. Ở đó, bạn không được

tiếp đón bởi bác sĩ hay y tá mà là một viên chức chính trị. Ông ấy sẽ quyết định xem bạn có thực sự cần dùng thuốc, gặp bác sĩ hay nhập viện hay không. Những người được đưa vào bệnh viện sẽ được điều trị không theo mức độ nghiêm trọng của tình trạng bệnh mà theo thứ hạng của họ trong chế độ mới.

Khi Mắm đến với sự cho phép của anh thì mẹ tôi đã chết và được chôn cất. Vì khiêm tốn, tôi sẽ không mô tả những khó khăn và thủ tục mà người ta phải trải qua để chôn cất người thân yêu ở đất nước Việt Nam mới. Có vẻ như ngay cả khi chết, người ta vẫn nằm dưới sự giám sát của đảng, và người ta không có quyền đơn giản trở về quê hương của tổ tiên.

Ngay ngày hôm sau khi tôi được thả,

ngày 2 tháng 11 năm 1977, tôi đã đến cơ quan an ninh khu phố theo yêu cầu của mình, «để ổn định tình hình». Vào lúc 9 giờ sáng, khoảng mười người đã đợi sẵn ở lối vào của một tòa nhà năm tầng giàu có, đã trục xuất những cư dân cuối cùng chưa rời đi đến châu Mỹ. Trung úy phụ trách xuống vào khoảng 10 giờ, đến lượt tôi vào khoảng trưa.

– Hãy để tôi giới thiệu về bản thân mình. Tôi đã được thả ra ngày hôm qua.

Trung úy đang xem xét lệnh thả tôi. Lý do bị bắt: không có. Lý do phát hành: không có.

– Tốt ! Anh là một sĩ quan bù nhìn à ?

– Không.

– Một viên chức bù nhìn?

– Không.

Sự ngạc nhiên. Trường hợp kỳ lạ.

– Nhưng tại sao anh lại bị bắt ? Trộm ? Cướp ?

– Tôi không biết. Tôi không phải là lính cũng không phải là công chức, và tôi không biết tại sao tôi bị bắt. Cũng không phải lý do tại sao tôi được thả. Sự việc là như vậy.

Công dân hài hước. Trung úy tìm kiếm điểm neo.

– Anh bị bắt khi nào ?

– Ngày 22 tháng 6 năm 1975.

– Ngày 22 tháng 6 năm 1975. Hai mươi tám tháng trước ! Chưa đầy hai tháng sau ngày giải phóng, và anh vẫn nói không biết tại sao mình bị bắt ? Anh

có đùa tôi không đấy ?

Trung úy dùng lòng bàn tay gõ nhẹ xuống bàn. Bình tĩnh nào, chàng trai:

– Khi tôi được thả ra ngày hôm qua, Đại tá Từ Tuấn, chỉ huy trưởng Lê Văn Duyệt, đã tuyên bố rằng tôi vô tội.

Tôi cố ý dùng bí danh Đại tá, tên thật là Bảy Hiếu. Các thành viên trong nhóm luôn chú ý đến những chi tiết như vậy: bất kỳ ai sử dụng mã đều sẽ được xếp vào một vị trí nhất định trong vòng tròn những người mới gia nhập.

Trung úy tỏ ra bối rối.

– Tôi không thể giải quyết trường hợp của bạn. Xem an ninh khu vực.

Tôi khẳng khẳng đòi ít nhất phải có bằng chứng về chuyến viếng thăm văn

phòng của anh ấy, và cuối cùng ông ấy cũng đồng ý. Mặt sau lệnh trả tự do của tôi, anh viết: “Đoàn Văn Toại đã trình diện ngày hôm nay, ngày 2 tháng 11 năm 1977, tại Cơ quan An ninh Phường 13 (khu phố), Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Ký bởi Trung úy Lê Phước Sung, Trưởng phòng An ninh Phường 13.

Tại trụ sở công an quận 1, viên đại úy tiếp tôi, sau một vài câu hỏi tương tự như câu hỏi của trung úy, đưa cho tôi một mẫu đơn để điền. Một lần nữa, sơ yếu lý lịch, tiểu sử – họ hẳn đã có đến hàng chục câu hỏi chi tiết về cha mẹ tôi, ông bà tôi, anh chị em tôi, chú bác, dì, anh chị em họ, vợ tôi, con tôi, bố mẹ vợ tôi, chị em dâu tôi và anh em rể tôi, và nơi tôi sống, học tập, làm việc, từ khi nào đến khi nào, v.v... Trước đây, điều này

được viết trên giấy trắng. Hiện nay đã có bảng chấm điểm và câu hỏi được in sẵn. Bộ máy quan liêu của Tòa án dị giáo được tổ chức chặt chẽ.

Tôi đã quá thành thạo trong việc viết sơ yếu lí lịch đến nỗi đại úy phải ngạc nhiên:

– Anh viết xong chưa ? Anh có trả lời đúng tất cả các câu hỏi không ?

Nhìn lướt qua tờ giấy, anh ấy tin rằng tôi không quên điều gì cả.

– Anh có thể can cước không ?

Có vẻ như sự xuất hiện của cảm cước khiến anh ta có thiện cảm với tôi. Điều này chứng tỏ tôi không phải là cựu quân nhân hay cựu công chức, và việc nó được trả lại cho tôi tương đương với việc phục hồi, khôi phục quyền công dân.

- Anh sống ở đâu ?
- Ở nhà cha tôi.
- Còn vợ anh thì sao ? Cũng vậy ?
- Không. Về quê.

Về quê, tiếng Việt có nghĩa là “trở về làng” hoặc “về quê hương”. Không phải ngẫu nhiên mà tôi sử dụng cách diễn đạt mơ hồ này mà không giải thích. Nếu tôi trả lời rằng vợ tôi đã sang Pháp, chắc chắn đại úy sẽ ngay lập tức tránh xa trường hợp đặc biệt này và chuyển lên cấp có thẩm quyền cao hơn, với tất cả những phức tạp đi kèm. Tôi hoàn toàn nhận thức được rằng “vụ án” của tôi là trách nhiệm của những người có cấp bậc cao trong hệ thống phân cấp mới, những người hoàn toàn nhận thức được mọi thứ khiến tôi lo lắng, và đặc biệt là về

việc vợ tôi rời đi Pháp. Và cùng lúc đó số phận của tôi phụ thuộc vào những cảnh sát hạng hai hoặc hạng ba, như viên đại úy của quận 1 này, những người không được phép đánh thức bằng mọi giá nỗi lo lắng phụ thuộc... Bởi vì sự gián đoạn nhỏ nhất trong chuỗi con dấu và chữ ký mà tôi cần phải rời khỏi đất nước, với các tài liệu mà tôi mang theo trong trí nhớ, có thể khiến mọi thứ trở nên đáng ngờ đối với tháng hoặc năm.

Về quê... Vào thời điểm mà chính quyền mới đang khuyến khích bằng mọi cách (kể cả việc bãi bỏ thẻ thực phẩm !) những người dân Sài Gòn thất nghiệp trở về làng quê hoặc rời đi đến “khu kinh tế mới”, câu nói này phổ biến đến mức viên đại úy không hề chớp mắt.

Được trấn an bởi sự tấm thương của vụ án, và chắc chắn là bị thúc đẩy bởi

hàng núi hồ sơ đang chờ quyết định, ông đã viết ở mặt sau tờ giấy trả tự do cho tôi trong khi tôi nín thở : “Đoàn Văn Toại có thể ở lại thành phố Hồ Chí Minh trong ba tháng trước khi trở về làng quê của mình....” Tôi đã cố gắng hết sức để giấu điều đó.

Ngày mai hãy quay lại nhé. Quyết định phải được người đứng đầu quận 1 phê duyệt.

Ngày hôm sau, tôi nhận được tờ giấy quý giá có chữ ký xác nhận của Đại tá Lê Tuấn, Phó Trưởng phòng Công an quận 1. Từ đó trở đi, sau những thủ tục hành chính sẽ không được nêu ở đây, hồ sơ của tôi đã được trả lại cho các cơ quan có thẩm quyền để cấp thị thực vào Pháp cho tôi một cách khá dễ dàng.

Ngày 20 tháng 11 năm 1977, Đại tá Từ Tuấn, chỉ huy trại giam Lê Văn Duyệt đã đến thăm tôi tại nhà cha tôi. Xe Nhật, lính hộ tống, lính canh có vũ trang... Đó là một sự kiện trong khu phố.

Tôi đã nói là tôi muốn hiểu rõ hơn về anh mà, vị đại tá nói. Bây giờ anh đã được tự do, mọi việc sẽ dễ dàng hơn.

Ít nhất thì đó cũng là một tình huống đáng xấu hổ, và tôi đã cố gắng nói càng ít càng tốt. Suy cho cùng, «họ» rõ ràng là muốn điều gì đó từ tôi. Nhưng «họ» đang ở vị thế mạnh mẽ.

– Toài, chúng tôi đã nghiên cứu kỹ hồ sơ của anh, và cấp trên của tôi nói rằng ông ấy đồng ý với kết luận của chúng tôi: anh là người yêu nước, anh không phải là kẻ thù của chủ nghĩa xã hội và của đảng. Đảng thực hiện chính sách nhân văn,

muốn đoàn tụ những gia đình bị chia cắt, gia đình anh đang ở Pháp, chúng tôi đồng ý cho anh đoàn tụ với họ. Chúng tôi đặc biệt muốn giải quyết những khó khăn của người Việt Nam mang quốc tịch Pháp, chẳng hạn như vợ của anh, người được phép sang Pháp cùng các con của anh. Chúng tôi hiểu rằng anh rất mong muốn tìm lại chúng và anh sẽ có thể làm được điều đó.

Tôi im lặng chờ đợi chữ “nhưng”, tức là điều kiện. Khi nào tôi sẽ được cấp thị thực ? Vị đại tá tránh đưa ra bất kỳ cam kết nào :

– Anh sẽ có thể rời đi rất sớm. Chúng tôi hy vọng rằng khi ở Pháp, anh sẽ làm hết sức mình để giúp chúng tôi trình bày chính sách nhân văn của chính phủ Việt Nam, một xã hội mới được xây dựng trên nguyên tắc xã hội chủ nghĩa. Anh

có mối quan hệ ở các nước phương Tây, anh là người phản đối chế độ cũ, chúng tôi có thể tin anh, anh có thể trình bày về cuộc cách mạng đang diễn ra ở đất nước chúng ta...

Tôi đã bị choáng váng. Vậy, người ta có thể giam giữ ai đó trong hai mươi tám tháng mà không cần lý do, rồi sau đó không ngần ngại yêu cầu người đó ra nước ngoài để tuyên truyền cho chế độ mới ?

Đại tá sẽ hài lòng. Tôi tự hứa với lòng mình sẽ trình bày cuộc cách mạng Việt Nam đúng như thực trạng của nó. Không cần phải phát minh ra bất cứ thứ gì.

Bởi vì, nếu tôi bị giam giữ mà không có lý do, tôi được thả ra, được phép chính thức rời khỏi đất nước, đó là một phép

màu đối với tôi. Hàng trăm ngàn người vô tội vẫn đang bị giam giữ, hàng trăm ngàn người khác đã phải liều mạng chạy trốn khỏi một đất nước mà họ không còn thờ được nữa.

– Nếu ở bên ngoài, ở nước ngoài, tôi bắt đầu một phong trào chống lại các anh thì sao?

Đại tá Từ Tuấn mỉm cười hiền hậu :

– Người nói trước sẽ không làm. Người nói: “Nếu tôi phản bội anh thì sao ?” thì không phản bội.

Tôi nói :

– Tôi không có nghĩa vụ gì với đảng cộng sản,

– Nhưng bạn có lý trí, bạn biết rằng đảng biết cách tự vệ, phải không ? (Rồi, rõ

ràng là đang chuyển chủ đề:) Bạn sống ở đây với cha và chị gái, nếu tôi hiểu đúng không ?

Tôi cũng hiểu ý của Đại tá Từ Tuấn có nghĩa cha và chị gái tôi sẽ không bao giờ được phép rời khỏi đất nước. Và họ sẽ đóng vai trò là con tin. Điều mà Đại tá Từ Tuấn và những người của ông không biết là, giống như những tù nhân đã ký vào “Cáo trạng”, cha và chị gái tôi đã cho phép tôi nói tự do khi tôi có thể, và rằng họ đã hy sinh sự tự do của mình trước. Tôi chỉ hy vọng rằng vụ bê bối do vụ bắt giữ họ gây ra sẽ bảo vệ họ. Tên chị tôi là Đoàn Thị Hữu, tên cha tôi là Đoàn Minh Chân.

Để tránh khiến viên đại tá nghi ngờ, tôi nói tiếp :

– Tôi chán chính trị rồi, tôi chỉ muốn quay về với con cái và sống một cuộc sống bình thường thôi. Tôi đã học được bài học này trong tù: những người quá háo hức hợp tác với chế độ sẽ trở thành đối tượng bị nghi ngờ trong mắt các cán bộ cộng sản. Họ cảnh giác với những sự cải đạo đột ngột. Không phải vô cớ, họ nghĩ rằng “kẻ đã phản bội thì sẽ phản bội”.

Tôi diễn cùng một cảnh với những người tôi gặp. Từ khi tôi ra khỏi tù, rất nhiều người quen biết tôi đã đến thăm tôi. Có người giục tôi “làm gì đó đi”: “Toại ơi, đất nước đang chết dần chết mòn dưới chế độ mới, dân chúng đang chết đói, ai cũng chán ngán...” Tôi hèn nhát trả lời: “Không, hãy để tôi yên.” Tôi đã ở tù hai mươi tám tháng, thế là đủ với tôi rồi, tôi sẽ rời đi đồng bằng, về phía

Vĩnh Long, để canh tác ruộng lúa và câu cá ở rạch. Chính trị đã kết thúc... »

Những ai biết tôi trước đây, vào thời hoàng kim của Hội Sinh viên, không hiểu và nói rằng Toại đã hoàn toàn xẹp lép, hết thời. Tôi dành thời gian tán tỉnh các cô gái và bơi lội, đưa ra những bình luận vô nghĩa xung quanh mình. Tôi đóng vai trò một cách có phương pháp như một người được hưởng đặc quyền của chế độ mới, đã chứng kiến mọi thứ, đặc biệt là chính trị. Không có gì an tâm hơn cho đảng. Nếu tôi trở thành một nhà hoạt động, tôi sẽ lo lắng cho những người đang tìm cách đảm bảo vị trí trong tương lai.

Tháng 12 năm 1977, tháng 1, tháng 2 năm 1978... Visa của tôi bị chậm trễ.

Tôi đã yêu cầu được gặp ông Dương Văn Đây, đại biểu quận 1 Sài Gòn. Dương Văn Đây, người mà tôi đã giúp giải thoát khỏi nhà tù Thiệu tám năm trước. Văn phòng lớn của anh ấy nằm trong một tòa nhà sang trọng gần Khách sạn Intercontinental cũ. Đồ nội thất thời Louis XVI chắc hẳn từng thuộc về một nhà thực dân Pháp giàu có... Những điều kỳ lạ trong lịch sử.

Cô thư ký đáng yêu. Cà phê. Đây xuất hiện, mảnh dẻ, bận rộn, lo lắng.

– Toại ! Điều gì đưa bạn đến đây ?

Với Đây, tôi vào vai một tù nhân chán nản, không còn muốn dính líu đến bất cứ điều gì nữa và muốn anh ấy giúp đẩy nhanh quá trình cấp thị thực.

– Tôi có thể cố gắng giúp bạn, nhưng không dễ như vậy...

Tôi muốn nói rằng, dù nghèo, tôi vẫn có thể “cảm ơn” ai đó đã giúp tôi một việc...

Vài ngày sau, Dương Văn Đây, đại biểu quận 1 Sài Gòn, cựu lãnh đạo Đoàn Thanh niên Hồ Chí Minh, đến nhà tôi gặp và tình cờ nói rằng vụ việc của tôi có thể giải quyết bằng 60 lượng vàng. Vào thời điểm đó, một lượng vàng có giá trị bằng 2.000 đồng, và ông Đây, một trong những người được trả lương cao nhất trong chế độ mới, kiếm được 120 đồng một tháng.

Tôi không ngại nhắc đến Dương Văn Đây ở đây, người được chế độ mới ưu ái, đã không ngần ngại moi tiền một cách trơ tráo từ những người mà ông nợ ơn trả tự do trong thời Thiệu. Điều này cho thấy mức độ chính trực của anh ta khi giao tiếp với người lạ. Và điều này kh-

iến người ta phải suy ngẫm về tình trạng tham nhũng tràn lan, tôi nói là tràn lan, đã khiến nhiều người phải rời khỏi Việt Nam với cái giá rất đắt, theo đúng nghĩa đen của từ này, trong nhiều năm. Không có một người Việt lưu vong nào chưa từng phải hối lộ một khoản tiền lớn, bằng vàng hoặc đô la, cho một thành viên của chính phủ mới.

Sáu mươi lượng vàng... Không cách nào tôi có thể tìm thấy chúng trong gia đình tôi. Vấn đề cũng không phải là vay mượn từ những người đang cẩn thận giữ gìn tài sản cuối cùng của mình để một ngày nào đó thoát khỏi thiên đường xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tôi không thể nói làm sao tôi cuối cùng cũng kiếm được 30 lượng. Tôi định đi tìm Dương Văn Đây :

– Tôi không thể làm gì hơn được nữa. Tôi sẽ gửi cho anh những thứ tương đương khi tôi ở Pháp...

Đây khó chịu :

– Như vậy vẫn chưa đủ. Tôi không biết anh có đủ tiền. Tôi phải trả tiền cho rất nhiều người để “bảo đảm” được thị thực cho bạn...

Tôi phải tìm thêm 30 lượng vàng nữa. Những người đã giúp tôi lúc đó đang bí mật chuẩn bị giải phóng Việt Nam, và nhiều người trong số họ hiện đang sống trong bụi rậm, vũ khí trong tay. Người ta sẽ sớm nói đến chúng thôi. Họ đại diện cho một lực lượng được thúc đẩy bởi sự vỡ mộng to lớn của người dân Việt Nam.

Sau bao nhiêu năm đấu tranh, bao nhiêu máu, bao nhiêu hy sinh để giải

phóng mình khỏi ách thống trị của nước ngoài, người Việt Nam thấy mình đang trở thành nô lệ chưa từng có. Không có gạo, không có tự do, không có hy vọng.

Ngày “giải phóng” 30 tháng 4 năm 1975 đối với toàn thể nhân dân Việt Nam là một ngày ngu ngốc.

Từ chiếc máy bay đưa tôi đi lưu vong vào ngày 11 tháng 5 năm 1978, tôi đã dõi theo, với trái tim nặng trĩu, những con phố của thành phố Hồ Chí Minh biến mất, những cánh đồng lúa phản chiếu mờ dần, bờ biển lùi xa. Đất nước tôi trở thành một nhà tù khổng lồ.

Chúng ta sẽ phải tự giải thoát mình một lần nữa.

CÁO TRẠNG CỦA TÙ NHÂN YÊU NƯỚC VIỆT NAM

Chúng tôi,

– Công nhân, nông dân và giai cấp vô sản,

– Các nhà hoạt động tôn giáo, nghệ sĩ, nhà văn và trí thức yêu nước hiện đang bị giam giữ tại nhiều nhà tù ở Việt Nam, trước tiên chúng tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc nhất tới:

– Tất cả các phong trào tiến bộ trên toàn thế giới,

– Tất cả các phong trào đấu tranh của công nhân và trí thức,

– Và gửi đến tất cả mọi người trong mười năm qua đã ủng hộ các phong trào đấu tranh cho sự tôn trọng nhân quyền tại Việt Nam, dân chủ và tự do cho những người Việt Nam bị áp bức và bóc lột.

Bây giờ, nhân danh đức tin của chúng ta vào một mục đích chính đáng, chúng tôi muốn cảnh báo các bạn, những người bạn yêu công lý và tự do, cũng như dư luận quốc tế, về thực tế của một chính sách nhà tù chưa từng được áp dụng trong lịch sử nhân loại và mức độ tàn ác của nó không thể đo lường được; sự tàn ác có chủ đích đối với tù nhân trong tất cả các nhà tù ở Việt Nam.

Thật vậy, ngoài 400.000 binh lính, sĩ quan và công chức của chế độ cũ đang

mòn mỏi sống trong các trại tập trung, chính quyền cộng sản hiện nay đã giam giữ gần 400.000 người thuộc các thành phần khác: công nhân, nông dân, người lao động, trí thức yêu nước, những người có quá khứ không liên quan gì đến chế độ bù nhìn trước đây ở Sài Gòn, và ngược lại, họ đã đạt được một số tiếng tăm trong dân chúng vì sự chính trực và cuộc đấu tranh vì hòa bình trong quá khứ của họ.

Trên thực tế, lo sợ trước sự phản đối rộng rãi từ mọi tầng lớp xã hội, Cơ quan An ninh của chế độ hiện tại đã giam giữ bừa bãi người già, phụ nữ và người khuyết tật. Họ thậm chí còn bắt giữ cả người điên, trẻ em và thậm chí cả trẻ sơ sinh mà không chút do dự ! Trong số hàng ngàn trường hợp, chúng ta có thể kể đến vụ bắt giữ :

– của nhà báo Đoàn Kế Tường, vợ anh và đứa con mới hai tuần tuổi;

– Nhà báo Đặng Giao, Tổng thư ký báo Sống, vợ và đứa con mới bảy ngày tuổi;

– Ông Phan Võ Kỳ, tám mươi hai tuổi, Tổng thư ký Hội đồng Tôn giáo cấp cao Việt Nam;

– của Hòa thượng Quảng Độ, Tổng Thư ký Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất, chùa Ấn Quang;

– của Cha Nguyễn Văn Bộ, giám đốc giáo phận Fatima tại Sài Gòn, v.v.

Mặt khác, mặc dù chế độ cũ để lại số lượng nhà tù ấn tượng, vốn đã từng bị dư luận quốc tế lên án gay gắt, nhưng chính quyền cộng sản không còn tìm được chỗ để giam giữ nhiều tù nhân nữa. Ngoài

việc đẩy nhanh tiến độ xây dựng các nhà tù mới, cảnh sát mật còn phải vội vã chuyển đổi trường học, khách sạn, tòa nhà và thậm chí cả làng trẻ mồ côi thành nhà tù. Đây là trường hợp của khách sạn Đại Nam, tòa nhà Đại Lợi (ngay trung tâm Sài Gòn) và làng trẻ mồ côi Long Thành.

Chế độ nhà tù của chế độ cũ (đối tượng bị lên án mạnh mẽ và phản đối dữ dội từ dư luận quốc tế) đã được thay thế bằng một chế độ khác được hình thành và lên kế hoạch tinh vi hơn về sự tàn ác và hung bạo. Mọi sự liên lạc giữa tù nhân và gia đình đều bị nghiêm cấm, ngay cả qua thư. Vì vậy, gia đình của tù nhân, không biết về số phận của họ, phải chịu đựng nỗi đau khổ không thể chịu đựng được, và trước những biện pháp phân biệt đối xử nhục nhã này, họ phải im lặng vì sợ

rằng tù nhân bị bắt làm con tin theo cách này có thể bị giết hại bất cứ lúc nào mà họ không hề hay biết.

Toàn bộ chính sách này, mặc dù có hiệu quả mạnh mẽ, đã tạo ra những thảm kịch chưa từng có: nhiều trẻ em mất cha vĩnh viễn và vô số phụ nữ Việt Nam bị tước quyền thừa kế sẽ không bao giờ gặp lại chồng mình nữa.

Về thực phẩm của tù nhân, về lý thuyết và theo các tiêu chí do chính phủ thiết lập và định nghĩa, mỗi tù nhân sẽ nhận được 9,2 đồng mỗi tháng (tức là 3,5 đô la Mỹ theo tỷ giá chính thức và 0,5 đô la Mỹ trên thị trường chợ đen). Trên thực tế, tình trạng tham nhũng của các quan chức và lạm phát khiến tù nhân chỉ nhận được tối đa 70% khẩu phần theo kế hoạch.

Điều đáng nhấn mạnh là điều kiện giam giữ hoàn toàn không thể tưởng tượng được. Chỉ riêng tại nhà tù Chí Hòa, nhà tù chính thức của Sài Gòn, đã có gần 8.000 người bị giam giữ dưới chế độ cũ, và sự việc này đã bị lên án nghiêm trọng. Ngày nay, nhà tù này đang quá tải với gần 40.000 người. Các tù nhân thường chết vì đói, thiếu không khí, bị tra tấn hoặc tự tử. Trong số những ca tử vong này có:

– Linh mục Hoàng Quỳnh, tám mươi tuổi, Chủ tịch Hội đồng Tôn giáo cấp cao Việt Nam;

Hiện nay, chúng ta không biết số phận của Linh mục Trần Hữu Thanh, Chủ tịch Phong trào Phòng chống Tham nhũng dưới thời Thiệu, Thượng tọa Thông Bửu, đại diện chính thức của chùa Ấn Quang và huyện Gia Định, luật sư Trần Danh

San, Chủ tịch Phong trào đấu tranh cho nhân quyền Việt Nam, họa sĩ truyện tranh hài hước Nguyễn Hải Chí, biệt danh là Chóe. Tất cả đều bị bệnh nặng và không có thuốc men. Chưa kể đến 20% trong số họ đã chết trong các trại cải tạo. Có hai loại nhà tù ở Việt Nam : nhà tù chính thức và trại tập trung. Họ bị lạc trong rừng, tù nhân bị kết án tù chung thân lao động cưỡng bức, họ không bao giờ được xét xử và không có luật sư nào có thể bào chữa cho họ.

Các tù nhân đã và đang đấu tranh chống lại chế độ vô nhân đạo này. Hàng ngàn người đã hy sinh, như nhà tư bản Đỗ Đức Vượng, luật sư Lưu Đình Việp, chức sắc Cao Đài Trần Quang Vinh... Hành động anh hùng của họ không được thế giới biết đến, vì Việt Nam bị bao quanh bởi bức màn sắt. Không có nhà báo nào

được phép vào, và người dân bị cấm nói chuyện với người nước ngoài, ngay cả người Liên Xô hay Hungary... Ngoài ra, chế độ hiện tại đã rất khéo léo đưa ra các chương trình hấp dẫn và những lời hứa hẹn hoa mỹ để ru ngủ các quan chức và đánh lừa dư luận quốc tế với mục đích thiết lập một chế độ độc tài vô nhân đạo.

Trong nhà tù rộng lớn mà toàn bộ Việt Nam đã trở thành, và trong chính các nhà tù, toàn bộ chính sách đã được xây dựng và các biện pháp đã được thực hiện để đảm bảo rằng dư luận quốc tế vẫn trong tình trạng thiếu hiểu biết trong khi vẫn hài lòng với các biện pháp được đưa ra, và rằng mọi ý kiến của người dân, nếu mang tính xây dựng, ngay cả khi chỉ ở giai đoạn thiết kế, đều bị dập tắt.

Trong lịch sử nhân loại đương đại, sự tồn tại của một chế độ như vậy là một

tai họa cho nhân loại và là sự xấu hổ cho lương tâm con người. Đây cũng là một thách thức xúc phạm tới dư luận quốc tế, các lực lượng tiến bộ, các tổ chức quốc tế và tất cả những người có thiện chí. Tất cả ! Hãy quay về địa ngục Việt Nam !

Trong phút giây đau đớn cuối cùng này, chúng tôi, hàng trăm ngàn tù nhân Việt Nam, kêu gọi các vị. Hãy can thiệp bằng mọi cách vào Việt Nam để tình trạng này và sự tàn ác thời trung cổ của chính quyền Việt Nam hiện nay chấm dứt ngay lập tức.

Cuộc thảm sát người Do Thái tại lò thiêu năm 1945 là một vết thương lớn đối với nhân loại. Nhưng ở Việt Nam, hàng trăm ngàn người đang bị tra tấn, áp bức và sống trong đau khổ liên miên, kéo lê cuộc sống của họ trong đau khổ và điên loạn.

Nếu đúng là nhân loại ngày nay đang co rúm lại vì sợ hãi sự phát triển của chủ nghĩa cộng sản và đặc biệt là vì cái gọi là “bất khả chiến bại” của những người cộng sản Việt Nam đã “đánh bại chủ nghĩa đế quốc Mỹ toàn năng”, thì chúng ta,

Hỡi các tù nhân Việt Nam, chúng ta hãy yêu cầu Hội Chữ thập đỏ quốc tế, các tổ chức nhân đạo trên thế giới và những người có thiện chí khẩn trương gửi cho mỗi người chúng ta một viên thuốc độc xyanua để chúng ta có thể chấm dứt đau khổ và sự sỉ nhục. Chúng tôi muốn chết ngay bây giờ ! Hãy giúp chúng tôi thực hiện hành động này : Giúp chúng tôi chết ngay bây giờ. Chúng tôi sẽ luôn biết ơn các bạn.

Thực hiện tại Việt Nam, từ tháng 8 năm 1975 đến tháng 10 năm 1977.

Cáo trạng này được viết bởi ông Đinh Huy Bin, người bị giam cầm dưới chế độ Nguyễn Văn Thiệu và chế độ cộng sản hiện nay.

Văn bản của ông đã được xem xét, chỉnh sửa và chấp nhận bởi:

1. Ông Tạ Nguyên Minh, tám mươi tuổi, đã bị giam cầm mười sáu lần dưới thời Pháp, các chế độ khác nhau từ Diệm đến Thiệu, và chế độ cộng sản hiện nay. Là bạn đồng hành của Hồ Chí Minh trong suốt mười bốn năm. Ký bản cáo trạng này tại trại giam Lê Văn Duyệt, phòng 9, khu C.

2. Ông Nguyễn Văn Thắng, tám mươi tuổi, bị giam cầm bốn lần dưới thời Pháp, thời Diệm và thời cộng sản.

Một cựu chiến binh cách mạng, bạn của chủ tịch nước Tôn Đức Thắng hiện nay, bị bắt ở Rạch Giá. Ký tại Trại giam Trần Hưng Đạo, Phòng giam B.

3. Cha Trần Hữu Thanh, Chủ tịch Ban phòng chống tham nhũng dưới thời Thiệu. Ký tại trại giam Chí Hòa khi chuyển về trại giam Trần Hưng Đạo.

4. Luật sư Trần Văn Tuyên ký tại trại giam Long Thành. Sau đó bị chuyển đến nhà tù Chí Hòa, rồi bị trục xuất ra miền Bắc năm 1976 và chết tại đó.

5. Ông Thanh Thượng Hoàng, Chủ tịch Hội Nhà báo Việt Nam, ký tại Trại giam Lê Văn Duyệt, Phòng 7, Phường C1.

6. Ông Hồ Hữu Tường bị Diệm tuyên án tử hình, ký tại nhà tù Võ Tánh.

7. Nhà văn Nhã Ca, ký tên trong nhà tù Trần Hưng Đạo.

8. Ông Nguyễn Hùng Trương, Giám đốc nhà sách Khai Trí, ký tại trại giam Lê Văn Duyệt, phòng 3, phường C2.

9. Ông Nguyễn Kiên Giang, Tổng biên tập báo Quotidien, Chủ tịch Hội Nhà báo Việt Nam Cộng hòa, ký tại trại giam Long Thành.

10. Hòa thượng Thiện Huệ, chùa Đại Giác, ký tại Trại giam Lê Văn Duyệt, Phòng 2, Khu A.

11. Ông Nguyễn Văn Hiếu, biệt danh Mười Hương, cán bộ cộng sản cao cấp, ba mươi năm là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (ĐCSVN), giám đốc nhà máy Trần Hưng Đạo (miền Bắc Việt Nam). Chỉ huy cuộc Tổng tiến công và

nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 ở Sài Gòn. Ký tại Trại giam Trần Hưng Đạo, Phòng giam B.

12. Ông Nguyễn Văn Tăng, tức Hải Tăng, 30 năm là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, nông dân, phó chủ tịch huyện Bình Chánh. Ký tại Trại giam Lê Văn Duyệt, Phòng 5, Khu A.

13. Ông Nguyễn Hoàn, họa sĩ của Nhóm Nghệ thuật Giải phóng (MTGP). Ký tại Trại giam Lê Văn Duyệt, Phòng 5, Khu A.

14. Luật sư Vũ Đăng Dũng, Chủ tịch Hội Luật gia Trung ương Việt Nam, Chủ tịch Phong trào thực hiện Thỏa thuận Paris. Ký tại trại giam Lê Văn Duyệt, phòng giam số 25.

15. Đoàn Văn Toại, phó chủ tịch

Tổng hội Sinh viên Sài Gòn (chủ tịch Huỳnh Tấn Mẫm), tổng biên tập tạp chí Tư Quyết, hai lần bị tù dưới thời Nguyễn Văn Thiệu. Ký tại Trại giam Trần Hưng Đạo, Trại B.

16. Luật sư Trần Danh San, chủ tịch Phong trào Nhân quyền, bị giam cầm dưới thời Ngô Đình Diệm. Ký trong tình trạng kiệt sức vì tra tấn, tại Trại giam Lê Văn Duyệt, Phòng 8, Khu C2.

17. Luật sư Nguyễn Hữu Giao, Chủ tịch Hội Sinh viên Huế năm 1964. Ông chỉ huy chiến dịch đốt trung tâm thông tin của Mỹ tại Huế. Bị giam giữ dưới thời Diệm. Ký tên vào phòng giam số 4, khu C1, trại giam Lê Văn Duyệt.

18. Luật sư Hồ Công Lộ, Chủ tịch Phong trào Thanh niên miền Trung thực hiện Hiệp định Paris. Ký tại Trại giam Lê

Văn Duyệt, Phòng 3, Khu C2.

19. Nhà xuất bản Phạm Quang Khải ký tại Trại giam Lê Văn Duyệt, Phòng 7, Khu C1.

20. Luật sư Nguyễn Thị Nga, Tổng thư ký Hội Thanh niên kháng chiến mới. Ký tại trại giam Lê Văn Duyệt, phòng giam số 3, khu C1.

21. Luật sư Nguyễn Hữu Đoàn, chủ tịch Tổng hội Sinh viên Sài Gòn năm 1963, bị giam cầm dưới thời Diệm. Ký tại trại tạm giam Lê Văn Duyệt.

22. Ông Huỳnh Thanh Vĩ, Chủ tịch Hội Giám đốc Xuất bản. Ký tại Trại giam Lê Văn Duyệt, Phòng 3, Khu A.

23. Ông Sơn Điền Nguyễn Việt Khánh, bút danh Việt Lăng Quân, ký kết tại Trại cải tạo Gia Rai.

24. Ông Nguyễn Hải Chí, còn gọi là Choé, là họa sĩ truyện tranh nổi tiếng. ký tên trong tình trạng tê liệt hoàn toàn do bị giam giữ bất động tại trại giam Lê Văn Duyệt, phòng 1, khu A.

25. Ông Hải Chiến Thắng, nguyên Tư lệnh Quân đội Nhân dân Việt Nam; Tổng tư lệnh vùng Sài Gòn-Gia Định (hiện là Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam) của Sài Gòn, ông Võ Văn Kiệt là cán bộ chính trị cùng với ông Thắng). Ký tại Trại giam Lê Văn Duyệt, Phòng 9, Khu C1.

26. Nhà văn Nguyễn Hữu Hiếu ký tại trại giam Lê Văn Duyệt, phòng 4, khu C1.

27. Giám đốc Hoàng Vĩnh Lộc, ký tên tại trại giam Lê Văn Duyệt, phòng 4, khu C1 (mất ngay sau khi ra tù vào

khoảng tháng 10 năm 1977).

28. Cô Nguyễn Thị Tuyết, thợ may, bị giam ở vùng giải phóng của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam và sau đó bị chuyển về trại giam Chí Hòa, nơi cô đã ký.

29. Ông Đinh Văn Cầu, Chủ tịch Hội Người tị nạn. Ký tại trại giam Lê Văn Duyệt, phòng giam số 21.

30. Ông Như Phong, nhà văn. Ký tại phòng giam, khu A, trại giam Lê Văn Duyệt. Đã tuyệt thực 100 ngày để phản đối chế độ nhà tù cộng sản.

31. Ông Phan Võ Kỳ, tám mươi hai tuổi, đã bị giam cầm mười một lần dưới thời Pháp, Diệm và Thiệu, Tổng thư ký Hội đồng Tôn giáo Tối cao. Ký tại Trại giam Lê Văn Duyệt, Phòng 7, Khu C1.

32. Cha Huyền Linh của Giáo xứ Fatima đã ký tên khi bị liệt nặng tại Nhà tù Lê Văn Duyệt, Phòng B, Phòng 3.

33. Giáo sư Mai Văn Lê, Trưởng khoa Luật tại Huế. Ký tại trại giam Lê Văn Duyệt, phòng C1, phòng 13.

34. Ông Hồ Văn Đồng, Giám đốc nhật báo Quyết Tiến. Ký tại trại giam Lê Văn Duyệt, phòng giam số 9, khu C1.

35. Giáo sư Vũ Quốc Thông, Trưởng khoa Luật Sài Gòn. Ký tại Trại giam Trần Hưng Đạo, Phòng giam số 5.

36. Nhà văn Đoàn Quốc Sỹ, ký tại trại giam Lê Văn Duyệt, phòng giam 24, khu C1.

37. Ông Đoàn Kế Tường, nhà báo, ký tại Trại giam Lê Văn Duyệt, Phòng 2, Khu A.

38. Bà Đoàn Kế Tường, còn gọi là Triệu Giang, ký tên tại Nhà tù nữ Trần Hưng Đạo.

39. Ông Đặng Gia, Tổng biên tập báo Sóng, ký tại Trại giam Lê Văn Duyệt, Phòng 1, Khu C2.

40. Nhà văn Chu Vy Thủy, ký tên tại nhà tù nữ Trần Hưng Đạo.

41. Ông Võ Long Triều, giám đốc xuất bản tạp chí Đại Dân Tộc (chống Thiệu) ký tại trại giam Lê Văn Duyệt, phòng 9, khu C2.

42. Giáo sư Nguyễn Văn Thắng, Tổng thư ký Tổng hội Sinh viên Sài Gòn, Chủ tịch Phong trào Sinh viên đòi Quyền Sống năm 1970. Ký tại Trại giam Lê Văn Duyệt, Phòng 2, Khu B.

43. Ông Nguyễn Thanh Hải, Trung

ủy FNL, cán bộ chính trị, bị cộng sản bắt năm 1974. Ký tại nhà tù Lê Văn Duyệt.

44. Ông Trần Đoàn, Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam, Cục trưởng Cục Hóa chất, Bộ Kinh tế. Ký tại phòng 4, khu C1, trại giam Lê Văn Duyệt.

45. Ông Hồ Kỳ Đức, kỹ sư du học tại Đông Đức, giám đốc Sở Nguyên vật liệu Đà Nẵng. Ký tại Trại giam Lê Văn Duyệt, Phòng 3, Khu C1.

46. Ông Mai Văn Sở, anh trai của cựu đại sứ Bắc Việt tại Paris, Mai Văn Bô, tham mưu trưởng Khu 2 của Mặt trận Giải phóng miền Nam Việt Nam, người đã gia nhập chế độ Thiệu sau năm 1968. Ký tại nhà tù Lê Văn Duyệt, phòng 3, Khu C1.

47. Đại đức Thích Quảng Độ, Tổng

thư ký Viện Hoa Đạo thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất (Chùa Ấn Quang), ký tại Trại giam Lê Văn Duyệt, Phòng 21, Khu C2.

48. Linh mục Phạm Hữu Nam, ký tại Trại giam Lê Văn Duyệt, Phòng 3, Khu C2.

TUYÊN BỐ CỦA NGƯỜI VIỆT NAM BỊ TƯỚC BỎ QUYỀN VỀ NHÂN QUYỀN

(Bài phát biểu trước Nhà thờ Chánh
tòa Sài Gòn ngày 18 tháng 4 năm 1977)

Chúng tôi, với chút sức lực còn lại, với chút tinh thần tàn tật còn lại, quyết định đấu tranh thông qua các hành động bất bạo động, để đòi hỏi tôn trọng nhân quyền tại Việt Nam. Sức mạnh của chúng ta bị suy yếu vì sự thiếu thốn và đói khát. Tâm trí chúng ta bị tàn tật, vì chúng ta phải cúi đầu, khom lưng, mù quáng, không thể thay đổi và chắc chắn tuân theo lệnh của một đảng phái và

chính phủ độc tài.

Chúng tôi đã chọn con đường bất bạo động, vì đó là con đường duy nhất có thể tránh được đổ máu và hy sinh cho một dân tộc đã phải chịu tử đạo không ngừng trong nhiều thập kỷ.

Nông dân trên thế giới !

Hãy nhìn vào những cựu chiến binh Việt Nam đồng hương của bạn. Người nông dân Việt Nam làm việc trong cái nóng khắc nghiệt của vùng nhiệt đới, chịu đựng thiên tai, chỉ để rồi bị tịch thu mùa màng dưới danh nghĩa đạt được cái gọi là “chủ nghĩa xã hội”. Con trâu, sau khi kéo cày, có quyền được nghỉ ngơi vài phút. Người nông dân Việt Nam, sau khi làm việc quần quật cả ngày trên đồng ruộng, trong những khoảnh khắc nghỉ ngơi hiếm hoi, vẫn phải trải qua những

bài học nhồi sọ và lý luận vô nghĩa.

Người lao động trên thế giới !

Hãy tưởng tượng đến điều kiện làm việc của người lao động Việt Nam. Bị buộc phải làm việc quần quật cả tháng mà không hy vọng có một tuần khác, cả tuần mà không hy vọng có một ngày khác và cả ngày mà không hy vọng có một giờ khác, để cuối cùng nhận được một đồng lương ít ỏi và buộc phải tuyên bố rằng mình làm việc theo ý muốn tự do của mình. Do đó, ông ta phải đổ mồ hôi, nước mắt, máu của mình cho các cán bộ lãnh đạo của đảng và tuyên bố rằng ông ta đang hành động theo cách này, tuyên truyền buộc phải, nhờ vào chính phủ của họ, với sự sáng suốt của đảng. Quyền thiêng liêng nhất của người lao động là quyền đình công, nhưng ở Việt Nam, quyền này đã bị tước bỏ.

Tuyên bố của người VN bị tước bỏ quyền về nhân quyền

Các tín đồ, nhà khoa học, nghệ sĩ và trí thức tiến bộ trên thế giới !

Hãy để những người đang cầu nguyện trong nhà thờ ngừng cầu nguyện ! Hãy để những người đam mê nghiên cứu rời khỏi phòng thí nghiệm của họ !

Hãy để những người sáng tạo bẻ gãy ngòi bút và cọ vẽ của họ !

Tất cả ! Tất cả ! Quay lại với thảm kịch Việt Nam. Nơi nhà thờ và chùa chiền trở thành lớp học nhồi sọ ý tưởng. Nơi mà mọi nguyên tắc, kể cả nguyên tắc khoa học, đều bị bóp méo để phục vụ cho mục đích tuyên truyền của chế độ. Nơi các nghệ sĩ và nhà báo buộc phải dùng ngòi bút để che giấu những sai lầm tàn khốc của đảng và chính quyền.

Mọi người lao động Việt Nam, dù là

nông dân, công nhân hay trí thức, đều phải lựa chọn :

– hoặc là cúi đầu và tuân theo một cách mù quáng mệnh lệnh của giống loài đầu cơ mới - những cán bộ cộng sản nhận được một khoản tiền ít ỏi, phần còn lại của một bữa ăn và từ từ chết trong tuyệt vọng;

– hoặc để lại hài cốt của mình trên hàng rào thép gai của một trong nhiều trại tập trung trên khắp đất nước.

Toàn bộ vụ thu hoạch của nông dân, tất cả các sản phẩm do người lao động làm ra đều nằm trong tay Nhà nước, nơi phân phối lại chúng theo tiêu chuẩn riêng của mình.

Chúng tôi đã thấy :

– công nhân, nông dân buộc phải

đồng ý làm việc không lương trong giờ nghỉ vì sợ nhìn thấy gia đình mình bị tước khẩu phần gạo và chết đói;

– người già và phụ nữ buộc phải giả vờ vui vẻ và nhiệt tình trong các cuộc họp và lễ hội, vì nếu không có sự giả vờ này, gia đình họ sẽ không được cung cấp khẩu phần gạo và các nhu yếu phẩm cơ bản;

– Ngay cả người tù, sau khi được thả ra, cũng phải im lặng và không dám nói về những hành động tàn bạo diễn ra trong tù, vì họ sợ vợ con mình sẽ bị cắt khẩu phần gạo và phải chịu đói.

Người ta có thể có can đảm hy sinh mạng sống của mình, nhưng không ai có can đảm nhìn người thân yêu của mình phải hy sinh vì mình. Điều này giải thích những trường hợp cảm động không thể

tưởng tượng được, như một người cha, để cứu con trai mình, thúc đẩy con mình tố cáo mình để có được khẩu phần gạo. Nếu không thì cả hai đều phải hy sinh. Những trường hợp tương tự đã xảy ra và không ai có thể hiểu được trừ khi họ đã sống ở Việt Nam (trừ khi họ đã thấy một người phụ nữ tố cáo chồng mình, một người đàn ông tố cáo anh trai mình).

Chế độ hiện tại sử dụng thực phẩm để cai trị người dân, buộc họ phải tuân theo ý muốn của mình, phá vỡ mọi sự kháng cự. Bất kỳ suy nghĩ nào, dù mang tính xây dựng đến đâu, ngay từ giai đoạn hình thành, chưa phải giai đoạn hành động, đều bị cáo buộc là phản động và người bày tỏ suy nghĩ đó có nguy cơ bị bỏ tù mà không cần xét xử. Tòa án, cảnh sát, trung tâm thẩm vấn, đại biểu Quốc hội, tất cả đều là cán bộ chính trị, tất cả đều

hành động theo chỉ đạo của độc đảng.

Trong khi bộ máy tuyên truyền nói về lòng khoan hồng, nhân đạo, tự do, dân chủ thì thực tế lại hoàn toàn khác. Hơn 20% số công chức của chế độ cũ bị giam giữ trong các trại tập trung đã bị giết hại và tra tấn đến chết. Chính quyền hiện tại cũng đã tịch thu tài sản, bao gồm cả tài sản của những người vô sản, những người đã bị đuổi khỏi thành phố và bị bỏ lại làm việc quần quật trên các công trường xây dựng và đồng ruộng.

Các nhà trí thức trên thế giới ! Thức dậy !

Những người vô sản, những người lao động trên thế giới, hãy đứng lên !

Tất cả mọi người, để cứu nhân loại, vì lương tâm vẫn còn trong nhân loại,

phải hành động để chấm dứt sự tàn ác vô nhân đạo này, sự vi phạm nhân quyền và quyền công dân do chính quyền Việt Nam hiện tại gây ra.

Không để mất một phút nào nữa, và trên cơ sở Điều 13 và Điều 63 của Hiến chương Liên hợp quốc, các bạn, những người tiến bộ, các chính phủ, các tổ chức quốc tế và đặc biệt là Liên hợp quốc, bằng mọi cách, hãy can thiệp để chấm dứt hành vi vi phạm nhân quyền tàn bạo này, hành vi cướp đoạt quyền tự do có chủ đích này, chính sách biến con người thành động vật và buộc họ phải cúi đầu và tuân theo mệnh lệnh một cách mù quáng.

Mỗi giờ trôi qua là hàng ngàn cái chết trong các trại tập trung và nhà tù. Mỗi ngày trôi qua là một ngày đau khổ của hàng triệu người dân Việt Nam. Họ

đang chờ đợi tiếng nói và hành động của những người theo chủ nghĩa nhân văn trên toàn thế giới.

Sài Gòn, ngày 18 tháng 4 năm 1977

Những người ký Tuyên bố này:

1. Luật sư Trần Danh San, Chủ tịch Lực lượng Thanh niên Tiến bộ phản quân phiệt năm 1965;

2. Giáo sư Phạm Biểu Tâm, Phó Chủ tịch Hội Trí thức yêu nước;

3. GS Tôn Thất Dương Kỳ, Phó Chủ tịch Mặt trận Giải phóng miền Nam Việt Nam, Chủ tịch Thanh niên Tiến bộ phản quân phiệt năm 1965, bị chính quyền Sài Gòn trục xuất ra Bắc Việt Nam ngày 19.3.65 vì những hoạt động hòa bình;

4. Ông Huỳnh Thanh Vĩ, Chủ tịch

Hội Báo chí Việt Nam, bị Thiệu bắt giam và được thả.

5. Luật sư Nguyễn Hữu Giao, Phó chủ tịch Hội Sinh viên Huế năm 1964 (ông là người chủ trì vụ đốt Trung tâm Thông tin Hoa Kỳ tại Huế);

6. Luật sư Triệu Bá Thiệp, Chủ tịch Ủy ban đấu tranh sinh viên chống chế độ độc tài Ngô Đình Diệm năm 1963;

8. Giáo sư Nguyễn Văn Thắng, Tổng thư ký Tổng hội Sinh viên Sài Gòn năm 1969, Chủ tịch Tổng hội Sinh viên, người đòi quyền sống cho người dân.

Tám người này sau khi soạn thảo và ký vào Bản Tuyên ngôn này vào ngày 18 tháng 4 năm 1977 đã công bố trước Nhà thờ Chánh tòa Sài Gòn. Hành động anh hùng này đã dẫn đến việc họ bị bắt. Sau

khi vào tù, họ đã thông báo nội dung cho ông Đoàn Văn Toại, người đã trở thành người phát ngôn của họ ở nước ngoài.

Được trích dẫn từ bản gốc tiếng Việt, với đầy đủ trách nhiệm và hiểu biết.

Từ khi đến Pháp, Đoàn Văn Toại đã thành lập Ủy ban Bảo vệ Tù nhân Chính trị tại Việt Nam, với mục đích tố cáo “tội ác hòa bình” của chế độ Hà Nội. Trong năm qua, ông đã theo đuổi một chiến dịch thông tin trên toàn thế giới, tổ chức nhiều hội nghị và cuộc tranh luận tại hơn hai mươi trường đại học, từ Geneva đến Harvard.

Là một nhà lãnh đạo sinh viên đối lập trong chiến tranh, Đoàn Văn Toại đã vận động cho hòa bình và hòa giải ở miền Nam Việt Nam. Ông tin rằng có thể xây dựng một miền Nam Việt Nam trung lập, không có bọn đầu cơ chiến tranh và sự kiểm soát của Mỹ, đồng thời độc lập với Hà Nội thông qua Mặt trận Giải phóng

Dân tộc. Dưới thời chính quyền Thiệu, ông đã bị bỏ tù hai lần.

Sau khi Sài Gòn sụp đổ vào tháng 4 năm 1975, giống như những người bạn cánh tả của mình, ông nhanh chóng nhận ra rằng mình đã bị lừa dối. Những người cộng sản miền Bắc đã nắm giữ mọi quyền kiểm soát và áp đặt các phương pháp của họ. Hàng trăm ngàn binh lính và công chức của chế độ cũ đã bị giam giữ trong các trại “cải tạo” và không bao giờ trở về. Toàn thể dân chúng phải chịu sự điều tra liên tục. Các nhà tù quá tải tù nhân chính trị. Một buổi tối tháng 6 năm 1975, đến lượt Đoàn Văn Toại. Ông không được thả ra cho đến tháng 11 năm 1977 vì vợ ông là người Pháp.

Đoàn Văn Toại đến Pháp vào tháng 5 năm 1978, mang theo «lời kêu gọi» tới dư luận thế giới, được bốn mươi chín

bạn tù của ông chấp thuận, bao gồm các cựu thành viên cấp cao của đảng cộng sản Việt Nam và các nhà lãnh đạo quân sự của Mặt trận Giải phóng miền Nam. Đoàn Văn Toại đã ghi chép lại từng lời kêu gọi này trong trí nhớ của mình, để bảo vệ nó khỏi mọi sự tìm kiếm. Ông kể lại điều này trong cuốn sách này, trong đó ông kể lại, qua cuộc đời mình, về những gì Việt Nam đã trở thành : “Một nhà tù khổng lồ trong đó có nhiều nhà tù khác.”

